

VIÊN GIÁC

BỘ MỚI
SỐ

40

THÁNG TÁM 1987

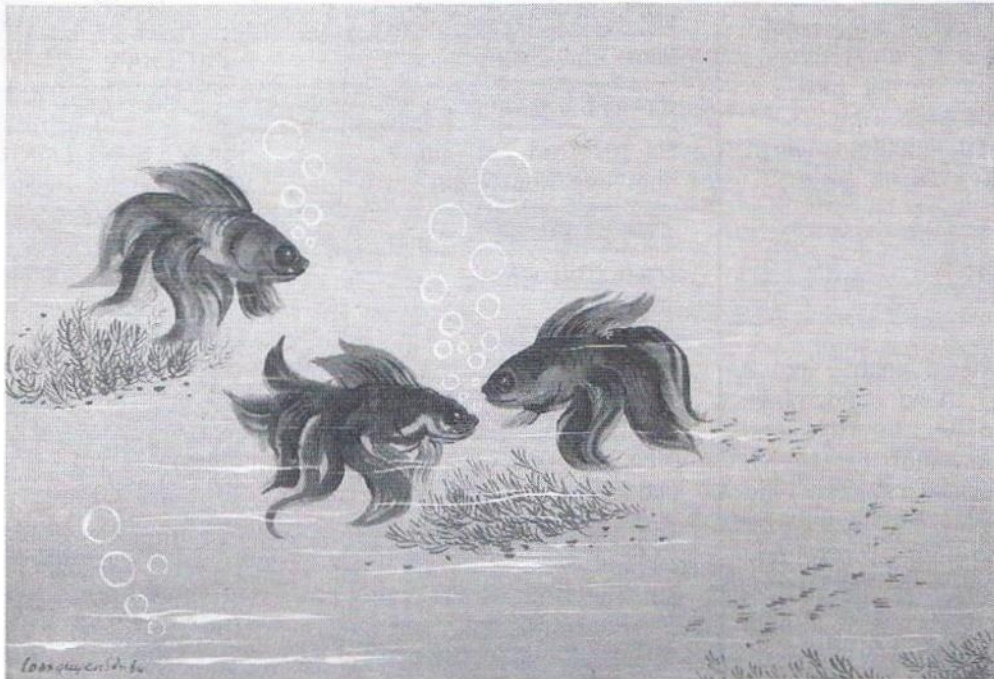
AUGUST 1987

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



VU
LAN

mùa Báo Hiếu



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA
LIÊN BANG ĐỨC * ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND BUDDH.
VIETNAM-FLÜCHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

VIÊN GIÁC

Tạp chí của Kiều bào và Phật tử Việt nam tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ-TRƯỞNG: Đ.Đ.THÍCH NHƯ-ĐIỀN
Herausgeber

CHỦ-BÚT và KỸ-THUẬT: THỊ CHƠN
Redakteur&Layout NGÔ NGỌC-DIỆP

CÙNG SỰ CỘNG-TÁC CỦA
Mitwirkung von
Hội PHẬT-TỬ VIỆT-NAM TỶ-NẠN
tại Cộng-Hòa Liên-Bang Đức
Vereinigung der Buddhistischen Vietnam Flüchtlinge i.d. BRD e.V.

TÒA-SOẠN và ẤN-QUẢN
Redaktion und Verlag
Trung-Tâm
VĂN-HÓA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM
Vietnamesisches Buddhistisches
Kulturzentrum in der BRD
c/o Pagode VIÊN-GIÁC
Eichelkampstr.35a, 3000Hannover81
☎ 0511 - 86 46 38

■ VIÊN GIÁC phát hành mỗi 2 tháng, vào những tháng chẵn, nhằm mục đích phục vụ lợi ích cho cộng đồng Người Việt tỵ nạn và Phật tử Việt nam tỵ nạn tại Tây Đức.

■ VIÊN GIÁC bảo tồn và phát huy truyền thống VĂN HÓA PHẬT GIÁO và DÂN TỘC VIỆT, cũng những sinh hoạt TÔN GIÁO, XÃ HỘI,

■ VIÊN GIÁC hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường, VIÊN GIÁC xin chân thành cảm tạ,

■ Ủng hộ VIÊN GIÁC, quý vị sẽ nhận được biên nhận để khai làm đơn xin quân-bình-thuế cuối năm.

TRONG SỐ NÀY

Thư Tòa Soạn

trang

TÔN GIÁO

Nguồn Thiên	THÍCH THANH TỬ	2
Tinh Độ Thập Nghi Luận	THÍCH THIỆN TÂM	5
Phật Giáo và Mác Xít	TRẦN QUANG THUẬN	8
Quán Âm Thị Kính	THIỆU CHUỖ	11
Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời	TÂM NHƯ	13
Cuộc Đời Của Người Tăng Sĩ	THÍCH NHƯ ĐIỀN	14
Thoát Vòng Tục Lụy	QUẢNG ĐỘ	17

ĐỨC NGŨ - INS DEUTSCH

Allgemeine Buddhalehre	THÍCH NHƯ ĐIỀN dịch	21
Die Lehre Buddhas	BUKKYO DENDO KYOKAI	23
Das Leben Eines Buddh. Mönches	THÍCH NHƯ ĐIỀN	26
Nachrichten	THỊ CHƠN	29

VĂN HOÀ - SÁNG TÁC

Đường Không Biên Giới	THÍCH NHƯ ĐIỀN	30
Tâm Viên Giác Tự	TRẦN PHONG LƯU	32
Tìm Về Sắc Không	TÙY ANH	34
Ăn Chay	LÊ THỊ BẠCH NGA	36
Khao Khát Tiên Thân	HOẢNG PHI dịch	39
Một Chuyến Đi	PHẠM HỒNG SÁU	40
Tôi Đi Học Tập Cải Tạo	TÍCH CỐC	43
Trận Chiến Quốc Cộng	VŨ NGỌC LONG	46
Vườn Thơ Viên Giác	NGƯỜI LÀM VƯỜN	49

VĂN NGHỆ - SÁNG TÁC

Nước Chảy Xuôi	LINH CHÂU	52
----------------	-----------	----

CHỦ ĐỀ

Em Tôi Khát Sữa Bú Tay	PHONG HƯNG Lưu Nhơn Nghĩa	54
Khoi Bếp Nhà Ngoại	NGÔ NGUYỄN DŨNG	59

GIÁO DỤC

Trang Thiếu Nhi	NGUYỄN TỬ VẤN	63
Bà Triệu	THIỆN HẠNH	64
Gia Chánh Chay	THIỆN HẠNH	66

...

CỘNG ĐỒNG

Diễn Đàn Độc Giả: Xuất cảnh...	LÊ CHÁNH TRÍ	68
Cuộc Mạn Đàm Với Gs N.N.Huy	VŨ NGỌC LONG	71

THỜI SỰ - TIN TỨC

Tin Thế Giới và Tin Vắn	VŨ NGỌC LONG	73
Tin Phật Giáo và Cộng Đồng	THỊ CHƠN	84

THƠ

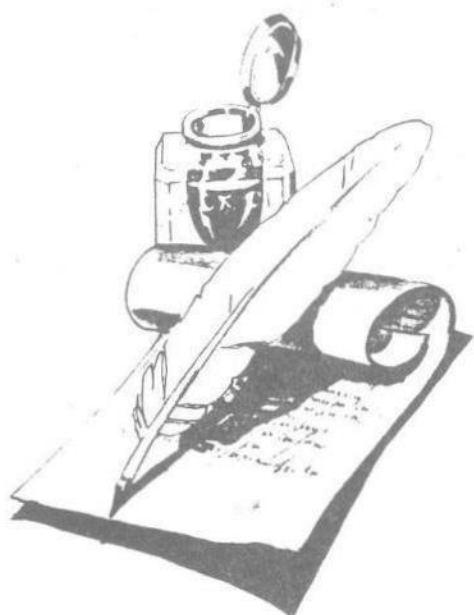
Của các Thi Hưu: THÍCH CHƠN ĐIỀN, TÙY ANH, QUANG KÍNH, NHẤT TÂM, NGÔ THỊ BÍCH THUẬN, PHƯƠNG HÀ, NHƯ HUỖNH,...

Phường Danh Cúng Dường	VIÊN GIÁC	91
Hộp Thư Tòa Soạn	THỊ CHƠN	93

Hình bìa: Tranh của Họa Sĩ LOAN NGUYỄN SÓN

Thư tòa soạn

NIỀM VUI NHỎ NHỎ



Nhìn thấy các em Phật Tử tuổi từ 10 đến 18 ngồi chăm chú nghe quý Thầy quý Cô giảng bài trong những khóa giáo lý tại chùa Viên Giác năm nay, rồi đảo sang nhìn quý Bác lớn tuổi cũng không kém phần chăm chỉ khi lo học kinh kệ, chuông mõ, ôn bài để thi cuối khóa. Lòng bỗng dạt dào một niềm vui nhỏ nhỏ. Rồi mai đây sẽ có kẻ "nổi bước đăng trình".

Mùa hè ở xã hội Âu Châu này là mùa nghỉ để cho các em có cơ hội đi đó đây, thay đổi không khí, sau bao nhiêu năm tháng miệt mài với sách vở ở nhà trường. Nhưng không, giờ đây các em đang học tiếp tục tại chùa Viên Giác, các em đang ngồi thiền, các em đang tụng kinh, các em đang kinh hành nhiều Phật ... nhìn những hình ảnh ấy, ai cũng phải suy nghĩ rằng: "việc tu đâu có phải đợi đến lớn, già mới làm được, mà ngay ở tuổi các em, nếu có tâm, vẫn có thể thực hiện được như thường".

Quý vị đi làm việc nhọc nhằn trong các cơ xưởng, một năm chỉ nghỉ phép được 3, 4 tuần, nhưng cũng lại về chùa, thức khuya dậy sớm tham gia học hỏi giáo lý một cách hăng say. Có nhiều người lâu nay đã nhìn Đạo Phật một cách bi quan yếm thế. Bây giờ sau khi học giáo lý lại bừng giác điệp đã ngủ say trong tâm thức tận mấy ngàn năm. Cho hay Phật Pháp nhiệm mầu, lẽ Đạo huyền vi ...

Những vị lưng còm gồi mỗi đầu tóc bạc phơ, tay chân như chùn bước với thời gian nhưng vẫn cố gắng để học đòi cùng con trẻ. Đây là một lớp học Phật Pháp mà có lẽ trong trường đời chẳng có lớp nào giống được như thế. Trẻ, già, trai, gái, nam, thanh, nữ tử, đồng một lòng, đồng một niềm tin ngồi dưới mái chùa để tịnh tâm, lắng lòng mình mà học hỏi, tu niệm, nghiên cứu, suy tìm ... Ôi Phật Pháp quả nhiệm mầu. Ôi ! đáng chí tôn quá cao cả !

Mọi người đã hy sinh những cái gì riêng tư nhất thuộc về mình như thì giờ, giấc ngủ, sự mỏi mệt v. v... để tìm đến một cái chung, và cái chung ấy chỉ có thể thực nghiệm được khi sống dưới mái chùa trong những khóa tu học giáo lý như thế này. Và cũng chính nhờ những mùa Kiết Hạ An Cư của chư Tăng Ni mỗi năm nên chư Phật Tử xa gần mới có cơ hội vân tập về đây để nghe, học hỏi và thực tập những lời Thánh giáo.

Những ai xưa nay còn sống xa cách với chùa chiền, còn quan niệm sai lầm, hời hợt về Phật Giáo thì xin mời quý vị và các bạn hãy về đây, về dưới mái chùa thân yêu này, hãy ngồi lại bên nhau để nghe lời kinh, tiếng mõ như thì thầm khi nhỏ khi to, để giúp chúng ta hiểu biết thêm về Tôn giáo của mình đang theo đuổi.

Hy vọng mùa hè năm sau sẽ có nhiều cánh chim Oanh Vũ, nhiều cánh sen trưởng thành, nhiều hạt giống Bồ Đề ... khắp nơi trên nước Đức cũng như Âu Châu hãy tụ hội về đây để học những gì chúng ta chưa học được ở trường đời mà trong Đạo lại có. Để nghe những lời giảng dạy cao xa vi diệu của quý Thầy tử Tam Tạng giáo lý của Đấng Chí Tôn, mà chắc chắn trong cái học ở nhà trường của thế gian chúng ta chưa và không bao giờ nghe được.

Sau khóa giáo lý, mùa An Cư Kiết Hạ cũng gần mãn, đánh dấu một tuổi Đạo của chư Tăng đã trưởng thành và một mùa Vu Lan báo ân báo hiếu cũng đã đến, không quên nhắc nhở chúng ta phải nhớ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha cũng như của cứu huyền thất tổ.

Lời cuối, xin nguyện cầu mọi người như một, hiểu và thực hành lời dạy của Đức Bổn Sư, để hoa giác ngộ được nở thắm trong lòng người Phật Tử và tình thương được thể hiện khắp nơi nơi.



(tiếp theo)

1. THẤY CÓ GỐC NGỌN ...

Vị thủy tổ của các tông tức Đức Phật Thích Ca. Kinh là lời dạy của Phật. Thiên là ý của Phật. Chữ Phật tâm và miệng ắt không trái nhau. Chữ Tổ truyền thừa "cội gốc" là Phật. Phật phó chúc cho Bồ Tát tạo Luận là "ngọn". Huống là, từ Tổ Ca Diếp cho đến Tổ Ưu Ba Cúc Đa hồng truyền đều gồm cả ba tạng. Từ Tổ Đa Đa Ca về sau, nhơn tạng khởi tranh luận, nên có giáo hạnh riêng. Từ nước Kế Tân đến nay, nhơn nạn vua nên Kinh, Luận phân hóa. Khoảng giữa đó có Tổ Sĩ Ma Minh, Long Thọ tạo Luận giải thích Kinh đến vài ngàn vạn bài kệ, xem phong tục mà cải hóa nhơn tâm không nhất định quy tắc. Nhưng chưa có người giảng kinh hủy báng người tu Thiên, người tu Thiên chê bai người giảng Kinh. Tổ Đạt Ma đặc pháp thân hành từ Ấn Độ sang Trung Hoa, thấy pháp này người học Phật phần nhiều chưa đặc pháp, chỉ dùng danh số làm giải, sự tướng làm hạnh. Ngài muốn chỉ cho biết mặt trăng không phải ở ngón tay, pháp là tâm của mình, cho nên chỉ "đồng tâm truyền tâm không lập văn tự", hiển bày Tông để phá chấp, nên có lời này: Không phải là văn tự nói giải thoát. Vì thế, có người nhận được ý chỉ, Ngài liền khen ngợi

THANH TỬ dịch NGUỒN THIÊN

Kinh Kim Cang, Kinh Lăng Già rằng :
"Hai Kinh này là tâm yếu của ta".

Thời nay các đệ tử chấp kia đây mà quên gốc, người tu tâm (thiên) thì cho Kinh Luận là tông riêng, người giảng Kinh thì cho thiên môn là pháp khác. Nghe nói nhơn quả tu chứng bèn đây qua thuộc nhà Kinh Luận, đâu biết tu chứng chính là việc gốc của Thiên môn. Nghe nói tức tâm là Phật bèn đây qua thuộc Thiên hồng ngọc (hung khâm) đâu biết tâm Phật chính là bản ý của Kinh, Luận. Nay nếu không lấy chỗ quyền, thật của Kinh, Luận để đối chiếu chỗ sâu cạn của Thiên tông thì đâu có thể dùng giáo (kinh luận) chiếu tâm (thiên), dùng tâm hiển giáo.

2. THIÊN CÓ CÁC TÔNG TRÁI NGƯỢC NHAU

Nay biên lời thuật gần đến trăm nhà, nhưng tông nghĩa riêng biệt vẫn đến mười vị : Giang Tây (Đạo Nhất), Hà Trạch (Thần Hồi), Bắc Tú (Thần Tú), Nam Sơn (Trí Sơn), Ngũ Đài (Pháp Dung), Thạch Đầu, Báo Đẳng, Tuyên Thập và Châu Na, Thiên Thai... Lập tông truyền pháp trái ngược nhau, có vị lấy "không" làm gốc, có vị lấy "tri" (biết) làm nguồn có vị bảo "vắng lặng mới là chân", có vị nói "ngồi đi đều phải", có vị nói "hiện nay sớm chiều phân biệt tất cả đều vọng", có vị bảo là "phân biệt tất cả đều chân", có vị nói "muôn hạnh đều còn", có vị bảo "đến Phật cũng mất", có vị phóng nhậm chỉ mình, có vị cầu thức tâm mình, có vị lấy Kinh, Luật làm chỗ y cứ, có vị cho Kinh, Luật là chúng đạo.

Không những các vị nói phiền, mà lại bèn chính xác, chính xác hồng truyền tông của mình, chính xác hủy báng các tông khác, đâu có thể hòa hội được :

Hỏi :

- Cái phải thì mình nhận, cái sai thì loại ra, đâu cần chiếu theo để hòa hội ?

Đáp :

- Hoặc không, hoặc hữu hoặc tánh, hoặc tướng đều không phải tà quấy, chỉ tại mỗi vị công nhận phe mình là đúng, bèn xích nhóm khác là sai, xác định kia đây, nên cần phải hòa hội.

Hỏi :

- Đã không phải là tà thì mặc tình họ xác định cần gì phải hội lại ?

Đáp :

- Chỉ đạo chỉ một, liễu nghĩa không hai, không nên còn hai. Chỉ đạo không phải một bên, liễu nghĩa không phải thiên lệch, không nên nhơn riêng. Cho nên, cần phải hội lại làm một khiến đều được vi diệu.

Hỏi :

- Lấy nước để chng với lửa thì không thể lũng toàn; đem màu nhuộm vào thuần thì không thể cả hai đều trắng, chỗ chấp của các tông đã trái nhau, một phải ắt có một quấy, thế nào hội lại khiến đều điều ?

Đáp :

- Đều còn pháp kia, đều dẹp bệnh kia, tức đều điều. Nghĩa là đem pháp đến người là khó, đem người đến pháp là dễ. Người phần nhiều tùy tình khởi chấp, chấp trước trái nhau thật như nước lửa chng nhau, màu thuần chng nhau, cho nên khó. Pháp vốn xằng lý lẫn thông, thông tức tự nhiên thuần nhau, đừng chầy dầu là nước, hoàn, xuyên dầu là vàng, cho nên dễ. Nói tóm lại, cuộc chấp thì đều quấy, hội thông thì đều phải.

Nếu không lấy lời Phật dạy để hiển bày mỗi bên, thấu nhận sơ tướng của mỗi bên, quy lại làm ba tông đối với ba giáo, thì do đâu hội làm thiên xáo một thời, đều thành pháp môn yếu diệu. Cho nên, nếu mỗi bên quên được tình chấp của mình thì đồng quy về biên trí.

3. KINH NHƯ DÂY MỤC ĐỂ QUY ĐỊNH TÀ CHÁNH.

Ngay hay cong, dây mục không phải khéo, mà thợ khéo phải lấy dây mục làm bằng cụ. Kinh, Luận không phải là Thiên, mà người truyền Thiên phải lấy Kinh, Luận làm tiêu chuẩn. Người trung và hạ cần nên y nơi thấy, thấy tự xem căn cứ tùy phân chỉ dạy. Người thượng cần ngộ phải viên thông, nếu chưa nghiên cứu lời Phật dạy thì đâu dòng chỗ thấy của Phật.

Hỏi :

- Mỗi nơi đều có Kinh Phật, mặc tình học giả chuyên đọc khảo cứu để thông hội, người tập Thiên hà tất - phải thông Kinh ?

Đáp :

- Ý này tức đoạn văn sau sẽ đáp

4. KINH CÓ QUYỀN, THẬT PHẢI Y LIỀU NGHĨA.

Phật nói các Kinh có khi tùy ý mình nói, có khi tùy ý người nói, có chỗ xứng lý củi cánh, có chỗ tùy căn cơ đương thời, có nói tánh, tướng, đốn, tiệm, đại, tiểu, liễu nghĩa, không liễu nghĩa, vẫn gồm hình thức trái nhau, nghĩa ấy viên thông không ngại, như rừng âm biên sâu khó mà thấy được đầu vết. Nay chỉ dùng hơn mười tờ giấy trình bày để chọn lựa đó, khiến một thời thấy rõ ý Phật. Sau khi thấy ý Phật thì tìm dư trong một tạng, tức là mỗi câu đều biết được tông chỉ.

5. LƯỢNG CÓ BA THỨ PHẢI PHỐI HỢP CHO ĐÚNG.

Ở Ấn Độ các vị Hiền Thánh hiện pháp nghĩa đều lấy ba lượng làm quy định. Một là tỷ lượng, hai là hiện lượng, ba là Phật ngôn lượng (Thánh giáo lượng). Lượng là độ lượng, như thăng đấu lượng vật để biết chắc chắn.

Tỷ lượng dùng như đo thì du so sánh. Nhì ở xa thấy khói ấy biết tại đó có lửa, tuy không có lửa, nhưng không phải hư dối.

Hiện lượng chính mình hiện thấy, không nhớ sự suy xét, tự nhiên quyết định.

Phật ngôn lượng lấy Kinh Phật làm quyết định.

Phối hợp cho đúng, nếu chỉ y cứ lời Phật nói, không tự so sánh, chứng ngộ tự tâm thì chỉ là tin

suông, nơi mình chưa có lời ích gì. Nếu chỉ nhận hiện lượng tự thấy làm quyết định, không phối hợp lời Phật nói thì làm sao biết tà chánh. Như ngoại đạo Lục sư tự thấy lý rồi chấp vào đó để tu hành, cũng được công dụng, tự cho là chánh, đâu biết là tà. Nếu chỉ dùng tỷ lượng không có thánh giáo và chính mình thấy thì mông vào đâu để so sánh, so sánh với pháp gì. Cho nên, phải đủ ba lượng phối hợp cho đúng mới là quyết định. Thiên tông đã có hiện lượng và tỷ lượng nhiều, nay lại lấy Kinh Luận làm chứng thì ba lượng đầy đủ.

6. NGHI CÓ NHIỀU THỨ PHẢI GIẢI QUYẾT CHO HẾT.

Khoảng vài mười năm nay thường có chữ vi Đại Đức thông Kinh giảng-Luận đến hỏi tôi :

a. Tứ thiên bát định đều ở cõi trên, cõi này không có thiên, phàm người tu thiên phải y Kinh Luận dạy thiên định cõi trên, nhưng ở tại cõi này tu tập. Người tu tập thành tựu đều là những thứ thiên ấy trong các Kinh Luận chỉ dạy đầy đủ không ngoài các thứ thiên này, tại sao rồi các thiên này riêng nói Thiên môn, đã không y Kinh tức là đạo tà ?

b. Kinh dạy : "tu dần dần trái qua ba vô số kiếp mới chứng Bồ Đề", Thiên môn bảo "đốn ngộ thì trong sát na liền thành chánh giác", Kinh là lời Phật nói, Thiên là Tạng nói, bỏ Phật theo Tạng, thậm nghi không nên ?

c. Yếu chỉ của Thiên môn là "không phải không quấy, đẹp bỏ oán thân không sân không mắng", tại sao lại có Nam Năng, Bắc Tú hiềm nhau như nước với lửa, Hà Trạch, Hồng Châu công kích lẫn nhau !

d. Thiên tông sáu đời thấy trở truyền trao pháp thiên đều nói rằng : "Trong trao lời mật, ngoài truyền y để làm tin, y và pháp giúp nhau lấy làm phù ân". Tự Tào Khê về sau không nghe việc này, không biết thời nay dạy người có nói "lời mật" chăng? Không nói thì người truyền không phải là pháp của Tổ Đạt Ma, bằng có nói thì người nghe trọn phải đức y ?

Lại có Thiên đức hỏi :

e. Tổ Đạt Ma truyền tâm không lập văn tự, ông tại sao trái với Tiên Tổ giảng Luận, truyền Kinh ?

f. Tinh Danh (Duy Ma Cát) đã quả ngôi yên, Hà Trạch (Thần Hội) bài xích ngưng tâm, Tào Khê (Huệ Năng) thấy người ngồi kiết già từng cầm gậy đánh cho rụng dây, nay dây mỗi khi dạy bảo đều khuyên toathiên thiên am la liệt dây các núi rừng, trái Tông ngược với Tổ, thật đáng nghi vậy ?

Tôi tùy thời mỗi câu hỏi đã đối đáp, song người nghi có ngàn vạn, thường những người chưa nghe, huống là người nạn vấn lòng dây có chấp, mỗi người có chấp khác nhau, kia đây lẫn trái, nhưn giải nghi Giáp lại thêm bệnh Ất, cho nên phải mở ba cửa nghi, bình luận một tạng Kinh đáp chung cho những nghi trước đều thông suốt (1).

7. PHÁP NGHĨA KHÔNG ĐỒNG PHẢI KHÉO BIỆN BIỆT.

Phàm muốn hiểu rõ tánh tướng của các pháp, trước phải biện biệt pháp nghĩa. Ý pháp giải nghĩa thì nghĩa ấy rõ ràng, dùng nghĩa nói pháp thì pháp ấy bày biện. Nay dùng vật thế gian để rõ đó, như vàng ròng tùy duyên của người thợ bạc... làm hoàn xuyên, chung, tách... các thứ đồ vật, tánh vàng ấy không đổi thành đồng, sắt. Vàng tức là pháp, không đổi mà tùy duyên là nghĩa. Giả sử có người hỏi : "Nói vật gì không đổi vật gì tùy duyên?". Chỉ nên đáp : "vàng vậy". Dù cho nghĩa lý của một tạng Kinh Luận chỉ cốt nói "tâm", tâm tức là "pháp", tất cả là nghĩa. Cho nên, Kinh nói : "Vô lượng nghĩa từ một pháp sanh". Nhưng vô lượng nghĩa tông kết chỉ có hai thứ : 1). không đổi. 2). tùy duyên. Các Kinh chỉ nói tâm này tùy duyên mà ngộ thành có câu tịnh, phàm thánh, phiền não bỏ để, hữu lậu, vô lậu... cũng chỉ nói tâm này khi câu tịnh v.v... xưa nay không đổi thường tại vắng lặng chơn thật như như v.v... Giả sử có người hỏi : "nói pháp gì không đổi? Pháp gì tùy duyên?". Chỉ nên đáp : "tâm vậy". Không đổi là tánh, tùy duyên là tướng. Nên biết, tánh tướng đều là nghĩa trên một tâm.

Nay hai tông tánh và tướng chỉ trích lẫn nhau bởi do không biết chơn tâm, mỗi khi nghe chữ tâm sẽ bảo chỉ là tám thức, không biết tám thức chỉ là nghĩa tùy duyên trên chơn tâm. Cho nên, Bồ Tát Mã Minh lấy một tâm làm pháp, dùng hai môn

chơn như, sanh diệt làm nghĩa. Luận rằng: "Y nói tâm này hiển bày nghĩa Đại thừa" (Luận Đại Thừa Khởi Tín). Tâm chơn như là thế, tâm sanh diệt là tướng dụng, tâm này không hư vọng nên gọi là "chơn", không biến đổi nên gọi là "như". Thế nên trong Luận mỗi mỗi nói: "Tâm chơn như, tâm sanh diệt". Thời nay, người tu Thiên phần nhiều không hiểu nghĩa, nên chỉ gọi "tâm" là thiện; người giảng Kinh, Luận đa số không biết pháp, nên chỉ mừng nói danh nói nghĩa, theo danh sanh chấp khó mà hội thông được, nghe nói tâm cho là cạn nghe nói tánh cho là sâu, hoặc lại lấy tánh làm pháp, lấy tâm làm nghĩa. Thế nên, phải mừng ba tông, Kinh, Luận đối chiếu nhau thì pháp nghĩa rõ ràng.

8. TÂM THÔNG CẢ TÁNH TƯỚNG, TÊN ĐỒNG MÀ NGHĨA KHÁC.

Các Kinh hoặc chê tâm là giặc, dạy phải đoạn trừ; hoặc khen tâm là Phật, khuyên nên tu tập. Hoặc nói tâm thiện, tâm ác, tâm tịnh, tâm cầu tâm tham, tâm sân, tâm tử, tâm bi; hoặc nói: gá cảnh tâm sanh; hoặc nói: tâm sanh ra cảnh; hoặc nói: tịch diệt là tâm; hoặc nói: duyên lý là tâm; cho đến nhiều thứ trái nhau. Nếu không dùng các Tông để đối chiếu hiển bày thì người xem Kinh nương dấu biện biệt được, là có nhiều thứ tâm? hay chỉ một thứ tâm?

Nay lược bày danh thế, phạm nói tâm tóm có bốn thứ, tiếng Phạm mỗi thứ có tên riêng, phiên dịch cũng khác.

a. Hột lợi da da, dịch là nức đoàn tâm, đây là trái tim ở trong thân.

b. Duyên lý tâm, đây là tâm thức, vì hay duyên lý cảnh tự phần (xem Duy thức học) tâm thức này mỗi cái có tâm sở thiện ác khác nhau, trong các Kinh gọi chung các tâm sở này là tâm. Nghĩa là tâm thiện, tâm ác...

c. Chất da da, dịch là tập khởi tâm. Theo Duy thức nó là thức thứ tám, chứa nhóm chủng tử sanh khởi hiệp hạnh.

d. Căn lật da da, dịch là kiên thật tâm, cũng gọi là trình thật tâm. Đây là chơn tâm.

Những thức thứ tám không có tự thế riêng, chỉ vì chơn tâm bất giác chung cùng các vọng tưởng nên có nghĩa hòa hợp và không hòa hợp.

Nghĩa hòa hợp là hay chứa đựng chủng tử nhiệm và tịnh, gọi là tạng thức. Nghĩa không hòa hợp, là thế nó thường, không biến đổi gọi là chơn như. Chung gọi là Như lai tạng. Kinh Lăng Già nói: "Tịch diệt gọi là nhất tâm". Nhất tâm tức là Như lai tạng. Như lai tạng cũng là pháp thân tại triền (trong vòng ràng buộc), như trong Kinh Thắng Mạng nói: "Cho nên biết, bốn thứ tâm vốn đồng một thế", Kinh Mật Nghiêm chép: "Phật nói Như lai tạng ấy là A lại da thức; Như lai thanh tịnh tạng, thế gian A lại da, như vàng cũng cả rá các thứ không sai biệt".

Song, tuy thế đồng mà nghĩa chơn vọng có khác, gốc và ngọn cũng sai thì. Ba tâm trước là tướng, một tâm sau là tánh. Y tánh khởi tướng bởi có chơn do, hồi tướng về tánh át có manh mối. Tánh tướng không ngại đều là một tâm. Mê đồ gặp việc xây mặt vào vách, ngộ đồ tức muốn pháp rơi vào giếng. Nếu người tìm văn củ sưng, hoặc chỉ tin vào hang khâm (hông ngục) thì đối với một tâm này làm sao liễu hội được tánh, tướng?

9. NGỘ, TU ĐỒN, TIỆM IN TUỒNG TRÁI MÀ PHÙ HỢP.

Nghĩa là các Kinh Luận và chỉ thiên môn hoặc nói: "trước nhơn tiệm tu (tu dần dần) thành công, bỗng nhiên đốn ngộ". Hoặc nói: "trước phải đốn ngộ mới có thể tiệm tu". Hoặc nói: "do đốn tu nên tiệm ngộ". Hoặc nói: "ngộ tu đều tiệm". Hoặc nói: "đều đốn". Hoặc nói: "pháp kệ có đốn tiệm, đốn tiệm tại căn cơ". Như những thuyết ở trên mỗi thuyết đều có ý nghĩa.

Cạn lại: "đá ngộ tức thành Phật, vốn không có phiền não. Gọi là đốn ngộ tức không nên tu để đoạn, sao lại nói tiệm tu?". Tiệm tu tức là phiền não chưa hết, nhơn hạnh chưa tròn, quả đức chưa đầy, sao gọi là "đốn". "Đốn" tức không phải "tiệm" tiệm tức không phải đốn. Cho nên nói "trái nhau". Nếu ở sau đối chiếu để hội thông tư là đốn tiệm không những không trái nhau mà trái lại giúp đỡ lẫn nhau.

10. THẦY TRÒ TRUYỀN TRAO, PHẢI BIẾT THUỐC BIẾT BỆNH.

Nghĩa là mừng phước tiên bậc thượng truyền trao, đều trước mở bày bản tánh, mới khiến y tánh tu thiên Tánh không phải để ngộ, vì phần

nhiều đều chấp tướng. Cho nên, muốn hiểu tánh trước phải phá chấp. Phương tiện phá chấp cần phải dẹp hết: phàm, thanh, công phu. Giới tục không phạm không tu, thiên tức không định không loạn, ba mươi hai tướng đều là hoa đốm trong hư không, ba mươi bảy phẩm trở đạo đều là huyền hóa... Cốt ý khiến tâm không còn chấp trước mới có thể tu thiên. Kế hậu học hiểu can bèn chấp lời này cho là đạo cứu cánh. Lại do môn đệ tu tập phần nhiều hay buông lung, nên dạy rộng: "Ưu nói kia, chán nói này, quở trách tham, sân, khem ngợi siêng năng thực liêm, điều thân điều hối thổ thứ lớp thổ tế". Người sau nghe những điều này lại mê cái dụng của bản giác, bèn một bề chấp tướng. Chỉ những người lợi căn chỉ vững trước sau theo thấy mới được ngộ ý chỉ để tu. Còn những kẻ có tánh nông nổi vì nghe một ý liền cho đã đủ, cố ý cái huệ nhỏ bèn vì người làm thầy, chưa lột gốc ngọn hết thành thiên chấp. Cho nên, kẻ môn hạ của hai phái đôn và tiệm coi nhau như cừu thù, trong tông nam bắc đối địch nhau như nước Sở nước Hán, lời dạy rủa chơn, dụ rở voi, nghiệm đúng như dây vầy.

(1) Phân giải thích và bình luận "ba giáo" ở sau sẽ thấy ý đáp.

(còn tiếp)

CÁO LỖI

Năm nay, vì không tìm được sân vận động - thành phố Hannover tổ chức cùng ngày lễ Anh Quốc tại đây - nên giải bóng tròn luân chuyển VU LAN không thực hiện được.

Chúng tôi rất tiếc và xin cáo lỗi cùng quý bạn hâm mộ giải này.

Những chi tiết về giải này trong năm tới, chúng tôi sẽ kịp thời thông báo đến quý bạn.

Hội Phật Tử VN Tỵ Nạn
tại Tây Đức e.V.

Thiên Như Lão nhìn đang tỉnh tọa nơi thất Ngọa Vân, bỗng có người đẩy cửa bước vào, tư xưng là thiên khách. Lão nhìn im lặng, gật đầu chào, đưa tay ra ý mời ngồi. Đồi tọa đã lâu, ánh tịch đứng tà tà xuyên qua song trúc, lò hừng thiên khói sắp muốn tan, khách tư tư đứng dậy, sửa y phục nghiêm trang thái thái mở lời thán thính :

1- **Hỏi rằng :**

Trộm nghe Vĩnh Minh hòa thượng âm thọ môn học đốn truyền nơi Thiệu quốc sư ở Thiên thai, mà cũng chính là đích tôn của ngài Pháp Nhãn. Khi hòa thượng trụ trì chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, đã khai thị cho học chúng rất nhiều, biện tài cơ trí dường như gió cuốn sấm vang, hải nội thiên lâm đều kính xưng là bậc đại tông tướng. Tại sao ngoài sự nói thiên, ngài lại tự tu tịnh độ, khuyên người niệm Phật, viết sách rộng truyền môn ấy nơi đời. Hơn nữa, ngài lại làm kệ Tứ liệu giản, đại ý nói: "Có thiên không tịnh độ. Mọi người chín ngại đường... Không thiên có tịnh độ. Muốn tu muốn người sanh..." Qua mấy câu ấy, có phải ngài đã chủ trương tịnh độ, tự hạ môn Thiên của mình, lời nói dường như quá đáng chăng? Ngụ ý nghi ngờ việc này rất nhiều, mong đại sư chỉ thị ?

- **Đáp :**

Lời hỏi ấy rất thích đáng! Tự nhiên, Vĩnh Minh đại sư không phải quá khen Tịnh yếm Thiên mà thật ra lời nói của ngài rất có công với bên tông cũng như bên giáo. Tiếc vì trong Tứ liệu giản, ngài chỉ nói lược qua đại cương, chưa phát minh hết ý thú, nên chưa đánh tan được mỗi nghi hoặc của nhà thiên. Tôi học tập theo thiên tông, chưa tính tưởng về Tịnh độ, nhưng cũng thường qua những kinh sách của môn đó, nên cũng biết phần đại khái :

Tịnh độ là phép dễ tu dễ chứng song cũng là môn khó nói khó tin. Cho nên khi còn tại thế, đức Thích Ca tự phạm vi hàng đệ tử nói Kinh A Di Đà đã dự biết chúng sanh đời mạt pháp khó sanh lòng tin tưởng, mới dẫn lời thành thật của sáu phương chư Phật để phá mỗi nghi và phát khởi tín tâm cho người sau. Lúc thuyết kinh gần xong, nhân nói đến chư Phật khen ngợi mình, đức Bổn Sư lại bảo : "Nên biết ta ở nơi đời ác

THÍCH THIÊN TÂM



TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

(tiếp theo)

TỊNH ĐỘ HOẶC VẤN

Đời Nguyên, Thiên Như Duy Tác thiên sư thuật

ĐỂ TƯ :

Ngoài song non xanh giăng màn hoa. Triền non thanh tuyến buông cầm ca. Trong song kia ai im như mơ. Ngồi xem Thiên Như câu Di Đà. Người đời đều ưa cơ thiên sâu. Hành như ai vào tâm vướng mầu. Đèn sáng trở vô ngoài trời thu. Non Tu vi trần đều gồm thâu. Mà trong A Di hồng danh, thâm. Ngàn muôn khôn tìm ra tri âm ! Thiên Như lòng tư soi chân dăng. Đưa người mau ra vòng mê lăm. Hư không chim bay dường như tranh. Lầu tuyên quanh cơ triền non xanh. Người đi xa xa, làn mây trôi. Di Đà chân như nẩy tâm lành. Ôi câu hồng danh mầu thâm xa ! Sáu cùng chủ tông làng thiên na. Buông ra thâu vào đều như như. Tướng tư tâm dấy trời Liên Hoa...

Thuật ý Thành Thời đại sư
LIÊN DU

nằm trước làm việc khó này đặc qua Vô thường bố đề, vì tất cả thế gian nói pháp khó tin đây, thật là một điều rất khó!". Ấy đều là những lời tha thiết cần kẻo, dẫn dò để khuyên người tin tưởng vậy. Và đức Thế Tôn đã rủ lòng dai bỉ, cầu dối trong kiếp mat, khi kim khâu nói ra một câu một kẻo, hàng Nhơn Phi Nhơn đều tín thọ phụng hành, nhưng riêng về thuyết Tịnh độ, thế gian có xen lẫn lòng nghi, là tại sao? Bởi giáo môn Tịnh độ cực rộng lớn, mà pháp tu Tịnh độ lại quá giản dị, hai điểm ấy dường như cách biệt, khiến cho người nghe khó nên lòng nghi. Nói rộng lớn, là môn này thấu nhiếp tất cả căn cơ: trên tứ bậc Đẳng giác Bồ tát, vì Nhất sanh bố xứ đều cầu về Tịnh độ, dưới cho đến hàng ngu phu ngu phụ, kẻ tạo ngũ nghịch, thập ác, nếu quyết tâm tín hướng đều được vắng sanh. Nói giản dị, là người tu không phải quá gian nan lao khổ, không trải qua cảnh giới sai biệt mê lầm, chỉ trì niệm sáu chữ hồng danh, mà được thoát Ta bà, được sanh Cực Lạc, được bất thối chuyển, cho đến khi thành Phật mới thôi. Bởi có sự rộng lớn mà lại giản dị như thế nên dù cho người trí cũng sanh mỗi nghi ngờ. Nếu ông nhận thức rõ được điểm này, tất sẽ biết lời khen của ngài Vĩnh Minh rất có ý thâm, mà không phải là quá đáng.

2- **Hỏi:**

Sự rộng lớn và giản dị, tôi đã nghe lời chỉ dạy. Nhưng bậc ngộ đạt trong Thiên tông, đã gọi thấy tánh thành Phật, há lại không chịu cầu sanh về Tây phương ư?

- **Đáp:**

Thật ra ông chưa biết đó thôi. Chính những bậc ngộ đạt càng cấp thiết cầu sanh. Có đức đã bảo: "Không cầu về Tịnh độ, còn nguyện sanh cõi nào?". Nay ông chưa ngộ đạo giả sử khi được tỏ ngộ rồi, e cho tâm niệm cầu sanh Cực Lạc của ông, muốn trầu cũng không thể kéo lại!

3- **Hỏi:**

Sơ dĩ Phật, Tổ ra đời vì độ chúng sanh; học giả chỉ lo việc lớn chưa xong, nếu đã phát minh đại sự (tức ngộ đạo), nên theo gương đấng Đại giác hiện thân vào nơi khôn khéo không hêm đương sanh tử, mà độ khắp hàm linh. Nếu bậc đã ngộ đạt mà còn cầu sanh tịnh độ, đó chẳng qua là tâm niệm chán khổ tìm vui, không

đoái đến kẻ đang ở trong vòng chìm đắm? Tôi dù ngu hèn, vẫn không thích làm như vậy!

- **Đáp:**

Thấy chiếc tròng mà muốn cho nó nổ liền, tâm niệm ấy sao dễ vội gặp! Ông cho rằng sau một phen to ngộ, thì nghiệp tập đã dứt sạch, được ngay vị bất thối chuyển ư? Và cũng không còn học khắp Phật pháp, không cần phải tu hành thêm để chứng những quả vị từ thấp đến cao ư? Hay là ông lại nghĩ: sau một phen ngộ đạo, tất đã đồng hàng với chư Phật, có thể vào sanh ra tử không bị chướng duyên nhiều loạn ư? Nếu quả như thế thì chỉ đại Bồ Tát trải qua hằng hà sa kiếp tu sáu độ mới thành cũng đều phải hổ thẹn với ông vậy! Có giáo đã có lời răn nhắc: "Hàng Thanh văn còn mười lăm ra thai, bậc Bồ tát còn mê khi cách âm!". Hai hạng ấy mà còn như thế, huống chi người ngộ giải non kém, tại cầu chưa xong giữa đời này ư? Dù cho chỗ tỏ ngộ có sâu xa, trí thông hiểu có cao sáng, hạnh cùng giải hợp nhau, chỉ quyết muốn độ người; nhưng vì chưa lên hàng bất thối, lúc đang chưa dứt dây dây, mà muốn ở cõi đời ác này hóa độ kẻ cương cứng, điều ấy bậc tiên thánh cũng chưa hứa nhận. Vì như đem chiếc tỳ viếng đống trảm chưa kỹ, để vớt người nổi biển dậy ba đào, cái họa trầm溺 cả đoàn tất không tránh khỏi. Cho nên luận Vãng Sanh nói: "Muốn du hành nói địa ngục, muốn cầu độ chúng hữu tình mê khổ, trước phải cầu sanh về cõi kia, đời khi chứng được Vô sanh nhẫn rồi sẽ trở lại đấng sanh tử mà thật hành bản nguyện. Do nhân duyên ấy nên người tu mới cầu về Tịnh độ". Lại tiên thánh cũng đã bảo: "Chưa được vị bất thối chuyển, chưa chứng vô sanh nhẫn, cần phải thường không rời Phật. Ví như trẻ thơ không nên xa mẹ, như chim non chỉ có thể bay chuyền theo cánh cây".

Nay ở cõi Ta Bà này đức Thích Ca đã diệt, Phật Di Lặc chưa sanh. Huống nữa, bốn đường khổ thú, nhân quả dây dưa, trăm mối ngoại tà, thì phi rối loạn; sắc tốt tiếng dâm hàng quyền dụ, cảnh hí duyên ác mai vây quanh. Trong hiện trạng ấy, đã không có Phật để nương nhờ, lại bị cảnh duyên làm khuấy động, hàng sơ tâm ngộ đạo hỏi mấy ai không bị thôi lui? Cho nên đức Thế Tôn ân

cần chỉ về Cực Lạc là bởi lý do ấy. Phàm chỉ ở cõi kia, đức Di Đà hiện đang nói pháp, cảnh diệu độ muôn thứ thuận duyên; đã nương nhờ hải chúng, nhân lúc mau thành, lại gần đấng Pháp vương, Phật thành để đạt. Chúng ấy muốn ra ứng hóa độ sanh, còn chỉ trở ngại? Cũng vì lẽ ấy, nên bậc thượng căn lợi trí còn nguyện thác sanh, huống chi ông là hạng trung hạ mới được dối chút giải ngộ đó ư?

Ông há không thấy trong kinh Quán Phật Tam Muội, Ngài Văn Thù từ bày tỏ túc nhân, bảo mình đã chứng môn Niệm Phật Tam Muội, thường sanh ở Tịnh độ ư? Do bởi đó, đức Thế Tôn mới thọ ký cho ngài rằng: "Ông sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc".

Lại chẳng thấy trong Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát đem mười đại nguyện vương khuyên tán Thiên Tài đồng tử và đại chúng nói hải hội, nên dùng công đức đó cầu sanh về Cực Lạc ư? Trong ấy có đoạn nói: "Tôi nguyện khi đến lúc lâm chung. Dứt trừ tất cả điều chướng ngại. Diên kiến đức Phật A Di Đà. Liên được sanh về cõi Cực Lạc...".

Lại chẳng thấy trong Kinh Lăng Già, đức Thế Tôn đã huyền ký: "Sau xứ Nam Thiên Trúc. Có danh đức Tỷ Khâu. Tôn hiệu là Long Thọ. Hay phá hữu, vô tông. Trong thế gian hiện ngã. Pháp vô thường đại thừa. Chứng Sơ hơen lý địa. Sanh về cõi Cực Lạc" ư?

Và chẳng thấy trong luận Khôi Tịn, Mã Minh Bồ tát, khen ngợi sự vắng sanh; trong Kinh Đại Báo Tích, Phật hứa khả cho Tịnh Phạn Vương và bảy muôn Thích chủng đồng về An Dưỡng; trong Kinh Thập Lục Quán, đức Thế Tôn chỉ dạy phương pháp cho bà Vi Đề Hy cùng năm trăm thị nữ được lễ căn đức A Di Đà ư?

Trong mấy vị trên, như Vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy hiện tiền đều đã chứng được vô sanh pháp nhẫn. Ở Tây Trúc những hạng ấy cầu vãng sanh rất nhiều. Bên đông độ thì có Viên Công ở Lô Sơn cùng các bậc cao nhơn trong Liên xã, những vị tôn túc ở hai tông Thiên Thai, Hiền Thủ, tất cả đều dùng môn niệm Phật tự tu và

độ người khuyên hóa hàng tăng tục đồng cầu sanh về Tịnh độ. Nói chung những bậc cao đức tu tịnh nghiệp số lượng không biết bao nhiêu mà kể! Đến như hai ngài Văn Thù, Phổ Hiền

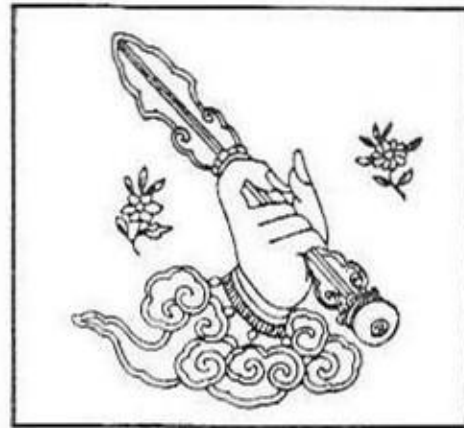
là bậc đại Bồ tát, Thiên Tài đồng tư và hai chúng Hoa Tang đều là bậc đại nhơn trong bốn mươi một vị, Mã Minh, Long Thọ là hàng Bồ tát, mà cũng là bậc đại tổ sư.

Những thánh nhơn ấy chỗ ngộ và chứng siêu xuất hơn người ngộ đạt ngày nay như trời với vực, mà còn nguyện sanh về Tây phương, ông báo rằng đã tỏ ngộ không cầu về Cực Lạc, lại bậc sư cầu sanh, thì các ngài Văn Thủ, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, chắc là không bằng ông rồi ! Ông thấy từ lương xem chỗ tu chứng có bằng hai bậc đại sư, và hai vị tổ sư; sư tham ngộ có bằng ngài Thiên Tài cùng hai chúng, cảnh giới sơ đức và được Phật hĩa khả có bằng vua Tịnh Phạn và bà Vi Đế Hy chăng? Và Tịnh Phạn Vương là thân sanh của Phật, bảy muôn Thích chúng là tộc thuộc của Ngài; nếu sư về Tịnh độ không có lợi ích thì đức Thế Tôn đâu nỡ khiến phu vương và hàng thân thuộc cầu vãng sanh ? Trước kia đã nói bậc chúng được vô sanh nhĩ có thể vào tục độ sanh, nay vua Tịnh Phạn và người thân thuộc của Phật đã đắc quả ấy mà đức Như Lai còn khuyên và thọ ký cho vãng sanh, thì tâm lòng hộ trì bảo đấng của Ngài há chẳng là thân thiết và sâu xa ư ?

Tôi thấy hàng thiên gia đời nay phần nhiều không xét liêu nghĩa của Như Lai, chẳng rõ huyền cơ của Đạt Ma, bụng rộng lòng cao, tập quen thành bệch cuồng vong. Khi thấy người tu Tịnh độ, họ khinh thường và cười bảo : "Tổ là việc làm thấp kém của hàng ngu phu ngu phụ !" Tôi thường cho đó không phải khinh hạng ngu phu ngu phụ, mà chính là khinh các ngài Văn Thủ, Phổ Hiền, Mã Minh Long Thọ; đó chẳng những tự mê chánh đạo, tự làm mất căn lành mà còn từ bỏ quên huệ thân và tự để tiêu Phật chủng. Đó cũng là tự gây ra tội bằng chánh pháp, tự kết thành nghiệp khinh thánh tăng; chỉ Phật, Tổ xem những kẻ ấy là hạng người đáng thương xót ! Vì lẽ ấy nên ngài Vĩnh Minh đồng mới bị tâm đem hết tâm can chủ trương Tịnh độ, đã tự tu lại khuyên đời. Nên khi lâm chung

đại sư biết trước ngày giở, có các diêm lành ứng hiện; lúc trả tỷ xá lợi tượng ra vô số. Về sau có một vị tăng ở Phú Châu thường cung kính đi nhiều xung quanh tháp của ngài, nhiều người hỏi lý do thì vị tăng

ấy đáp : "Nhân lúc tôi bị bệnh nặng thân thức đi vào mình giới, Diêm vương xét thấy thọ số chưa mãn, cho đưa trở về. Khi ấy tôi thấy bên phía tả đại diên có thiết bàn thờ di tượng một vị đại đức, Diêm vương lễ bái ân cần. Hỏi ra thì quan Chu lại báo đó là chân dung của Vĩnh Minh Thọ thiên sư, vì Ngài tu hành tinh tấn, được sanh về thượng phẩm ở Cực Lạc, nên Diêm vương họa tượng để thờ". Vĩnh Minh đại sư là bậc đại ngộ suốt môn thiên trúc chi của tổ Đạt Ma, mà lại gửi chất nơi phẩm sen thượng thượng bên trời An Dưỡng những sự kiện ấy đủ giai thích mới tinh chấp của người tu thiên, còn làm duyên khuyến tấn cho chúng sanh đời mạt pháp. Cho nên tôi nói ngài rất có công đối với bên tông cũng như bên giáo là ở diêm này.



Song chẳng những chỉ có Vĩnh Minh đại sư mới như thế mà thôi. Ngoài ra, còn có Tư Tâm Tân thiên sư đã ngộ bên Thiên, lại khuyên tu bên Tịnh. Ngài đã bảo : Di Đà rất dễ niệm. Tịnh độ rất dễ sanh. Người tham thiên niệm Phật rất tốt. Nếu kẻ căn cơ hơi kém, sợ e đời nay chưa được đại ngộ, kiếp sau dễ lạc bên mê, thì nên nhớ sức bi nguyện của đức A Di Đà để sớm vãng sanh về Cực Lạc. Nếu vì nào chỉ tâm niệm Phật mà không được sanh về Tịnh độ, lão tăng xin chịu đọa vào địa ngục Bạt thiết (ngục rút lưỡi). Lại như Chân Yết Liễu thiên sư, trong bài văn khuyên tu Tịnh độ, có nói : "Tại sao người trong tông Tào Động, ngoài sư tập thiên, còn mất tu Tịnh độ ? Sở dĩ có việc ấy, vì pháp môn niệm Phật là con đường tắt trong các lối tu hành. Xét trong đại tạng môn này ngoài sư tiếp dẫn bậc thượng, thượng căn còn thấu nhiếp hạng người trung hạ... Bậc đại tượng trong tông môn đã ngộ pháp phi không phi hủ, lại

chăm chú tu tinh nghiệp, có phải sư thấy Phật của Tịnh độ còn giản dị hơn tông môn chăng? Cho nên dù Phật dù Tổ, hoặc giáo hoặc thiên, đều do nơi của Tịnh độ đồng về nơi chân nguyên. Vào được môn này, tức có thể vào được vô lượng pháp môn khác..."

Đến như các ngài: Thiên Y Hoai thiên sư, Viên Chiếu bản thiên sư, Từ Thọ Thâm thiên sư, Nam Nhạc Từ thiên sư, Pháp Chiếu thiên sư, Tịnh Yết thiên sư, Tịnh Từ Đại Thông thiên sư, Thiên Thai Hoài Ngọc thiên sư, Lương Đạo Trân thiên sư, Đẳng Đạo Liệt thiên sư, Tỷ Lăng Pháp Cầu thiên sư, Cổ Tổ Thu Nạp thiên sư, Bắc Nền Gián thiên sư, Thiên Mục Lễ thiên sư, những đại lão ấy là bậc tông tông trong thiên môn, song xét ra chỗ mật tu và hiển hóa đều - phát dương ý chỉ Tịnh độ, tuy không ước hẹn mà ngẫu nhi đồng đường. Chẳng những các bậc đại lão ấy như thế mà thôi, tôi lại thường nghe một vị kỳ túc bên tông môn nói : "Hầu hết ngũ gia tông phái và hàng thiên tăng trong thiên hạ, đã tỏ ngộ cùng chia tỏ ngộ đều quy hướng về Tịnh độ". Hỏi lý do thì vị đó đáp : "Ngài Bồ Trương Trí Hải thiên sư là đích tử của Giang Tây Mã Tổ, nhưng lòng làm trong thiên hạ đều y theo cách thức của ngài mà kiến lập và thanh quy ở khắp thiên môn đều y theo pháp chế của ngài mà cư hành. Từ xưa đến nay không ai dám có lời thị phi và trái với pháp chế ấy. Theo thanh quy của ngài, thì nghi thức tụng cầu cho những vị tăng bệch nặng có lời văn như sau : "Phái nhóm chúng lai, tất cả đồng tụng bài kệ tán Phật A Di Đà, rồi cao tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc tụng cầu, nguyện cầu. Khi niệm xong hồi hướng phước nguyện rằng : Nếu các chuyết chuyết mãn, sớm được an lành. Như hạn lớn đến kỳ, sanh về An Dưỡng". Đó chẳng phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh độ hay sao? Lại trong nghi thức chửi những vị tăng đã tịch có đoạn nói : "Đại chúng đồng niệm A Di Đà Phật hồi hướng phước nguyện rằng : Thân siêu cõi tịnh, nghiệp dứt đường trần, thượng phẩm sen nở hiện kim thân, nhất sanh Phật trao phần quả ký". Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh độ hay sao? Đến như lúc trả tỷ, trong thanh quy lại dạy : Vị Dục na chỉ dẫn khánh niệm Nam Mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại

tứ đại bí A Di Đà Phật mỗi lần, đại chúng đồng tụng hoa theo.

Khi tụng xong, lại hồi hướng rằng: "Trước đây xưng tụng mười niệm, phụ giúp vãng sanh...". Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh độ hay sao? Cho nên lão tăng nói: Các thiên gia trong thiên hạ đều quy hướng Tịnh độ, là bởi nguyên.

nhân đó". Tôi nghe những lời dân chúng của vị kỳ túc ấy đều có ý cứ, nên không biện bác ra sao được. Nhân đó tôi lại chợt hiểu chỗ lập pháp của ngài Hổ Trưởng tất có thâm ý nhiệm màu...

Nay ông ở tông lâm, thân đã đũa không biết bao nhiêu vị tăng quy tịch, tai cùng miêng đã nghe và tụng không biết bao nhiêu lần mỗi

niệm, ý đã chuyên chú hồi hướng về Tịnh độ lại không biết bao nhiêu lần nữa! Thế mà ông đã không hiểu ý Tổ sư, đã không phát lòng thức tỉnh lại làm sao: những bậc ngộ đạt không nguyên vãng sanh. Quả thật cái bệnh chấp thiên trong thiên hạ, không còn ai hơn ông được.

(còn tiếp)

Khởi đầu từ VIÊN GIÁC
số 25-1985

(tiếp theo)

NỀN TẢNG CỦA NHÂN TÍNH

Bây giờ ta thử bàn tới vấn đề tương quan giữa cá thể và tập thể. Muốn thế ta hãy xét nguyên vấn đề cá tính trước đã. Thực ra cá tính là gì? Đó là cái nó phân biệt người này với người khác. Cứ xét bề ngoài, cá tính, như vậy, có nghĩa là những dị biệt vật lý, và nếu thế mọi vật hiện tượng và vật chất, từ một đám mây tới một hòn sỏi, đều có một cá tính. Nhưng vì đối với con người thì dị biệt vật lý là 1 trong những đặc tính ít dị biệt nhất, nên cá tính phải có một nghĩa khác hẳn.

Sự thực, cá tính là một cái gì có liên hệ tới nội tâm chúng ta. Ta phải tìm kiếm nó trong chính ngã thể chủ quan đó, và ở đó ta thấy nó là một ý thức về khác biệt giữa chủ thể và khách thể, đồng thời cũng là một cố gắng để duy trì sự khác biệt đó. Ý thức về cá tính càng cao, thì sức chống đối hàng ngũ hóa càng mạnh; sự phát triển cá tính con người tương ứng với sự thể hiện những hoạt động tâm linh, gồm có những sở thích, niềm đam mê, ý muốn và đối tượng từng người, những hoạt động mà ta có thể gọi là "của tôi", của "bản ngã tôi". Hơn nữa, sự thể hiện bản ngã này phải là trong toàn vẹn, bởi những khuynh hướng và động lực chỉ là những thành phần riêng lẻ của nó làm cho ngã thể ý thức và cá tính đồng nhất với nhau trên bình diện hiện tượng học. Người nào không thể điều hòa được những động lực và đặc tính đó thì là một người thiếu cá

tính; bởi vì hẳn không phải là một ngã thể toàn vẹn - nghĩa là một đơn vị hướng tới một đối tượng đã chọn - mà chỉ là một động lực hay 1 khuynh hướng cô lập trong từng lúc. Như vậy nhân tính không ở trong một trạng thái cố tổ chắc, mà trong trạng thái vô chính phủ. Chỉ có được cá tính khi nào có sự tự kiểm chế, và đây có lẽ là cái tiêu chuẩn duy nhất, có hiệu lực phổ biến, cho sự hình thành của nền văn minh. Văn minh không có nghĩa là tiên bộ vật chất, kiên thực tôn giáo hay văn hóa; nó vẫn có thể có được ở một nơi mà mọi giá trị liên quan đến những yếu tố đó đều khác biệt hẳn. Phân tích kỹ ra, thì văn minh có nghĩa là sự đạt tới một ý thức tập thể, mà ý thức đó nhận thấy cần phải có một kỷ luật và không cần dựa vào một kỷ luật do bên ngoài bố buộc - hoặc chỉ dựa vào nó trong một giới hạn tối thiểu nào thôi, cốt để kiểm chế những thành phần thoái hóa của ý thức tập thể đó. Đây là ý nghĩa của văn minh theo thể chế dân chủ, trái với những quan niệm độc tài về văn minh. Một nền văn minh đang phát triển phải tiến tới sự tự quyết, đồng thời vẫn nhận thức rằng không có lý do nào cho phép một nền vô chính phủ được thể

hiện, và đây chính bởi vì những khác biệt nội tại và cơ bản của đặc tính và tâm lý giữa các cá thể nhân loại.

Thuyết kinh tế quyết định Mác Xít không giúp ta hiểu được cá tính. Những người cùng một gia đình, sinh trưởng trong cùng một hoàn cảnh xã hội và kinh tế, có thể có những cá tính vô cùng khác nhau. Bản tính con người chống lại mọi sự nhất dạng hóa. Chính vì thế mà chủ nghĩa cộng lợi của Bentham - hướng tới việc đạt tới một hạnh phúc lớn nhất cho một số đông nhất - chỉ có nghĩa là đa số làm thiệt thiểu số, trong khi thiểu số vẫn có quyền hưởng 1 hạnh phúc khác hẳn cái hạnh phúc mà đa số quan niệm. Thực ra, cũng khó mà định nghĩa cái "hạnh phúc lớn nhất" này, ngay đối với đa số, bởi quan niệm về hạnh phúc của cá nhân thay đổi với thời gian. Tiên đề chính của Bentham - bản phân của Nhà Nước là phải tăng gia hạnh phúc của nhân dân - thì rất hợp lý, nhưng cái lý tưởng của Không Giáo - dùng lối thời giờ hết vào đời sống cá nhân - lại là một đường lối thực tiễn nhất để đạt tới hạnh phúc. Không thể có được một pháp chế cho tất cả mọi người, thì càng ít pháp chế (và do đó càng

Phật Giáo với Mác Xít

Tác giả : Francis Story
Dịch giả : Trần Quang Thuận
Giới thiệu : T.T. Trí Quang
Nguyên bản : Buddhism answers
the Marxist challenge

ít quan liêu chế) bao nhiêu, thì càng tốt bấy nhiêu. Mục tiêu của văn minh phải là tạo ra một điều kiện trong đó mỗi cá nhân được tự do đi tìm hạnh phúc theo ý mình, hạnh phúc được hạn chế bởi tinh thần kỷ luật bắt nguồn từ lòng tôn trọng hạnh phúc của những kẻ đồng loại. Phật Giáo còn tăng cường tinh thần kỷ luật đó bằng cách minh xác rằng hạnh phúc cá nhân trong tương lai có liên hệ mật thiết đến hành vi của người đó đối với đồng loại. Trong một nền văn minh cực hạo, thì mọi chính phủ, mọi pháp luật đều không cần thiết nữa. Vì chủ nghĩa Công Sản và các hệ thống độc tài khác đều có khuynh hướng tăng cường sự kiểm soát của chính quyền và tăng cường mọi luật pháp, nên chúng không tương xứng cho tiến bộ của văn minh, mà cho thoái bộ.

Đã không tìm thấy ở thuyết duy vật cái do lai của những dị biệt giữa người này và người khác, thì ta thử quay về Phật Giáo và khảo sát sâu xa hơn nữa về thuyết duyên khởi xem sao. Ở đó ta có một bảng "phát sinh do nhân duyên" của mọi sự vật. Không những nó giải thích những nhân vị cá thể khác biệt ra sao, mà còn giải thích được nguyên do nhân quả của những chủng loại không phải là người. Chúng ta đã thấy rằng thuyết duyên khởi này chứng minh rằng tiền hóa tinh thần và tiền hóa sinh vật đều do luật nhân quả chi phối. Phật Giáo coi con người là một động nhân tự do và độc lập, nhưng chỉ lệ thuộc vào cái nguyên lý luân hồi là vô minh, một nguyên lý mà con người có hoàn toàn tự do để phá bỏ nó đi nếu mình muốn. Dưới ảnh hưởng của vô minh (nói chung nghĩa là cái khuynh hướng phổ biến lẫn lộn thức với hư, bám víu vào những hiện tượng nhất thời và huyền hoặc), con người làm những hành vi mà trên bình diện đạo đức có thể tốt hay xấu, và toàn thể những hậu quả của những hành vi đó, ở một điểm thời gian nào đó, tương xứng cho cái hành (hay những khuynh hướng và chuẩn tính) của hần. Hai yếu tố vô minh và hành, chúng đều trong chuỗi dây Duyên Khởi đó, tóm tắt những nguyên do đi trước được cấu thành trong những kiếp sống trước, và hai yếu tố này được gắn liền với nhau dưới đầu đề ATTITA KAMMA BHAVA, nghĩa là những hành vi của nghiệp tiền

năng trong quá khứ. Từ hành sinh ra thức, nghĩa là cái ý thức về bản ngã. Thức, do tác động của những động lực vật lý vào vật chất, dẫn tới sự cấu thành Danh Sắc, hay là tập hợp Tâm - Vật gồm có năm yếu tố là Sắc (những cấu thành vật lý), Thọ (cảm giác), Tưởng (nhận thức), Hành (hành vi tạo tác) và Thức (hiếu biết).

Sự phát sinh của Thức từ Hành đánh dấu sự bắt đầu của một chu kỳ hiện sinh mới, sự cấu thành của bào thai và sự phát hiện của nó trong tử cung.

Tập hợp Tâm vật mới này được trang bị bằng sáu giác quan (lục nhập). Với sáu giác quan này tập hợp đó có thể tiếp xúc (Xúc) được với ngoại giới, và sự tiếp xúc đó sinh ra Thọ (cảm giác).

Những yếu tố từ Thức tới Thọ lập thành một nhóm gọi là PACUPPANA VIPAKA THAVA, nghĩa là những hiện tượng của hiện sinh (hay đúng hơn, của "trở nên") bắt nguồn từ nghiệp trước, và đây là những thành phần của kiếp sống mới, được chi phối bởi những hành vi tốt hay xấu trong quá khứ. Nói khác đi, hình hài vật chất và "đặc tính" đều được tiền xác định bởi hành vi ý chí quá khứ, nhưng chúng sẽ ra sao trong tương lai lại do những hành vi ý chí hiện tại. Từ cảm giác mà sinh ra thêm môn ("ái"-TANHA) những đối tượng của mắt, tai, mũi, lưỡi, da, và từ đó nảy ra Thọ hay là Lòng muốn duy trì hay bảo thủ những đối tượng đó, và từ đó sinh ra lòng cố ôm lấy sự sống cùng những kinh nghiệm giác quan. Kết quả của Thọ là HỮ, tương xứng cho quá trình "trở nên", cho cái dòng biến hóa của những thành phần, mà nó lại là nguyên do luân lưu mãi mãi của cuộc đời. Ba yếu tố Ái, Thọ và HỮ lập thành một nhóm gọi là PACHUPPANNA KAMMA BHAVA, nghĩa là những hành vi ý chí hiện tại, tương ứng với ATTITA KAMMA BHAVA, những hành vi ý chí quá khứ.

Như vậy, kiếp sống hiện tại, - nghĩa là nhóm yếu tố từ Thức tới HỮ - gồm có những hiện tượng hậu quả của nghiệp trước và những hoạt động mới dưới ảnh hưởng của những hiện tượng đó. Sự kiện này có nghĩa là những hoàn cảnh chung quanh ta, là kết quả của những hành vi trước của ta, và như vậy thoát ra khỏi vòng kiểm soát của ta. Chúng đã được

xác định theo luật nhân quả. Những phản ứng - nghĩa là cái lối hành động của ta, hoặc bị vô minh qui phục và làm điều xấu, hoặc chống lại vô minh và làm điều tốt - thì hoàn toàn bị chi phối bởi ý chí tự do của ta, và cũng do đó mà ta xác định tương lai ta. Những điều kiện của một kiếp sống mới, như giàu hay nghèo, yếu hay mạnh, ngu hay khôn, đều được xác định bởi những hành vi ý chí kiếp trước, nhưng phản ứng chống lại những điều kiện đó thì lại không được xác định trước. Vì vậy nghèo có thể trở thành giàu trong kiếp sau. (Và nhiều khi ngay cả trong kiếp này, do một cố gắng đúng chiều trong việc thực hiện cái nghiệp tốt nào đó từ kiếp trước); bệnh tật có thể biến thành lành mạnh bằng cách hiện mình làm phúc cho người khác v.v... Cứ như thế, lý thuyết về Nghiệp, luôn luôn dính liền với nguyên tắc khoa học là nguyên tắc nhân quả xác định, mà vẫn tránh được thuyết tiền định, và, do đó, thuyết định mệnh.

Hai móc xích cuối cùng trong chuỗi giây nhân quả là Sinh và Lão, Tử; chúng tóm tắt kiếp sống tương lai hết như hai móc xích đầu tiên đã tóm tắt kiếp sống quá khứ. Sinh và Lão, Tử, những đặc tính tương lai đó - có thể áp dụng cho mọi hình thức tái sinh, bởi mọi sự vật phải có một sự bắt đầu và một chấm dứt - là kết quả những hành vi ý chí trước và vì vậy được mệnh danh là ANAGATA VIPAKA BHAVA : hình thái vị lai của Trở Nên, kết thành (VIPAKA) từ cái Nghiệp hiện tại.

Như vậy chuỗi giây nhân quả bao gồm những quá trình nối tiếp của hiện sinh là quá khứ, hiện tại và tương lai; nó lại được chia thành bốn hình thái của hữ (hay Trở Nên) trong đó hai hình thái là Quá (Nghiệp) và hai hình thái là Nhân (VIPAKA). Những móc xích quá khứ (Vô minh và Hành) và tương lai (Sinh và Lão, Tử) chỉ là những tóm tắt; chúng chưa đựng những yếu tố khác với đây đủ chi tiết trong đoạn nói về kiếp sống hiện tại (từ Thức đến HỮ), và tất cả nhịp diễn biến phải được quan niệm là một diễn biến vòng tròn, trong đó mọi yếu tố có thể đồng thời phát sinh. Chẳng hạn, Vô minh phát hiện trong suốt diễn biến chu kỳ đó và Hành cũng vậy : Sinh và Lão, Tử cũng phát hiện trong mọi chu kỳ, bởi

vì trong cái liên tục nhân quả mà ta gọi là hiện sinh thì cái quá trình sinh, hủy và diệt lúc nào cũng diễn ra một cách liên tục.

Theo quan điểm động của Triết học nhà Phật, thì mọi hiện sinh, có ý thức, hay không có ý thức, chỉ là một dòng biến chuyển vô cùng nhanh chóng của Sinh, Lão và Tử trong mọi yếu tố tâm linh cũng như vật lý. Nó giống như cái ảo tượng thị giác của ta khi ta xem một cuộn phim xê : cuộn phim đó chính ra được tạo thành bởi từng chiếc phim bất động, nhất thời, lắp lại với nhau, nối tiếp nhau, và khi chiếu lên màn ảnh, sự quay nhanh của những chiếc phim đó cho ta một cảm tưởng như là một dòng không gián đoạn.

Nhân Tính, bởi vậy, không phải là một sản phẩm của những do lai vật chất, cũng không phải bị những hoàn cảnh bên ngoài chi phối; nó là một biểu lộ của SANKHARA - những chuẩn tính tác tạo ra từ những hành vi quả khứ của mình, và những hành vi này lại bắt nguồn từ những điều kiện tâm linh đi trước. Điều này lập tác giải thích ngay cái đa tạp và cái phạm vi cực kỳ đặc biệt của những hạng người khác nhau. Nó giải thích tại sao một thiên tài lại có thể xuất thân từ một gia đình tầm thường tại sao một kẻ rất thục thủ và chịu khó lại có thể có những cha mẹ gian dối và có những khuynh hướng trọng tội, hoặc tại sao một người sinh trưởng trong một nơi rất đói nghèo nản lại có thể trở nên giàu có, và ngược lại, có người sinh ra trong một gia đình giàu nứt đố đổ vách lại chầm dứt trong một tình trạng nghèo khổ rách áo ôm.

Phật Giáo không bỏ qua yếu tố di truyền. Nhiều bằng chứng hiển nhiên cho biết rằng có người có thể nhớ nổi những kiếp trước của mình (một hiện tượng rất thường có ở Đông phương, và không phải chỉ ở những mức theo Phật Giáo) và bằng chứng đó chứng minh rằng, trong một gia đình nào đó, một người sinh ra trong hấp thụ những đặc tính sinh vật hoặc tâm lý của gia đình đó. Bởi thế một người nào đã suốt đời nghiên cứu hoặc ham thích nghệ thuật hoặc khoa học đến một độ đam mê (kiếp trước) lại thường hay tái sinh vào một gia đình có cùng khuynh hướng. Mozart, thiên đồng âm nhạc, sinh trong gia

Nhớ Mẹ

Nhìn liểu rú chưa chan giọt lệ
Mình bơ vớ nghe đề ni' non
Bơ vớ vì mẹ chẳng còn !
Tự đứng trước án nét son tỏ mơ.

Lật nhật ký, vắn thơ bỏ dở'
Áo còn đây, mẹ nỡ ra đi
Vườn hoa, cỏ mọc xanh rì
Líp trâu của mẹ tàn đi hai phần.

Cao xanh hỡi, đôn cần tạo hóa !
Gây chi trò bẽ cá nường dẫu ?
Gây chi tang tóc, đau sầu !
Mẹ ta lạnh lẽo, ta sầu đôn cõi !

Còn đâu tiếng con ơi của mẹ
Tiếng êm êm khe khẽ ngọt ngào !
"Áo ấm con hãy mặc vào
Mùa đông gió lạnh thấm vào khô thân".

Rồi tiếng mắng "thằng bần" của mẹ
"Học thi lười, nghịch kẻ nào hơn"
Nhớ khi con giận, con hờn
Mẹ lau nước mắt cho con mẹ cười.

Cười tha thur' những lời con hồn
"Lớn rồi nghe, hư đồn thế' sao ?"
Mẹ ơi! con nhớ hôm nào
Con đau mà mẹ tổn hao thân gây !

Mẹ ơi! con ôm rồi đây !
Thèm nghe tiếng mẹ la rầy bên tai :
"Áo sút nút không, cài kéo gió ?
Cháo nguội rồi, nếm đó sao con".

Lúc còn mẹ con còn tất cả
Mẹ đi rồi, tất cả cùng đi
Mẹ ơi! con chẳng còn gì
Bơ vớ đến cả khi đi, lúc về !

Kính tống Hiền Huynh Hộ Giác
Người cao gió cho tôi khi ôm
Như Mẹ hiền còn sống đã lo cho
Đình Mão tàn Xuân
■ THÍCH CHƠN ĐIỀN

đình thích nhạc, mặc dù gia đình đó không có tài gì mấy. Có rất nhiều thí dụ tương tự, nhất là trong âm nhạc, trong đó đam mê lên tới một độ rất cao và có lẽ nổi bật trên mọi bộ môn nghệ thuật nào khác, do đó gây nên một cấu thành tập quán

(hay SANKHARA) nó bám víu lấy đời ta từ kiếp này sang kiếp khác. Thế đồng thì không cần học; hần chỉ nhại. Đây nữa, yếu tố vật lý ảnh hưởng yếu tố tâm lý : đứa trẻ sinh

Xem tiếp trang 16

QUẢN ÂM THỊ KÍNH

(tiếp theo)

9. KÉ TÌNH NGƯỜI MẸ

Xuất gia quyết một tâm liên,
Phụ tình dới nguyệt bước lên dặm trường.(1)
Quần chân áo chít dụn dằng,(2)
Già hình nam tử ai tưởng căn nguyên.
Song đường thấy sự ngạc nhiên,
Ruột tâm bối rối thêm phiền não ra,
Biết đâu dặm thẳng đường xa,
Biết là giếng cạn hay là bể sâu.
Chốc là ngàn ấy tuổi đầu,
Đến nay cả lớn vừa hầu cây trồng.
Giải kia lằm mất chú đồng,(3)
Tủ duyên ấy bỗng nở lòng thâm thương.(4)
Hay là bực tuyệt buồn sương,(5)
Như ai khoét vách treo tường chả chơi.(6)
Vậy thì sao chằng một lời,
Biết mà gả phải cho đời cho xong.
Đá vàng nghe cũng bèn lỏng,(7)
Lẽ nào trông thủng bông long đến điều.(8)
Vì đâu gió khóa mưa chiều,
Đề nguồn trôi nổi cho bèo mênh mông.
Mất lòan chân chậm răng long,
Để nhờ Lữ Ngọc hết công tìm tòi.(10)
Biết bao nước mắt mờ hồi,
Cây đồng được mấy mươi chồi cho cam.(11)
Bây giờ đôi ngã bắc nam,
Biết còn quanh quần cõi phạm hay không.
Nghìn năm nghiêng lở non đồng,(12)
Biết còn ứng tiếng lạc chung đó là.(13)
Thương thay lụ khụ tuổi già,
Để năm canh nguyệt quốc ba tháng hè.

THÍCH

Trong kinh Phật nói : "Tâm, Phật, Chúng sinh, ba thứ đó không có sai khác gì nhau". Đứng thế, Phật với chúng

sinh cũng vẫn một cái tâm ấy. Phật tỏ ngộ được tâm, Phật thành chính giác, hưởng thú Niết Bàn; chúng sinh mê mất cái tâm ấy, thành kẻ phạm phu đọa lạc luân hồi. Cái khổ chia chẻ ấy thực là tình vi, nhỏ hơn cái tổ cái tóc, thế mà sai một ly đi một dặm. Một niệm cảnh trên, tu chín kiếp tức thì đầy đọa; một niệm cảnh Phật, trong bể khổ lên thẳng cõi yên vui, thực là mâu nhiệm thay! Như đoạn này bà Thị Kính thì tình giặc mông trên, quyết chỉ xuất gia cầu đạo, con đường trước hy vọng lớn lao là ruộng nào, sàng sủa sung sướng là ruộng nào! Còn cha mẹ bà vẫn trong giấc mê cảnh trên xoay chuyển, thì phiền não là ruộng nào, đau khổ là ruộng nào; con đường trước tối tăm mù mịt là ruộng nào? Ta đem hai cái tâm cảnh ấy ra mà so sánh mà suy nghĩ, ta sẽ thấy thế nào là chân, là vọng là Phật, là chúng sinh vậy.

...

- (1) Phụ tình : Dội sao, dới nguyệt : dới trăng. Nói lúc ra đi đêm đã khuya, sao đã mọc, trăng đã cao lên đỉnh đầu rồi.
- (2) Quần áo của con trai.
- (3) Vợ chồng lìa nhau lậ cắt giải đồng tâm.
- (4) Sâu là sao mọc buổi sáng. Thường là sao mọc buổi tối, ý nói cách biệt không thể thấy nhau được nữa.
- (5) Ý nói chán chớ lạnh lùng tìm nơi ấm áp.
- (6) Nói trai gái đi lại vụng trộm với nhau.
- (7) Nói lòng bà Thị Kính cũng rất vững bền như đá như vàng.
- (8) Bông là cái trống cơm của con đi đánh bông đeo ngang lưng mà vỗ hai đầu. Đây nói chơi bởi lu bù.
- (9) Gió khóa mưa chiều cũng như ta nói gió tấp mưa sa vậy.
- (10) Ngày xưa con Lữ Ngọc là Tiêu Hồng đi chơi bị lạc, bố tìm đến ba năm mới thấy.
- (11) Cây đồng : Ví với con trai, đây nói con trai, đã hiếm, có một con gái lại đi.
- (12) Non đồng, núi có mỏ đồng.
- (13) Lạc chung : cái chuông ở Lạc Dương, sách có câu nói : non đồng lở thì chuông Lạc Dương kêu, ý nói cùng một khí cùng cảm ứng với nhau.

10. MỘT TÂM HIẾU THÀNH

Nàng tư' xa chốn hương khuê,(1)
Nổi nhà man mác mọi bề mà lo.
Cũng toan gỡ mối tơ vò,
Thành sâu cao ngất phá cho tan tành.
Tướng ân trời bể mông mênh,
Để mà đến được ân tình ấy đâu.
Tà tà bóng ngà cảnh dẫu.
Sớm khuya dưới gối ai hầu hạ thay.
Vắng lời khuất mặt lúc này,
Lòng người thiếu nỡ biết ngày nào người.
Nghĩ điều mưa nắng xa xôi,
Cảm thương đời đọa bồi hồi từng đau.
Chân trời đất khách đã lâu,
Chiêm bao lần thẩn ở đâu quê nhà.

THÍCH

Xưa có một đệ tử hỏi Phật rằng : "Sau khi Phật tịch rồi, ngài Di Lặc chưa ra đời, thì ai là Phật hiện tại?". Phật dạy : Cha mẹ là Phật hiện tại. Lại khi Phật mới thành Phật, chế giới luật Đại thừa Bồ tát. Điều cốt yếu nhất là : "phải hiếu thuận cha mẹ, sự tăng tam bảo! Hiếu là cái pháp thứ nhất tới đạo chí thiện, cho nên gọi hiếu là giới" cứ xem kinh và luật của Phật, thì biết chữ hiếu đối với nhà Phật được tôn trọng thứ nhất vậy. Hạng thế : "Trên thêm đầu bạc phơ phơ, ấy sinh Bồ Tát phụng thờ vi tiên". Cha mẹ sinh con, nuôi con khôn lớn, ân đức như trời như bể, thế mà làm con lại không biết nhớ ơn, lo toan báo đáp, thì con người ấy còn có cái gì để gọi là người nữa! Dù cho theo tôn giáo nào, cũng không thể thực hành tôn chỉ của giáo lý được, theo chủ nghĩa gì, cũng không trung thành với chủ nghĩa ấy được. Vì thế nên Thánh Hiền cho chữ hiếu là đầu trăm đức, hết làm được tròn chữ hiếu, thì làm việc gì cũng nên vậy. Hết cứ người tại gia, xuất gia, nghĩ một điều gì, làm một sự gì, cứ tự hỏi ngay mình rằng : Ta nghĩ thế này, ta làm thế này, có đến nỗi nhục cho cha mẹ ta chăng, hay là về vang cho cha mẹ ta? Nếu là nhục thì dù lợi cho ta đến thế nào ta cũng quyết bỏ ngay đi, mà làm về vang cho cha mẹ, thì dù bỏ cả thân mạng cũng làm. Cứ dùng một phương pháp ấy mà tu mà làm, chắc chắn là phải hợp đạo lý thành công quả vậy. Ôi! thiết thực biết những nào, chân chính biết những nào! Phật lấy hiếu làm giới thực là có cái ý nghĩa sâu xa lắm vậy.

...

(1) Hương khuê : Phòng hương, phòng con gái ở.

11. THẤY CỬA BỒ ĐỀ

Hỏi thăm thăm liễu dần dà,
Ngõ đầu Vân tự chẳng là ở đây.(1)
Bốn bề phong cảnh lạ thay !
Bông lai kia cũng thế này mà thôi.(2)
Cửa thuyên sẽ lên chân coi,(3)
Trông lên sự cụ vừa ngồi tụng kinh.
Mưa hoa rây khắp bên mình,(4)
Nhấp nhô đá cũng xếp quanh gập đầu.(5)
Mới hay đạo Phật pháp mầu,
Nghĩ đây cũng để đời sâu làm vui.

THÍCH

Đại để tâm lý chung của người đời đối với cảnh chùa có hai mối tin tưởng này. Một là nhận cửa chùa là cửa thanh tịnh, giải thoát, mỗi khi gặp cảnh phiền não, thì chạy vào chùa cho khuấy khoa cơn sầu. Hai là bước vào cửa chùa là cách đời xa quá, mất hết cả cái thú làm người, cho nên nhà nào có người đi tu, cũng coi như một người đã chết, mà đem lòng thương hại xót xa. Hạng trên thì phạm vào cái lối : "Nạn tới mới ôm chân Phật"... "Hữu sự thì vái tú phường, vô sự nên hương chặng một" là lợi dụng của Phật lấy lợi ích mình, chứ không phải là tin thực. Hạng dưới thì

thơ hồn bát nghĩa trang

Gió vồn vờn vật bước chân ai
Trên thảm cỏ xanh gòn dẫu hài.
Nhang khói tán hương người dưới mộ,
Phân sơn phai nhạt kẻ trang đài.
Chơi với đỉnh nội hồn chi đi,
Phiêu hốt ngàn mây phách liễu trai.
Hoang phế chôn này ai thăm viếng
Mở màng nghĩ đến cõi Thiên Thai ?

Tùy Anh

phạm vào cái lối : "Chim đêm sống mê, không biết chó riêu là cảnh thật". Vì thế cho nên Phật pháp suy đến, vì thế mà người tu ít người chứng quả thật. Muốn cứu chữa lại hai mối sai lầm ấy, cần phải giải thích cho người đời nhận rõ đạo lý của Phật, đích là phương thuốc trừ sạch bệnh mê lầm; cho người được cái sự sống chân thật thường còn, chế độ nhà chùa là xếp đặt một hoàn cảnh thuận toại cho người tu để bén mùi đạo, để xa bụi trần mê thôi. Thêm một người đi tu là thêm một vị xả thân cứu thế, mưu tăng hạnh phúc cho đời, phát tâm đi tu, là tự độ lấy mình, lại độ cho người chứ không phải là chán đời, là trốn đời, như vậy thì Phật pháp mới thịnh. Phật pháp có thịnh thì cái khổ của đời mới mong giảm bớt dần vậy.

...

- (1) Vân tự : Tên một ngôi chùa ở Cao Ly.
- (2) Bông lai : Một quả núi trong ba non thần ở giữa Bột Hải, tục truyền chỗ đó là chỗ thần tiên ở, nhà cửa làm thuần bằng vàng bạc.
- (3) Cửa thuyên : cửa chùa, cửa thanh tịnh.
- (4) Mưa hoa : Sự cụ Trí Nghiêm đời Đường ngồi tụng kinh, trời mưa hoa rúc xung quanh mình.
- (5) Cụ Đạo Sinh trong khi tham củi Phật pháp, nhận thấy cái lẽ Xiển đề cũng có Phật tính, không biết có đúng chân lý của Phật không, mới xếp đá xung quanh giáng cái lẽ ấy rồi hỏi đá có nhận thế là phải không, đá đều gật đầu. Sau đem được bộ kinh Niết Bàn về thì quả nhiên trong kinh ấy Phật đã ấn định rõ cái nghĩa Xiển đề cũng có Phật tính rồi.

(còn tiếp)

Đạo Phật đi vào Cuộc Đời

TÂM NHƯ phụ trách

Hỏi 38 : Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài chia giáo pháp của Ngài ra làm 3 giai đoạn (500 năm, 1.000 năm và 10.000 năm), như vậy thời gian giữa các pháp và khi Đức Di Lặc thành Đạo dưới cây Long Hoa sẽ là thời gì ?

PHẬT TỬ vùng Maryland-Hoa Kỳ

Đáp : 3 thời kỳ trên Đức Phật chia ra gồm có Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Thời kỳ giữa mạt pháp và đến lúc Đức Phật Di Lặc ra đời, thành Đạo chúng ta có thể gọi là thời kỳ tận thế chăng ? Vì theo như Đức Phật Thích Ca nói rằng sau thời kỳ mạt pháp chúng sanh không còn biết đến giáo pháp, đến hình tượng, tín ngưỡng v.v... như thiết đều không - chỉ còn có 6 chữ "Nam Mô A Di Đà Phật". Nên Tâm Như niệm phép nghĩ rằng chúng ta có thể gọi thời kỳ đó là thời kỳ tận thế vậy.

Hỏi 39 : Khi chết, thân trung ấm sẽ trở lại làm người (nếu được đầu thai lại cõi Ta Bà) trong vòng 49 ngày; như vậy tại sao chúng ta lại có tục cúng 100 ngày? và theo các kinh sách thường nói sau khi chết chúng ta phải thọ nghiệp mà chúng ta đã gieo như vậy tại sao rất đông gia đình ở Việt Nam thường chôn các áo quần trang sức,... theo người chết ?

Như trên

Đáp : Theo Liễu Sinh Thoát Tử cũng như quan niệm của Đạo Phật người chết chỉ đi đầu thai trong vòng 49 ngày. Nếu sau ngày ấy không đi đầu thai được, sẽ làm cô hồn đi vất vưởng đó đây. Nên Đạo Phật thường hay chú trọng từ khi chết đến 49 ngày. Sở dĩ có 100 ngày, Tiểu tường (1 năm), Đại tường (2 năm) có lẽ đây theo quan niệm của người

Trung Hoa hoặc Khổng Giáo. Đạo Phật không chính thức chia ra 10 cửa ngục lúc đi đầu thai; nhưng người Trung Hoa thì có Thập Điện. Do đó từ tuần thứ nhất cho đến đại tường là tưởng tượng cho 10 cửa ngục mà một thân trung ấm theo tục lệ của người Trung Hoa phải trải qua vậy.

Khi chôn, người Việt Nam chúng ta thường hay liệm áo quần, vòng mi hoặc đồ trang sức theo người chết; vì họ nghĩ rằng để cho người chết ấm thân, có vòng bạc để tiêu xài nói cõi âm. Đây là quan niệm bình thường của nhân gian, của người Việt Nam cũng như của các dân tộc Á Châu khác. Không nhất thiết là quan niệm của Phật Giáo. Vì Phật Giáo có vẻ sống trong lòng dân tộc; nên có nhưng phong tục giữa Phật Giáo và quan niệm nhân gian không phân biệt rõ ràng; chứ theo tinh thần Phật Giáo chính thống thì hình như không có những cố tục rườm rà ấy.

Hỏi 40 : Trong kinh sách nói "niệm một danh hiệu được tiêu ngàn tội" như vậy mỗi niệm đều được giảm tội hay phải thành tâm hoặc bất loạn ?

Đáp : Trong kinh Địa Tạng nói nếu tội của chúng sanh mà đong đực, thì không có đất trời nào mà chứa nổi. Do đó việc niệm danh hiệu Phật; nhưng vào tha lực của các bậc Thế Tôn là điều nên làm. Tuy nhiên nếu thành tâm và bất loạn vẫn là điều cần thiết. Nếu ít thành tâm và chưa chánh niệm, tội lỗi cũng có thể tiêu trừ; nhưng có lẽ ít hiệu quả hơn là thành tâm hoặc bất loạn. Vì như người học trò đi thi - nếu cố gắng học bài sẽ được đậu cao. Người nào không chuyên tâm học tập, cũng có thể đậu; nhưng đậu thấp thôi, đôi khi có thể hỏng nữa là đằng khác. Việc niệm Phật có thể

cũng không khác việc trên là bao nhiêu.

Phật Tử còn có thêm 4 câu hỏi nữa để gởi đến Tâm Như; nhưng để lên sau Tâm Như sẽ cố gắng giải đáp trên Viên Giác số tới vậy.

Hỏi 41 : Tại nhà tôi thờ Phật Thích Ca, Phật Bà Quan Âm và Ông Quan Công. Mỗi vị thờ trong 1 cái khám. Tượng Phật Thích Ca để trên cao nhất. Tượng Quan Âm để lên mặt, thấp hơn một ít. Bên trái là tượng Quan Công. Tất cả đều thờ trong khám, hay chỉ có riêng từng vị được thờ ?

LÂM ĐỨC TRUNG - Saarbrücken

Đáp : Thờ từ nhằm làm trang nghiêm đức tin của chính mình và tỏ lòng thành kính đối với chư Phật, Bồ Tát và các vị Thánh nhân; nên vị nào cũng có thể thờ trong khám cả. Với điều kiện là phải trang nghiêm.

Hỏi 42 : Việc cúng bái ngoài trái cây, hoa hương, trà nước vào ngày mùng 1 và rằm. Vị nào được cúng mặn và rượu trắng ?

Như trên

Đáp : Thờ Phật, cúng Phật. Tất cả nên thanh tịnh, phải cúng chay, không nên cúng mặn. Ngay cả các vị Thánh cũng vậy, không nên cúng đồ mặn và rượu trắng. Chỉ thuần hương hoa trà quả là đủ rồi.

Hỏi 43 : Khi thờ những vị ấy phải ăn chay vào những ngày nào và những ngày khác thì dùng những thức ăn gì ?

Như trên

Đáp : Nếu là Phật Tử chưa hoặc mới quy y nên ăn chay mỗi tháng 2 ngày vào ngày mùng 1 và rằm. Lên lên 4 ngày là 14, rằm, 30, mùng 1. Nếu tháng thiếu nên ăn chay vào ngày 29. Sau đó ăn chay lên 6 ngày, 10 ngày hoặc nhiều hơn nữa càng tốt. Ngoài những ngày chay ra, là một Phật Tử tại gia, cứ dùng những gì như lâu nay Đạo Hữu đã dùng chứ không kiêng cử gì cả. Có vài loại thịt trâu, thịt chó v.v... ở xứ ta có cấm dùng; nhưng ở đây không cần nói đến những vật ấy. Vì trâu không có ở xứ này và chó được bảo vệ một cách tối đa thì không có gì đáng quan tâm cả.

(còn tiếp)



Cuộc Đời của Người Tăng Sĩ

THÍCH BẢO LẠC
THÍCH NHƯ ĐIỀN

(tiếp theo từ số 38)

Hôm nay viết về cuộc đời của một Tăng sĩ Phật Giáo, không ngoài mục đích là giới thiệu đến mọi người, dù Phật tử hay không một cuộc đời dao hạnh của con người dám cắt đứt ái ân ràng buộc, đoạn lìa tình thân thuộc gia đình bằng hầu để sống cuộc đời tự tại nơi chốn thiền môn, nhằm giới thiệu những nét đặc thù về sự sinh hoạt thường nhật của một Tăng sĩ trong những động tác của một con người - đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, học, giao tế xã hội, giáo dục, chính trị, văn hóa v.v....

Có người xuất gia vì hoàn cảnh này hay hoàn cảnh nọ; vì tình duyên dang dở, vì công danh không toại nguyện, vì nghề nghiệp quá phũ phàng hay vì cuộc đời quá nhiều cơn trải v.v... những người đó nghĩ rằng vào chùa thì sẽ được những phút giây thoát tục và muốn chôn đi văng vào tận đáy lòng. Nhưng ngờ đâu trong cảnh thiền môn yên tĩnh đó, khi tâm tư con người lắng đọng lại, tự nhiên lòng mình lại thôn thục hơn xưa. Tưởng rằng chôn chặt kỷ niệm xưa vào quá khứ, nhưng ngờ đâu tiếng chuông chùa thông thả ngân nga làm

cho họ càng thêm buồn thảm và lại muốn trở về với những ngày tháng cũ. Họ ngỡ rằng quên nhưng sẽ không bao giờ quên được. Do đó họ không thể tiếp tục ở lại chùa, họ đành cúi áo nhà tu gói lại chôn thiền môn, trở lại cuộc đời ô trọc để tiếp tục sống như bao nhiêu người khác và làm những gì đã dang dở trong quá khứ. Lòng người bôn đờ cũng giống như một ly nước đục. Nếu sống trong hoảng mang lo sợ thì ý tưởng vẫn chấp chôn, nhưng khi để yên ly nước kia một thời gian thì phần đục sẽ lắng đọng lại ở đáy ly. Nếu người nào tự làm chủ được mình thì giữ nguyên như thế, nhưng nếu người nào thấy tâm lý khá phức tạp, cũng giống như ly nước khi cần đục bị khuấy động lên, rồi đục vọng và thêm luyến lại xâm chiếm tâm hồn mình, thì mình là kẻ chiến bại, không tự thắng được chính mình, để cho ngoại cảnh chi phối. Lúc bấy giờ chỉ có một con đường : con đường trở lại với thế tục. Còn những kẻ tự ý xin xuất gia lúc còn nhỏ tuổi, được gọi là đồng chơn nhập đạo, nghĩa là người còn trong sạch chưa nhiễm thế trần, bắt đầu vào cửa đạo, thì tưởng đối dễ tu hơn, vì chưa nhiễm mùi tục lụy và hay sợ tội lỗi mỗi khi phạm phải

Trong chùa lại cũng có những người đã lập gia đình rồi mới xuất gia - để vợ con lại nhà - chỉ một mình vào nương náu cửa thiền, gọi là bán thế xuất gia, nghĩa là người đã nửa đời mới thì phát quy y và thực hành đời sống của một Tăng sĩ.

Thông thường, nếu một người tự ý xin gia đình để xuất gia, sống cuộc đời dao hạnh, thì người ấy tưởng hay sống trọn cuộc đời trong chốn thiền môn. Nhưng nếu người nào đó bị ép buộc về việc xuất gia, ví như vì tình duyên dang dở hoặc bất cứ vì lý do nào khác, thì họ khó lòng mà mãi mãi ở lại với thiền môn. Điều này cũng dễ hiểu, ví dụ trong nhà ta bao giờ cũng có người giúp việc, người này luôn luôn tận tụy phục vụ ta khi ta cần đến. Họ nấu ăn luôn luôn ngon miệng, nhưng rồi một hôm nào đó họ nấu những nhạt quá hoặc mặn quá khiến ta ăn không vừa miệng, ta đâm bực tức la mắng người đó thậm tệ; nhưng nếu một hôm nào đó người giúp việc phải có chuyện đi xa, và trong nhà cũng chẳng có ai thay thế để lo việc bếp núc cho ta, chính ta phải ra tay làm lấy những việc mà hàng ngày ta không hề bận tâm đến. Vì không quen nấu nướng nên đã nấu cơm sống, làm đồ ăn dở, thật chẳng hợp khẩu chút nào. Thế nhưng khi ăn lại cảm thấy ngon bởi vì chính ta tự làm lấy... Việc tu hành cũng thế. Nếu ta tự nguyện quy y Tam Bảo, thì phát xuất gia, nguyện sống cuộc đời dao hạnh thì dù cho trên con đường hành đạo có gặp bao nhiêu chông gai chướng mĩa ta cũng phải cố gắng để vượt qua, và nếu có gặp nhiều niềm vui hay nhiều trợ duyên tốt đi nữa, ta cũng tự bằng lòng với kết quả đó. Còn nếu vì bất đắc dĩ mà xuất gia thì trên đường hành đạo, nếu gặp thuận duyên chẳng nói làm gì, nhưng nếu gặp chướng duyên thì ta lại sẽ than thân trách phận oán trách người này, kẻ khác vậy. Bởi vì con đường đi đến giải thoát luôn luôn có chướng nạn chứ không phải bao giờ cũng chỉ có thuận duyên. Vì thế người học đạo và hành đạo cần phải có hèn lãnh, tự giác ngộ cho mình rồi mới đi giác ngộ cho tha nhân được. Cuộc đời có thăng trầm vinh nhục bao nhiêu thì lẽ đạo cũng nhiều chướng duyên, hiểm nạn bấy nhiêu vậy. Các vị thánh hiền, các bậc vĩ nhân, các vị Bồ Tát, các vị Phật lấy thiên

nếu làm Bồ Đề, nhưng chúng sanh thì thường lái hay lấy phiền não làm sợi giây trói buộc tư thân, nên còn lẫn lộn mê trong bể trầm luân và Bồ Đề giác ngộ thì vẫn còn quá xa. Vì thế trong kinh có dạy rằng: "Chúng sanh đa bệnh, Bồ Tát đa hạnh". Những kẻ còn bị dọa lạc trong bể khổ trầm luân thường hay có nhiều bệnh khổ, bệnh tham lam ái dục, bệnh tham sinh hỷ tử, bệnh thích chuyện sung sướng, tư chối mọi khó nhọc, bệnh thân thể v.v... Ngày nay, trung bình một đời người là 60 năm, nhưng xét ra cho cùng ta bệnh hoạn cũng đã hết ba mươi năm rồi, và trong ba mươi năm bệnh hoạn đó ta đã khổ từ vật chất đến tinh thần rất nhiều; trong khi đó các vị Phật hay Bồ Tát lại có nhiều hạnh nguyện độ sanh. Ví dụ như Đức A Di Đà có 48 lời nguyện, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có 12 lời nguyện Đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát có 10 lời nguyện v.v... Mỗi vị Bồ Tát có nhiều lời nguyện khác nhau nhằm cứu chúng sanh ra khỏi nhà lửa tham dục. Ngài A Nan có lời nguyện như thế này :

Phục thính Thế Tôn vì chứng minh Ngũ trước ác thế thọ tiên nhập Như nhất chúng sanh vị thành Phật. Chung bất ư thú thú Nê Hoàn.

Bốn câu trên có nghĩa rằng : "Kính mong Đức Thế Tôn chứng minh cho con con nguyện đi vào trong đời ngũ trước này, trước đề độ cho chúng sinh; nếu còn một chúng sinh nào chưa thành Phật thì con quyết rằng sẽ không nhập Niết Bàn".

Cao quý thay cho một vị Bồ Tát đã vì bệnh khổ của chúng sanh mà ra tay cứu chữa. Đời ngũ trước là cuộc đời đơ nhớp gồm có : kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước. Đối với bậc thánh nhân, năm điều đơ uế của cuộc đời này là như thế, nhưng đối với chúng sanh các loài thì loài người vẫn là tương đối. Nói cho cùng thì đời là đơ nhớp nhưng chúng ta lại luôn nghĩ rằng đời trong sạch; ngược lại những vị thánh nhân thấy ta lẫn lộn trong bể trầm luân độ nên mới xót thương đồng lòng từ muốn ra cứu giúp. Còn đối với các loài súc sanh, chúng sống trong bùn đơ nước đọng, ăn uống những vật thực thừa thải của con người bỏ rơi ra mà lại nghĩ rằng ngon, vì ngon chúng mới ăn và mới sống trong sự mê muội

đơ nhớp, ngược lại, loài người thì thấy chúng đơ nhớp. Điều đó chứng tỏ rằng khi đứng trong một thế giới cao nhìn vào thế giới thấp hơn thì người ta sẽ thấy mình thanh thoát và cao thượng hơn vậy; còn những chúng sanh đang sống trong thế giới của mình vì tính cố chấp bảo thủ nên ít thấy mình đơ bẩn trong khi thực sự là đơ bẩn.

Thế nhưng Đức Phật cũng dạy rằng : "Kẻ nào đi tìm sự giải thoát ở ngoài thế gian này thì kẻ đó thật cũng chẳng khác nào đang đi tìm lông con rùa, sừng con thỏ là điều không thực vậy". Quả vậy, Đạo Giác Ngộ của Đức Thế Tôn không thể nào có ngoài thế gian này và Đức Phật cũng như các vị Bồ Tát cũng không thể nào thành đạo ngoài thế gian này. Vì rùa không bao giờ có lông và thỏ không bao giờ có sừng. Phật pháp không ngoài thế gian mà có được mà chính vì thế gian này còn đau khổ nên Phật pháp mới hiện hành. Nếu thế gian này hết khổ đau thì sự thị hiện của các vị Phật và các vị Bồ Tát trong thế giới ta bà đây về trước này không còn cần thiết nữa.

Lời nguyện của Ngài A Nan cũng giống như lời nguyện của Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát : "Khi nào trong địa ngục không còn một chúng sanh nào bị dọa lạc nữa thì lúc đó Ta sẽ thành Phật". Lời nguyện thật cao cả thay, nhưng chúng sanh vẫn còn mãi vui chơi trong nhà lửa của tam giới; lửa đang thiêu rụi thân, tâm con người mà con người mấy ai hay biết. Phật Thánh giống như người mẹ hiền đang trông đợi và réo gọi con đang ham chơi trong nhà lửa nà, nhưng những đứa con mê mớ như chúng ta nào có nghe theo.

Đức Quán Thế Âm cũng thế, Ngài có 12 lời nguyện, trong đó một lời nguyện rất vi diệu thâm thâm vốn rất quen thuộc với người Phật Tử : "Dùng bình nước cam lồ thanh tịnh và nhánh dương liễu nhiệm mầu để gội rửa tâm đó!". Ôi cao quý biết bao đối với một vị Bồ Tát luôn luôn nghe tiếng khổ não của con người mà tìm đến để giúp đỡ trong lúc nguy nan, ngài dùng tâm và thân thanh tịnh của mình để chữa đựng những vị nước ngọt, và dùng nhánh dương liễu uyển chuyển tùy duyên quá độ để rửa sạch tất cả những vọng tưởng điên đảo của chúng sanh.

Ngài Đại Hạnh Phổ Hiền, ngoài 20 lời đại nguyện ra, còn có bốn nguyện khác như sau :

Chúng sanh vô biên thế nguyên độ
Phiền não vô tận thế nguyên đoạn
Pháp môn vô lượng thế nguyên học
Phật đạo vô thường thế nguyên thành
nghĩa là : Chúng sanh không số kể, nguyên độ khắp; phiền não vô cùng tận, nguyên dứt sạch; pháp môn không kể xiết, nguyên tu học; đạo Phật không gì hơn, nguyên viên thành. Những hạnh nguyện đó thật chẳng khác gì những tiếng chuông cảnh tỉnh trên gian đây hệ lụy nhiều những này. Tâm thân của một Bồ Tát là tâm thân của một đại địa sơn hà, bao la như núi rừng hùng vĩ, như tam thiên đại thiên thế giới không có lối cản ngăn. Lời nguyện vượt lên trên không gian vô cùng và thời gian vô tận.

Hư không đâu có chuyện đi
Nguyên con muôn kiếp chẳng hề lung lay
Nguyên cầu vạn pháp xa nay
Hoàn thành trí nghiệp đến nơi Bồ Đề.

Chúng sanh từ vô tình đến hữu tình, từ loài người đến loài vật, Đức Phổ Hiền Bồ Tát sẽ không từ chối một ai, Ngài quyết độ cho cùng tận; phiền não là sự ràng buộc tư sinh Ngài cũng quyết cắt lìa; giáo pháp của Đức Như Lai nhiều như lá cây trong rừng còn sự hiểu biết của chúng sanh thì như nắm lá trong tay Đức Phật nhưng Ngài Phổ Hiền đã nguyện học hỏi cho đến tận cùng chân lý đó; con đường dẫn đến giải thoát lối thường Ngài đã nguyện sẽ thành tựu viên mãn để cứu độ chúng sanh.

Đức A Di Đà có tất cả 48 nguyện và Ngài dạy rằng tất cả đều là chân thật chứ không phải hư vọng, nếu chúng sanh nào thực hiện đúng như thế những sau khi chết lại không được sanh về thế giới của Ngài thì Ngài quyết sẽ không làm Phật ở cõi Tây Phương Cực Lạc nữa. Thật là một ánh sáng, một ngọn đuốc, một bậc cha lành cao cả trong muôn sự cao cả khác đã hướng dẫn ta, dù đất ta từ sống sâu vực thẳm trở về với chân lý của Đạo.

Bồ là Phật, là Bồ Tát, là Thánh Nhân, còn con người thì ngược hẳn. Phật, Bồ Tát từ bi hỷ xả bao nhiêu thì chúng sinh ty hiểm và ích kỷ bấy nhiêu. Chúng ta chỉ thương cái ngã của chính mình, lo bảo vệ, xây dựng nó trong sự quyết đoán mù m

và nông nổi của mình. Con người thường hay nói tôi thương gia đình, cha mẹ, vợ con, bè bạn...nhưng thực ra họ thương họ trước, họ sợ tình thương kia bị chia xẻ, nên họ cố hết sức vun xới cái vườn hoa tị ái đó. Cũng chính vì muốn bảo vệ cái yêu thương riêng biệt đó nên ai đồng đến là có chuyện ngay, cả chuyện lành lẫn chuyện dữ: nếu o bế, khen tặng nó thì nó vui, nó mừng, nó sung sướng, nó cao hứng..., nếu rủa ai đó mà sùng sộ với nó, chỉ trích nó, không che đậy những thói hư tật xấu của nó thì tự nhiên cái sân, cái hận cái si, cái mê, cái ba đời nghiệp chướng trong quá khứ, hiện tại và vị lai đều nổi lên cùng một lúc và như thế mọi cửa ngõ của trí tuệ đều bị đóng chặt lại để chờ cho tham luyến của tứ ngã và cho chính mình. Trong khi đó, người xuất gia phải là người cắt ái tứ thân, xả phụ cầu thân, xả thân cầu đạo. Người cắt bỏ tất cả tình yêu thương vì kỷ đó, yêu chính mình hay yêu tất cả mọi người mọi vật đi nữa cũng vẫn chưa đủ mà còn phải từ giả mọi sự ràng buộc, liên hệ của gia đình, vì còn thân quyền là còn có căn ngăn, ràng buộc và bỏ tất cả những cái giàu vật chất gia tao, có đó rồi mất đó để đi tìm cái giàu về tinh thần. Phải dứt bỏ như Đức Phật đã dứt bỏ. Ngài là một thái tử quyền cao tước trọng, nhưng Ngài đã dứt bỏ tất cả, nào vợ đẹp con ngoan, nào cung vàng điện ngọc để sống đời đạo sĩ sớm hôm tinh thức vì giác ngộ triền miên của nhân tâm và thế sự. Chính bản thân mình cũng phải nguyện xả bỏ mà đi cầu đạo vô thường thâm thâm thì nguyện của người xuất gia mới thành tựu được. Đã hiểu được ý nghĩa cao thượng của sự xuất gia rồi thì hãy phát tâm xuất gia học đạo. Đã hiểu tức là đã chắc chắn về con đường mình phải đi, vì tha nhân, vì giải thoát chứ không vì chính mình, thì lúc ấy nên tìm hiểu thêm về sự xuất gia.

Thông thường, xuất là ra đi, gia là nhà, vậy kẻ xuất gia là kẻ đã đi ra khỏi nhà hay sao? Nói như thế không phải là sai lầm nhưng chỉ là chưa trọn nghĩa. Quả vậy, xuất gia phải hiểu là tam thế xuất gia thì mới đủ nghĩa. Xuất gia là phải ra khỏi ba thế giới còn trong vòng sanh tử luân hồi là Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Kinh Pháp Hoa dạy

rằng: "Tam giới vô an, du như hỏa trạch". Ba cõi chưa an giống như nhà cháy. Chúng ta đang ở trong cảnh không an mà lại thường hay nghĩ là an và chỉ có các vị đã thoát lìa sanh tử luân hồi mới thấy chúng ta đang loay hoay trong căn nhà đang cháy mà thôi.

Có người thường hay đùa là đi tu để cầu đạo, và cầu đạo lại có nghĩa là cầu giàu. Lời nói đó thật vừa hay, vừa vui tai mà lại không sai ý nghĩa mấy. Quả vậy, sợi tóc hàm râu là những phiền trước của thế gian mà người tu hành cần, phải dứt bỏ vậy. Ngày xưa Thái tử Tất Đạt Đa chán cảnh cung vàng điện ngọc muốn xuất gia, vua cha là Tịnh Phạn ngày đêm lo lắng và có một hiền thần hiền kẻ rằng một trăm sợi dây đồng có thể sẽ không trói buộc được thái tử ở lại cuộc đời này nhưng biết đâu một sợi tóc mỹ nhân lại không làm vướng chân thái tử? Vua cha nghe theo và chọn công chúa Da Du Đà La làm vợ thái tử và buộc thái tử phải ở lại với cuộc đời; nhưng ý chí xuất gia của thái tử quá mãnh liệt nên cuối cùng Ngài đã thắng. Vì thế cho nên người được phép xuất gia phải cao bỏ râu tóc đầu tiên, sau đó mới thực tập những nghi lễ của thiên môn.



Muốn xuất gia thì trước tiên phải được sự đồng ý của cha mẹ, gia đình anh chị em. Điều cần yếu hơn nữa là phải được sự đồng ý của vị bốn sư của mình. Vì bốn sư là vị thầy gốc, là người mình đã quy y và đã trao pháp danh cho mình. Y chỉ

sư là vị thầy mình nương nhờ vào để học đạo, để ở chùa đó. Thế độ bốn sư có nghĩa là vị thầy cho mình xuống tóc xuất gia. Thông thường thì Thế Độ Bốn Sư và Bốn Sư là một. Vì người muốn xuất gia phải cầu thầy mình thọ giới mà xin và khi được phép xuất gia rồi phải ở chung với thầy bốn sư ít nhất là 5 năm để học kinh, luật, luận rồi sau đó mới được rời thầy chính để đi học đạo.

Mỗi vị thầy được nối truyền bởi một dòng kệ của vị tổ sáng lập. Ví dụ như Tổ Nguyên Thiệu, Tổ Liễu Quán, Tổ Minh Hải... mỗi vị Tổ đều cho đệ tử nối truyền tông phái của mình bằng một dòng kệ. Như Ngài Minh Hải thì có dòng kệ sau đây:

Minh Thiệt Pháp Toàn Chương
 Ấn Chơn Như Thị Đồng
 Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu
 Kỳ Quốc Tổ Địa Trường...

Theo dòng kệ này, nếu thầy bốn sư của mình là Minh thì đệ tử là Thiệt, nếu thầy bốn sư là Thiệt thì đệ tử là Pháp vậy... cứ thế lần cho đến chữ cuối cùng. Dòng Lâm Tế của Ngài Minh Hải, khai sơn chùa Chúc Thánh và chùa Vạn Đức tại Hội An - Quảng Nam. Tông Lâm Tế được thành lập từ hội thế kỷ 17 mãi cho đến nay đệ tử của Ngài mới đến chữ Chúc thôi.

Khi xuất gia, nếu còn nhỏ, công dưỡng dục sanh thành của song thân chưa đến đáp thì lúc cao đầu còn phải chừa một chòm tóc có ý nhắc nhở rằng mình là người còn nhỏ xuất gia phải lo học kinh kệ cho siêng năng mới có thể gột nốt chút bụi trần còn lại; mặt khác phải luôn luôn nhớ nghĩ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ.

Thông thường, muốn xuất gia thì trước đó phải quy y Tam Bảo và thọ Ngũ Giới. Đầu tiên là Quy Y Phật, nghĩa là nguyện trọn đời nương vào nhưng bậc đã giác ngộ giải thoát, không được nương theo các vị Trời, Thần hay Quỷ Vật. Thứ đến là Quy Y Pháp, nghĩa là nguyện trọn đời nương theo giáo lý Đức Phật, không nương theo những đạo khác có tính cách tà vạy. Thứ ba là Quy Y Tăng, nghĩa là nguyện trọn đời nương theo những vị thầy đã xuất gia để học hạnh của người xuất gia cao tăng quyết không nương theo những bạn dũ ác đàng.

(còn tiếp)

● bản dịch của Quảng Độ

THOÁT VÒNG TỤC LỤY



THỜI GIAN như một giòng nước lững lờ trôi qua, Ngọc Lâm Quốc Sư sống với hơn 70 đồ đệ trên núi Chính Giác, họ hết lòng kính mến ngài, họ vâng theo những điều ngài chỉ dạy; từ sau ngày thế phát quy y, họ đã thay đổi hoàn toàn, họ cố gắng tu học để gột rửa thân tâm. Tiếng mõ sớm chuông chiều từ chùa Chính Giác vọng lên giữa một không rừng âm u, hùng vĩ, như để thức tỉnh những kẻ lầm đường, lạc lối, trở về với đạo Chính Giác. Ngọc Lâm Quốc Sư thường ngày thuyết pháp cho họ nghe để mọi người được tấm gôi trong ánh Tử Quang của Tam Bảo, giờ đây, họ không còn cảm thấy sợ hãi, chỉ thấy yên vui, không còn tham, giận, chỉ thấy hòa bình; Ngọc Lâm Quốc Sư sống với họ thân thoát đã được hai năm.

Một hôm, Giác Đạo đi chợ về, lên nói với Ngọc Lâm Quốc Sư :

- Bạch sư phụ, hôm nay con thấy trên cửa thành An Khánh dán một tờ Thánh chỉ của Thuận Trị Hoàng Đế, nói rằng vì Hoàng Đế tưởng nhớ Quốc Sư, nên truyền chỉ cho toàn quốc để kính thỉnh Quốc Sư về Kinh, lại ra lệnh cho các quan lại khắp nơi, hãy thấy Quốc Sư ở đâu, phải sắp đặt kiệu, võng rước Quốc Sư về.

Ngọc Lâm Quốc Sư chú ý nghe những không nói gì cả. Giác Đạo lại tiếp :

- Bạch sư phụ, trong hai năm qua từ việc cần phải đi mua dầu, muối ra, chúng con rất ít xứng đồng bằng những mỗi lần xứng chúng con thỉnh thoảng lại nghe thấy người ta kháo nhau rằng, núi Chính Giác vốn là sào huyệt của những tay tổ giặc cướp, từ sau khi có một vị du tăng đến hóa độ, bọn cướp đã cải tà quy chánh; họ rất khen ngợi sự tu hành của chúng con, và ca tụng đức hạnh của sư phụ. Tin ấy càng truyền rộng và các tín đồ ở An Khánh đều biết hết; nghe đâu họ cũng sắp kéo nhau lên đây lễ bái sư phụ.

Nghe xong, Ngọc Lâm Quốc Sư chỉ gạt đầu rồi mỉm cười, chứ không nói chỉ cả. Dĩ nhiên trong tâm ngài đã có chủ ý riêng.

Một hôm, Ngọc Lâm Quốc Sư cho triệu tập tất cả đồ đệ ở giảng đường rồi với nét mặt hiền từ, giọng nói triu mến, ngài nói với mọi người :

- Thấy có chuyện ở đây với các

con đã được hai năm rồi, các con đều ngoan ngoãn, biết an phận nghèo, vui việc Đạo, thấy rất vui mừng khi thấy các con đã tiến bộ nhiều trên bước đường tu học. Nhưng bốn phần người xuất gia là phải hoàng pháp lợi sinh thấy không thể ở yên một chỗ với các con mãi mãi, thầy vẫn còn có nhiều việc phải làm; hiện giờ Hoàng Thượng muốn gặp thầy, lúc đầu ngài có hứa với thầy là "Tri nước mười năm, chân hưng Phật Giáo mười năm", ngày mai thầy sẽ hạ sơn để về Kinh trước, nếu không các quan địa phương biết lại đón với rước thì phiền phức lắm. Sau khi thầy đi, các con phải cố gắng tu học như thường, tất cả các việc các con phải theo Giác Đạo. Thầy từng nói với các con là sư phụ của thầy đã già rồi, ngài rất ít đi đâu, nhưng thầy còn có sứ huynh Ngọc Lâm, đạo hạnh của người cao xa hơn thầy nhiều, nếu thầy gặp được người, thầy sẽ mời người đến đây để dắt dẫn các con. Các con không được đi cầu danh lợi, không được đi cầu danh lợi, không được nói với ai thầy là sư phụ của các con, các con là đồ đệ của Quốc Sư, người xuất gia tu hành phải bỏ hết ý niệm quyền uy, thế lực.

Ngọc Lâm Quốc Sư nói làm cho mọi người cảm động, họ biết sư phụ về Kinh để hoàng pháp độ sinh, họ vừa mừng rỡ vừa buồn rầu !

Lại vẫn như xưa, một mảnh áo nâu, một đôi dép cỏ, một gói cà sa, một chiếc bình bát, Ngọc Lâm Quốc Sư từ từ xuống núi. Khi ngài được suy tôn làm Quốc Sư trong hoàng cung ngài không có thêm một vật gì, mà lúc đi chu du hành hóa, ngài cũng

không bớt đi vật gì. Sau khi từ giả các đồ đệ trên núi Chính Giác, ngài không vội vàng về Kinh ngay, dọc đường hề gặp duyên, ngài không quên giáo hóa chúng sinh, nhưng ngài vẫn không muốn cho ai biết ngài là Quốc Sư.

Từ núi Chính Giác đến thành An Khánh chỉ có hai ngày đường, thế mà Ngọc Lâm Quốc Sư đi mất hơn mười hôm, mỗi khi thấy ngôi chùa nào là ngài lại ghé vào vắng cảnh.

Khi đến thành An Khánh, ngài vào nghỉ trong một ngôi chùa, ở đây, ngài được biết một tin rất mừng : cách đây vài ba hôm, các tín đồ ở An Khánh lên lễ trên núi Chính Giác về nói rằng, vị tân trụ trì chùa Chính Giác hiện nay là Ngọc Lâm Đại Sư, sư huynh của Ngọc Lâm Quốc Sư, rằng họ đã quy y Đại Sư rồi; và dân chúng ở An Khánh đang ráo riết sửa soạn lên chiêm bái sư huynh của Quốc Sư.

Nghe tin ấy, Ngọc Lâm Quốc Sư vô cùng hoan hỉ, ngài tự biết sư huynh cố ý lánh ngài, song tất cả công việc của ngài đã được sư huynh giúp đỡ rất nhiều. Chẳng hạn lần này, sư huynh không đến sớm hẳn mà cũng không đến muộn hẳn, nhằm đúng lúc ngài rời khỏi núi Chính Giác, sư huynh mới đến. Ngài tự nghĩ núi Chính Giác cũng cần phải có một người đạo cao, đức trọng như sư huynh ở để lãnh đạo đám đồ đệ của ngài. Nhìn qua tình hình thì 1 ngày gần đây sẽ có rất nhiều các vị khách tăng đến chiêm bái trên núi Chính Giác, mà vấn đề lương thực trên núi thì Ngọc Lâm Quốc Sư đã biết rõ,

ngài cảm thấy rất bất khoan cho sư huynh Ngọc Lam.

Ngọc Lâm Quốc Sư lại lên đường tiếp tục cuộc hành trình về Kinh. Hôm ấy, đang đi, ngài gặp một đoàn xe bò hơn mười chiếc, chở đầy hàng hóa, ngoài các bao hàng hóa, đều viết mấy chữ : "Núi Chính Giác", Ngọc Lâm Quốc Sư hoài nghi, liền hỏi một người phu đánh xe :

- Các anh chở các thứ gì trên xe và chở đi đâu vậy ?

Anh phu xe đưa tay gạt mấy giọt mồ hôi trên trán, đáp :

- Bạch sư cụ, chúng tôi chở lương thực và các thứ cần dùng hàng ngày, chở là có một vị Đại Sư tên là Ngọc Lam đến Thiên Hoa Am khuyến hóa ni cô Giác Chúng, bởi thế ni cô cho chúng tôi chở các thứ này đến núi Chính Giác. Bạch sư cụ, có phải sư cụ từ núi Chính Giác về không ạ? Từ đây đến núi Chính Giác còn bao xa ạ ?

Nghe xong, bao nhiêu tình cảm phức tạp lại thay nhau nổi lên trong đầu óc Ngọc Lâm Quốc Sư; ngài vừa vui mừng, vừa cảm kích, lòng nhớ tưởng Ngọc Lam và Giác Chúng càng tăng thêm. Nhưng ngài thần nhiên nói với người phu xe :

Từ đây đến núi Chính Giác còn chừng hai ba ngày đường nữa thôi, nhờ anh nói hộ Ngọc Lam đại sư là sư đệ người gửi lời kính thăm !

Anh phu xe chẳng biết là mô tê gì, song cũng cứ dạ dạ, vâng vâng, Ngọc Lâm Quốc Sư bảo họ đi và ngài cũng cất bước.

Ngọc Lâm Quốc Sư muốn đến Thiên Hoa Am thăm Giác Chúng để khuyến khích năng tình tiên trên đường học đạo, trong lòng ngài cũng cảm thấy mình có trách nhiệm lớn lao đối với việc xuất gia của Giác Chúng. Từ khi xa cách Giác Chúng đã sáu năm nay, ngài chưa gặp lại nàng lần nào không biết đời sống của Giác Chúng trong mấy năm nay ra làm sao ? Ngọc Lâm Quốc Sư dĩ nhiên cũng có lúc nghĩ đến vấn đề đó. Hiện giờ vì thấy Giác Chúng cho chở các thứ đến cúng sư huynh Ngọc Lam, ngài mới nảy ra ý nghĩ về thăm nàng một lần, nhưng liền sau đó, ngài lại tưởng một tiếng thờ dài, rồi bỏ ý định ấy.

Vì không đến thăm Giác Chúng, nên Ngọc Lâm Quốc Sư nhắm thẳng đường đi Bắc Kinh. Ngày qua ngày, đi

rồi nghỉ, nghỉ rồi lại tiếp tục lên đường, một hôm ngài ngồi trên một chiếc thuyền ngược dòng sông. Trên thuyền có ít hành khách, gió yên, sóng lặng, bầu trời xanh ngắt, Ngọc Lâm Quốc Sư tay cầm chuỗi tràng, miệng lầm nhâm niệm Phật.

Thỉnh thoảng ngài ngưng niệm Phật, nhìn xuống mặt nước, ngài hồi tưởng năm sáu năm về trước, cũng vì đáp thuyền qua sông mà may mắn gặp Thuận Trị Hoàng Đế, rồi được tôn làm Quốc Sư, hết thấy việc đời hình như đều do nhân duyên xếp đặt, ngài khẽ tránh khỏi những cảm xúc mang mang.

Lúc đó có một chàng thanh niên đến ngồi bên cạnh ngài, Ngọc Lâm Quốc Sư nhanh nhẩu hỏi :

- Đạo hữu, xin đạo hữu cho biết quý danh, và đạo hữu đi đâu đây ?

- Tôi có theo Phật Giáo đầu mà là đạo hữu của sư thầy, tôi là môn sinh của Không phu Tử, họ Mã, đi Bắc Kinh !

Chàng thanh niên trả lời cộc lốc, bất lịch sự, nhưng Ngọc Lâm Quốc Sư không hề thay đổi nét mặt, trái lại, ngài mỉm cười một cách dịu hiền, rồi đổi câu nói :

- A, may quá thưa bạn! Tôi cũng đi Bắc Kinh, cùng đường được gặp bạn! Thưa bạn đi Bắc Kinh có việc gì ạ ?

Chàng thanh niên họ Mã dường dôi lông mày đen rậm lên rồi cười một cách khinh khỉnh, đáp :

- Đi thi !

- Chúc bạn thành công !

Chàng thanh niên tỏ vẻ, hỏi :

- Thế sư thầy về Bắc Kinh có việc gì ?

- Hoàng Thượng mời tôi về !

- Nói khuếch nói khoác! Hoàng Thượng mời sư thầy về làm gì ?

- Tôi là Quốc Sư của Hoàng Thượng đã xa cách năm sáu năm nay, giờ muốn về thăm.

- Nhà thầy lại càng nói láo, Đường triều Thiên Tử tôn thầy làm Quốc Sư ?

- Sao bạn lại mắng người như vậy? Bạn hỏi tôi, tôi cứ thật thà trả lời, người tu hành không nói dối ai dối bạn làm gì ?

Ngọc Lâm Quốc Sư thấy anh chàng thanh niên không có lễ độ, khinh thường người tu hành, ngài cũng thấy hơi khó chịu.

- Người tu hành không nói dối,

nhà thầy mà là Quốc Sư, ai có thể tin được, tôi xem nhà thầy chỉ có vẻ là một vị sư gần đó !

Anh chàng họ Mã tuy cũng thấy Ngọc Lâm Quốc Sư rất đạo mạo, không phải người tầm thường, song nhìn mạnh áo lam lú của ngài mà bảo là Quốc Sư thì dù sao cũng khó tin. Trong cái xã hội xưa, cũng như nay, người ta chỉ phán đoán người khác qua phác súc bên ngoài. Ngọc Lâm Quốc Sư thấy chàng thanh niên có vẻ vô lễ, ngài nghĩ nên cho anh ta một bài học để làm gương cho những bọn thanh niên có tâm kiêu mạn, khinh người sau này.

Sau khi có ý định ấy, Ngọc Lâm Quốc Sư tười cười nói với anh chàng họ Mã :

- Này bạn, tin hay không là tùy bạn! Trong đám mắt cá có hạt châu mà không nhận ra, một người về Kinh ứng thí để cầu công danh mà không biết đường triều Quốc Sư là ai, một người đã không biết gì về quốc gia đại sự như thế thì làm sao mong chiếm chức bạng vàng ?

Nghe xong, chàng thanh niên hết sức phẫn nộ, anh ta đường dôi mặt lên, nét mặt hầm hầm, thốt ra những lời sỉ vả :

- Ông sư điên! Đừng nói bậy! Trông ông là một kẻ cùng khốn thế này mà mơ ước làm Quốc Sư? Nếu ông mà là Quốc Sư thì thẳng họ Mã này không đi thi nữa, tự nguyện theo hầu hạ ông ba năm !

- Sau chừng hồi? Ngọc Lâm Quốc Sư hỏi.

- Không bao giờ hồi, đại trưởng phu nói một lời như đình đóng cột? Giả sử ông không là Quốc Sư thì sao?

- Nếu không là Quốc Sư, tôi cũng tình nguyện đi xách traps cho bạn ba năm !

- Sau ông không hồi ?

- Tôi cũng quyết không hồi, người tu hành miệng, lưỡi như hoa sen, nói một lời là một lời.

Con thuyền trên dòng sông thuận gió, xuôi buồm, một người tu hành và một người thế tục đã quyết định xong. Ngọc Lâm Quốc Sư càng nghĩ càng tức cười, thật ra anh chàng thanh niên có nhân chân chộc ngài là Quốc Sư hay không, điều đó không có ý nghĩa gì cả. Song nếu không thế thì làm sao dạy được bọn thanh niên khiến họ đừng nhìn người bằng mắt con mắt. Tăng đoàn Phật giáo vì khế

chú ý đến sự trang diện bề ngoài nên thường bị xã hội coi khinh, gặp cơ hội không thể cải chính quan niệm lệch lạc ấy.

Mấy hôm sau họ lên bờ và cùng nhau về hướng Bắc Kinh, lúc đó vào mùa thu, năm Thuận Trị Hoàng Đế tâu mời một; gió thu hây hây, bụi vàng cuộn lên tứ thành Bắc Kinh, Ngọc Lâm Quốc Sư và chàng thanh niên họ Mã đã tới cửa thành. Ngọc Lâm Quốc Sư ung dung và đĩnh đạc tiến về hoàng cung, thỉnh thoảng một trận gió lại lùa vào vạt áo rộng của ngài, làm cho tung lên; chàng họ Mã theo sau ngài, cũng đi lòng chàng cũng thấy bốn chôn, hồi hộp, vừa sợ vừa ngờ, đứng trước, Ngọc Lâm Quốc Sư lúc này đứng là một vị đại sư, cái phong độ uy nghi ấy không còn giống với lúc ngài ngồi dưới thuyền mưa, thật chàng đã hiểu lầm!

Khi đến cửa cung, các quan thị vệ lập tức vào tâu Thuận Trị nghe tin báo, Thuận Trị vừa kinh ngạc, vừa vui mừng, ra lệnh cử chuông, trống, rồi thân ra tận cửa đón rước Quốc Sư. Lúc thị vệ vào tâu, Ngọc Lâm Quốc Sư nói với chàng họ Mã:

- Hỡi bạo dân! Khi thấy Hoàng Thượng đứng có sợ, ở trong cung mà nhút nhát không được đâu!

Anh chàng không thốt lên được một lời nào, bây giờ anh ta đã biết lai lịch của Ngọc Lâm Quốc Sư.

- Khi thấy Ngọc Lâm Quốc Sư, Thuận Trị Hoàng Đế quý xuống:

- Quả nhân đánh lễ Quốc Sư!

Miễn lễ! Chào là đủ rồi!

Thuận Trị rước ngài vào cung, tỏ bày những nỗi nhớ tưởng trong mấy năm qua, và mong rằng từ nay Quốc Sư sẽ không đi đâu, chỉ ở trong cung Tây Uyển để tiện đến hỏi đạo, Thuận Trị Hoàng Đế rất có tâm với Phật giáo, người đã phát nguyện tiên hành song song hai việc trị nước và chấn hưng Phật giáo.

Lúc đó Thuận Trị thấy chàng thanh niên đứng bên Quốc Sư và run lấy bầy, liền hỏi Quốc Sư:

- Bạch Quốc Sư, người này là ai?

- A, đây là Tiêu Mã, nó tình nguyện theo hầu hạ tôi ba năm, hiện giờ là thị giả của tôi. Vì chưa được thấy Hoàng Thượng bao giờ, nên run sợ thế kia! Tiêu Mã, ra lạy Hoàng Thượng đi!

Tiêu Mã lại càng hoảng hồn, bất

buộc phải ra trước:

- Vạn tuế! Tiêu Mã xin khấu đầu bái kiến. Vạn Tuế Vạn Vạn Tuế!

Thuận Trị Hoàng Đế rất hài lòng khi biết Tiêu Mã là người hầu của Ngọc Lâm Quốc Sư, bèn mỉm cười nói với Tiêu Mã:

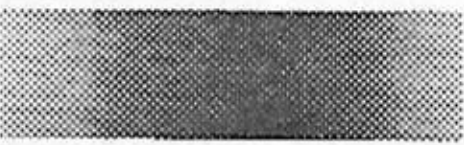
- Tiêu Mã, người phải chăm chỉ hầu hạ Quốc Sư, nếu ngoan ngoãn ta sẽ thưởng, bướng không, ta sẽ xin Quốc Sư cho người nghỉ!

- Tiêu Mã lại dập đầu và luôn mồm vâng vâng, dạ dạ.

Ngọc Lâm Quốc Sư cười thâm, ngài cho rằng con người không thích phục tùng trước đạo lý, nhưng cứ nhất định phải trước quyền thế mới chịu cúi đầu. Cái khí khái kiêu mạn của Tiêu Mã mấy hôm trước không biết bây giờ biến đâu mất? Thậm chí lúc này anh ta còn đưa con mắt van xin nhìn Ngọc Lâm Quốc Sư như để khẩn cầu ngài cứu mệnh cho!

Ngọc Lâm Quốc Sư không nghĩ đến việc Tiêu Mã nữa, ngài bắt đầu thảo luận với Thuận Trị về các vấn đề: Phật giáo có thể bổ khuyết những chỗ thiếu sót của chính trị, Phật giáo có thể an định xã hội và nhân tâm, Phật giáo có thể cải thiện đời sống của dân chúng, vân vân. Nghe xong, Thuận Trị Hoàng Đế rất vui mừng, ông phát nguyện trở thành một người ngoại hộ Phật pháp chân thành, Ngọc Lâm Quốc Sư tán thán thành ý của nhà vua rồi trở về tinh thất của ngài trong cung Tây Uyển.

(còn tiếp)



tiếp theo trang 10

PHẬT GIÁO VÀ MẮC XÍT

ra đối với những khúc cuộn não đã được chuẩn bị sẵn, khiến cho kiếp sống mới của hắn phải đi theo một chiều hướng đã định.

Cũng có trường hợp một người tái sinh vào cùng một gia đình rất nhiều lần (hiện tượng "con lộn"), lý do là ở yếu tố máu thịt, và điều này chứng minh sự việc là có nhiều loại người tương tự ra đời trong cùng một nhóm di truyền. Hiện nay có nhiều chương trình nghiên cứu về mối tương quan

giữa tâm và vật, cũng như về tương quan giữa di truyền và quá trình nhân quả của cuộc tái sinh.

Quay lại vấn đề cương vị của cá nhân trong xã hội, trên quan điểm nhà Phật về nhân tính và bối cảnh của nó (cũng như những tiềm năng của nó, ta thấy rõ ràng Phật Giáo không mặc nhiên hy sinh cái quyền của mỗi cá nhân theo đúng luật nội tâm của mình cho những quyền lợi của nhà nước.

Chính đức Phật đã từng được khuyến khích không nên chối bỏ thế giới bởi Người là một Hoàng tử, và như thế, theo đúng luật tắc về đẳng cấp của Hindou, Người đã sống theo lối sống của giai cấp Người. Nhưng đức Phật đã khinh thường luật đó và công nhận cái quyền theo đuổi lý tưởng của từng cá nhân. Hệ thống đẳng cấp Bà La Môn, ngày xưa có chủ ý làm định chuẩn hóa nhân loại theo từng chiết năng. Sự thất bại của hệ thống đó đã là trở ngại chính cho sự tiến bộ của Ấn Độ kể từ khi Phật Giáo mất đi trong xứ đó. Theo bản tính nội tại, theo những khuyến hướng và chuẩn tính cũ, thì cá nhân là cá nhân, và họ vì chống lại bất cứ công trình cố định hóa hoặc mẫu mực hóa. Đó là một điều rất đúng. Không cá nhân nào được quyền cho phép đời sống tinh thần của mình lệ thuộc vào những lý thuyết chính trị hoặc một hình thức hàng ngũ hóa nào hết.

Chúng ta đã thấy rằng cá tính chỉ có thể có được nếu có tinh thần trong kỷ luật. Một hình thức tự kiểm chế nào cũng là một điều kiện cần cho cá tính, nhưng chưa chắc đã đồng nhất với nó. Tinh thần tự quyết chưa hẳn đã không đi đôi với sự tùy thuộc giữa kẻ này với kẻ khác. Trong một gia đình chẳng hạn, các thành phần có thể sống trong một điều kiện liên thuộc, nhưng mỗi người vẫn giữ

được cá tính riêng biệt. Cuộc sống tập thể trong tình liên thuộc đó dựa trên tinh thần tự kiểm chế, nghĩa là mỗi người cần phải tôn trọng những nhu cầu của người khác. Có người cho rằng như vậy ta đã mất đi cá tính, vì đã bị chi phối lẫn nhau quá mạnh. Nhưng thực ra ta vẫn có cá tính, bởi vì nếu có sự chi phối hổ tương thì đó là do lòng tình nguyện và tự ý của ta, chứ không do sự bắt buộc nào bên ngoài hết và do đó cá tính của ta không mâu

thuần với cá tính người khác. Tuy nhiên, ta phải nhớ rằng trong một khí hậu chỉ huy hay bó buộc, thì mọi cá tính đều bị phá hủy. Khi ta tự ý cho phép ta bị chỉ phối, thì sẽ không có sự bó buộc, bởi đó là sự lựa chọn của ta, và ta muốn nó thế nào cũng được.

Cá tính thực sự thì bao hàm tự do, nhưng tự do không có nghĩa là phóng túng. Người ta thường nhắc đến tâm lý một kẻ vũ phu : một kẻ chẳng cần gì và chẳng cần đến ai, trừ khi bị bó buộc phải cần đến : những tâm lý vũ phu không đi đôi với cá tính. Cá tính chính hiệu đòi hỏi một tính thần trách nhiệm, bởi nó là một "bản ngã" nguyên vẹn, nó có thể tự phá hủy nó bằng cách tổn thương những bản ngã khác trong quỹ đạo tương quan của nó.

Nó tôn trọng, nhưng không phục tùng. Nó phát hiện trong mọi hoạt động của nó nhưng không phá hủy. Nó không tìm cách phá hủy, mà cũng không để bị phá hủy.

Đây là cái chủ nghĩa cá nhân về tự do mà chủ nghĩa Mác Xít, khi áp dụng cá nhân vào những nhu cầu như nước, đã tìm cách phá bỏ. Phật Giáo đòi tự do tư tưởng cho cá nhân, thì Mác Xít phủ nhận nó. Phật Giáo công nhận thực tại về những dị biệt và bất quân bình cá nhân và chứng minh tại sao lại có những dị biệt đó, thì Mác Xít đã bỏ qua chúng và coi tất cả nhân loại như thuộc vào cùng một giai tầng. Phật Giáo cũng hiện một con đường đi tìm đỉnh cao nhất của tính thần, thì Mác Xít phủ nhận tính thần và không cung hiến gì cao hơn là sự thỏa mãn vật chất - và ngay đến lời hứa này, Mác Xít cũng không thể giữ đúng, vì những lý do đã trình bày. Cái chính thể lý tưởng duy vật đã được xây trên những nền móng sai lệch và không vững chắc, bằng một lối lý thuyết một chiều, bỏ qua những sự kiên cố ý nghĩa nhất của bản tính và đời sống con người.

(còn tiếp)



MONG SỚM CÓ CHÙA

Có nhiều Phật Tử đã hỏi tôi
Viên Đá đầu tiên đã đặt rồi
Bao giờ xây cất Tân Viên Giác
Bác có biết không ? Bác Kính ơi !

Nói đến ngôi chùa, đã nhiều năm
Phật Đản - Vu Lan, đã mấy lần
Mới mua được đất năm tám bảy (1987)
Xây chùa có lẽ phải dăm năm.

Xin trả lời chung quý vị đây
Việc làm quá lớn phải tiếp tay
Chúng tôi quý vị là Phật Tử
Muôn chúng có chùa phải dựng xây.

Năm Châu Thế Giới khắp mọi nơi
Nước nào ít nhất cũng dăm ngôi
Riêng ta Tây Đức chùa chùa có
Phật Tử ở đây chẳng thiếu người.

Chúng ta muốn sớm có ngôi chùa
Hội thiện, Định kỳ đóng góp vô
Tinh tài sản có mua vật liệu
Sẽ khởi công xây khởi đời chờ.

Sự thật thì Thầy cũng đang lo
Và nhớ Phật Tử tiếp tay cho
Ngân hàng, Giấy phép, Văn hóa Đức
Thủ tục lo xong sẽ cất chùa.

Quý vị hỏi tôi đã trả lời
Còn gì thắc mắc nữa hay thôi
Nếu còn thư thẳng, Thầy Chủ Nhiệm
Chi tiết, Thầy rành rẽ hơn tôi.

Biết rằng Phật Tử hỏi vậy thôi
Quý vị đã, đang, đóng góp rồi
Mái chùa sưởi ấm hồn dân Việt
Tỵ nạn, Năm Châu, khắp mọi nơi.

Chúng ta là những kẻ ly hương,
Gom góp Của, Công để cùng dựng
Nhưng ngày Đại-Lê, ta hãnh diện
Chùa của người Nam-Việt tha hương.

● QUANG KÍNH,
Mùa Phật Đản 2531
(Hannover 1987)

Allgemeine Buddhalehre

Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

REZITATION DER BUDDHALEHRE (SUTRA)

ÜBUNG DER MAGISCHEN FORMEL (DHĀRĀNĪ)

ANRUFUNG (REZITATION) DER BUDDHA-NAMEN (BUDDHASNUSRITI)

A. Einführung:

Es reicht nicht aus, wenn die Buddhisten lediglich die DREI-JUWELEN (triratna) verehren, sich davor verbeugen und Ihnen Opfergaben darbringen. Sie sollen darüberhinaus dennoch die Sutren rezitieren, die Dhāranī (magische Formel) üben und die Anrufung (nusriti) der Buddhasnamen praktizieren.

B. Thematik:

I. Definition:

1. Rezitieren der Sutren,
2. Übung der Dhāranī,
3. Praxis der Buddhasnusriti

II. Die Gründe für die:

1. Rezitation der Sutren,
2. Übung der Dhāranī,
3. Praxis der Buddhasnusriti.

III. Regelmäßige Rezitation und Übung:

1. Sutren, welche regelmäßig rezitiert werden soll,
2. Dhāranī, welche regelmäßig geübt werden sollen,
3. Buddhasnamen, welcher die Anrufung (nusriti) regelmäßig praktiziert werden sollen.

IV. Nutzen von der:

1. Rezitation der Sutren,
2. Übung der Dhāranī,
3. Praxis der Buddhasnusriti.

C. Schlußfolgerung:

Es ist sehr empfehlenswert, Sutren zu rezitieren, Dhāranī zu üben und die Anrufung der Buddhasnamen zu praktizieren. Die Durchführung soll nicht nur die äußere Verrichtung, sondern auch die innere Grundsätze der Angelegenheit unterzogen werden.

Wenn die Buddhisten nur Buddhas verehren, ihnen Opfergaben darbringen und sich vor ihnen verbeugen, werden sie eigentlich noch nicht als auf-richtige Buddhisten bezeichnet. Auf-richtige Buddhisten müssen noch Sutren rezitieren, Dhāranī üben und Buddhasnusriti (die An-rufung der Buddhasnamen) prakti-zieren. Infolgedessen können die bevorstehenden Angelegenheiten - die Buddhas-Verehrung, das Sich-Verbeugen und die Opfergaben-Darbringung - die äußere und in-nerne Form der Sachen unvollkommen vereint sein.

Weil die innere Grundsätze schwer zu praktizieren sind, sind sie die Höchste. Ohne die Praxis der Buddhasnusriti und der Sutren-Rezitation, zwecks des Erlangens eines reinen Geistigen (citta) und des Erfahrenden-Kenntnisses über die tiefgründige und inhaltschwere Buddhalehre (Buddhadharma) in den Sutren, ist es kaum zu verstehen:

* die vier inneren Prinzipien der Verbeugungen vor Buddhas: die Reinheit der Entfaltung des Geistes, die Verbindung mit allen Dharmas, die Betrachtung des Wahrens und die Gleichheit der wahren Natur,
* und die innere Grundsätze der Fünf Wunder-Düfte (sad ghandā) als Opfergaben-Darbringungen: der Duft der Sila-Befolgung (siladhara ghandā), der Duft der inneren Be-ruhigung (samādhi ghandā), der Duft der Weisheit (prājna ghandā), der Duft der Erlösung (nirvāna-ghandā oder moksha ghandā) und der Duft des Erlösungswissens (nir-vānājñāna ghandā).

Und ohne die Praxis dieser Vier inneren Prinzipien der Verbeugung und die Opfergaben-Darbringung der Fünf Wunder-Düfte (sad ghandā) seien die Verehrung und Verbeugung vor Buddhas lediglich die äußere Form, nämlich die formelle Ver-richtung; infolgedessen erschweren sich die Laien ihren Fortschritt zum Bestreben des Buddhasweges.

Mit der Verehrung, Verbeugung

und Opfergaben-Darbringung müssen wir sogleich die Sutren-Rezitation, die Übung der Dhāranī und die Praxis der Buddhasnusriti durchführen. Dies sind die mindest grundlegenden Merkmale, die wir, als aufrichtige Buddhisten, nicht vernachlässigen dürfen.

B. Thematik:

I. Definition:

1. Die Rezitation der Sutren:

Die Rezitation ist das ehrfurchtsvolle, laute und deutliche, und nach einem bestimmten Rhythmus vorgetragene Lesen. Sutren-Rezitation ist das Lesen, in einer aufrichtig-ehrfurchtsvollen Art und Weise, der Wörter, die Buddha uns belehrt hat und in Form als Sutren zusammengefaßt wurden, und sie entsprechen den Wahrheiten und dem Wissen aller Lebewesen.

2. Die Übung der Dhāranī:

Die Übung ist eine zuverlässige Vertiefung. Dhāranī sind Buddhas geheimnivolle Worte, die nur Buddhas verstehen können; sogar die Bodhisattvas können sie aber nicht begreifen. Dhāranī bringen die Macht und Tugend und Verdienste hervor, die undiskutabel und unvorstellbar sind. Dhāranī erlöschten die unheilsamen Karmas; befreien die Lebewesen vor dem Unheil und bereichern die glückseligen Verdienste und die Weisheit.

Deshalb werden sie als Dhāranī bezeichnet.

3. Die Praxis der Anrufung der Buddhasnamen (Buddhasnusriti):

Nusriti oder die gedenkende Anrufung. Die Anrufung der Buddhasnamen ist das Andenken an die Buddhas-Namen; die Sich-Vorstellung an einem ehrfurchtsvollen Bild vom Buddha und dessen Tugenden des Lebens, um sich stets zu bemühen, ihn nacheifernd zu folgen.

II. Die Gründe der Durchführung der Sutren-Rezitation, Dhāranī-Übung und der Praxis der Buddhasnusriti:

1. Warum müssen Sutren rezitiert werden ?

Weil wir in einer Sinnen-Welt le-

ben, hören unsere Leidenschaften niemals auf. Sogar im Schlaf träumen wir zankend, lachend, weinend, uns freuend, uns trauernd wie in Wachen. Zum Glück, in diesen verblendeten Ansichten mit voller Begierde, hat Buddha dem Lebewesen die wertvollen Worte aus barmherziger Liebe gelehrt, um die finsternen Wolken der Ungewissheit und sündhaften Taten vertreiben zu können. Allerdings können wir die tiefgründigen Worte Buddhas nicht so gründlich verstehen und alles im Kopf behalten, obwohl wir sie ein oder mehrere Male gehört haben.

Deshalb müssen wir sie stets wiederholen, damit deren bedeutender Sinn sich in uns ausbreiten, in unsrem Geist prägen und niemals vergessen wird. Dies sind die Gründe, warum wir Sutren rezitieren müssen.

2. Warum müssen Dhāranī geübt werden ?

In Dhāranī gibt es einen außerordentlichen Effekt. Wenn jemand sich der Übung der Dhāranī aufrichtig widmet, erreicht er viele unvorstellbare Wirkungen, z.B.: Dhāranī "Erlösung der unheilsamen Karmas zur einer Erlangung der Hingeburt in dem AMIDA-Reinen-Land" hat den Effekt, die Wurzel der Entstehung der unheilsamen Karmas zu erlöschten und die Menschen nach dem Tod zur Hingeburt in AMIDA-Reinen-Land zu führen.

* Dhāranī "Befreiung aus allem Unheil" hat die Wirksamkeit zur Überwindung aller Unglücke, aller Unheilen und zur Hervorbringung der Heilsamen.

* Dhāranī "Suramgama" befreit die Leidenschaften, unheilsam-schwere Karmas usw...

* Dhāranī "CHUAN DE Bodhisattva" vertreibt den Teufel, den bösen Geister.

* Dhāranī "Sieben Buddhas erlöschten die Unheilsamen" hat die Wirkung zur Beseitigung unheil-samer Taten aus unserem mehreren vorherigen Dasein usw...

Deshalb müssen wir Dhāranī üben.

3. Warum müssen die Anrufung der Buddhasnamen praktiziert werden ?

Unser Geist ist wegen der Ungewissheit finster geworden; und ist

nichts anders als das Wasser, das durch Schmutz verunreinigt worden ist. Wenn wir das verschmutzte Wasser wieder in einem klaren, reinen Zustand haben wollen, gibt es keine bessere Methode als die Zugabe von einigem Alaun. Dadurch sinken alle Schmutzteichen langsam auf dem Boden. Nun ist das verschmutzte Wasser wieder rein geworden.

Die Praxis der Anrufung der Buddhasnamen (Buddhasnusriti) hat den gleichen Effekt, die schlechten unheilsamen Gedanken in unserem tiefen inneren Geist (citta) zu verdrängen; den betörten Geist zu einem reinen Geist umzuwandeln.

Es ist nichts anderes als die Zugabe von Alaun in dem verschmutzten Wasser und das wieder rein geworden ist.

Warum macht die Anrufung der Buddhasnamen unseren verblendeten Geist wieder rein ?

Aus folgenden Gründen, die sehr leicht zu verstehen sind:

Unser Geist ist sehr verwirrt und hört niemals auf zu denken. Die Sutren beschrieben oft, daß:

"Der Geist sei ein Affe und die Gedanken seien ein Pferd" Das heißt, der Geist schweift umher, wie ein Affe von diesem Baum zu anderen Baum springt und die Gedanken seien ein Pferd, welches den ganzen Tag herum galoppiert.

Wie kann unser Geist aufhören, nicht an Unbesonnenes zu denken?

Es gibt nur eine Möglichkeit, ihn zu bezwingen, an das Gute und Heilsamen zu denken. Die Anrufung der Buddhasnamen ist das Denken an ihre vollkommenen Persönlichkeiten, an ihre heilsamen Taten und an ihre guten Tugenden.

Je mehr die Buddhasnusriti praktiziert wird, desto weniger werden der Namen der Dämonen gedacht. Dämonen ist alles schlechtes, böses unheilsames, die uns Menschen schaden hinzufügen.

Deshalb müssen wir die Anrufung der Buddhasnamen praktizieren

(Fortsetzung folgt)

DIE LEHRE BUDDHAS

BUKKYO DENDO KYOKAI
(gesellschaft der buddhist. förderer)
3-14,4-chome, Shiba
Minato-ku, Tokyo, JAPAN
Telephone: (03) 455-5851

ERSTE AUFLAGE 1982

Druck
Kosaido Printing Co.,Ltd.
Tokyo, JAPAN

Buddhas Weisheit ist so unendlich wie der weite Ozean und sein Geist ist von großem Mit leid erfüllt.

Buddha hat keine Gestalt, aber er offenbart sich auf erhabene Weise und führt uns mit seinem ganzen mitfühlenden Herzen.

Dieses Buch ist kostbar, da es das Wesentliche der Lehren Buddhas enthält, die einst in über fünftausend Bänden niedergeschrieben wurden, sich seit mehr als 2500 Jahren bis auf den heutigen Tag erhalten haben und über die Grenzen aller Länder und Rassen der Welt hinaus an uns weitergegeben wurden.

Die in diesem Buch enthaltenen Worten Buddhas offenbaren und erläutern auf wunderbare Weise wirkliche Geschehnisse des menschlichen Lebens und Geistes.

INHALT BUDDHA

Erstes Kapitel: SHAKYAMUNI BUDDHA

- I. Das Leben des Buddha
- II Die letzte Lehre des Buddha

Zweites Kapitel: DER UNENDLICHE UND VER
KLÄRTE BUDDHA

- I. Sein Mitgefühl und Sein Gelübde
- II. Buddhas Hilfe, Seine Mittel und Wege der Erlösung.
- III. Der unendliche Buddha.

Drittes Kapitel: DIE GESTALT VON BUDDHA UND
SEINE TUGENDEN.

- I. Drei Wesenszüge von Buddha.
- II. Die Erscheinung Buddha
- III. Buddhas Tugend.

DHARMA

Erstes Kapitel: DIE WIRKUNGEN DER URSACHEN

- I. Die vierfache Edle Wahrheit
- II. Die Wirkungen der Ursachen
- III. Die Kette der Verursachungen

Zweites Kapitel: DAS REIN GEITIGE UND DIE
WIRKLICHKEIT ALLER DINGE

- I. Unbeständigkeit und Ichlosigkeit
- II. Die Tatsache des "Rein Geistigen"
- III. Der wirkliche Stand der Dinge
- IV. Der Weg der Mitte

Drittes Kapitel: DAS WESEN BUDDHAS

- I. Das menschliche Geist
- II. Das Wesen Buddhas
- III. Das Buddhawesen und die Selbstlosigkeit

Viertes Kapitel: IRDISCHE LEIDENSCHAFTEN

- I. Die Menschliche Natur
- II. Das Wesen des Menschen
- III. Das Leben des Menschen
- IV. Die Wirklichkeit des menschlichen Leben

Fünftes Kapitel: DIE HILFE, DIE VON BUDDHA
ANGEBOTEN WIRD

- I. Die Rettung durch Buddha
- II. Amida Buddhas Land der Reinheit

DER WEG DER ÜBUNG

Erstes Kapitel: DER WEG DER LÄUTERUNG

- I. Die Läuterung des Geistes
- II. Der weg des richtigen Verhalten
- III. Die Lehre in alten Fabeln

Zwites Kapitel: DER WEG Z. PRAKT. ERKENNTNIS

- I. Die suche nach der Wahrheit
- II. Die Wege der Übung
- III. Der Weg des Vertrauens
- IV. Tugendhafte Grundsätze

DIE BRÜDERLICHKEIT

Erstes Kapitel: PFLICHTEN D. BRÜDERLICHKEIT

- I. Brüder der Hauslosigkeit
- II. Laienanhänger

Zweites Kapitel: PRAKTISCHER WEGWEISER ZUR
WAHREN LEBENSWEISE

- I. Das Familienleben
- II. Das Leben der Frauen
- III. Im dienst

Drittes Kapitel: AUFBAU EINES BUDDHA_LANDES

- I. Die Harmonie der Bruderschaft
- II. Das Buddha-land
- III. Über diejenigen, die im Buddhaland die Herrlichkeit genießen

ANHANG

- I. Kurze Geschichte des Buddhismus
- II. Die Überlieferung der Lehre Buddhas
- III. Die Geschichte d. Buches "Die Lehre Buddhas"
- IV. Index zu "Die Lehre Buddhas"
- V. Sanskrit Glossar
- VI. Dhammapada

Buddhistische Gesellschaft zur Förderung und
Verbreitung der Schrift "Die Lehre Buddhas"

II

**DIE TATSACHE
DES
" REIN GEISTIGEN "**

Ein unaufgeklärtes und verwirrtes Leben entsteht aus dem Geist, der verwirrt ist durch die Welt der Verblendung. Wer erkennt, daß es außerhalb des Geistes keine Welt der Verblendung gibt, dessen verwirrter Geist wird klar. Wer aufhört, sich eine unreine Umgebung zu schaffen, gelangt zur Erleuchtung.

So wird die Welt des Lebens und des Todes durch den Geist geschaffen, steht unter der Herrschaft des Geistes, wird vom Geist gesteuert. Der Geist ist Herr über alles, was geschieht. Die Welt des Leidens wird durch den verblendeten Geist verursacht.

3. Deshalb unterstehen alle Dinge ausschließlich der Herrschaft des Geistes und werden durch ihn erzeugt. Wie die Räder dem Ochsen folgen, der den Karren zieht, so folgt das Leiden dem Geist, der sich selbst mit unreinen Gedanken und irdischen Leidenschaften umgibt.

Wenn aber ein Mensch mit einem guten Geist spricht und entsprechend handelt, dann folgt ihm das Glück wie sein Schatten. Jene, die in böser, selbstsüchtiger Weise handeln, leiden nicht nur an den Folgen ihrer Taten, sondern werden auch von ihrem schlechten Gewissen geplagt, und die Erinnerung an die böse Tat wird aufbewahrt im Karma. Dies zieht unvermeidlich später einmal eine entsprechende Vergeltung nach sich. Aber jene, die in edler Absicht handeln, werden durch ihr gutes Gewissen beglückt, und werden noch glücklicher bei dem Gedanken, daß sich ihre gute Tat fortsetzt und Glückseligkeit bringt in dem endlosen Leben, das folgen wird.

Ein unreiner Geist bewirkt, daß

die Füße auf einem rauhen und beschwerlichen Weg wanken. Es wird manchen Sturz und viele Schmerzen geben. Bei einem reinen Geist aber wird der Pfad eben sein und die Reise angenehm.

Wer aber den ebenen und angenehmen Pfad genießen will, der muß im Geiste Buddhas leben und bösen Wünsche zerreißen. Wer einen ruhigen Geist hat, erlangt inneren Frieden und kann so Tag und Nacht seinen Geist mit mehr Fleiß üben.



III

**DER WIRKLICHE
STAND
DER DINGE**

1. Da alles auf dieser Welt durch den Wettstreit von Ursachen und Wirkungen verursacht wird, kann es keine grundlegende Unterscheidung zwischen den Dingen geben. Die augenscheinlichen Unterschiede bestehen wegen der absurden und verblendeten Gedanken und Wünsche der Menschen.

Am Himmel gibt es keinen Unterschied zwischen Ost und West. Die Menschen schaffen den Unterschied aus ihrem eigenen Geist und glauben dann, daß er wahr wäre.

Mathematische Zahlen von eins bis unendlich sind jeweils vollständige Zahlen, und jede für sich zeigt keinen Unterschied

an Quantität. Die Menschen machen die Unterscheidungen zu ihren eigenen Gunsten, als ob sie fähig wären, auf sich unterscheidende Beträge hinzuweisen.

In dem umfassenden Schöpfungsprozeß gibt es keine eigenen Unterschiede zwischen dem Prozeß des Lebens und dem Prozeß der Zerstörung. Menschen machen einen Unterschied und nennen das eine Geburt und das andere Tod. Im Handeln gibt es keinen Unterschied zwischen richtig und falsch, aber die Menschen machen eine Unterscheidung für ihre eigene törichte Bequemlichkeit.

Buddha hält sich von diesen Unterscheidungen fern und schaut auf die Welt wie auf eine vorbeiziehende Wolke. Für Buddha ist jedes bestimmte Dinge Illusion, etwas, was vom Geist geschaffen wird. Er weiß, daß was auch immer der Geist ergreift und wieder wegwerfen kann, Nichtigkeiten sind. So vermeidet er die Fallen der Vorstellungen und unterscheidenden Gedanken.

2. Die Menschen greifen nach Dingen, die für ihren eigenen eingebildeten Vorteil und ihre Bequemlichkeit bestimmt sind. Sie greifen nach Reichtum, Schatz und Ehren. Sie hängen verzweifelt am Leben.

Sie machen willkürliche Unterschiede zwischen Gut und Böse, Recht und Unrecht. Denn das Leben der Menschen ist eine Aufeinanderfolge von Habsüchtigkeiten und Bindungen, und deshalb müssen sie die Täuschungen des Schmerzes und des Leidens auf sich nehmen.

Es war einmal ein Mann, der auf einer langen Reise an einen Fluß kam. Er sagte zu sich: "Diese Seite des Flusses ist sehr schwierig und gefährlich zu passieren, und die andere Seite scheint dafür leichter und sicherer zu sein, aber wie soll ich hinüberkommen?"

So baute er sich ein Floß aus Zweigen und Schilfrohr und überquerte sicher den Fluß. Dann dachte er bei sich: "Dieses Floß ist mir beim über-

queren des Flusses sehr nützlich gewesen. Ich werde es nicht sich selbst überlassen, damit es am Ufer vermodert, sondern werde es mitnehmen."

So nahm er freiwillig eine unnötige Last auf sich. Kann dieser Mann ein weiser Mann genannt werden?

3. Dinge kommen nicht und gehen nicht, noch erscheinen oder verschwinden sie. Deshalb bekommt man weder etwas, noch verliert man etwas.

Buddha lehrt, daß Dinge weder erscheinen noch verschwinden, da sie jenseits von der Bejahung und der Verneinung der Existen liegen, und er lehrte auch, daß es weder Geburt noch Tod gibt. Das heißt, daß alles eine Übereinstimmung und eine Aufeinanderfolge von Ursachen und Wirkungen ist, da ein Ding an sich nicht existiert, so daß man von ihm sagen könnte, es sei nicht existent. Da es aber einen relativen Zusammenhang mit Ursachen und Wirkungen hat, kann man wiederum nicht sagen, daß es nicht-existent sei.

An einem Ding wegen seine Gestalt festzuhalten, ist der Ursprung der Verblendung. Wenn man diese Gestalt nicht ergreift und nicht an ihr festhält, werden diese falsche Vorstellung und die sinnlose Verblendung nicht auftreten. Erleuchtung bedeutet die Weißheit, diese Wahrheit zu erkennen und so eine törichte Verblendung zu vermeiden.

Die Welt ist in der Tat wie ein Traum, und die Schätze der Welt gleichen verlockender Fata Morgana! Wie die augenscheinlichen Entfernungen auf einem Bild, so haben die Dinge keine Wirklichkeit in sich selbst, sondern sind vielmehr wie vorüberziehende Wolken.

4. Zu glauben, daß Dinge, die von unberechenbaren Reihen von Ursachen geschaffen wurden, ewig dauern könnten, ist ein ernsthafter Fehler und wird die "Theorie der Dauer" genannt. Aber es ist ein ebenso großer Fehler zu

glauben, daß Dinge völlig verschwinden. Dies nennt man die "Theorie der Nichtexistenz".

Diese Kategorien des ewig-dauernden Lebens und des ewig-dauernden Todes, und die Bestätigung und die Verneinung von diesen, lassen sich nicht auf das eigentliche Wesen der Dinge anwenden, sondern nur auf ihre Erscheinungen, wie sie vom menschlichen Auge gesehen werden. Aufgrund des menschlichen Verlangens kommen Menschen in Beziehung zu diesen Erscheinungen und werden mit ihnen verbunden, aber was das eigentliche Wesen der Dinge betrifft, so ist dieses frei von allen Unterscheidungen und Verbindungen.

Da alles durch eine Reihe von Ursachen und Wirkungen geschaffen wurde, ändert sich die Erscheinung der Dinge ständig. Das heißt, was sie betrifft, so gibt es keine Beständigkeit, wie es sie bei wirklichen Dingen geben sollte. Wegen dieser ständigen Veränderung der Erscheinungen, vergleichen wir Dinge mit einer Fata Morgana oder einem Traum. Aber trotz dieser ständigen Veränderung in der Erscheinung sind die Dinge ihrem eigentlichen Wesen nach beständig und unveränderlich.

Ein Fluß erscheint einem Menschen als Fluß, aber einem hungrigen Dämonen, der Feuer im Wasser sieht, kann er wie Feuer erscheinen. Deshalb würde es einen gewissen Sinn haben, mit einem Mann über einen existierenden Fluß zu sprechen, aber für dieses legendäre Wesen würden solche Worte keine Bedeutung haben.

In ähnlicher Weise kann man es von allen Dingen sagen: "Dinge sind wie Illusionen, sie existieren und existieren nicht."

Ferner ist es ein Fehler, dieses vergängliche Leben für das unveränderliche Leben der Wahrheit zu halten. Man kann nicht sagen, daß es jenseits dieser Welt der Veränderung und der Erscheinung noch eine Welt der Beständigkeit und der Wahrheit gibt. Dieses veränderliche, vergängliche Leben ist das Leben der Wahrheit; es gibt

nur ein wahrhaftes Leben. Es ist ein Fehler anzunehmen, diese Welt sei entweder vorübergehend oder wirklich.

Aber unwissende Menschen dieser Welt, die annehmen, daß dies eine wirkliche Welt ist, fahren fort, nach dieser absurden Annahme zu handeln. Da aber diese Welt nur eine Einbildung ist, führen ihre Taten, die auf Irrtum beruhen, nur zu Schaden und Leiden.

Aber ein weiser Mann handelt nicht so, als wäre diese Welt real, sondern er erkennt, daß sie nichts als Illusion ist, und entgeht somit dem Leiden.

(Fortsetzung folgt)



Das Leben eines buddhistischen Mönches



von
Ehrwürdiger THICH BAO LAC
Reverend THICH NHU DIEN

Deutsche Übersetzung von
NGUYEN NGOC TUAN und NGUYEN THI THU CUC

VORWORT

Niemand hat daran gedacht, über das "Leben eines buddhistischen Mönches" zu schreiben; und wenn es doch jemanden gäbe, der auf diese Idee kommen würde, dann denkt er vielleicht, es wäre eine ganz gewöhnliche Geschichte, wie es viele auf dieser Welt gibt. Dennoch gibt es Menschen, die sich dafür interessieren. Trotz unseres noch sehr mangelhaften Talentes und niedrigen Niveaus wagen es der Ehrwürdige THICH BAO LAC und ich, einen kleinen Baustein zum Aufbau des Hauses der vietnamesisch-buddhistischen Kultur im Ausland beizutragen, in der Hoffnung, den Glanz der Heimat auszustrahlen, die Menschenfreundlichkeit und die Glaubensverbundenheit zu erhellen.

Mögen unsere hochstehenden Ältesten, die treffliche Erfahrungen während ihrer Tätigkeit gesammelt haben, uns Rat und Anweisungen zur Beseitigung von Fehlern geben, damit unsere nächste Aufgabe verbessert und ergänzt wird. Nur so können die Laienbuddhisten ihre Kenntnis erweitern. Dafür bedanken wir uns aus vollem Herzen. Ein Wort herzlichen Dankes mag den Abschluß dieser Zeilen bilden. Es gilt der Abteilung für Kultur und Religionen des Bundesministeriums des Innern, die uns beim Herausgeben des vorliegenden Buches mit Rat und materieller Unterstützung beiseite stand.

Schließlich beugen wir uns vor unserem hochehrwürdigen Sektengründer und Lehrmeister, der uns befähigt, den Lesern das Werk vorzustellen.

Für die Anregung zu dieser Schrift und für mancherlei technische Hilfe bei der Anfertigung des Manuskripts sind wir den Gelehrten, Buddhologen und Buddhisten zu großem Dank verpflichtet.

Möge dieses Verdienst der Weitergabe unserer Kenntnisse an allen Buddhaschüler und Lebewesen verteilt werden, damit alle die Vollkommenheit erlangen.

Im Winter des Jahres des Ebers
Im Dezember 1983

Venerable
THICH NHU DIEN

Ehrwürdiger
THICH BAO LAC

Der Buddhismus ist eine Religion mit einer Tradition von mehr als 2500 Jahren, seitdem SAKYAMINI-Buddha die Erluchtung erlangt hat.

Die Verbreitung dieser Religion hatte ihren Ursprung in Indien, wohin damalige Buddha-Jünger oder Lehrmeister gingen und dann in die Heimat zurückkehrten, um den Samen der Erlüchtungslehre überall auszusäen. Deshalb ist es auch verständlich und unbestritten, daß die Lehre von Ort zu Ort verschiedenartig vertreten wird. So praktizieren die Mönche ihre Religion je nach ihrem Lebensmilieu unterschiedlich.

Nach dem Parinirvana des Sakya-muni verdanken wir die Überlieferung der Lehre sowie die Fortentwicklung der Religion den damaligen Jüngern, die die Verwaltung des Sangha durchführten. Sie trugen mehr als die Laienanhänger zu der Ausbreitung des Buddhismus bei. Die Lehreden, die Buddha während seiner neunundvierzigjährigen Lehrperiode gepredigt hatte, wurden in fünf Sutras klassifiziert:

- a- Kinh Hoa Nghiêm (= Avatamsaka-Sutra) 21 Tage
- b- Kinh Phương Đẳng (=eine Sammlung von Mahayana-Sutra) 8 Jahre
- c- Kinh A Hàm (= Nikaya-Sutra) 12 Jahre
- d- Kinh Bát Nhã (= Prajna-Paramita-Sutra) 22 Jahre
- e- Kinh Pháp Hoa và Đại Bát Niết Bàn (= Saddharmapundarikasutra und Maha-Parinirvana-Sutra) 8 Jahre

Zu jener Zeit gab es weder Papier noch Feder, deshalb hatte der Heilige Mahakasyapa nach dem Tod des Buddha das erste Konzil einberufen. Alle hohen Mönche und Arahats wurden eingeladen, um die Lehre des Buddha mündlich zu wiederholen. Dabei wurde der Heilige Ananda als Primus inter pares gewählt, denn er war derjenige, der am meisten von dem wußte, was Buddha während seiner neunundvierzig Jahre gepredigt hatte. Er ist also der Kenner des Wortes.

Während der neun darauf folgenden Jahrhunderte gab es insgesamt drei Tripitaka-Rezitationsversammlungen.

Und immer wieder kamen die hohen Priester und Bhikkhus in Indien zu den Rezitationsversammlungen.

lungen und wiederholten, was sie gehört oder gelernt hatten. Diese mündliche Überlieferung wurde in einem Dreifachen Kanon (Tripitaka, Tipitaka) geordnet: Sutra-Pitaka, Vinaya-Pitaka und Abhidharma-Pitaka.

Immer wieder gab es umstrittene Meinungen, weil die Teilnehmer sich nicht einigen konnten, wie die ursprüngliche Überlieferung zu verstehen sei.

DER SUTRA-PITAKA ist eine Sammlung von Lehreden des Erhabenen. Diese gelten für die Sahawelt, d.h. die Götterwelten Tavatimsa und Tusita und für unsere Welt (das vergängliche Universum).

DER VINAYA-PITAKA umfaßt die Vorschriften über das Leben der Mönche sowie die Regeln und Gebote der Laien.

DER ABHIDHARMA-PITAKA umfaßt alle scholastischen Fragen zu den einzelnen metaphysischen Begriffen des Buddha und der Heiligen.

250 - 300 Jahre nach Buddhas Geburt war Großkönig Asoka der aktive Helfer des Buddhismus. Er berief sich auf grundlegende Prinzipien dieser Religion, um sein Reich aufzubauen und zu regieren.

Im Auftrage seines Vaters Asoka trachte der Mönch Mahinda den Samen des Bodhi-Geistes nach Sri Lanka, wo er gut gedeihen und feste Wurzeln schlagen sollte. Auf Veranlassung des Herrschers wurde das fünfte Konzil einberufen, die erste Tripitaka-Rezitationsversammlung in Sri Lanka, wobei alle Arahats und vortrefflichen Mönche aus Indien anwesend waren. Erstmals wurde die buddhistische Literatur, eine schriftliche Fixierung von Zitaten und Kommentaren, auf Palmblättern geschrieben. Diese Konzilversammlung fand 500 Jahre nach Buddhas Tod (85 v.Chr.) statt.

Unter den Teilnehmern herrschte Uneinigkeit darüber, wie die Worte des Buddha zu verstehen seien. Dadurch kam das buddhistische Schisma zustande. Zwei deutliche Tendenzen trennten das Mönchtum in zwei Lehrrichtungen, und zwar in die nördliche Schule, genannt Mahayana oder Buddhismus des "Großen Fahrzeuges", das viele Menschen besteigen sollen, und in die südliche Schule der Anhänger der alten Lehre,

genannt Hinayana oder auch Theravada, Buddhismus des "Kleinen Fahrzeuges". Die Mahayana-Mönche waren der Meinung, daß die Regeln des Mönchsordens reformiert werden müßten, um möglichst vielen Menschen die tief sinnige Lehre verständlich zu machen. Währenddessen blieben die Hinayana-Mönche fest bei ihrer Konzeption, daß die Urform des Buddhismus erhalten bleiben sollte und setzten somit die Kontinuität der Lehre der Ältesten fort. Insbesondere beachteten sie, daß der Vinaya-Pitaka (Korb der Disziplin), welchen Buddha verkündet hatte, streng eingehalten werde. Die kanonische Literatur des Hinayana wird in Pali geschrieben, und die des Mahayana in Sanskrit.

Chronologisch wurden alle Texte erst im Jahre 85 v.Chr. schriftlich festgehalten.

Die Übersetzungen aus dem Sanskrit des Mahayana-Tripitaka (Dreifachen Kanons) gibt es heute schon in Chinesisch, Deutsch, Englisch, Französisch, Japanisch, Koreanisch, Mongolisch, Tibetisch und Vietnamesisch.

Die Übersetzungen aus dem Pali des Hinayana-Tripitaka gibt es für den Vinaya- und Abhidharma-Pitaka in einigen Sprachen Asiens, und zwar in Burmesisch, Laotisch, Khmer, Singalesisch und Thailändisch. Wie auch in einigen europäischen Sprachen. Der Sutra-Pitaka wurde in viele, auch westliche, Sprachen aus dem Pali übertragen. Das Problem hat Vor- und Nachteile: Anhänger des Hinayanas haben es leicht, wenn sie sich im Ausland aufhalten. Sie können immer mit ausländischen Glaubensgefährten Gebete und Sutras rezitieren, während die Mahayana-Anhänger die Sprache des Landes, in dem sie gerade sind, lernen, um ihren Glauben praktizieren zu können. Es scheint nachteilig zu sein, daß Pali und Sanskrit tote Sprachen sind, die wenige Menschen lernen wollen, auch wenn sie sich für den Buddhismus interessieren. Es sind Sprachen, für die man nur im Rahmen der buddhistischen Institutionen eine Verwendung findet. In Anbetracht dieser Tatsache scheint es vorteilhafter, wenn alle heiligen Texte in regionale Sprachen übersetzt werden. Sonst ist zu befürchten, daß es in Zukunft nie-

mand mehr gibt, der die Erlösungslehre verstehen kann.

DIE SUTRAS WERDEN IN DREI KATEGORIEN KLASSIFIZIERT: DIE KATEGORIE DER MANTRAS, DIE DER EINFACHEN SUTRAS UND DIE DER ÜBERSETZUNGEN.

1. MANTRAS sind magische oder geheime Formeln, aus bestimmten zusammengesetzten Lauten, die von Buddha gesprochen worden sind. Sie werden von Personen verstanden, denen es nach langjährigen Übungen gelingt, die entsprechende Intonation auszusprechen. Hier handelt es sich um Personen, die die Erleuchtung erlangt haben. Aus diesem Grunde ist es verständlich, daß die Mantras, zum Beispiel das "Mantra des größten Mitleides" (= Chú Đại Bi), das "Mantra (Chân Đê)", das "Mantra der Erlösung" (Chú Vãng Sanh) etc. ... nicht übersetzt werden. Sie werden höchstens moduliert, aber dabei bleibt ihre Bedeutung nach wie vor unverändert.

Dennoch wissen wir durch die Worte des Buddha, welchen Nutzen diese Mantras bringen, obwohl ihre Bedeutung uns noch unbekannt ist. Aber wir werden sie nach wiederholtem Rezitieren noch erfahren. Denn wir wissen, daß Buddhas Worte wahr und richtig sind.

Das "Mantra der Erlösung" wird rezitiert, damit der Geist des Verstorbenen in die himmlische Welt des Amitabha eintritt.

Das "Mantra (Chân Đê)" bewahrt uns vor vielen Krankheiten. Das "Mantra zur Vernichtung des Unheils" befreit uns von allen Leiden des Inneren und dem schlechten Einfluß der Außenwelt. Das "Mantra des größten Mitleides" hilft uns aus allen Gefahren, und das "Mantra Surangama" (= Chú Lăng Nghiêm) wurde von Buddha zum Heiligen Ananda gesprochen. Dieses Mantra bewahrt uns vor Versuchungen und Leidenschaften. Es gilt sowohl für Mönche als auch für Laien, für alle, die aus dem Samsara heraus wollen.

2. DIE ZWEITE KATEGORIE SIND TEXTE IN CHINESISCHER SPRACHE, die viel rezitiert und erklärt werden müssen. Sie sind nicht so schwer verständlich wie die Mantras. Deshalb kann man, wenn man sich bemüht, die Bedeutung dieser Worte des Buddha begreifen.

3. ZU DER DRITTEN KATEGORIE GEHÖREN DIE SUTREN IN REGIONALEN SPRACHEN.

Sie werden auch Psalme genannt, deren Texte man in Versform oder in Prosa umschrieb, damit die Leser sie nach erstmaliger Lektüre leicht verstehen können. Außerdem passen sie sich gut dem Nationalgeist jedes einzelnen Volkes an. Die Regeln und Vorschriften des Mönchsordens (Vinaya-Pitaka) sind bei Mahayana und Hinayana fast identisch. Bedingt durch die geokulturelle Situation werden sie überall abgewandelt. Nur bei der "Höheren Lehre" (Abhidharma-Pitaka) unterscheidet sich das Mahayana wesentlich vom Hinayana.

Die Mahayana-Schule hat ihren Schwerpunkt in der "Leerheit" aller Gedanken über die transzendente Meditation, entsprechend dem Madhyamika-sastra (Trung Quán Luận), während die Hinayana-Schule auf die "Existenz" achtet, welche für die Mahayana-Schule als niedrige Stufe gilt. Deshalb gibt es Unterschiede zwischen beiden Schulen.

Es sind unterschiedliche Auffassungen, die den Buddhismus in zwei Schulen gespalten haben, und diese zwei Schulen existieren und entwickeln sich bis heute nebeneinander.

Die Mahayana-Schule entwickelte sich seit 85 v.Chr. im Norden in mehreren kleinen Sekten, während die Hinayana-Schule im Süden sich mit nicht so sehr deutlichen Veränderungen entfaltete.

Schon zu Beginn des ersten Jahrhunderts fand der Buddhismus Eingang in China. Aber erst Anfang des 6. Jahrhunderts (Anno 520), mit der Entstehung der Ch'an-Schule durch Bodhidharma, erreichte er die Höhe seiner Ausbreitung im Volk. Die ursprüngliche Meditation entstand schon während der Lebenszeit des Buddha in Indien.

Das von Herz zu Herz - Meditationsprinzip (Cachet de coeur) wurde von Sekyami-Buddha an den Heiligen Maha-Kasyapa weitergegeben, der dann als Gründer der Meditations-Schule Indiens galt. Dieses Prinzip wurde weiter überliefert bis zu Bodhidharma, dem 28. Patriarchen Indiens und gleichzeitig ersten Patriarchen Chinas. Denn 1000 Jahre nach Buddhas Nirvana war der Buddhismus im gesamten indischen Volk

so tief verankert, daß Bodhidharma daran dachte, diese Kunst nach China zu bringen, denn seit 4 Jahrhunderten hatte der Buddhismus in China keine Entfaltungsmöglichkeit. Deshalb spielte zu dieser Zeit die Meditation eine wichtige Rolle in der Entwicklung des Buddhismus.

Eine Theorie besagt, daß der Buddhismus zuerst in China Fuß faßte, bevor er durch chinesische Mönche nach Viêt Nam gelangte. Nach einer anderen Theorie war der Buddhismus zuerst durch indische Kaufleute, die mit China Handel trieben und in Viêt Nam Zwischenstation machten, zuerst in Viêt Nam eingeführt und dann erst in China.

Aus geohistorischen Quellen entnehmen wir, daß damals auf indischen Handelsschiffen buddhistische Mönche mitreisten, um durch Gebete und Rituale für gutes Wetter und günstigen Wind sowie guten Handel zu sorgen.

In Viêt Nam machten die indischen Kaufleute Zwischenstation, um auf den "Monsoon" (Wind des Südens des nächsten Jahres zur Weiterfahrt zu warten. Während dieses Aufenthaltes zelebrierten sie für die Bewohner Rituale für die Verstorbenen oder andere Feiern. Und seitdem nahmen die Einflüsse des Buddhismus in Viêt Nam zu. Sicherlich war für die Vietnamesen die Anwesenheit dieser Mönche in ihrer gelben Kutte dem Symbol der Selbstverwirklichung zuerst so fremd wie später für die Europäer und Amerikaner. Dieses befremdliche Aussehen wiederholte sich im 16. und 17. Jahrhundert, als die ersten christlichen Priester aus Europa in Amerika, Afrika und Asien ihre Tätigkeit aufnahmen.

Geohistorisch gesehen können wir sagen, daß der Buddhismus einerseits aus China und andererseits aus Indien direkt in Viêt Nam eingeführt wurde. Diese Behauptung wurde später von Nguyễn Lang in seinem in Paris im Jahre 1978 erschienenen Buch "Geschichte-kritik des Buddhismus Vietnams Bd.I" bestätigt.

In den Ländern des Nordens wie China, der Mongolei und Viêt Nam nahmen die Einflüsse des Mahayana schon Anfang des 1. Jahrhunderts zu dann im 6. Jahrhundert in Korea und Japan und letztlich im 7. Jahrhundert in Tibet, während in den

südlischen Ländern, z.B. Burma, Laos, Kambodscha und Thailand das Hinayana starke Wurzeln schlug.

Dank beständiger Aktivitäten von Mönchen beider Schulen hatte der Buddhismus im Bereich der Menschenerlösung große Fortschritte machen können.

Buddha verkündete bereits zu seiner Lebzeit ganz deutlich die drei Epochen des Buddhismus.

DIE ERSTE EPOCHE DAUERTE 500 JAHRE, einschließlich der Zeit, in der er lebte. Die Phase wird als Ära des Glanzes bezeichnet. Während dieser Epoche führten seine Jünger ein Leben mit einem Höchstmaß an Tugenden, und sie erlangten auch die Stufe eines Arahats oder Bodhisattva.

DIE ZWEITE PERIODE wird als das ZEITALTER DES SCHEIN-DHARMA bezeichnet, sie dauerte 1000 Jahre. Während dieser Zeit gab es immer noch Dharma-Praktizierende, aber niemand erlangte mehr die Bodhi.

DIE DRITTE EPOCHE DAUERT 10.000 JAHRE und wird ZEIT DES VERFALLS genannt. Sowohl Mönche als auch Laien sind Opfer des Materialismus. Der Dharma bleibt nach wie vor bestehen. Studierende des Dharma sind noch zahlreich, aber Praktizierende gibt es nicht mehr. Daher erlangt niemand die Bodhi.

Wenn wir die Geschichte zurückverfolgen, dann sehen wir, wie die Zeiteinteilung des Buddha mit der Wirklichkeit übereinstimmt. Denn als Bodhidharma nach China kam, im Jahre 520 nach der Zeitenwende, gab es schon eine wesentliche Veränderung des Dharma, verglichen mit der ursprünglichen Lehre. Dieses war schon die Mitte der Schein-Dharma-Epoche. Besonders in China, wo der Buddhismus bis zum 6. Patriarchen Hui Neng herrschte, ging die traditionelle Überlieferung des Dharma, durch symbolische Weitergabe des Originalkassayas, zu Ende, denn nach so langer Zeit war das Flickengewand nicht mehr tragbar. Gleichzeitig wurden noch weitere Sekten des Ch'an-Buddhismus gebildet und das Erlangen der Erkenntnis, wie bei Hui Neng, gab es nicht mehr.

(Fortsetzung folgt)

Gast-Mönche in der Pagode VIEN GIAC

In diesem Sommer hat die Pagode VIEN GIAC in Hannover 3 Gast-Mönche aus Australien und Amerika nämlich der Älteste Ehrwürdige (upadhyaya) THICH PHUOC HUE, Leiter des Instituts für die Entfaltung der Buddhalehre der Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Australien, Ehrwürdiger (Bhandanta) THICH THONG HAI, Leiter des buddhistischen Bildungsinstituts CHON KHONG in Hawaii und Bhandanta THICH QUANG CHON von der Pagode TU QUANG in San Francisco.

Upadhyaya hat wertvolle Predigungen abgehalten und die Zuflucht-Zeremonie für Laien, die sich an der stattgefundenen Bildungskurse über die Allgemeiner Buddhalehre teilgenommen haben, bezeugt.

Am Abend des 29.ten Juli 1987 hat Bhandanta THICH THONG HAI die Buddhalehre für den 1. Bildungskurs in der Pagode VIEN GIAC teilnehmenden Zuhörer unterwiesen. Für den 1. Bildungskurs vom 26. bis 31. Juli 1987 hat auch Bhandanta THICH QUANG CHON ein Teil des Bildungsprogrammes übernommen und den Kursteilnehmern über die Buddhalehre gepredigt.

Die C.V.B. in JAPAN

Die Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche (C.V.B.) in Japan wurde im 1970 gegründet. Es gibt zur Zeit in Japan 2 Ehrwürdige, nämlich Ven. (Arya) THICH MINH TUYEN und Bhandanta THICH AN THIEN. Den Vorstand und dessen Ausschüssen dieser C.V.B., Abteilung in Japan, wurden neulich gewählt.

Korrespondent-Anschrift:
c/o Central Post Office, Box 1467,
Tokyo, JAPAN.

Pilgerfahrt-Gruppe aus Belgien.

Eine Pilgerfahrt-Gruppe von 39 VN-Flüchtlinge aus Belgien, unter Leitung von Herrn Nguyen Van Van, hat in der Pagode VIEN GIAC in Hannover vom 11. bis 13. Juli 1987 geweiht. Danach haben sie Berlin und Hamburg besucht und am 17. Juli 1987 zurück nach Belgien kehrt. Obwohl diese Pilgerfahrt von keiner Pagode und Buddhastätte in Belgien organisiert wurde, haben überwiegend Buddh. VN-Flüchtlinge aus Belgien teilgenommen, unter dessen auch der vietn. Publizist Nguyen Ang Ca und der Dichter Phuong Ha.

BUDDHISTISCHEN AKTIVITÄTEN IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

* Einweihung der Buddhastätte PHAT BAO vom 24. bis 25. Juli 1987 wurde in Barntrup, deren Äbtin Nonne THICH NU DIEU HANH, in Emil Zeißstr. 8, 4924 Barntrup, Tel. 05263-3601, durchgeführt. Diese feierliche Zeremonie wurde bezeugt und abgehalten von Upadhyaya THICH THIEN DINH, Abt der Pagode Phap Hoa in Marseille, Frankreich, Arya THICH MINH LE, Abt der Pagode Tinh Tam, Paris und alle Ehrwürdigen Mönche und Nonnen der C.V.B., Abteilung in der Bundesrepublik Deutschland. An dieser Veranstaltung haben zahlreiche buddh. VN-Flüchtlinge in Barntrup und deren Umgebung teilgenommen.

* Predigung für Vietn Pfadfinder in Frankfurt.

Am 25. Juli 1987 war Bhandanta THICH NHU DIEN in Frankfurt zur zeremoniellen Leitung und Predigung der Buddhalehre für buddh. VN-Pfadfinder, anlässlich ihres Sommer-Camps. Es gab 50 Teilnehmer an dieser Religions-Unterweisung.

* Allgemeine Buddhalehre-Bildungskurse in der Pagode VIEN GIAC.

Am 26. Juni 1987 wurden die Allg. Buddhalehre-Bildungskurse eröffnet, welche bis 9. August 1987 vollgestreckt wurden. Es gab 3 Kurse.

+ Der 1. Bildungskurs, vom 26. Juli bis 30. Juli 1987, hatte 17 Teilnehmer und 10 Gasthörer.

+ In dem 2. Kurs, vom 31. Juli bis 4. August 1987, gab es 16 Schüler und 15 Zuhörer.

+ An dem 3. Kurs, vom 5. bis 9. August 1987, haben 30 Schüler und 20 Gasthörer teilgenommen.

Die Kursteilnehmer haben sich aufrichtig und eifrig der Buddhalehre gewidmet, Sutren rezitiert, meditative Praxisausübung durchgeführt, sowie Erfahrung über die Praxis der Buddhalehre ausgetauscht, usw...

Es war sehr eindrucksvoll, daß zweidrittel der Kursteilnehmer Jugendliche waren. Die Kurs-Prediger waren Bhandanta THICH NHU DIEN, Bhandanta THICH QUANG CHON, Arya Nonne THICH NU DIEU TAM, Nonne THICH NU DIEU AN und Ehrwürdige-Gäste. Die Kurse wurden ebenfalls von Upadhyaya THICH PHUOC HUE, Bhandanta THICH THONG HAI und Bhandanta Nonne THICH NU NHU HAN bezeugt.

* Zum Bau der Begegnungsstätte LOTUS in Hannover.

Am 8. August 1987 haben sich vietn. Architekten, Ingenieure, Bauleiter in der Pagode VIEN GIAC zusammengetroffen, zum Erfahrungsaustausch und zur Beratung über die Bauabwicklung zum Bau der Begegnungsstätte LOTUS in Hannover. Es ergaben sich dabei zahlreiche positive Gedanken, zur Unterstützung zum Errichten dieses geistigen Bauwerkes.

* Zusammenkunft der technischen Organisation für das UMLAMBANA-Fest.

Am 16. August 1987, um 14 Uhr, sind die buddhist. VN-Flüchtlinge in Hannover und deren Umgebung in die Pagode VIEN GIAC gekommen, um über die technische Organisation des UMLAMBANA-Festes vom 4. bis 6. September 1987 in Hannover zu besprechen und mitzuwirken.

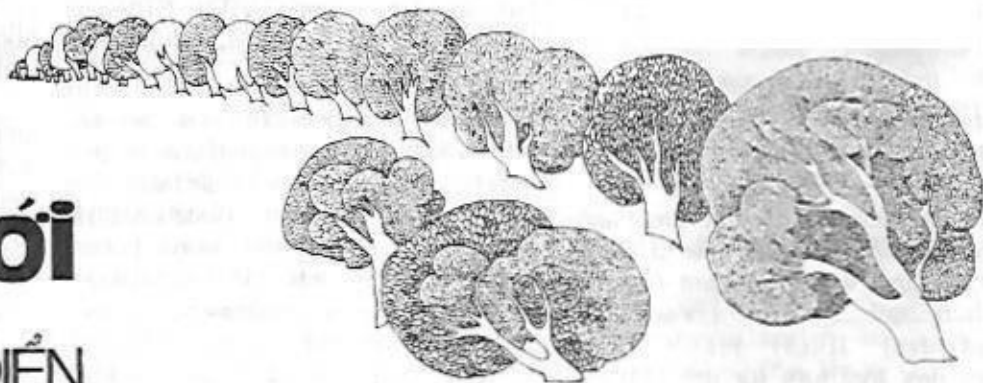
Aus technischer Gründe erscheinen die Aktivitäten der Vereinigung der Buddhistischen VN-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland nicht in dieser Ausgabe.

Wir bitten VIEN GIAC-Leser um Ihr Verständnis.

Die Redaktion.

Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN



(Kỳ thứ 35)

Ngày 15 tháng 11 năm 1981 chúng tôi gồm những Tăng Ni sinh hiện sống tại Công Hòa Liên Bang Đức tập trung tại chùa Viên Giác, Eichelkampstr. 35a, 3000 Hannover 81 để họp và thành lập bản nội qui của Chi Bộ. Chúng tôi, Thầy Trí Hòa, Thầy Minh Phú, Cô Diệu Ân, Cô Minh Loan, Cô Diệu Hạnh và Cô Diệu Chương. Bản Nội Qui này là bản nội qui căn bản, nồng cốt cho những nhiệm kỳ sau này khi có thay đổi nhân sự, và đã được tòa án Hannover công nhận với hiệu số 4826 ngày 23 tháng 12 năm 1981.

Sau khi đã được công nhận bởi Tòa án, chúng tôi bước lên một bước nữa là xin Bộ Tài Chánh công nhận tổ chức của chúng tôi là một tổ chức Tôn giáo, từ thiện, phục vụ công ích cho đồng bào. Bộ Tài Chánh Hannover cũng đã công nhận chúng tôi vào ngày 13 tháng 1 năm 1982 với số hiệu 2.5. 206/28501/227. Đó là tất cả những gì thuộc về hành chánh mà một tổ chức cần phải có, mà chúng tôi đã hoàn thành.

Bây giờ 2 cơ cấu tổ chức đang vững vàng. Đó là Hội Phật Tử, được thành lập năm 1979 và Chi Bộ thành lập năm 1981. Chúng tôi hoạt động song hành trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa của Phật Giáo cũng như văn hóa của Dân Tộc một cách cụ thể và nhịp nhàng với nhau.

Chùa chiến mới thành lập chẳng có ai trông nom và săn sóc; nên năm 1981, Thầy Thích Minh Phú đã về với chúng tôi ở hơn 1 năm để chúng lo Phật sự. Đạo Hữu Diệu Niên Huỳnh thị Dậu từ Braunschweig đến lễ chùa nhân ngày lễ vía Quan Thế Âm năm đó cũng đã ở lại chùa làm công quả cho

đến ngày nay. Phật tử Thi Khánh Trưởng Tân Lộc cũng đã chịu gian khổ lúc ban đầu với tôi rất nhiều trong cuộc sống đạm bạc thiếu xa xài ấy.

Ngày xưa và ngay cả bây giờ có nhiều Phật tử nói lên tôi là "Thầy mình khó quá; quý Thầy khác thì dễ hơn nhiều". Mà có lẽ tôi cũng khó tính thật. Tôi không khó chuyên ở, chuyên ăn mà chuyên học hành và tu niệm. Tôi sẽ không tán đồng với những người lười biếng, ham chơi hơn ham học và tôi cũng sẵn sàng đem luận lý để dạy cho đệ tử mình khi chênh mảng đường tu. Không những đệ tử của tôi ngăn mà ngay cả quý chú, quý cô đệ tử của quý Thầy khác mới xuất gia sau này cũng ngăn cho cái nghiêm khắc của tôi.

Có nhiều người vui tánh nói là: "Tại vì Thầy hồi xưa khó quá nên bây giờ Thầy hành hạ đệ tử đệ tử bù trừ". Không biết câu này có đúng hoàn toàn không thì tôi chưa xác nhận; nhưng có một điều tôi đã xác nhận bên trên là tôi sẽ không tạo giờ để dãi với những người lười biếng, ham chơi, cầu thả cả. Cái gì phải ra cái đó đang hoàn.

Có người bảo: "Tại sao bây giờ Thầy tu, quý Ni Cô, các bà Soeur quý vị Linh Mục v.v... ai cũng khó cả. Chẳng thấy một người nào dễ dãi" Tôi trả lời rằng: "Chính nhờ cái khó ấy mà họ mới còn tồn tại đến ngày nay, chứ họ tự dễ dãi với chính mình và tha nhân thì có lẽ giờ người đã cuốn trôi họ rồi".

Ở đời cha mẹ khổ tâm với con cái như thế nào, thì ở Đạo, Thầy trò khổ với nhau cũng không ít. Cha mẹ muốn con cái nên người; nên khuyên con

điều hay lẽ phải. Thầy Tổ muốn đệ tử mình được trọn đường tu, nên phải đem giới luật Phật ra dạy răn. Nhưng nhiều lúc "giáo đã thành oán". Nghĩa là khuyên lớn dạy dỗ nhiều, đôi khi lại ra thâm thù. Đó là những người chưa hiểu Đờ và hiểu Đạo. Chữ kẻ đã hiểu rồi thì phải cảm tạ ơn kia mới đúng chứ nhỉ?

Thông thường con người ai cũng muốn tự do cả. Nhưng tự do nó cũng có chừng mực và theo khuôn phép của nó. Chữ tự do đồng nghĩa với câu thả lưới biếng thì sự tự do ấy nó chẳng có ý nghĩa gì.

Thời gian sau đó có một số anh em sinh viên Phật tử vào chùa ở tạm một thời gian để đi học, sau khi đã tìm được công ăn việc làm, nhà ở v.v... thì trở lại với cuộc đời thế tục. Tôi không trách họ. Vì họ chỉ là những người phát nguyện ở chùa trong một giai đoạn nào đó thôi, nên nhiều lúc tôi vẫn thường nói: Ở chùa nó cũng giống như một màn kịch thế thôi. Khi màn sân khấu xuống xong thì nhiệm vụ của ai lại trở về vị trí này. Chỉ có người soạn tuồng và khán giả là những người vẫn ý hay khen chê mà thôi.

Ở tại Đức cho đến năm 1982-83 vẫn chưa có ngôi chùa hoặc Niệm Phật Đường nào khác ngoài trừ chùa Viên Giác tại Hannover, mặc dầu tại Đức lúc bấy giờ Tăng Ni cũng đã gần 10 vi. Vì trong thời gian ấy quý Thầy, quý Cô còn đang học tiếng Đức. Có người thì tính đi Mỹ; nên sự an trú tại Tây Đức cũng chưa tính đến. Vì thế mà các cơ sở Tôn giáo chưa mọc lên nhiều.

Tôi vẫn thường nói với những đệ

tử và những Phật tử rằng hãy nên kính trọng những người còn đang mặc chiếc áo nhà tu. Mặc dầu "chiếc áo không làm nên tu sĩ"; nhưng hãy kính trọng họ. Vì chính mình không xa thân quốc như họ thì hãy kính trọng họ những cái gì mình chưa hoặc không làm được. Những Phật tử nhiều khi cũng khó tính hơn nhiều người tu nữa. Trong khi họ chẳng tu hành đạo đức gì cả mà bắt buộc người tu phải như thế này hay thế nọ. Điều đó cũng hơi quá khắt khe.

Khi mình không có bằng cấp mà đi dạy người có bằng cấp là một điều sai sót căn bản từ ban đầu. Một người không đạo đức, tác phong mà đi dạy luân lý cho một người đang học luân lý và có tác phong đạo đức quả là một điều nhầm lẫn. Đó chẳng qua vì cái ta vị kỷ, chấp có, chấp không còn ứ đọng trong những người này nên chỉ thấy chức chuyên của tha nhân, chứ chuyên của nhà mình thì chẳng thấy gì cả.

Tại chùa tổ chức các buổi lễ cầu an, cầu siêu, lễ Phật Đản v.v.. Đây là nói lễ bái nguyên cầu và cũng là cơ hội để các Phật tử về gặp gỡ hàn huyên với nhau nhân ngày Đại Lễ Cơ hội này mỗi năm chỉ có một hai lần. Đường xa cách trở muôn vạn dặm đâu có cơ hội để gặp nhau hoài?

Jugendzentrum là nơi để nấu nướng, ngủ nghỉ và cũng là nơi tổ chức văn nghệ cho lễ Vu Lan nữa.

Nấu nướng thì không ai qua tài ra quân của chị Hạnh ở Braunschweig cùng gia đình cũng như sự góp mặt của tất cả quý Phật tử tại địa phương Hannover. Nhiều lễ đồng cả hàng ngàn người mà ăn ở lại túc hữu từ 6 đến chiều chủ nhật quả là một vấn đề không nhỏ cho Ban Tổ Chức và Ban Trại Sao cùng những Ban khác nữa. Một đầu máy đầu máy, nhiều máy lúc đến đầu đi chẳng nữa, cũng không thể kéo theo một toa xe mà rất nhiều ở đây thì ngược lại, đầu máy và thân tàu đều làm việc một cách nhịp nhàng không một tiếng nhỏ to hay một lời than thở, mà tất cả đều nằm trong ý nghĩa tự nguyện, tự giác.

Sau những buổi lễ có giờ tổng kết tình hình của Ban Tổ Chức; nhìn thấy các anh chị em Phật tử bộ phận cả người; những miếng văn nở nụ cười tươi, khi thấy rằng Đại Lễ đã thành công viên mãn - riêng tôi cảm thấy nghẹn lời, không biết phải dùng

tử ngữ nào để cảm tạ anh em. Nào những người như Hưng, Diệp, Trâm, Tuấn, anh Nghĩa, anh Châu, anh Đức, chị Hạnh hay các Đạo Hữu Diệu Hằng, Diệu Niên, Minh Tôn, Thanh Hòa, Diệu Nụ, Diệu Thái, Diệu Hiền, Viên Tuyết, gia đình Hác Quang, gia đình Hác Sáu v.v... và v.v... có lẽ tôi sẽ không nhắc nhớ hết được ra đây. Vì những gì tí mĩ nhất tôi đã viết trong cuốn "Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại Tây Đức" vào năm 1986 rồi.

Chưa càng ngày càng lớn mạnh, Phật tử càng lúc càng biết đến nhiều hơn. Những năm đầu chùa có chùa mỗi lần Phật Đản Vu Lan chúng 100 đến 200 người về tham dự là nhiều rồi. Bây giờ cả ngàn người về thì làm sao mà Ban Tổ Chức không vui được. Tuy có mệt đó; nhưng thời gian rồi cũng qua đi.

Theo thống kê của Bộ Nội Vụ Liên Bang cho đến nay (1987) có hơn 30000 người Việt Nam hiện sống tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Trong đó không có chia ra Phật tử bao nhiêu, Thiên Chúa và người theo đạo ông bà tạo nhiều; nhưng chúng tôi đoán chắc rằng Phật tử không dưới 20000 người. Vì cứ mỗi năm, qua các lần lễ Phật Đản, Vu Lan, Tết Nguyên Đán và các lễ hàng tháng v.v... có khoảng 8000 người tỵ nạn nói trên nước Đức về lễ chùa. Đó là một con số kỷ lục tại xứ Đức này vậy.

Khoảng năm 1983 thì quý Thầy quý Cô tại Minderstadt đã dời ra khỏi trại về tại Rottershausen và có ý thành lập Niệm Phật Đường Khánh Hòa. Có sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Thiên Đình, Thượng Tọa Thích Đức Niệm, và chúng tôi. Sau này Niệm Phật Đường này biến thành chùa Khánh Hòa trong hiện tại. Khánh Hòa là tên của một vị Tổ miền Nam đã có công rất nhiều cho việc phát huy Phật học của Phật Giáo nước nhà trong giai đoạn lịch sử 1930-1940. Sau này Khánh Hòa tại Barntrup được thành lập cũng trong chiều hướng ấy - Phát huy văn hóa Dân Tộc và Đạo Pháp tại xứ người cũng như tạo niềm tin cho những người còn bơ vơ lạc lõng giữa trời Tây. Chùa Khánh Hòa cũng đã ra một đặc san lấy tên là Tử Bi Âm. Đây là cơ quan ngôn luận tại Tây Đức; những đó cũng là hình ảnh của tổ Tử Bi Âm của những năm chấn hưng Phật Học của Nam Kỳ nghiên

cứu Phật học hội vào thời điểm đã nói trên.

Ngoài tổ Tử Bi Âm ra chùa Khánh Hòa cũng cho lập thí xá Tử Bi Âm để in và ấn tống một số kinh sách, gởi đến biếu các Phật tử xa gần. Đây cũng là một trong những công tác Phật sự mà người Phật tử tại gia hay xuất gia vẫn phải hằng lưu tâm đến.

Vì "Lễ Phật già kính Phật chi đức Niệm Phật già cảm Phật chi ân Khán kinh già minh Phật chi lý Toa Thiên già đồng Phật chi địa Nghĩa là :

"Lay Phật là kính cái đức của Phật Niệm Phật là cảm đến ân của Phật Xem kinh là làm cho sáng cái lý của Phật Ngồi Thiên là mượn vào cảnh thanh tịnh của Phật".

Vì thế việc in kinh ấn tống là một trong 4 phúc điền kể trên, để giáo pháp của Như Lai có cơ hội triển khai nhiều hơn nữa.

Nhiều người tụng kinh, lễ Phật, ngồi Thiên, những chi để làm cho có chuyện chứ chẳng hiểu hết thâm nghĩa của kinh nên chẳng được phúc đức gì nhiều. Hoặc giả có nhiều người đi chùa để cầu phúc, cầu tài, cầu duyên, cầu lộc, cầu thọ; chứ tôi thấy rất ít người cầu giải thoát. Giải thoát mới là điều cần thiết, chứ cầu những thứ ràng buộc ấy mà làm gì.

Năm 1982 cũng là năm Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức thiếu Thầy Thích Trí Hòa. Thầy Thích Trí Hòa theo lời thỉnh cầu của Hội Phật Giáo Việt Nam của Nam Tuyên, qua Thầy Trí Tuệ và của Hội Phật Giáo tại Oklahoma; nên Thầy đã nhẹ bước văn du sang Mỹ quốc, để lại sau lưng Tây Đức với tuyết trắng giá băng và một ngôn ngữ khó chữ có nước nào bằng. Chứ Tăng ở đây bắt đầu thiếu hụt. Vì trước đó Sư Giác Minh cũng đã đi Hoa Kỳ rồi. Hiện tượng tăng không thấy mà hiện tượng giảm lại nhiều. Do đó tôi cũng lấy làm lo; nhưng dần dà rồi cũng yên ổn cả.

(còn tiếp)

TÂN VIÊN GIÁC TỰ

TRẦN PHONG LƯU

tiếp theo

Mọi người đều hoan hỷ để nghị sau cùng này; khi trong tôi vẫn còn tồn tại một mối lo: vì nếu tầng trên xây trước thì phải xây đầy đủ cả những mái, nhưng bộ khung sườn nóc, sàn chính diện phải dày hơn và hệ thống sườn sàn phải tăng cường vì bên dưới để trống. Các cột chịu, tường chịu tuy để trần, không tô nhưng vẫn phải xây đủ, sàn hội trường tuy chưa lát gạch nhưng vẫn phải nền bằng và trũng sấp xỉ năng mới có thể sử dụng được. Nên việc xây tầng chính diện ở trên sẽ chiếm gần 2/3 ngân khoản chứ không phải phân nửa nếu xây tầng trệt trước. Nhưng dù sao thì đây cũng là giải pháp tốt nhất trong hoàn cảnh hiện tại.

Trước khi phác thảo hình thể ngôi chùa mới theo đường nét tòa sen búp mà cương hoa là tiền sảnh "Thiếu hương", chính môn hợp với hai câu thang tả hữu làm thành dải hoa, phần cứng đường trãi tầng hai bên lập thành tràng hoa thứ nhất, hai hành lang bao quanh chính diện như tràng hoa thứ hai và tràng hoa Phật điện trên hết phong kín nhụy hoa "chính diện" lại; trước lúc xếp là bố để làm mái chùa, trước hội phân định những lan can mang những cánh sen lớn, bao quanh sân thượng, bao lớn, giăng dãn, xếp theo từng mức cao thấp như một tháp tòa và sưu tập bát bửu Phật Giáo làm hình tượng trang trí trên mái. Cấn trên nguyệt môn hai gác chuông, trống; chái cuối số theo hình cơ phương Phật giáo; mở lối ánh sáng soi to câu thang bằng chữ "Phật". Tôi đã nghiên cứu lại kinh nghiệm xây chùa của người xưa qua sách An tượng do chùa Thiên Pháp, thôn An Trạch (Hà Nội ấn tống) và qua quyển kiến trúc Phật giáo của kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng do viện đại học

Vạn Hạnh ấn hành, cùng các sách và tài liệu về nghệ thuật và kiến trúc Việt Nam do các tác giả L.Bezacier, J.C.Clayes, P.Gourou ... cũng như các tài liệu mà tôi đã sưu tập, tìm kiếm trong thời gian còn dạy môn lịch sử kiến trúc tại Đại Học Kiến Trúc Saigon về những đường nét mỹ thuật, hình thể kiến trúc tôn giáo, thuật phong thủy, vài nghiên cứu địa lý cũng như những điều tẩn tưởng của dân Việt trong khi xây cất ... để thật sự trở về nguồn cội dân tộc sau thời gian tiếp xúc, thực hành những kỹ thuật tiên bộ của ngành xây cất hiện đại Tây phương và những hình khối kiến trúc hậu hiện đại Âu Mỹ.

Ngôi chùa mới sẽ được xây trên cuộc đất đôi diện với chùa cũ, tọa lạc tại góc đường Eichelkamp và Karlsruhe. Phân ra 3000 m² dành cho Kiến Trúc và 1000 m² dành làm bãi đậu xe. Nhân lễ Phật đản năm 2530 trong buổi thăm đất mới với chư Tăng và quý vị Phật Tử tôi được nhìn cục diện khu đất mà sơ thiết kế đô thị Hannover đã định vào vùng "Thủ công nghiệp" (Gewerbegebiet) gần khu hội chợ quốc tế (Messegelände). Được nghe những lời chỉ giáo của Hòa Thượng Thích Thiên Định, viện chủ chùa Pháp Hoa Marseille, mà tôi đã được nghe, biết từ hồi Thầy còn trụ trì tại chùa Phật Ân (Phật ba đời bề khô, luân hồi nguyên độ tận. Ân bốn đời trên ai, ác trước quyết tu đời) ở quê hương Mỹ Tho của tôi, về những tương quan mật thiết giữa phương hướng, thể đất với cuộc đời, giờ, tháng, năm sinh của vị sư trụ trì lập chùa. Được nhận phương địa dư bằng la bàn được xem lá số tử vi của Thầy trụ trì, và được Ni Sư Thích Nữ Như Nhuận từ miền Nam Pháp gửi thuốc bổ ban qua. Sau thời gian nghiên cứu, xoay trở, sắp xếp các thành phần kiến trúc theo chương trình dự án

xây cất, tôi đã chú ý định phương Bắc Nam để đặt trục chính công trình, theo đường chéo của cuộc đất và tận dụng chiều dài nhất của địa thế cuộc đất cho chính diện để có thể chứa được tối đa số tín đồ đến lễ Phật trong một diện tích hạn hẹp và thích nghi với Phương Duyên niên (tốt, phong phú) đặt chính môn và hướng Phục vị (Thành Công) đặt trụ phòng cho Thầy trụ trì (tuổi Kỷ Sửu, âm nam). Tuy nhiên hướng Bắc thuộc phương huyền vũ, gió lạnh thổi nhiều nên sẽ dùng bình phong ngoài sân thượng để ngăn đón. Về lại chính môn chỉ mở vào các ngày đại lễ khi mà khách thập phương vẫn tập về đông, chư Tăng họp lại tụng kinh, chư Phật độ trì, trời đất phò hộ.

Hướng Đông sanh khí lâu bền lại trông ra đường lớn Karlsruhe, nên mở tam quan, vốn theo kiến trúc nhà Phật, mang ý nghĩa ba điều quán sát trong đạo Phật: Không quan là xét rõ sự vật gì cũng không có thật. Giả quan là xét đủ chỉ pháp đều biến hóa vô thường. Trung quan là điều trọng yếu ở con đường vào cửa Phật, tức là trung chính có cả không và có cả giả.

Phía này lại trông và rộng rãi đứng thế đất lành chỉ cần đào thêm ao hồ, kính ngồi ôm bọc. Vì thế sẽ đào liên trì hình tròn và thể hiện tinh viên dung của đạo Phật. Giữa đắp non bộ, trồng bụi trúc, cây cảnh trên dựng tượng thờ Quan Âm Nam Hải lộ thiên; và hình thành đầu rồng, rồi khởi thêm ngôi nước uốn khúc bao quanh mặt trái chùa tạo thế Thanh Long.

Phía tây xây bảo tháp 7 tầng với đường thẳng xiên lên xuống dựng thành bậc hồ sơn cao dày, tầng tầng lớp lớp quay đều lại; trên đỉnh nóc gắn hoa sen; bốn phía sẽ treo tràng-

phan, bảo cái để tạo đủ thể Rộng Châu Hồ Phục cho đất dương cơ vậy.

Quy mô kiến trúc phân định rõ ba nhánh đồng qui nơi phòng Thầy trụ trì như bộ não điều hành :

1/ Phần ngoài có lối xe vào gần bãi đậu xe thuộc nhánh ngoại tiếp; gồm các văn phòng, cơ sở tiếp xúc với công chúng, hoạt động trên các lãnh vực văn hóa xã hội.

2/ Thân giữa là phần chính ngôi chùa nơi đất chính điện; Phật điện để cử hành các lễ nghi tôn giáo thuyết pháp ...

3/ Nhánh trong yên tĩnh là khu trú ngụ và tu học của chư Tăng, Ni. Ngoài ra phần phụ thuộc gồm các bếp, kho, những phòng vệ sinh, tắm ... Ở góc ngoài cùng mở cửa ra đường Fichelkamp dành cho xe phục vụ riêng. Giữa các khu được ngăn cách nhau bằng các cửa ngõ, hành lang, tiểu sảnh và các tam cấp, cầu thang.

Tam trực đồng qui còn tượng trưng cho ba cõi quay về, quy y tam thế.

A. BÌNH ĐỒ TẦNG TRỆT :

Qua cổng tam quan khách thập phương sẽ theo một con đường đi rộng như một sân gạch hai bên trồng cây cỏ, tượng trưng cho cõi trần ai với hàng tướng sinh, lão, bệnh, tử đặt bên trái, trình bày bốn nỗi khổ trên đời.

Muốn vào chùa khách sẽ đi qua cầu vòng để tới hội trường, hay dùng cầu thang để lên chính điện. Cả hai cầu đều bắc qua suối Thanh Long, dòng nước mát gột rửa mọi phiền hoa nhiễm não. Khách qua cầu rửa sạch bụi hồng trần trước khi vào nơi đất Phật.

1/ Vào Hội trường : Muốn vào Hội trường khách phải qua một tiểu sảnh rộng. Dưới dạp sân thượng, một chỗ đứng chân thuận tiên để gặp gỡ hàn huyên. Nơi đây có thể dùng phòng triển lãm với sẵn những bức tượng để dán tranh ảnh và lập quầy giới thiệu kinh sách báo chí; đồng thời cũng có thể đặt bàn làm chỗ phát cơm và thọ trai. Từ đây có thể đi ngay đến bảo tháp; lại có đường thang xiên dành cho người tàn tật lên xe lên chính điện.

Khách thập phương vào hội trường hay đại sảnh cả dụng sẽ dùng hai cửa hai bên phòng kỹ thuật, nơi đặt

máy chiếu phim, rọi hình vào hội trường hoặc vừa mở cửa sổ ra bên hông để nhận gió áo khoác, hay mở ra bên ngoài để bán vé hát ... Hai phòng đêm hai bên nối liền tiền sảnh và đại sảnh vừa giữ nhiệm vụ ngăn gió lạnh mùa đông, vừa làm nơi đặt cầu thang dẫn lên chính điện.

Kế đó đến phòng triển lãm nhỏ ở một bên và phòng giải lao, hút thuốc ở bên kia. Đại sảnh ngoài công dụng thuyết pháp, hội họp cho khoảng từ 300-350 tham dự viên còn có thể trình diễn văn nghệ, với đầy đủ sân khấu, hậu trường để hóa trang và những lối cấp cứu ...

II/ Phần công chúng :

1/ Phòng tiếp nhận phẩm vật với quầy trưng bày kinh sách, báo chí mới phát hành, các đồ nghi trượng, ảnh, tượng, đồ thờ, đồ lễ ... những tủ kệ bày kinh sách. Phòng này đặt thêm các chỗ ngồi chờ, theo cả hai lối tây, ta (ghế dựa, sắp gụ, bộ ván).

2/ Khu văn hóa xã hội gồm có các phòng làm việc, văn phòng, phòng chuyên môn, phòng làm việc từng nhóm và các kho, phòng vệ sinh. Các phòng phần nhiều được ngăn bằng vách, cửa dây lưới Nhật để có thể mở thành những phòng lớn tùy nhu cầu.

3/ Phòng hội hay tiểu sảnh rộng hơn 70 m².

Ngoài ra còn có 2 phòng vệ sinh nam, nữ và kho nhỏ với quầy tủ bốn mức đựng các bình châu đĩa để sửa soạn hoa quả cúng Phật.

III/ Phần chư Tăng :

1/ Trú phòng : gồm một phòng ngủ và toilet có lò sưởi, phòng vệ sinh và tắm riêng. Phòng ngủ xây cao hơn toilet phòng 3 bậc thang có thể trải chiếu theo lối Nhật và đặt nệm ngủ thay vì giường, ghế, ... Trú phòng sẽ là nơi ngủ tạm cho Thầy trụ trì cho đến khi xây xong tầng trên.

2/ Trai đường : gồm phòng thọ trai của chư Tăng với chỗ uống nước rửa tay. Phòng này có một cửa sổ nhỏ trông trực tiếp với nhà bếp để chuyên thức ăn lên.

IV/ Phần phụ thuộc :

Trai đường có thể xếp luôn vào phần này.

1/ Nhà bếp : rộng khoảng 36 m²

gồm các bệ, tủ, bàn, tủ lạnh, bếp lò các loại đặt sát các tường quanh phòng và một bàn dài đặt giữa phòng để sửa soạn các thức ăn. Các tủ bên dưới bệ cũng như những tủ kê phía trên sẽ được dùng đựng các vật dụng nhà bếp thường ngày như nồi, chén đĩa, ly tách và các đồ gia vị sẽ được sắp xếp tùy theo trọng lượng nặng nhẹ mà đặt trên dưới và tùy đây chuyên làm bếp mà đặt trước sau gần xa ...

Vậy cách bày trí của nhà bếp sẽ tùy theo nhu cầu của các người nấu ăn và quy trình làm bếp : từ lúc lấy thức ăn từ nhà kho, lột rửa rau quả gọt khoai, xắt cải, sửa soạn món ăn qua khâu nấu nướng chiền xào, đến khâu nêm gia vị, rắc tiêu ngò, trình bày món ăn trước khi đưa qua cửa sổ thông với phòng thọ trai hay dọn ra cửa nhà bếp đến "tiên sảnh gặp gỡ" để phát cơm cho khách thập phương hay bày ra bàn đặt tạm trong đại sảnh vào những ngày đại lễ. Và đây chuyên ngược lại dọn chén đĩa thức ăn thừa trở lại bếp, chõ rửa chén đĩa, ly tách, nồi chảo ... và các thùng rác tạm.

2/ Xưởng nhỏ : Hậu trường vào những ngày thường sẽ để trống có thể kết hợp thành xưởng in, nơi đóng sách báo, sơn vẽ phòng màn cho các buổi trình diễn văn nghệ hoặc các công việc linh tinh cần chỗ rộng rãi.

3/ Kho : gồm 3 phần bao quanh cầu thang, là một phần nhà bếp nối dài. Hành lang rộng, có cửa rộng mở ra đường "phục vụ" thông với cửa ngõ đường Fichelkamp, làm chỗ để xuống các bao, thùng, thức ăn, cần đóng, trước khi chuyên vào kho lủ. Nơi đây sẽ phân thêm chỗ chứa, tủ kê đựng những thức ăn dùng trong ngày lấy từ kho lủ trữ; chõ rửa nồi, chén đĩa vào những ngày đại lễ và chõ xả lạnh các thức ăn lấy từ tủ đông đá.

(còn tiếp)



TÌM VỀ SẮC KHÔNG

Những cảm nham bất biến
viết dâng vì sự già của
tuổi áo thơ (Tuy Anh).



Những năm miệt mài ở Đại học, những ngày tháng rong chơi với những cuộc tình không hũa hen hay những đêm dài đốt cháy cuộc đời bằng cả phê-thuốc lá, tôi chỉ tìm thấy những nỗi chán chường tốt cùng về tuổi trẻ và tương lai, về con người và cuộc chiến.

Những nguyên lý và triết thuyết ở Đại học chẳng chứng minh và đem đến cho tôi một giải pháp cụ thể nào trong bối cảnh lịch sử của cuộc chiến Nam Bắc. Trong khi những mưu đồ, chiến thuật chiến lược, vũ khí nguyên tử là những đỉnh đê về chiến tranh và lòng tham vọng. Những tôn thất, những thương vong là những ý thức về nỗi chết không rời. Những áp bức, bất công, tham nhũng - mà con người phải trực diện hàng ngày, là những mầm mống gây ung thời niềm tin đối với chính quyền, gây quên lãng về hiềm hoa của công sản. Vô tình hay cố ý, lớp người lãnh đạo đã bỏ quên hoài vọng của tuổi trẻ.

Tuổi trẻ không được dân dắt, chỉ thấy tương lai bằng vành trăng khàn tang của các gia đình tư sĩ, bằng hình tượng an xin của các phê bình bị gạt bỏ ra ngoài lề cuộc sống...

Đời đã không có ngay mai. Thời gian chẳng chờ đợi ai, cũng chẳng dành riêng cho ai. Tôi yêu cuồng sống với qua một loại triết lý vụn vặt. Tính yêu như một loại thời trang, ban phát, thu hưởng chỉ trong một giai đoạn đam mê nào đó. Hôm nay đón Huế ở trường Gia Long để cùng vào quán kem Mai Hương, ngày mai đời Văn ở Đại học Văn Khoa để đến tiệm nhảy

Queen Bee... tôi cũng chỉ chứng minh rằng mình còn hiện diện ở cõi đời này. Mùa đông với Nhung trong căn gác nhỏ ở ngoại ô Saigon, mùa hè với Duyên lang thang trong rừng thông Đà Lạt. Tôi còn trẻ, còn sống và cần thu hưởng...

Những đêm chong mắt trong các quán cà phê đèn mờ nhạc diu hay trong các quán rượu ồn ào thác loạn, gặp gỡ các gương mặt bạn bè cũ tôi cũng chẳng tìm thấy ở họ một vài tin yêu - dù chỉ thoáng qua. Thoang qua trong uú tu của lớp trẻ muôn tròn chạy sự hiện hữu của chính mình trong thực tại. Thoang qua trong thức tình lương tâm của những hạng người "chính trị sa-lông", đám "chính khách xôi thịt" hay của đám "tri thức thời cuộc" muôn chứng minh sự có mặt của họ trong mui câu danh lợi. Hạng người này đối diện với đời bằng những xu nính, chông phá hay bằng những đòn thù. Họ lợi dụng tôn giáo hay đoàn thể, đảng phái cho mọi âm mưu triệt hạ lẫn nhau, hoặc mua chuộc lòng đơan hàng ngũ học sinh, sinh viên. Những khuôn mặt "nồi thù", những kẻ "đám sau lưng chiến sĩ" đã tiếp tay với công sản, manh nha ý đồ bán nước.

Lý tưởng tuyệt đối của tuổi trẻ đã bị thành vách thể lúc cần ngăn, hoai bão về cuộc sống thanh bình đã bị cơn thác lũ mùa nguồn tan phá. Tôi thờ ở trước những giành giút xâu xe, lãnh đạm trước những hủ danh cuốn hút để đi tìm quên nỗi chán chường trong cơn tróc xoay của vực thăm đen tối nhất quê hương. Tôi muốn chơi bỏ tất cả những gì đã học, đã biết, đã thấy, đã nghe trong cuộc sống bon chen lừa đảo...

Tìm quên không gian dòn như mình tưởng bởi những ấn tượng đã đi sâu vào trong tiềm thức. Có tìm quên tôi lại bắt đầu đi vào nỗi nhớ.

Nhớ quãng đời áo thơ với những ngày còn mai đũng quần ở trường Trung học. Nhớ ngôi chùa cũ rêu phong cổ kính bên cạnh nhà. Tôi lờn lờn, ở đó, trong tiếng chuông mõ cảnh giác. Tôi đi vào giấc ngủ nhẹ nhàng thanh thoát trong lời kính tụng niệm mà tôi không hiểu trọn ý nghĩa. Nhớ thầy T. - vì sự giá trị tri, hình tượng của trang nghiêm từ ái, một lần đến thăm gia đình và bảo tôi: "Thầy ước mong thấy con một lần đến chùa lễ Phật". Tôi đã hứa hen với thầy bằng tất cả tâm thành.

Những mùa học thi, sân vườn chùa là nơi thanh vắng để tôi nhồi nhét bài vở vào trong trí nhớ. Qua mùa thi, đến trại hè, tôi viên dấn chùa cơ thời gian - hay chính tôi chùa cơ

nhân duyên- để một lần vào chùa lễ Phật.

Tôi quyết định trở về quê cũ, thành tâm vào chùa lễ Phật. Vì sư già ngày xưa đã viên tịch. Tôi đã khóc trước hình tượng của Đức Tú Phu. Tôi đã về chùa lễ Phật và thầy đã đi vào cõi vô minh. Tôi không thuộc kinh sám hối, không nhớ kinh cầu siêu, chỉ thấp hường dâng lễ và cầu xin thầy trong cõi hư vô hãy tha thứ cho tôi. Với thầy tôi đã không có nhân duyên nên đã tạo nhiều nghiệp chướng. Với thầy, tôi không có căn tu nên qua hình ảnh tứ hoà của thầy tôi đã không tu học được nhiều đạo hạnh.

Tôi vào Đại học, rồi bỏ khung trời tuổi thơ, xa ngôi chùa cũ và hầu như tôi đã quên mất lời hứa với vị sư già. Tôi vẫn chưa một lần vào niệm Phật đường.

Những đổi thay của thời cuộc đã mang tôi đi xa tuổi bình yên, đã đưa tôi đến bên bờ vực sâu của những nhân thức đen tối nhất về cuộc đời.

Sau những chấn chướng thất bại tôi ước mong tìm lại sự lắng dịu của tâm hồn. Tôi muốn được nghe lại tiếng chuông mõ, tiếng kinh tụng niệm của vị sư già ngày trước. Tôi muốn đi vào giấc ngủ bình yên, không thao thức, không mong mi hải hùng. Tôi muốn mỗi lần thức dậy thấy tâm hồn mình thanh thoát, thấy trí óc nhẹ nhàng.

Những từ đó tôi đã mang từ ai của thầy để đời phó với những ma mãnh của đời. Tôi lấy màu áo nâu sồng của thầy để sống cuộc đời giản đơn. Tôi nhớ đến lời tụng niệm và tiếng chuông mõ để cảnh giác trước những cám dỗ về danh lợi. Tôi lưu hình ảnh của ngôi chùa cô kính ngay trước để làm cội nguồn cho tâm hồn được an định.

Bây giờ dù đã hơn hai mươi năm trôi qua tôi vẫn luôn nhớ đến thầy T. - vị sư già trong ngôi cổ tự đã gieo cho tôi những hạt mầm an nan hồi lối để tôi có cớ duyên quay về bờ giác. Tôi không nghiên cứu mà chỉ cảm nghiệm triết lý đạo Phật. Tôi đã quên để mà nhớ. Có nhớ để mà quên tất cả. Tưởng đã cao bay ra ngoài tâm thức, nhưng sao lại thầy gần gũi với đời người. Tưởng đã có đủ trong tâm ước muốn mà thoáng chốc đã tan biến như kiếp phù du. Tưởng đã chôn vùi vào trong muôn kiếp phù trầm mà phút giây được thấy hào quang thi hiện.

THƠ

THƯ GỬI MẸ

Từ thưở lớn khôn vui cuộc đời đầu bề
Chưa một lần con đến đáp thăm ân
Con lặn hụp trong vô văn máu lệ
Khi quay nhìn, xuống trắng đã phủ vân

Tóc Mẹ bạc như tuyết phôi đầu núi
Dáng Mẹ gầy như vế bạc trăm năm
Biết bao đêm chong đèn khuya lệ tủi
Ôi! kiếp người, sao chỉ mãi ăn năn

Xin Mẹ hiểu con mỗi khi về trầm lặng
Vì mấy năm, con chưa ven nụ cười
Mẹ vẫn sớm hôm, tảo tần lận đận
Chắt máu gầy, cho con uống cầm hơi

Con vẫn biết thế gian đầy đau khổ
Chỉ hiểu vai mang đau chỉ một đời
Nên lặng lẽ theo dấu chân Từ Phụ
Mức mức cam lồ, trả ơn nặng trùng khơi

Phụ Mẫu tại tiên, nhi Phật tại thế
Con xuất gia, cũng hiểu lẽ vương tròn
Muôn cung dưỡng, không gì bằng phước huệ
Không gì bằng, ân đức của Từ Tôn

● NHẬT TÂM

MÂY DUYÊN

Thước đất xây chùa góp chút công
Nhân sinh cõi phúc gần vun trồng
May duyên phải lúc bòn âm chất
Lỡ hội này phen ất khó mong
Mịch cửa trần gian lưu chắt lại
Tu bồi đạo nghiệp tạo lư bông
Ít nhiều miễn được cùng chung sức
Nào khách Âu Châu khỏi Cộng Đông

● NGÔ THỊ BÍCH THUẬN
Hà Tây Đức 9.7.87

ĐÊM VIÊN GIÁC TỰ

Tiền căn hậu kiếp dây dưa mãi
Nẻo Phật duyên tình vướng vẫn thôi
Mưa đêm Viên Giác sâu quan tái
Thiền tịnh chuông đưa đoạn luân hồi

● PHƯƠNG HÀ
(Chuyên hành hương 11.7.87)

Miếng ăn là miếng xấu, nói ra thì xấu hổ, nhưng không nói không được! Hồi còn nhỏ, mẹ tôi thấy tôi nóng nảy như con trai; không dịu dàng tha thiết yêu chiều thực nữ như mấy chị. Bà khuyên tôi con gái thì nên ăn nói cho nó nhỏ nhẹ, ôn hòa dịu dàng... Tại sao con gái lại phải tập ăn tập nói, còn con trai thì không? Tôi thắc mắc mãi mà không dám thưa với mẹ, không dám hỏi! Ba mươi năm sau tôi lại bắt gặp chính mình khuyên con cũng như thế.

- Con gái lớn làm gì cũng từ từ ôn hòa, nhẹ nhàng.. Mẹ thấy tui bây chừ khác gì con trai, ào ào sướt sướt suốt ngày; ăn, học.. bạn bè vui chơi.. chẳng đứa nào giúp mẹ.. Tôi còn định nói nhiều nữa.. nhưng con tôi đã xua tay :

- Mẹ cứ kêu con gái lớn, con gái lớn! Đời này mà còn con gái với con trai! Mẹ thấy không, mẹ làm đàn bà con gái khổ quá mà, suốt ngày lo nấu ăn, đi chợ, quét nhà, giặt áo, rửa chén.. tui con thấy mẹ tui con chán rồi, mai một lấy chồng lại cũng như mẹ.

Nói đến đây con tôi xà lại ôm cứng lấy mẹ :

- Khổ quá! Khổ quá! Thôi thì ngày nào tui con còn ở với mẹ, mẹ cho tui con sướng một chút, đừng làm gì cả, kéo mai một lớn lên phải làm!

- Thôi đi mấy cô mưng! Đừng có nhong nhéo lên giọng làm biếng. Việc mình mình lo, chuyện nấu ăn, lo nhà cửa là chuyện của đàn bà con gái. Không tập lo bây giờ mai một làm không xong.

Mấy đứa con tôi phàn đối kịch liệt :

- Mẹ cố lơ si' quá rồi mẹ đi! Ở trường bây giờ con gái cũng học của gã đống bần ghê, tù giường. Con trai học may áo quần, đơm mẹt, chiến trưng. Mẹ lo chi! Mẹ thấy không? Trong nhà mình lâu nay ba và mấy chú cũng đi chợ đều đều chi' có phải lúc nào mẹ và mấy dì cũng đi chợ đâu ?

Quả thật đến đây thì tôi hết lời! Ba mươi năm trôi qua như giấc chiêm bao. Tôi vẫn còn đây, còn thở còn nói, còn khóc, còn cười, còn làm, còn ăn. Nhưng thật ra đã có bao nhiêu điều biến đổi hẳn lên cuộc sống của tôi, của chúng tôi, của gia đình đất nước chúng tôi... Ngồi mà mơ màng chuyện ngày xưa quá

ĂN CHAY

LÊ THỊ BẠCH NGÀ

khứ xa xôi, rồi thả hồn vẩn vơ về tương lai thăm thẳm mịt mù... Tôi ngồi cả ngày mà mơ tưởng cũng được, nhưng đã đến giờ nấu ăn rồi. Tôi không đứng dậy vào bếp nấu ăn thì chồng đói, con đói... Do đó không muốn nói chuyện ăn cũng phải nói.

Mẹ của bạn tôi là học trò của Thầy Trưởng Chiêu (Thầy Thích Thanh Từ). Hồi còn ở Việt Nam, mỗi năm Thầy mở khóa tu học ở Vũng Tàu 2 kỳ mỗi kỳ 1-2 tuần. Bà cụ theo đi đủ khóa. Nói về chuyện ăn chay cụ kể :

- Bác phát nguyện ăn chay. Ban đầu chỉ ăn ngày rằm và mùng một. Sau bác ăn lên tới 4 ngày, 6 ngày rồi 8 ngày, riết rồi thấy thịt cá là ớn. Nhưng bác trai thì khó lắm; ông cụ nói bà không cùng ăn với tôi thì tôi cũng không ăn. Hắc thương bác trai, sợ bác trai ốm đi, mất sức vì bác trai làm việc cực lắm nên phải rảnh ngồi ăn chung. Hắc làm đủ món cho chồng con dùng, còn bác thì xúc đầy chén cơm, giả đồ để rau để thịt lên trên cho có vị, còn dẫu mấy hột muối dúi đầy chén để ăn chay.

Ăn cơm với muối như vậy ít lâu, bác ốm hẳn đi và có lần một muốn xỉu. Hắc trai biết được rầy bác một trận rồi bắt bác nghĩ ăn chay. Ông nói : " Bao nhiêu tôi lổn gi, để tôi chịu hết! "

Tôi cười :

- Chà, hai bác tình tự quá. Chả bù với chồng con, thấy con ham ăn quá, ông đem về một cái hình to tướng vẽ 2 bà thiệt đẹp dán trên bức tường ở đầu giường. Một bà mặc đầm dịu dàng tươi mát, thân hình mảnh mai yếu điệu, cười tươi như

tiên đường canh một cô mập như cái thùng phi dùng dầu, mặc quần Jean Lewis chân như bó chắt, tay cầm cái bánh gâteau to như bánh xe, tay kia cầm một cục cà rem chocolat đầy ắp, hai má phồng to lên đầy keo chewingum... Hắc nghĩ, con làm sao không nổi sần lên... Hắc cười :

- Vậy là chồng con cũng muốn tình tự với con đó !

Tình tự kiểu bóc óc như vậy thì tôi cũng xin cảm ơn, xin hoàn trả tận tay cái lòng tốt vô bờ bến đó !

Nhưng phương pháp tuy có vẻ không lịch sự, hơi nặng nề một chút vậy mà cũng có hiệu quả :

Tôi bắt đầu thấy xấu hổ, rắng nhìn ăn. Nhưng mà nhìn ăn khổ lắm, thà chết còn hơn, ai qua cầu rồi mới biết, tôi nói dài dòng chuyện ăn chỉ thêm xấu hổ.

Thấy tôi áo não phiền muộn quá các con an ủi :

- Thôi, hay mẹ ăn chay đi, ăn rau tốt lắm.

Lý thuyết thì hay, ăn rau, ăn cơm nhưng đừng ăn thịt cá !

Mình học Phật, Phật cũng dạy nên ăn chay, không phải ăn chay cho đẹp nước da, cho có eo mà để tránh sát sinh. Tuy là loài cầm thú, chúng cũng biết đau đớn, biết báo tôn sinh mệnh, sợ chết như người. Nay chúng ta đang tâm giết hại ăn thịt như thế rất tổn hại lòng từ bi...

Trang bị một bầu lý thuyết sâu xa trong đầu như thế, tôi bắt đầu ăn chay. Không những ăn chay một mình mà còn hờ hững con, gia đình ăn chay... Tìm sách, đọc báo, hỏi bạn lu bù để học cách nấu cơm chay. Than ôi!... Chương trình ăn chay không tồn tại nổi vài tuần lễ. Ngày nào tôi thực hành cái hạnh ăn chay, bữa ăn diễn ra trong một bầu không khí nặng nề, u ám, chồng tôi kêu kêu vài miếng dầu rồi múc đầy chén cơm trộn canh, và lùa lùa đúng một chén, bỏ đĩa. Các con tôi thở vô thở ra :

- Tuần này gà bán sold đó mẹ, con mê nhất mẹ làm cái món cánh gà chiên bơ... Chiều nay thì bầy mẹ cho tiền con đi Mac Donald...

Tôi đau khổ, rầu rĩ muốn đi bác sĩ tâm lý khám bệnh xin thuốc an thần mà uống cho rồi. Cái nghiệp còn đây, cái nghiệp còn nặng, còn lê thê... phải chi tôi đi tu tư nhỏ thành ni cô thì chuyện ăn chay nào có thành vấn đề gì nữa... !

Nhưng tại sao ngoài lý thuyết từ bi của Phật giáo, phần đông mọi người đều đồng ý nên ăn rau, tránh ăn thịt cá?

Trong mấy lớp thiên của người ngoại quốc, mấy thiên sinh rất trẻ, chẳng biết gì lý thuyết, giáo nghĩa của Phật, cũng quyết định chỉ ăn rau đậu, bỏ hẳn đồ hộp, thịt tủy... Họ lý luận:

- Những cánh đồng cỏ ngút ngàn của xứ họ, nếu dùng dùng để nuôi gia súc, bỏ heo gà vịt... phục vụ cho bao tử thì dùng để trồng bắp đậu, lúa mì. Với số lúa gạo đó, họ có thể nuôi sống tất cả những nước nghèo, thiếu ăn trên thế giới. Mình chỉ ăn thịt ít lại một chút mà cầu được bao nhiêu người. Mình no mà người đói thì có gì vui?

Lý luận này tôi nghe quen quen, xem ra cũng gần gần lý luận chúng sinh bệnh nên ta bệnh, chúng sinh khổ nên ta khổ, chúng sinh chưa giác ngộ nên ta nguyện chưa thành Phật... ta là người, người là ta... tất cả là một, một là tất cả...

Bạn tôi là dược sĩ, bà có hiểu thuốc rất lớn bán đủ các thứ, tự lo thuốc bổ vitamine uống cho mập cho khỏe đến chai thuốc ốm, uống vào sứt cân, nhìn ăn từ sáng đến tối không mệt, không đói... Nhưng khi bà nói chuyện với bạn hay viết bài đăng báo thì không thấy bà đề cập gì đến thuốc men mà chỉ nói về chuyện ăn. Bà say sưa trong việc khảo cứu, hồ hào mọi người trở về phương pháp dưỡng sinh, ăn uống hợp với thiên nhiên để được sống mạnh khỏe, lâu dài mà không cần đến thuốc bổ... mua ở Pharmacie của bà.

Đó là chưa kể bạn tôi lên tiếng báo động, cảnh cáo:

- Bây giờ gà vịt, gia súc đều được nuôi bằng Hormones, Vitamines nhân tạo... Cho nên thịt chứa đầy chất hóa học. Theo bản tường trình của bác sĩ này, bác sĩ nọ... hội khoa học này, hội nọ... viện đại học này... viện nghiên cứu nọ... thí trong thịt chứa rất nhiều chất độc. Còn cá ở dưới sông chứa đầy Mercure và chất thải bỏ của các xưởng máy, xưởng lọc dầu... Không khí ô nhiễm, mưa acide, nước ô nhiễm, đất ô nhiễm... ăn uống mà không giữ gìn là ung thư ngay nào không biết, chất cholesterol bao còng mạch máu... tìm hết đập.

Tôi quý mến bạn tôi lắm, nhưng đọc bài của bà, nghe bà diễn thuyết tôi phác sát đất. Vì bà nói đúng, nên tôi sanh buồn. Tôi thấy cuộc đời sao đen tối quá, sinh giả bệnh chết, sinh lão bệnh tử... sinh tử... tử sinh chỉ vì cái ăn cái uống.

Có một thời gian tôi đau nặng, nói ra thì xấu hổ, tôi đau vì thêm ăn ngọt quá, ăn bánh nhiều quá mà trong người tôi lại thiếu chất kích thích tố dùng để biến chất đường thành năng lượng nuôi cơ thể. Số đường dư không tiêu dùng được, tan vào máu làm nhiễm độc máu, tan vào nước tiểu làm hư thận, tan vào tế bào mắt làm mờ mắt, tan vào tế bào tim làm tim đau, tan vào tế bào bắp thịt tay chân làm tay chân sưng vù, nhiễm độc, phải cắt bỏ... Suyt nữa thì tôi chết, nếu không kịp đem vào nhà thương giải độc.

Sức khỏe tôi dần dần yếu kém, các con thấy tôi yếu quá, không nỡ cho mẹ làm cơm. Chúng phân công mỗi tuần, hai chị em nấu nấu ăn, gánh bớt cho tôi một ngày. Thứ sáu đi học về sớm, tụi nó dọn bàn ăn, hí hục nấu nướng cả buổi, mới ba mẹ xuống ăn.

Bàn ăn trái khăn trắng muốt, chùng đôn rất đẹp, rất vui mắt, chén đĩa muống niễ sáng ngời, thức đơn: Bánh mì nướng, bắp hộp xào bơ và salade thập cẩm... Tôi thở dài:

- Hôm nay mình lại ăn chay sao?

- Vâng, tụi con quyết định từ nay mỗi tuần mình ăn chay một lần. Tốt cho mẹ mà khỏe cho tụi con... khỏi nấu! Khi nào mẹ không đi làm, mẹ khỏe, mẹ muốn nấu gì thì nấu, khi nào tụi con nấu thì tụi con ăn salade. "Vegetarien" là mode bây giờ của tuổi trẻ đó mẹ. Mấy restaurant bây giờ tiệm nào cũng có bar-salade ca.

Chồng tôi không có ý kiến, ông chỉ thích món cá kho của mẹ ông nấu ở quê nhà. Nội cá kho của ông, ông tự nấu và nêm lấy cho vừa ý. Ăn một mình cả tuần không hết, vừa ăn vừa nhớ mẹ! Thấy Nhất Hạnh ăn chay nên khi nhớ mẹ thấy nhớ đến xôi nếp một, đường mía lau, chuối ba tiêu... Còn chồng tôi ăn mặn nên nhớ mẹ ông nhớ cái nồi cá kho tuyệt diệu. Mặn mà tình nẫu tử đã nuôi nấng ông, đường tạo ông nên người, là ông vào đời... Ngày nào thêm phở thì ra quán "phở Hòa" và được ăn ngon, và

được tiếng yêu nước, yếm trợ kháng chiến...!

Từ đó tôi được giải thoát! Ít nhất về cái chuyện ăn uống hàng ngày. Đói thì ăn, khát thì uống. Ăn để sống chứ không phải sống để ăn. Ngồi mà nghĩ rất óc không biết hôm nay ăn gì, nấu món gì... cũng đau khổ, cũng mệt như mình phải nấu ăn vậy đó! Làm việc về, tôi có thì giờ lo nhà cửa, chăm sóc vườn tược, cây cỏ, vui với gia đình, làm thơ, viết văn đọc sách và học Phật.

Những học Phật là học gì? Sau khi thấy dạy quy y giữ giới, phải hiểu qua tam quy, tứ đế, lục độ, bát chánh đạo, thập nhị nhân duyên v.v. và v.v... rồi phải biết giới định huệ là gì mới chớ.

Các bậc cổ đức nói rằng Phật là bậc chánh trí, đại trí, toàn trí, tôi thường trí, người có trí tuệ toàn hảo... Muốn có trí tuệ như Phật thì phải có định lực cao như Phật (định lực = năng lực thiền quán), phải có giới đức viên toàn đầy đủ như Phật... rồi các thầy còn chỉ dạy cách tu:

- Giới năng sinh định, định năng sinh huệ.

Con đường giới định huệ hay GIỚI ĐỊNH TUỆ là con đường thẳng, có lên mà không có xuống. Muốn lên thì đi từ dưới mà lên, như leo thang lên lầu vậy.

Tòa nhà Phật pháp ví như có 2 tầng và cái nền nhà. Mỗi tầng có nhiều bậc thang, dù có leo bằng 2 chân (như người), 4 chân (như chó heo bò ngựa), 6 chân, 8 chân, 12 chân... hay bay bằng 2 cánh (như chim), 4 cánh (như chuồn chuồn)... cũng phải bò, đi, leo, chạy, nhảy, bấu, tay... từ dưới mà lên. Mình là người, xấu đẹp khổ sướng gì không biết, nhưng đã là người thì chỉ có 2 đường.

Đường đi xuống rộng rãi thành thang, dễ dàng như đi cầu trượt. Người muốn biến thành trâu bò lừa ngựa thì dễ lắm. Chỉ cần làm nghiệp ăn trộm, ăn cắp, cướp của, lừa lọc cho nhiều. Muốn biến thành chó sói, heo, cạp, sư tử thì chỉ cần làm nghề đi săn, đồ tể giết hại cho kỹ. Muốn thành chim bồ câu, chim uyên ương, chim sẻ thì chỉ cần tham dục, luyến ái, đam mê cho lắm... Kinh Thủy Sấm và bốn nguyện Địa Tạng đã nói rõ ràng không sót mấy may.

Con đường đi lên thì sao? Con đường này thì dài, dốc thì cao, gai góc chớ chích, hồ thẳm kê bên. Leo lên một bước, trượt xuống 2 bước. Sức như tôi, không nhớ tha lực của Phật, của Pháp, của Tăng, giờ này tôi đâu có làm người để huênh hoang Ta là thành đế của ta, tư lực tư cường, không đi cũng tới, không hành cũng nên.. nằm ngủ mà chớ sim chín rụng trắng vào miệng...

Nhưng con đường này khó khăn thế thì làm sao mà đáo bề ngọn đến bờ bên kia? Học Phật bằng kinh sách thì kinh điển, sách vở nhiều như cát sông Hằng, như lá mùa thu. Giáo nghĩa thì mênh mông, ẩn mật, sâu kín, nhìn không tả, nghe không thấu, hiểu không vô.. Thấy thì xa, ban thì hiểm ma chướng thì đầy đầy, trí kém, mắt mờ mà thời gian qua đi vùn vụt, vô thường chợt đến...

Tôi nhìn tới nhìn lui cái thân cao thước rưỡi cô đơn cùng với cái nền nhà trơ trọi, cái đế độc nhất mình đang đứng lên trên, cái GIỚI của quý thầy trao cho mỗi Phật tử khi quy y : Phải giữ giới để tiến đến định, từ định mới tiến đến huệ.

Giới có nhiều thứ lắm, kể không xuê, nhưng tựu chung tôi nghe thấy gom vào 3 thứ mà thôi :

- Thân (có 3 giới)
- Khẩu (có 4 giới)
- Ý (có 3 giới)

Tại sao khẩu(miệng) lại có đến 4 giới thay vì 3 ?? Nghĩ cho kỹ, nhìn cho sâu, ngó đi ngó lại, cái miệng gây nhiều tội nhất, nội cái chuyện nói mà cũng gây tới 4 nghiệp

- Nói láo không chân thực
- Nói thêu dệt không đúng nghĩa
- Nói 2 chiều không hòa hợp
- Nói thô ác không dịu dàng.

Nói gì đến cái chuyện ăn! Ai bảo miệng ăn là miệng xấu, cũng có lý, nhưng Phật dạy rằng ngã chỗ nào thì chông ngay chỗ đó mà đây, chẳng đúng sao? Vì ăn mà tạo nghiệp sát sanh, thì muốn hết nghiệp thì cũng phải từ miệng ăn mà tu.

Bởi vậy, nghiệp ăn đối với tôi cũng quan trọng, nó bao gồm nghiệp thân khẩu ý. Mình giữ được giới ăn thì mình giữ luôn được giới thân và ý. Tôi ít học nhưng ham lý sự cùn, tôi bèn tự lý luận một cách hồ đồ, gọn ghẽ như sau :

Giữ giới ăn chay(thuộc KHẨU) làm cho tư tưởng từ bi gieo vào tâm trí

(thuộc Ý) và nhờ đó không mua bán, tìm tằm, bán giết tránh được nghiệp sát sanh(thuộc THÂN). Tư nhân lành này lan qua nhân lành khác... từ giới này lan qua giới khác...

Một giới bao gồm vạn giới. Một pháp bao gồm vạn pháp. Một giọt nước biển mênh mông vị với đại dương bao la. Một lời dạy của Phật được tu trì nghiêm chỉnh có hiệu năng bao trùm cứu cánh Phật dạy...

Nói thì hay ho ngon lành. Vậy mà có cái giới ăn chay nhỏ xíu cũng không giữ được cho nên thân! Tôi tự giận mình quá, duyên nghiệp mỏng manh như tôi thì đường đi lên quá xa vời, hết hy vọng...

Hôm đọc Viên Giác, thấy Tâm Như và đọc giả hỏi đáp lu bù về mục ăn chay, phái Nam Tông, Bắc Tông mỗi cách tu một khác. Người tu ở Nhật thì khác kể tu ở Đài Loan, người tu ở Việt Nam chắc chắn khác kể tu ở Lào, Miên, Cambodge, Thái Lan... Người cư sĩ tu hành chắc chắn là khác tăng nhân.

Tôi cũng như các Phật tử sơ cơ khác, từ lâu đã lân mò đi tìm cái cơ duyên vì sao Phật dạy nên ăn chay... rất lý thú :

Ngày Phật nhập diệt tại Pava, bữa thọ thực cuối cùng của Phật là do một người thợ rèn tên là Cunda dâng đến Phật với một tâm trong sạch và cung kính. Đó là một món ăn đặc biệt rất ngon, rất bổ, nấu bằng thịt một con heo rừng, nhưng không phải Cunda cố ý giết vật để dâng lên Phật. Theo lời dạy của Phật Cunda chỉ dâng vật thực đó đến ngài, còn bao nhiêu phải đem chôn, sẽ không có ai khác dùng đến. (Đức Phật và Phật Pháp, Bữa thọ thực cuối cùng, Phạm Kim Khánh dịch, chùa Pháp Vân, trang 256).

Câu chuyện còn dài, nhưng tôi nhờ đó biết được một chuyện quan trọng : món ăn đó không phải là một thức ăn chay. Cũng có bản ghi chú rằng đó là một món nầm tên là "nầm heo rừng" vì những con heo rừng rất thích loại nầm này (nầm là một thực vật có nhiều protêine như thịt). Sau này người bạn thiên chúa giáo thuộc giáo phái Jehova đặt lại câu hỏi đó cho tôi và may mắn thay, nhờ có học Phật tôi đã giải thích được cho bạn hiểu.

Nhưng như vậy, theo kinh sách

Nam tông, cả cuộc đời Phật cũng có lúc ăn thịt sao?? và lời dạy của Phật nên ăn chay, tránh sát sinh vì lòng bi mẫn đến muôn loài xem ra có vẻ không đi sát với sự thực ??

Kinh Hiền Ngụ là một cuốn kinh tuyệt diệu. Trong đó kể toàn những chuyện xảy ra trong mấy chục năm Đức Phật giáo hóa chúng sinh. Chuyện kể rằng :

Ở một thành phố nọ thuộc xứ sở của vua Ba Tư Nặc người dân ở đây chưa được giáo hóa đầy đủ nên ít biết đến Phật Pháp Tăng. May thay có một tín nữ nhà giàu, nhờ duyên lành, một ngày kia về thăm thành Xá Vệ, đến vườn Kỳ Hoàn được nghe Phật thuyết pháp, sinh lòng kính tin tam bảo, nguyện làm hạnh bố thí.

Một ngày nọ nhân lúc Phật đến xứ sở mình, bà hết lòng hoan hỷ đem những người thân tín quyền thuộc đến nghe Pháp và thăm Phật.

Trước khi lui về bà đi thăm các vị tỷ khưu. Cuối cùng thấy một vị mang bệnh nằm trong hang cỏ, bà liền hỏi :

- Đại Đức bệnh hoan thế nào ? đau lâu mau rồi ? phải cần những thức gì để điều trị ? Xin cho con được rõ.

Vị tỷ khưu đáp :

- Ở đây thay thổ bất hòa, tôi không hợp nên phải thụ bệnh. Giờ đây nếu được thịt tuktì ăn thì khỏi.

- Bạch Đại Đức, chuyện đó không khó, ngày mai con sẽ xin dâng đến Đại Đức dùng.

Về nhà bà đưa tiền dạy tỷ nữ đi kiếm thịt tuktì. Tìm mãi mua không được vì là ngày rằm, chợ không bán thịt, vì đó là ngày quốc cấm, ai giết vật bán thịt sẽ bị trọng phạt. Đi khắp nơi, kiếm khắp chôn không có thịt tuktì.

Nhờ đến lời hứa với thầy tỷ khưu và nguyện hạnh bố thí của mình, bà quyết định cắt một miếng thịt đùi của mình, dù rất đau đớn thân thể, nấu chín, nhồi với được thảo quý và đem dâng đến vị tỷ khưu. Nhờ đó vị tỷ khưu được lành bệnh.

Ông chồng về nhà thấy vắng vợ (đau nằm trong phòng) tra hỏi mọi người mới biết được công chuyện, ông nổi sân, ra ngoài cưỡi lên tiếng thóa mạ :

- Làm sa môn, con Phật mà ăn thịt người.

Xem tiếp trang 42

khao khát tiền thân

HAY
UỐNG ĐỂ
QUÊN SẦU



Nguyên tác của JOE FISHER
Bản dịch của Hoàng Phi LƯU HOÀNG NGUYỄN

Cô bé Romy Crees chỉ là một trong hàng trăm trẻ em khắp thế giới đã tin tưởng một cách vững chắc, chính xác và lưu loát về tiền kiếp và đã được kiểm chứng xác minh. Trong đa số trường hợp, lời chân thật từ miệng trẻ thốt ra hai đến năm tuổi thường hồi tưởng về những bạo tử. Lắm lắm như điên hoặc nài xin nghe kể các em thường dùng những câu như: "Hồi đó tôi lớn" hoặc cầu nhau về việc còn quá bé hay hồi tiếc không có được phái tính như kiếp trước. Các em thường tiếc nuôi đã xa cách chồng, vợ hoặc con cái. Các em thêm nhớ những món ăn, quần áo, lối sống và đôi khi thêm cả rượu, thuốc lá, ma túy kiếp xưa. Các em bị nhể ám ảnh sợ (phobia) thường trực tiếp liên hệ với những cái chết đột ngột, như sợ dao nhọn xe hơi, nước... Tuy nhiên các em ít có cơ may giải tỏa các sự sợ hãi này vì ít ai khuyến khích các em kể về những chuyện tiền kiếp. Ở Tây phương, cha mẹ thường gạt bỏ, cho đó là những lời nhảm nhí, vô nghĩa, trong khi bên Đông phương, nhiều người tin rằng ai nhớ được tiền thân thường sẽ chết yếu. Ở Ấn Độ, Nam Á, Thổ Nhĩ Kỳ, cha mẹ thường hoảng sợ, phản ứng bằng cách lấy xà bông hoặc giẻ rách nhét miệng trẻ.

Anh B. Ram Ghulam Kapoor, một nhân viên hoaxa có lẽ đã quá sung sờ nên không với tay lấy xà bông tọng vào mồm đứa con trai lên năm, tên Bishen Chand, khi đột nhiên nó nói chuyện tỉnh dục với cha: "Tía ơi tía, sao tía không

có mèo? Có mèo khoái lắm tía". Cô làm tỉnh, anh thần nhiên hỏi con: "Khoái chỗ nào vậy?" Bishen đáp: "Tía sẽ hiểu mùi thơm của tóc nàng và thích thú khi được ở bên nàng".

Lúc bấy giờ Bishen ở Bareilly, Uttar Pradesh Ấn Độ, giữa thập niên 1920, kể về tiền kiếp đã được xác nhận tương ứng với cuộc đời của Laxmi Narain, chết năm 1918 khi anh 32 tuổi, ở Shahjahanpur, Uttar Pradesh. Laxmi là con trai độc nhất của một đại điền chủ nên anh từng tha hồ ăn sung mặc sướng, trai gái, rượu chè, và nuôi một cô nhân tình tên Padma.

Khi Bishen hai mươi ba tuổi, làm việc tại văn phòng thuê vụ trung ương tại Tenakpore, thị tỉnh cờ Padma (lúc bấy giờ 52 tuổi) bước ngang qua cửa. Bishen tức khắc nhận ra bà và vì quá xúc động, anh té xỉu. Chiều hôm đó, anh tìm đến nhà bà Padma với ý định nói lại duyên xưa mà hơn hai mươi sáu năm về trước Laxmi đã hưởng. Dù kiếp này anh là người hoàn toàn kiêng rượu, nhưng vì phải làm giống như Laxmi đã từng làm, Bishen đến nhà bà, mang theo chai rượu vang. Padma không mấy vui. Bà đập vỡ chai rượu, đuổi anh ra khỏi nhà, mắng: "Tao già cỡ má mày".

Năm 1971, Bishen Chand kể cho tiến sĩ Ian Stevenson thuộc đại học Virginia nghe là mặc dù trước kia chưa hề uống rượu, nhưng vì tình yêu cuồng nhiệt đối với Padma khởi dậy trong lòng, nên từ đó anh không còn kiêng rượu nữa.

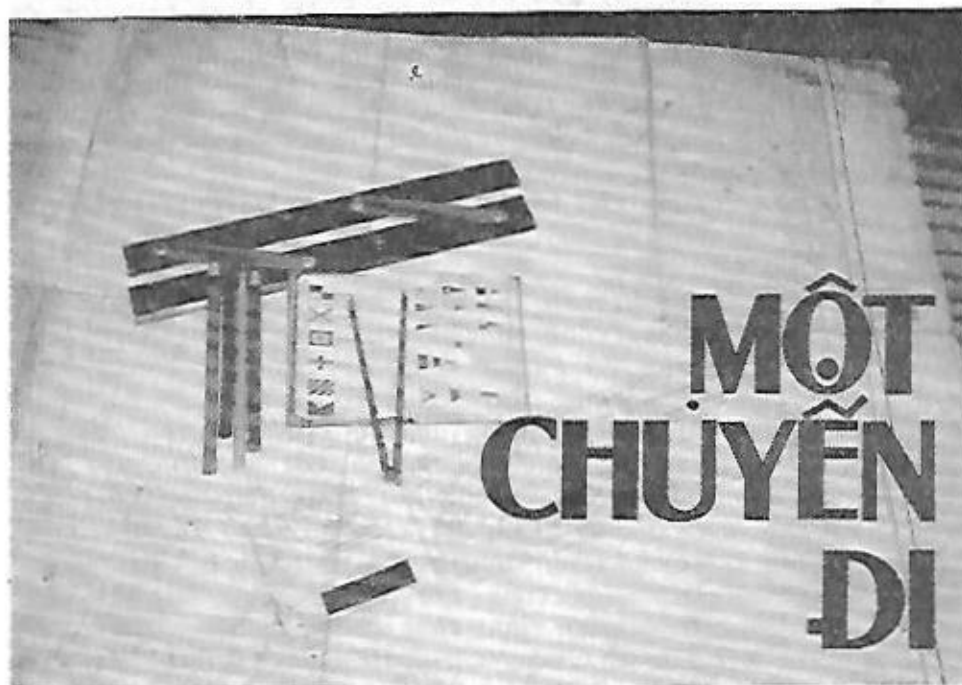
PHẦN LAM BÀN CỦA NGƯỜI DỊCH :

Nghĩ mà thương cho Laxmi. Có lẽ nhờ phước báu hữu lậu vẫn tập nhiều đời nhiều kiếp nên anh được đầu thai làm con độc nhất một gia đình giàu có, song vì không lo trau dồi đạo đức, chỉ lo ăn chơi trác táng nên phải chết non lúc mới có 32 tuổi.

Vì phước báu giảm (và có lẽ Laxmi hồi sinh tiền không gây nhiều tội ác) nên sau đó thác sinh vào một gia đình bình dân, mức sống trung bình. Tuy nhiên Bishen rất may mắn (hay là rất đau khổ?) là còn nhớ được tiền kiếp.

Nếu chịu suy nghĩ, tìm nguyên do của sự khổ đau, của tình cách phù du cõi thế làm bài học quý báu để lo tu hành, sao thoát khỏi trôi lăn trong ba đường, sáu nẻo, thì Bishen đáng được đời ca ngợi xiết bao. Đàng này, vì nợ tình chưa dứt anh lại phải gặp gỡ người yêu hồi kiếp trước (mà thời gian đã lạnh lùng, quái ác cướp đi xuân sắc nên bà giờ

Xem tiếp trang 53



Kính tặng quý vị đồng hương đã
cùng tôi đi chung trên con tàu Cù La
mang số 0702, đặc biệt cho những bạn
có cùng tôi cảnh ngộ ...

Cuộc đời là vô thường, thời gian lặng lẽ quá nhanh
Đã trên 8 năm rồi, hàng cây đổ, mỗi ngày đầu còn e ấp bởi
sương, tuyết, gió lạnh buổi đông về, rồi dần dà quen khí
hậu nồm, lá, đóm bông, nẩy trái ..., hòa nhịp chân người,
đồng hành trên đường xa, đất lạ.

Tôi gặp họ qua những buổi lễ Phật tại chùa Viên Giác
Hannover.

Thế đủ rồi, ai nấy vẫn còn đây, những khuôn mặt ngày
nào đó nguyên hình, chứng nhận cho cuộc hành trình lung
linh nhiều gian khổ.

Ai có hỏi tại sao? -Chỉ 2 chữ trả lời: -Mừng quá !..

Họ mong được một tấm tay thật dài để ôm hết vào người,
giữ nó một lần thôi, đừng bao giờ trở lại lần hai.

Nghĩa thời gian, ầu thơ rồi đến trưởng thành, tóc xanh
đi lẫn về đầu bạc, rồi nằm xuống xuôi tay trả lại cho hư
vô bất tận.

Khuôn mặt đó, qua ngày theo đà diễn biến, dáng hình
ngoài phôi phai theo năm tháng triền miên bở vữa. Chỉ còn
lại cái tâm vĩnh viễn hướng về Phật tổ. Mơ ước một ngày
quê hương có thanh bình.

Tôi không đón cô chèo thuyền một mình trên sông vắng,
tôi dợ tay vẫy đáp những mong muốn của khách đã sang dò.

Bên sông Tương ngày xưa anh Trương Chi ngồi thổi sáo,
nơi chôn này tôi viết lại: "Một chuyến đi", đánh dấu thứ
nợ dang trình.

Rời miền Nam đang vào giữa mùa
Đông năm 78. Những đám mây đen
vẫn vĩ cộng với những cơn gió
Bắc thổi cực mạnh. Phố xá tiêu điều
cảnh đã buồn nhưng lòng người lại
càng buồn hơn khi phải bám gan bỏ
lại quê hương. Mất đi tất cả những
ngày giả định yên thân mồ mã, những
ngày xanh hứa hẹn tuổi trẻ tương
lai ... Đời sẽ trôi giạt về đâu?
Bão tố, hải hùng hay thân chìm dưới
đáy biển?! Họ bất chấp hang ngũ
xé xác, bành thầy hay kinh hoàng
lâm vào tay thảo khấu?.

Tất cả và tất cả đã bỏ lại sau
lưng để nhân đời "quyền làm người"
và hai chữ "tự do" khi miền Nam đã
lọt vào tay Cộng Sản.

Tất cả sự việc đã xảy ra trong
âm thầm bí mật. Tôi rất sợ đề cho
ai hay nhất là đám công an Phường,
Khóm. Nếu nhớ chúng biết, chắc chắn
tôi phải vào lại trại cải tạo.

Từ giả vợ tôi lúc 2 giờ chiều
khi hai đứa con nhỏ của tôi vừa rời
khỏi nhà đến trường lao động, vợ tôi
mất nhòa lệ những cố dẫn lòng cho
tôi dẫn đứa con trai đầu lòng đi
theo, tìm cho nó một tương lai tốt
đẹp hơn, chứ ở mãi lại đây, suốt đời
nó mang bản lý lịch nguy quân của
tôi và nó sẽ không bao giờ ngóc đầu
lên nổi. Vợ tôi cũng bắt đầu đạp xe
đến trường cách nhà bảy cây số để
lo dạy buổi chiều. Ai đã ra đi với
trọn vẹn gia đình, dù có hồi hộp lo
sợ đi chăng nữa, song nỗi buồn chưa
bao giờ thấm thía như tôi. Hành
trạng của hai cha con tôi thật là
đơn giản, một bộ đồ mặc trong người
và một bộ đem theo đựng trong túi
xách nhỏ. Sợ biến khỏi lạnh lẽo, tôi
cố mang theo cho đứa con tôi chiếc
áo khoác ngoài bằng vải nylon, của
bạn vợ tôi dạy chung trường, tặng
lúc còn thời chính phủ cũ. Những
ngày cải tạo và lao động nơi Đồng
Tháp hoang vu nhiều nắng cháy, tôi
ước mơ có một ngày được xách gói ra
đi, đến bất cứ một phương trời nào
tự do, để được tránh xa ngục tù đầy
đọa, những sao hôm nay được trong
cánh này niềm vui lại không đến,
ngược lại lòng buồn man mác ...

Trên chiếc xích lô đạp, hai cha
con ngồi, tôi bảo người phu chạy về
hướng bên xe đi Saigon, mục đích
tôi muốn đánh lạc hướng những người
lối xóm dòm ngó. Trong người tôi có
mang tấm giấy phép đi đường về Đà

Nặng thăm cha mẹ. Trước đó tôi đã có dự định về thăm quê, nên tôi khẩn thiết xin Công an Khóm, Phường rồi đến Công an Tỉnh để được phép đi một tháng, rốt cuộc họ chỉ cho phép tôi được đi mười lăm ngày. Một đặc ân vô cùng to lớn họ dành cho tôi, nhờ tôi có vinh dự ở trong đội "đấn phòng" khám theo di chúc của Hồ Chí Minh để lại.

Bên xe Mỹ Tho - Saigon tập nập người với người, cha con tôi xuống xe đi bộ ngược về bên phải Tân Thạch đến nơi tôi để con tôi vào trạm bán vé đó, mua hai tấm đi qua bên kia bên bắc. Cũng may chiều hôm đó là ngày hẹn chờ khách tập trung, nên phải rất đông người, tôi và con tôi đội nón sụp xuống cho người khác nhìn không rõ mặt, chúng tôi đứng lẫn vào đám đông để qua phải. Qua đến Tân Thạch tôi nhào nhác tìm xe đi Bến Tre. Chúng tôi leo lên xe của chủ tàu nước khách. Họ đưa chúng tôi đến một ngôi nhà hoang vu ở ngoại ô thành phố. Đến bây giờ tôi cũng chưa biết rõ, đó là chỗ nào, chỉ nhớ mang máng là xe chạy khá nhiều quanh co mới đến đó.

Xuống xe, tôi dặn dò con tôi, nếu ai có hỏi tên con, con nói là Lâm Khanh, còn ba là Lâm Bá. Tôi sợ nó còn nhỏ, dễ quên tên mới đặt, nên tôi để ý nguyên tên thật của nó, chỉ thêm họ Lâm cho dễ nhớ. Hai tên đó đã do chủ tàu làm giấy tờ giả mạo cho chúng tôi theo người Hka, vì chúng tôi là người Việt, chỉ có cách trốn chui không được phép đăng hoàng ra đi theo nguyện vọng của đón xin. Ngay khi đó cha con tôi được đưa đến tàu, tàu neo giữa sông, buộc phải đi ghe nhỏ.

Việc đầu tiên lên tàu, tôi đến phòng lái nơi có đặt bàn thờ, đốt ba nén nhang khấn nguyện đức Tôn Sĩ đức Quán Thế Âm Bồ Tát cùng các vị Thần linh khác hãy hộ hộ chèo thuyền đi được thuận buồm xuôi gió, người đồng hướng được đến nơi, đến chốn an toàn. Tôi cúi đầu lạy ba lạy, cắm nhang trên bàn thờ, rồi bắt đầu đi kiểm soát mọi nơi trong tàu và gặp anh em thấy thủ đoàn để biết mặt họ cùng trao đổi ý kiến với nhau. Mọi việc kiểm diêm đã xong xuôi, yên trí cho ngày lên đường.

Tối đến anh em thấy thủ đoàn rủ tôi lên phổ uống cà phê, thật sự tôi

chẳng muốn đi, phần sợ Công an nhìn mặt, phần lo lắng cho vợ con còn ở nhà, lòng chẳng mấy được vui, nhưng ngại phải hòa đồng với họ nên tôi đi theo.

Ngày hôm sau 20.11.78. Buổi sáng có chút nắng âm áp. Trên bờ có nhiều khách xô xao đến xem tàu để vung tâm gửi cuộc đời mình nơi đó. Họ không được phép lên tàu, chỉ đứng nhìn rồi trở về nơi tập trung đợi giờ xuống bến.

Trưa hôm đó thấy thủ đoàn chúng tôi được gia đình của ông bà Lý Tường tức ba mẹ của anh Lý Quốc Lương (Tý) và Lý Quốc Đông hiện ở Rotenburg/Wismar mời ăn bữa cơm thân mật để chiêu giao nhà lại cho Công an Cộng sản, mang gói ra đi. Bác Lý Tường trên đất người đã ngàn thu yên giấc. Con một lòng kính thành cầu xin đức Phật A Di Đà độ dẫn cho hướng linh bác siêu sanh nơi Lạc quốc, thoát cảnh khổ đau ở cõi Ta Bà.

Quang cảnh thật là xô xao, rộn ràng, nhưng đầy lo âu và phiền muộn. Nói sao cho xiết niềm đau, khi sự nghiệp đã cần cù xây dựng bao nhiêu năm, tháng, bằng mồ hôi, nước mắt, bây giờ dứt gánh ra đi với hai bàn tay trắng, gói thân xác cho biển cả hải hùng.

Tôi trở về tàu, tui công an bắt tàu phải đi chuyển chạy lên, chạy xuống theo giòng sông Bến Tre, không được phép neo một chỗ, mãi đến tối họ mới cho neo sát một bến nhỏ heo lánh ở địa đầu thành phố Bến Tre, chờ giờ xuống khách.

Thằng hai Chiến, trưởng công an xuống tàu kiểm soát, điem mặt thấy thủ đoàn, dặn dò hần học và thốt ra nhiều lời hăm dọa với chúng tôi. Con tôi nằm ngủ trong hầm tàu với con trai ông Xi Cách, tôi chẳng biết họ tên ông là gì, chỉ nghe người ta gọi như thế, tôi gọi theo. Thảo nào người người ông toàn là bộ xuống cách trí. Tôi đứng ngoài boong với anh em, trên đầu luôn luôn có chiếc mũ kéo gần sụp mắt.

Khách xuống tàu, không đi thẳng lên tàu được, phải đi qua một chiếc ghe nhỏ, bắt từ bờ ra để làm cầu. Bến thăm, nước chảy mạnh, tàu cứ tróc neo trôi và ghe nhỏ cứ trông chừng, thật là muôn vạn gian nan nguy hiểm. Họ không kể gì đến sanh mạng của những kẻ ra đi, nhớ ghe nhỏ lật chìm, mạng người chỉ gói theo

giòng nước cuốn trôi, chẳng chắc có ai ra tay cứu kịp.

Trời hôm đó không có trăng sao, mới hai mưới giờ ba mưới đã tối mịt chỉ có một vài ánh đèn le lói phát ra từ những nhà dân, cứ ngu trên bờ. Khách ra đi bắt đầu cho xuống tàu, công an đứng hàng hai, chừa cho họ lối đi chính giữa. Cứ toán này cho xuống rồi tới toán khác, tiếp nối nhau xuống mãi vẫn chưa thấy hết người, tiếng gọi nhau đi ới! Trẻ con khóc la inh ỏi - vì kẻ kéo được vợ mà chưa kéo được con hay ngược lại kẻ kéo được con mà chưa kéo được chồng, cha, mẹ, anh em, bỏ bạn ... phần thì ghe nhỏ bắt làm cầu trông chừng khiến họ sợ hãi, khó khăn bước xuống.

Tàu đã khẳm, nhưng số người được công an gọi theo còn đứng lố nhố trên bờ, thấy vậy tôi phải kêu lên và xin họ đừng cho xuống nữa. Như không nghe lời thỉnh cầu, tên Hai Chiến công an trưởng xuống tàu kiểm soát, tìm chỗ nhét được sẽ cho xuống thêm người. Xong xuôi việc sắp xếp người gần 1 giờ sáng, họ báo chúng tôi chạy tới, chạy lui trên giòng sông để đợi tàu công an đưa ra biển. Bốn giờ 30 ngày 21.11.78 khởi hành từ Bến Tre với hai tàu công an đưa chúng tôi ra cửa Ba Tri.

Tôi băng khoăn muốn bỏ tàu trở về, để được sống lại với vợ, với con nhưng nghĩ đến sứ mạng của mình đã nhận lãnh trách nhiệm với chủ tàu, với người đồng hướng mang họ đi trên con tàu số mệnh. Phần mình yên thân, nhưng sẽ bỏ lại bà con trong mùa biển nhiều sóng tố gió gào. Lương tâm tôi sẽ không yên ổn khi họ không trọn vẹn đến bến, đến bờ.

Tới cửa biển lúc đó đã tám giờ ba mưới, đêm biển khơi có màu xám ngắt, tôi cũng biết được ngoài kia không mấy bình yên. Hai chiếc tàu công an bắn máy phát sóng địa tiễn rồi quay mũi trở về.

Tôi cho anh em thấy thủ tháo giữ những phi nước trang bị choáng chỗ trên tàu, mục đích đánh lừa công an tránh sự chú ý người bắt bả, liêng xuống biển. Tàu nhẹ bốt, hướng tránh quần đảo Côn Sơn chạy một mình. Tàu chúng tôi đang chạy theo hướng 125° tức là sẽ nằm phía trên quần đảo rất xa, vì gió mùa Đông Bắc, nếu trời dờ giạt quá ít, đêm tối không thấy đường sẽ tập vào đảo, việc nguy hiểm sẽ vô lường đem đến.

Chạy được khoảng trên nửa tiếng đồng hồ, thỉnh thoảng có hai chiếc tàu công an biên phòng công sản đuổi theo, chúng bắn nhiều tràng đại liên. Tâm dân rớt cách lái tàu chúng tôi khoảng chừng 100 thước. Giờ phút bối rối, anh chủ tàu hỏi tôi :

- Mình ngừng lái hay sao anh ?

Tôi nhìn tâm dân rớt, khẳng định nói với anh :

- Tăng tốc độ chạy luôn. Đồng thời lấy máy phóng thanh nói lời trấn an cho đồng bào yên ổn. Sơ lúc bối rối bề con xôn xao, gây giao động cho con tàu trong lúc đang di chuyển trên hải trình nhiều sóng gió, việc bị lật hay chìm tàu không sao tránh khỏi. Bọn công an này đuổi theo để kiểm thêm chút cháo với kẻ ra đi, nhưng cũng gây nhiều phiền phức cho bề con trên tàu và cũng bất an cho những người có liên hệ với chính phủ cũ. Sơ ra chuyển di chúng tôi có nhiều bác sĩ, nha sĩ có tiếng tăm, một số sĩ quan và anh em cựu quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Chúng đuổi theo khá lâu, nhưng thấy chúng tôi không ngừng, càng ra xa, sóng càng nhiều, sức chịu đựng của tàu chúng nó nhận thấy không khá, nên chúng đành bỏ mối và quay trở lại.

Vận tốc chừng 5 hải lý (1) giờ, chúng tôi chạy chưa tới đâu vào đâu trời đã tối, sóng gió mỗi lúc càng nhiều, người trên tàu đã bắt đầu say sóng, nằm, ngồi yên lặng. Đầu tiên chúng tôi thấy một thướng thuyền, đèn đuốc sáng trưng, chúng tôi đổi hướng chạy theo bốn phía pháo hiệu, nhờ họ cứu giúp và máy điện của chúng tôi hư, hệ thống hút hơi dưới các hầm ngưng quạt, bề con ngột quá nên phải tháo mũ, bơm nước lỉnh không chạy được, nhưng họ không ngưng. Chúng tôi đổi hướng chạy trở về đường cũ. Sự việc đó chỉ ước chừng thôi, chứ chiếc la bàn tự nhỏ của tàu không cách nào chính xác so với biển cả mênh mông, đêm tối mịt mịt. Đang ỉ ạch trải gan cùng sóng gió, chúng tôi thấy chiếc thướng thuyền thứ nhì chạy theo thủy trình của chiếc trước, chúng tôi cũng đổi hướng chạy theo, bắn nhiều pháo hiệu, nhưng ác nỗi lúc họ chạy nhanh, lúc họ chạy chậm, tưởng họ ngưng, cứ mãi đuổi theo gần suốt sáng. Không hy vọng, chúng tôi đành buông trôi để tự lực cánh

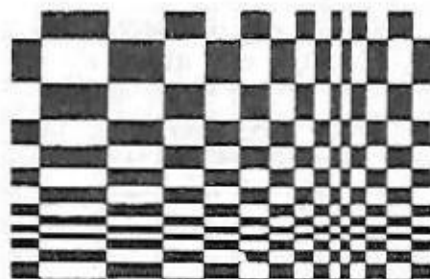
sinh. Trời sáng rồi, nhưng thấy mình còn bơ vơ, bơ vơ ...

Trong lúc đuổi theo, thay đổi nhiều hướng đi, tôi đã nhầm tính thời gian và tốc độ của tàu mình, ước lượng sự trở về đường cũ.

Ngày 22.11 mới 3 giờ chiều thân xác con tàu đã tới bởi hoa lá, mọi người đều yên lặng không nhúc nhích nước dưới lòng ào ào ngã nghiêng theo từng đợt sóng bua. Thủy thủ đoàn, một số quá say sóng nên bỏ nhiệm vụ. Tôi nhất quyết phải cứu vãn tình hình, may nhờ có em Lê Minh Hải và Huỳnh Hải Thuận trong thủy thủ đoàn không say sóng. Hải coi máy dưới hầm còn Thuận phụ tôi lái tàu. Hai mắt tôi dán sát vào cửa kiếng phòng lái, cố nhìn đằng trước, bằng cảm giác của tay người vịn trên tay lái, ước định sự xoay trước mũi tàu, tôi cho chạy chệch ngược lên để tránh Côn Đảo. Tôi nghĩ rằng trong lúc lo theo dấu các tàu buôn mong họ thường tình cứu giúp, con tàu mình chắc đã bị sức đẩy của gió và của sóng làm giạt xuống rất nhiều. Tôi vẫn biết: Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi ... nhưng : Đạn trường này, ai thấu chăng ai ? ... Sinh mạng của người trong tàu sẽ gặp nguy nan chỉ trong một tích tắc nếu gặp phải lượng sóng ngang đập vào mạn tàu.

Thiên nan, vạn nan tôi bảo Thuận cố giữ vững tay lái, còn Hải lo giữ máy chạy đều, hai yếu tố chính phải liên hiệp với nhau mới cứu vãn tình hình được. Gió và sóng cứ đẩy xuống, tôi cho chạy chệch ngược lên Dự trữ của tôi tới đứng giữa đêm mới cho đổi hướng, không thể sớm hơn được, vì đổi hướng sớm có thể tàu mình sẽ tập về đảo Hòn Khoai, điều đó là việc tự mình mang tàu về giao cho Cộng Sản.

(còn tiếp)



tiếp theo trang 38

ĂN CHAY

Chúng ta lê la nói mãi khiến những tín đồ của Phật và tử thân và tử tục cho con người thô lỗ dâm thóa mạ Phật Pháp Tăng.. Họ kéo nhau đến lễ Phật xong và trình bày với Phật câu chuyện rặc rối trên và khấn cầu Phật hạ lệnh cho các vị tỷ khau từ nay không được ăn thịt nữa.

Phật đánh chuông nhóm họp tử chúng, và gọi vị tỷ khau có bệnh lên hỏi :

- Con bệnh gì ?

- Kính lạy đức thế tôn, vài hôm trước con mắc chứng bệnh sốt, hôm nay đã đỡ nhiều.

Phật hỏi tiếp :

- Hôm nay con ăn món gì ?

- Bạch thế tôn, con ăn thịt và uống nước thịt.

- Ăn thịt tươi hay khô ? (thịt tươi tức là thịt không để cách đêm)

- Dạ con ăn thịt tươi.

Phật nói :

- Nghe đây, bất luận thịt tươi hay khô, trước khi ăn con có hỏi tịnh hay bất tịnh không ?

- Dạ, lạy đức thế tôn, bệnh con đau quá, được thịt thì ăn ngay chứ không kịp thưa hỏi.

Phật hỏi :

- Tỷ khau, sao lại dùng món ăn bất tịnh ? Pháp của tỷ khau, những món ăn của thí chủ cũng dưng, trước khi ăn ta phải hỏi, đây là thịt gì? Nếu thí chủ nói đây là tịnh nhục thì cũng phải xem xét có thể tin được mới ăn, nếu không tin được thì không ăn.

Từ đó, Phật cấm các vị tỷ khau không được ăn thịt bất tịnh như sau
1) Nếu vị tỷ khau nhìn thấy họ giết con vật đó thì không ăn.
2) Nghe thấy tiếng con vật kêu khi bị người giết cũng không được ăn.
3) Trường hợp nghi ngờ cũng không được ăn.

Như thế là việc phân biệt nên ăn hay không nên ăn (kinh Hiền Ngụ, Phật Học Viện xuất bản, trang 144).

Câu chuyện còn dài, còn lý thú lắm điều. Nhưng quý vị đừng tưởng bỏ mả ham ăn, mà phóng miệng ăn cần

(còn tiếp một kỳ)

(tiếp theo)

Hồi ký

TÔI ĐI HỌC TẬP CÁI TẠO TÍCH CỐC



Bị Công Sản dày dọ khổ sở đủ điều, từ một con người xuống hàng thú vật không hơn không kém, ăn không đủ no, đói không đủ chết, sống vất vưởng trong các trại tù cải tạo khổ sai nhưng chúng tôi cũng cố gắng an phận chịu theo cảnh ngộ, chấp nhận để ngày một ngày hai có thể hội nhập một phần nào vào đời sống cộng đồng của con người công sản; làm một người dân hạng bét nhất của chế độ.

Từ ngày bước chân vào trường Trung học Kỹ Thuật Donbosco để tự đi cải tạo, anh Trung tá T. đã an ủi chúng tôi và cũng ngay cả chính anh với câu: "Thế Chiến Quốc, Thế Xuân Thu, gặp thời thế thế thời phải thế". Trong quá trình cải tạo tù đầy từ Nam ra Bắc, chúng tôi luôn luôn nhớ năm lòng câu này để làm kim chỉ nam hầu phân đầu trong mọi tình huống. Quên đi dĩ vãng, chấp nhận hiện tại, nhưng bọn Công Sản đâu có để cho chúng tôi yên. Mục tiêu tối hậu của Đảng và nhà nước là bằng mọi cách phải tiêu diệt chúng tôi.

Trong cuộc cách mạng của Công Sản Sô Viết, sau khi lật đổ Nga hoàng, họ đã tiêu diệt hàng triệu triệu người dân Nga. Kế bị đẩy đi Tây Bá Lợi Á rồi ném xuống tận tại vùng tuyết phủ quanh năm; kế bị gục ngã trong các trại tập trung cải tạo. Cách mạng Trung Hoa do Mao Trạch Đông lãnh đạo cũng thế, nhất là thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa, hàng hàng lớp lớp người dân vô tội bị thủ tiêu. Cách mạng Campuchia do Pol Pot lãnh đạo cũng không thua gì hai dân anh, trên 2 triệu người đã bị giết một cách dã man, mọi rợ như bị đập đầu, cắt cổ, mổ bụng, cột xương lại thả trôi sông v.v... Đến Cách mạng Việt Nam do tập đoàn Hồ Chí Minh lãnh đạo, sau khi cưỡng chiếm miền Nam, có trên 2 triệu người bị bắt đi tù cải tạo. Mười hai năm qua bao nhiêu người đã âm thầm ngã gục? Không ai biết được, nhưng chắc chắn không phải ít. Tóm lại nơi nào có Công Sản, có bóng cờ đỏ xuất hiện là nơi đó có nhà tù nhiều hơn trường học, có đói khát, có máu đỏ, có thịt rơi v.v...

Một hôm tôi vào nhà văn hóa của trại; gọi là nhà văn hóa cho có vẻ

hoa mỹ một chút, chứ thật ra là một căn nhà tranh, vách tre trong có 5-10 bộ sách mà tác giả là những Kác-Mác, Lê Nin, Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Mao Trạch Đông (khi Công Sản Trung Hoa còn là Đông minh thâm thiết, mỗi hờ rắng lạnh với Công Sản Hà Nội). Nhưng đến năm 1978 hai bên có sự chẳng lành, cơn không ngọn canh khế ngọt thì tất cả tác phẩm của họ Mao đều bị thâu lại. Thậm chí ngay cả những sách nào bằng chữ Tàu cũng đều cấm đọc). Tình cơ tôi thấy cuốn sách tựa đề: "Cách mạng Dân tộc Dân chủ" của Lê Duẩn, tôi mượn về xem coi hần viết gì? Quốn sách không dài lắm khoảng 6-7 trăm trang. Sau khi xem xong tôi chán vằng mặt mày. Trong phần kết luận, Lê Duẩn viết

"... Sở dĩ cuộc Cách mạng dân tộc dân chủ mà Đảng và nhà nước ta theo đuổi trong bao nhiêu năm nay; nhưng mới thực hiện được có phần nửa nước. Vì sau khi nắm được chính quyền năm 1945, chúng ta không tiêu diệt tận gốc, tức là nhổ cỏ không nhổ tận rễ những Đảng phái Quốc gia đối lập, những thành phần tay sai làm việc cho đế quốc Pháp, những tôn giáo phản động v.v... nên đến ngày nay (tức là vào khoảng năm 1956, khi Lê Duẩn viết cuốn sách này) những thành phần trên đã làm trở ngại chúng ta trên bước đường xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Do đó qua kinh nghiệm trên, chúng ta phải rút ra một bài học thực tiễn cho tương lai...".

Lời người viết : Sở dĩ Lê Duẩn nói mới thực hiện chế độ Công Sản có phần nửa nước vì Hiệp định Giơ-neo 31.7.1954 qui định chấm dứt mọi

hành động thù nghịch giữa các phe lâm chiến. Nước Việt Nam bị tạm chia thành hai miền. Trong lúc chờ đợi một cuộc tổng tuyển cử toàn quốc vào mùa hè năm 1956. Từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc thì Công Sản nắm chính quyền và được gọi là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do tập đoàn Công Sản Hồ, Chinh, Duẩn, Đông, Giáp lãnh đạo; từ vĩ tuyến 17 trở vào Nam thì do Bảo Đại và Ngô Đình Diệm lãnh đạo quốc hiệu là Việt Nam Cộng Hòa.

Bài học gì? nếu không phải là bài học đưa hàng triệu triệu người miền Nam không cùng một chiến tuyến với chúng đi lao động khổ sai và làm đầy biệt xứ, chết lần chết mòn trong các trại tù cải tạo vì đói khát và bệnh tật. Tôi đưa cuốn sách cho anh bạn khác xem, tất cả đều thán phục:

- Thôi thế là hết! Không có hy vọng gì trở về miền Nam gặp lại những người thân thương. Lần này tại Công Sản sẽ dứt điểm hết chúng tôi để trừ hậu họa.

Tiết trời càng ngày càng âm áp báo hiệu sắp vào hè, những cơn ve sầu bắt đầu kêu lên những âm điệu buồn thảm giữa núi rừng tịch mịch như than cho số kiếp sao quá chóng tàn. Nếu là một thi hay văn sĩ đi tìm nguồn cảm hứng để viết lên những tác phẩm tuyệt tác cho mình thì nơi đây thật là lý tưởng. Nhưng là một tù cải tạo khổ sai biệt xứ không ăn thì nơi đây quả thật là một sự dọa dẫm cả về thể xác lẫn tinh thần!

- Kể từ ngày mai cả trại sẽ đi lao động thông tằm, người bộ đội hậu cần thông báo cho nhà bếp biết.

- Lao động thông tằm? Lần đầu tiên tôi mới nghe danh từ này!

- Lao động thông tầm nghĩa là gì cán bộ? Tôi hỏi :

- Nghĩa là những đội đi ra lao động làm việc ở luồn ngoài đó khế có vẻ trại ăn cơm trưa. Buổi trưa họ được nghỉ 1 tiếng đồng hồ để ăn. Do đó các anh nuôi phải lo nấu ăn trước phần ăn buổi trưa để sáng phát cùng một lúc với ăn điêm tâm.

Như vậy toán nhà bếp chúng tôi phải thức dậy từ 3 giờ sáng để lo nấu ăn. Buổi sáng thì mỗi người 2,3 củ khoai mì bằng ngón cái, buổi trưa thì một cái bánh bột mì luộc. Có hôm chúng tôi nấu món ăn đặc biệt theo thực đơn xã hội chủ nghĩa, tức là xức khoai mì thành lát mỏng nấu chung với bột mì thành một loại cháo hay có thể gọi là bột và khoai đặc sền sệt. Mỗi phần ăn độ 2 phần 3 lon gô (lon sữa bột Guigoz). Có nhiều anh em để nghị như vậy. Vì có một ít nước húp cho đỡ đói. Ăn uống thiếu thốn như vậy mà lại lao động thông tầm mãi thì chỉ còn chờ chết.

Đói quá thì phải ăn bậy. Đi lao động bắt gặp con gì cũng ăn. Một hôm toán đập lúa trong sân trại, đập lúa theo phương thức xã hội chủ nghĩa tức là lấy mấy cái bàn lật nằm nghiêng xuống rồi đập các bó lúa trên mặt bàn cho hạt lúa văng ra tứ tung, xong rồi quét gom lại. Cách thức đập lúa khoa học này làm anh Thiệu tá C. bị đui hết một con mắt vì hạt lúa văng lên đâm vào con mắt.

Trong lúc đập lúa anh Đại úy Sáng ở Bộ Tổng Tham Mưu bắt được một con cóc núi, loại cóc này nó to hơn loại thường thấy ở dưới đồng bằng, da nó đen và sần sùi hơn. Giờ nghỉ giải lao anh lên lấy má tét ra làm dao mổ bụng lột da con cóc. Các anh lao động chung với anh Sáng thuật lại là khi lột da con cóc thịt nó đỏ bầm trông để sợ lắm. Anh không có rửa rấy gì cả, lên đem xuống lò rèn gần đó nướng má sông mà chín, ăn xong anh trở lại đập lúa, khoảng nửa tiếng sau anh bắt đầu ói mà liên miên, hai con mắt gần chùng tròng. Người bộ đội cho khiêng anh về lán, khi đó mạch máu đập rất yếu, anh nằm mê man bất tỉnh. Y tá bộ đội cho khiêng anh đi trạm xá. Vừa đi khoảng 100 th. thì anh chết mà mình mấy bầm tím. Người tù cải tạo thứ hai bị chết vì chính sách khoan hồng của đảng và nhà

nước cho đi học tập cải tạo bị bỏ đói nên ăn phải con cóc núi! Việt Cộng đã man thiệt !

Người chết thì yên thân, còn người sống thì sao? Toán lò rèn và toán đập lúa bị làm kiếm điêm, bị đòi lên ban chỉ huy để chứng noidiêu tra tới điếu tra lui. Cả trại lại bị tập hợp để nghe tưởng trại chuẩn bị. Hấn nói :

- Đảng và nhà nước cho các anh đi học tập, giáo dục các anh để trở thành con người tốt, con người xã hội chủ nghĩa, sống trong lòng dân tộc. Tại sao các anh không hiểu biết như thế, tại sao các anh ăn bậy bạ đến nỗi phải chết như vậy? Tại sao và tại sao... Các anh có đói lắm không?

- Có! một anh trong hàng la to lên.

- Các anh đói chó chúng tôi khế đói sao?

- Cán bộ đói mà hàng ngày ăn cơm trắng còn thừa đồ cho heo ăn. Còn chúng tôi thì ăn sắn, ăn khoai, lại lao động thông tầm thì làm sao chịu nổi.

- Các anh phải cố gắng khắc phục. Cách mạng hiện còn nghèo vì bao nhiêu năm theo đuổi chiến tranh. Cách mạng chỉ có thể lo cho các anh ăn vừa đủ no, mặc vừa đủ ấm. Sau này các anh sẽ ăn vừa no mà ngon, mặc vừa ấm mà đẹp.

- Đến lúc đó chúng tôi sẽ không còn sống để ăn no mà ngon, mặc ấm mà đẹp nữa, vì hiện giờ chúng tôi đang bị chết dần mòn trong sự đói khát. Thiệu tá Luân bình chung Biệt Động Quân khẳng khái trả lời như thế.

Trưởng trại thấy tình hình có vẻ căng thẳng, nêu tiếp tục sẽ không có lợi cho hấn, nên hấn ra lệnh.

- Anh nào nói đó, sau khi giải tán sẽ lên làm việc với tôi. Suốt buổi chiều hôm đó, anh Luân bị đòi lên ban chỉ huy trại để làm việc với trưởng trại. Khi anh về chúng tôi hỏi thăm anh làm việc gì với trưởng trại mà lâu vậy? Anh trả lời:

- Làm cái dếch gì, kêu lên nó hăm dọa là chưa đủ thông tư tưởng, chưa tiếp thu tinh thần cách mạng, chưa tiếp thu nếp sống mới, nếp sống Xã Hội Chủ Nghĩa w. và w... Xong nó đuổi về và dọa là sẽ cho đi học tập mát mùa. Sức mậy mà cho đi học tập mát mùa! còn lâu! Anh Luân nói có vẻ tự tin lắm.

Chúng tôi nghe nói anh Luân có người bà con rất gần làm đến cấp tướng Việt Cộng. Mới ra Bắc có mấy tháng mà thấy thỉnh thoảng anh đã nhận được quà từ gia đình ngoài Bắc gửi vào. Anh rất ngang tàng không sợ thẳng bộ đội nào cả, mà theo sự nhận xét của tôi thì tôi thấy dường như bộ đội cũng nể anh lắm. Anh thuộc toán làm than, toán này gồm có Trung tá Công thuộc Hải Quân Công Xưởng, anh Luân và một Đại úy. Hàng ngày toán này đi lên rừng đốn củi để làm than, không có bộ đội đi theo canh giữ nên được gọi là toán tự giác. Sau khi bị đòi lên làm việc với trưởng trại anh cũng vẫn còn ở trong toán này thì đủ biết anh có chân răng như thế nào rồi!

Cũng như Trung tá Hà Văn Hiến, có đạo anh làm Quân Trưởng Quân Hòa Vang tỉnh Quảng Nam; nghe nói anh là bà con rất gần với tên công san thứ bị Hà Văn Lâu. Anh cũng được nhận quà đều đều, hút thuốc Sapa-Thông Nhất-Hải Đảo v.v.. bên cạnh túi quần có đeo một cái hộp quẹt máy Zippo làm mấy tháng bộ đội thèm chạy nước miếng!

Ở trại I xã Tích Cốc khoảng một năm, hai anh bị chuyển trại, không biết được về hay bị đày đi một nơi nào khác vì sau này chúng tôi không còn gặp lại hai anh nữa.

Một hôm đang lo nấu ăn dưới nhà bếp, tôi bị gọi lên lán để trình diện với quản giáo. Hấn cho biết :

- Hiện giờ đảng và nhà nước đang cần một số chuyên viên kỹ thuật trong các tờ khai lý lịch trước tôi được biết anh thuộc ngành kỹ thuật. Vậy tôi cho anh thời hạn từ tối nay đến sáng mai phải nộp cho tôi trước 8 giờ các bản khai lý lịch, ghi rõ trình độ kỹ thuật, học ở đâu v.v... trong tờ khai có chỉ dẫn. Anh phải thành khẩn khai cho đúng để tôi trình lên cấp trên.

Thứ đời, khai về trình độ kỹ thuật mà phải khai tam đại, nghĩa là ba đời nội ngoại, thuộc thành phần nào? tư sản, tiểu tư sản hay hấn cổ nông v.v..

Đợt khai này gồm có Thiệu tá M. N. Sáng thuộc Cục Công Bình, Thiệu tá N. v. Nhiệm và tôi thuộc Cục Quân Vận và vài anh khác nữa. Tôi đói đến đầu gối khai đến 3-4 giờ sáng mới xong một xấp lý lịch. Hôm sau đem nộp cho quản giáo, nghĩ bụng chắc

rồi đây thế nào cũng được điều động đi nơi khác, hoặc được cho về nhà để lao động theo chuyên môn của mình. Khoảng 2-3 tháng sau thì chỉ có một mình Thiếu tá Sáng được điều đi nhưng cũng không biết đi đâu và từ đó mất tin tức. Sau này mãi đến năm 1983, tôi mới gặp lại anh nhưng không phải trong trại tù cải tạo mà tại chùa Viên Giác ở Cộng Hòa Liên Bang Đức trong dịp Đại lễ Phật Đản. Chúng tôi không ngờ lại gặp được nhau, tay bắt mặt mừng. Thật quý đất trời! Chỉ có từ mới biệt, còn sinh mà lý thì có ngày sẽ tái ngộ. Anh cho tôi biết là chúng nó đưa anh ra ở một cái trại khác để sửa chữa những xe hai bánh của bộ đội.

Trại này nằm gần thị xã Yên Bái một địa danh mà cũng lừng danh, nơi bọn thực dân Hủ lan sa (Pháp) xử tử anh hùng cách mạng dân tộc Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí của Ông. Đến cuối năm 1979, anh được trả tự do, về đến nhà vài tháng sau anh đi chui được tàu Gáp Anamar vượt qua qua biển và hiện đang sống cùng gia đình tại tỉnh Hameln.

Thời gian như thời đùa, mới đó mà đã nửa năm, người trại trưởng đi phép về Nam thăm quê sau bao nhiêu năm đi tập kết theo Cộng Sản trở lại trại. Lần này không phải anh trở lại làm trưởng trại mà để bàn giao trại cho tên thường úy chính trị viên đang tạm thay anh trong thời gian anh đi phép. Một hôm vào khoảng 4 giờ sáng, chúng tôi đang nấu ăn dưới nhà bếp cho những đội đi lao động thẳng tắp; anh đi xuống bếp thăm chúng tôi và cho biết ngày hôm sau anh sẽ rời trại trở về miền Nam. Vì anh đã xin phục viên (danh từ cộng sản nghĩa là xin giải ngũ trở về đời sống dân sự). Dịp này anh mới tâm sự với chúng tôi, anh nói :

- Mấy tháng nay tôi đi phép về thăm nhà, gia đình tôi ở Tân Uyên tỉnh Biên Hòa. Sau khi hiệp định Giơ neo được ký kết năm 1954, lúc đó tôi mới có 15 tuổi, anh em bạn rủ đi tập kết ra Bắc, tôi đi theo. Thú thật với các anh gia đình tôi nghèo lắm, chỉ có một mẹ và hai em. Tôi đi mà tôi cũng ở một miệng ăn. Từ đó tôi ít có dịp liên lạc với gia đình tôi vì ra Bắc chỉ có một mình tôi, từ đó vô thân, lại bị chèn ép đủ điều. Trên 22 năm xa cách, tôi trở lại thăm quê nhà, tôi bàng hoàng

sống sót khi thấy đời sống của người dân miền Nam sao quá sang sướng, cuộc sống đầy đủ ấm no so với miền Bắc nghèo nàn đói khát. Không nói ra các anh cũng đã biết khi đặt chân lên miền Bắc. Thật không ngờ ngày tôi ra đi, nhà tôi chỉ có một căn, lợp tranh vách lá nền đất, hai em còn nhỏ dại. Ngày trở lại hoàn toàn đổi khác; nhà ngôi vách tường, nói ra mấy anh cuội, cho ngay đến cái giường heo của má tôi cũng được tráng xi măng. Em trai tôi làm sĩ quan đang đi học tập ở miền Nam, em gái tôi có chồng làm việc cho chính quyền ngay cũng đang đi học tập. Má tôi đã nói cho tôi nghe tất cả sự thật và hiện giờ tôi đã biết tất cả sự thật như thế nào mà trước đây tôi không bao giờ biết được. Vì lý do đó tôi đã xin phục viên để về sống với gia đình chờ đợi em ruột và em rể tôi đi học tập về sẽ tính. .. tính chuyện gì? Viết hiên chăng? Chúng tôi mừng thầm trong bụng, lại có thêm một cán bộ trung kiên của Đảng đã phản tỉnh.



Ngày mai tôi sẽ lên đường, tôi khuyên các anh nên nhẫn nhục chịu đựng học tập tốt để sớm về sum họp với gia đình.

Thà dịp này Trung tá Kim hỏi :
- Xin cán bộ cho anh em tôi biết chúng tôi sẽ học tập bao lâu ?

- Thú thật với các anh tôi không biết, với quyền hạn của một trại trưởng không thể nào biết được, chỉ được lệnh giam giữ các anh mà thôi. Còn ngày về thì... Nói tới đây anh đứng lên đi.

Chán nản quá! tù không án! Ngày về còn xa lắm!!

Năm nay, sang năm thứ ba, được ba tuổi đảng, chúng tôi phải tự túc trên 50% lương thực thực phẩm, nghĩa là tự sản xuất để tự nuôi sống. Ngoài 8 tiếng đồng hồ lao động cực

hình khổ sai, ban chỉ huy trại buộc chúng tôi tranh thủ mỗi năm mỗi cải tạo viên phải nạp cho chúng thêm 150 kg rau xanh được phân loại như sau :

- Loại cao cấp 1kg được tính 3kg như su hào, bông cải, rau thơm v.v.
- Loại trung cấp 1kg được tính 2kg như cải bẹ xanh, bẹ trắng, cà v.v..
- Loại thường 1kg tính 1kg như rau muống, bắp, bầu, bí v.v....

Với khẩu hiệu "Ngày làm không đủ phải tranh thủ làm đêm", buổi chiều sau khi hết giờ lao động chính thức, anh em phải cố gắng trông trott đến tối mới thôi. Đã mỗi mòn kiệt sức vì thiếu ăn, lao động cực hình, nay lại thêm món ăn chơi này nữa thì chắc chắn cuộc đời sẽ sớm theo già Hồ xúi dại. Tự sản xuất ra của cải vật chất nhưng không được xử dụng. Được bao nhiêu phải đem nộp cho hậu cần.

Thôi thì dù loại rau cải, ai tìm được giống nào thì trồng giống đó, riêng tôi thì nhớ có một anh ban cho 3 hột bầu, tôi ươm lên được 2 cây, tôi trồng có trái cân được trên 250kg. Sản đây tôi xin trình bày cách thức trồng bầu do một người bạn tù trước là kỹ sư canh nông chỉ dẫn tôi khi còn ở trại Suối Mầu để quý vị đọc giả hiện đang sống ở hải ngoại nếu thuận tiện trông thử xem sao; nhưng tôi bảo đảm 100% kết quả tốt. Nhất là dân bầu trong mảnh đất của tòa soạn báo Quê Mẹ mà đã có một lần cố Ý Lan giới thiệu. Cách trồng như sau :

Đào một cái hố bề dài 2m bề ngang 1m sâu 1,50m. Đổ một lớp phân người dày khoảng 1cm (ở ngoại quốc thì loại này rất hiếm, có thể dùng phân hóa học, nhưng tốt nhất là dùng phân hủi cơ như phân cá, phân tép. v.v...) xong đổ một lớp đất xốp khoảng 3,50cm, cứ như thế một lớp phân một lớp đất đến khi gần miệng hố độ 3cm thì ngưng. Trồng 2 cây bầu cách khoảng nhau độ 7cm. Giàn bầu cao từ 1,20m đến 1,50m, nếu làm cao quá dây bầu leo lên sẽ bị mất sức, trái ít và mau tàn. Khi dây bầu leo lên đến giàn thì kéo nó xuống khoanh tròn dưới lỗ và lấp đất lại chừa cái ngọn độ 2cm. Mục đích này là làm cho rễ nó mọc ra thêm nhiều để hút chất phân hủi dư

(tiếp theo)

Với ý nghĩ về sự thành công của Anh quốc tại Mã Lai trong vấn đề chống Cộng bằng phương thức chia những người Mã Lai ra ngoài những khu vực có nhóm khủng bố Cộng sản người Hoa. Và lập ra, những làng phòng vệ để cắt đứt nguồn cung cấp lương thực, tin tức, và các vũ khí. Chính phủ Nam Việt Nam đã quyết định cố gắng thực hiện theo mô thức này, khi sự căng kéo của các đơn vị VC trải ra khắp các vùng quê. Với kinh nghiệm của Mã Lai, Nam Việt Nam bắt đầu thực hiện vào 1959 tất cả các nông dân được dồn vào những làng nông nghiệp. Trong mọi làng có trạm xá y tế, trường học, trạm canh gác, nên các làng đã có sự an ninh về đêm và cắt đứt mọi liên lạc với du kích VC. Trên lý thuyết sự tập trung này là do sự từ nguyện của nông dân, nhưng thực tế hầu hết nông dân bị bắt buộc phải rời khỏi đất cát làng xã của họ để vào sinh sống trong những làng này và họ phải thực hiện công tác phòng vệ. Những nhà cửa của nông dân đã bị đốt cháy để VC không thể dùng được, trong khi đó nông dân thì đều quen luyện trên phần đất cha ông của họ, khi họ bắt buộc phải ra đi. Mặt khác từ những làng nông nghiệp tới những ruộng vườn cũ của họ cách những khoảng đường xa, nên nhiều nông dân không thể tiếp tục canh tác trên đất của họ được. Sự kiện này khiến nhiều nông dân đã trốn bỏ những làng nông nghiệp về sống trong vùng hoạt động của VC. Vì họ hứa sẽ trả lại đất cũ và trở về làng ấp cũ của nông dân.

Các kế hoạch về làng nông nghiệp được phát triển mạnh, nhưng nó thực sự trở thành quốc sách 3.2.1962 khi chính phủ Diệm cho ban hành Chương trình Ấp Chiến Lược. Với phương thức này nó đã phối hợp giữa làng nông nghiệp và làng quân

Trận Chiến QUỐC CỘNG

(1954 - 1975)

sự. Kế hoạch thì được Ngô Đình Nhu em của Diệm ở trong bóng tối điều động. Hai mô thức sinh hoạt của Ấp Chiến Lược được áp dụng, một là tất cả các nông dân trong làng phải có nhiệm vụ bảo vệ an ninh làng của họ, và phải gia nhập lực lượng Dân vệ. Mặt khác một hình thức nhân sự phòng vệ làng mang tính cách chiến thuật quan trọng là thành lập các lực lượng địa phương quân. Tuy vậy kế hoạch đã thất bại khi Ấp Chiến Lược bị VC tấn công vào những đêm, đã không được sự tiếp ứng đúng mức của các lực lượng dân quân này. Bất chấp những khuyết điểm của chương trình Ấp Chiến Lược này, chính phủ Diệm vẫn đẩy mạnh và tới 5.1962 đã có 8 triệu nông dân vào sống trong 6000 Ấp Chiến Lược và tới 10.1962 Diệm tuyên bố số Ấp Chiến Lược tăng lên 11864 và đang thực hiện 8600 Ấp khác, nâng số nông dân sống những Ấp lên 10 triệu người. Với con số này đã làm nhiều người nghi ngờ về sự xác thực

Trong 1 lãnh vực khác chính phủ Diệm chú ý tới các sắc tộc thiểu số sống ở vùng Cao nguyên có khoảng từ 500.000 tới 1 triệu. Họ bị người Pháp bỏ rơi và chính phủ Nam Việt Nam coi khinh khi, một sự kiện quan trọng vào 1958 chính phủ Diệm đã ban hành sắc luật tước đoạt các đất đai hương hỏa của những người thiểu số này. Khi những đơn vị chính qui Cộng sản tới hoạt động ở các vùng Cao Nguyên họ đã bị sự chống lại của các dân tộc

● Nguyên tác: EDGAR O'BALLANCE
The Wars in Vietnam
Chuyển ngữ: VŨ NGỌC LONG

thiểu số, nên VC đã khủng bố số dân chúng này, nên một số đã chạy về với chính phủ Nam Việt Nam, còn một số phục vụ với Cộng sản.

Ngày 26.5.1963 Diệm từ chối đề nghị của Mỹ là viện trợ trực tiếp cho đám dân thiểu số này để họ chống Cộng sản. Vì ông ta sợ, rồi đây đám dân thiểu số này sẽ trung thành với Mỹ hơn là với chính phủ của ông ta. Bỏ ra ngoài những từ chối của chính phủ Diệm, người Mỹ vẫn thực hiện ý định này. Lực lượng đặc biệt Mỹ, Mỹ xanh đã được giao trách nhiệm hoạt động tại vùng Cao nguyên Trung phần và tới 8/62 họ đã huấn luyện được 5000 lính đặc biệt sắc thiểu số. Tuy có một vài sơ sót, nhưng không nhiều và nó khởi đầu cho vấn đề thành lập 1 lực lượng mang tên nhóm phòng vệ dân sự bất thường, với lực lượng này đã ngăn giữ phần nào sự hoạt động của VC ở vùng Cao nguyên Trung phần.

Trong khi đó tại Lào, 3 phe quân đội hãy còn hoạt động ở các vùng khác nhau, nhưng từ nửa năm đầu 1963 lực lượng trung lập chiếm cứ vùng cánh đồng Chum, và vào cuối tháng 3 cuộc đụng độ đã xảy ra giữa lực lượng của Kong Le và lực lượng phe tả được ủng hộ của Phathet Lào. Kong Le đã yêu cầu sự giúp đỡ của quân đội cánh hữu của tướng Nosavan,

chiến trường đã trải dài từ Trung tới Nam Lào, đưa tới kết quả phe Cộng sản lan rộng các vùng hoạt động, con đường mòn Hồ Chí Minh đã trở nên nhộn nhịp với những hoạt động của Cộng sản và đã trở thành vấn đề lo ngại cho chính phủ Hoàng Gia Lào.

Vào 15.8.1962, phi cơ Mỹ đã bị bắn rơi khi chở thực phẩm tới cứu trợ cho các dân tỵ nạn chống Cộng sản. Một chiếc khác bị bắn rơi 28.11.62 khi bay tiếp trợ cho lực lượng của Kong Le và 5.1.63 thì thêm chiếc nữa bị bắn rơi bởi Pha-thet Lào.

Trong khi đó Bắc Việt hy vọng nhanh chóng chiến thắng ở Nam Việt Nam và họ đã không quan tâm tới thái độ "bàng quan của Mỹ". Ngoài vấn đề tăng cường quân số và chiến cụ cho VC ở miền Nam, Bắc Việt còn hoạt động tuyên truyền. Vào 22.2.63 ngoại trưởng Bắc Việt Ung văn Khiêm đã phàn nàn với Anh và Sô Viết về việc Mỹ dùng vũ khí hóa học ở Nam VN. Trong 15.3.63 Võ Nguyên Giáp nói có 5000 người bị chết, bị thương và mù trong thời gian từ 14.1 đến 15.2.63 vì thuốc khai quang vào 41 làng ở Nam Việt Nam. Trong 5.10.63 Đài Hà Nội nói chính phủ Bắc Việt đã gửi 1 kháng thư tới Liên Hiệp Quốc yêu cầu Mỹ chấm dứt viện trợ cho chính phủ Nam VN và đề nghị triệu tập hội nghị các đảng phái, tự do bầu cử và lập 1 chính phủ Liên Hiệp.

Trở lại tình hình Nam VN, kể từ cuộc ám sát hụt Diệm vào 1957, ông ta đã trở nên một người cực đoan, thiên cận, và tách xa với quần chúng, đồng thời tóm thâu quyền hành trong tay và gia đình ông ta Diệm nghĩ rằng chỉ gia đình mới có thể tin cậy và chung quanh chắc chắn có nhiều kẻ thù. Diệm đặt người em là Ngô Đình Nhu làm cố vấn đồng ảnh hưởng, Nhu thì không có chức vụ gì trong chính phủ, nhưng là người nắm quyền thế và

đứng đầu đảng Cần lao nhân vị với 700.000 đảng viên, nhiều cảm tình viên, tất cả gom góp tin tức cung cấp cho Nhu. Với đảng Cần Lao đôi khi hoạt động giống như 1 chính phủ vô hình Nhu còn nắm giữ Cảnh sát quốc gia và lực lượng đặc biệt phòng vệ tổng thống phủ Tất cả để yểm trợ cho lãnh vực chính trị của Nhu. Dù là người có đồng ảnh hưởng với Tổng thống Diệm, Nhu còn có tiếng nói lớn trong chính phủ quân đội và các hoạt động thương mại nữa. Vợ Nhu đã cho ra đời 1 bộ luật nổi tiếng cho phụ nữ và là Dân biểu Quốc hội đồng thời nắm một quyền lực chính trị lớn. Mặt khác em của Diệm là Ngô Đình Cần, nắm giữ miền Trung, và người anh Diệm là Ngô Đình Thục là Tổng giám mục ở Huế. Chưa hết cha vợ của Nhu làm Đại sứ ở Hoa Kỳ và 1 người em của Diệm làm Đại sứ ở Anh quốc.

Chính phủ Diệm ngày trở nên độc tài và xa lìa quần chúng. Vào 30.4.1960 một nhóm gồm 18 nhân sĩ nổi tiếng gồm 10 cựu tổng trưởng yêu cầu Diệm trả lại tự do cho dân chúng. Diệm đã không nghe theo và bắt tất cả nhóm này cùng bắt một số người khác, ước chừng 30.000 người cho vào trại cải tạo chính trị. Diệm luôn luôn tuyên bố chính sách của ông ta là "an ninh trước, tự do sau".

Vào 11.11.1960 một cuộc đảo chánh quân sự do lực lượng nhảy dù, thiết giáp và thủy quân lục chiến tấn công tính chiếm dinh Tổng thống, nhưng đã thất bại bởi lực lượng phòng vệ. Tham mưu trưởng quân đội Nam Việt nam bị bắt làm con tin, và được phóng thích vài giờ sau đó, Diệm đã kêu gọi được các lực lượng trung thành về tiếp cứu và 1 ngày sau các đơn vị phản loạn đã phải rút về các trại của họ. Đồng thời một số sinh viên học sinh biểu tình, tuy nhiên dân chúng thì giữ thái độ thụ

động. Chỉ trong 48 giờ có 300 người bị giết và bị thương bao gồm 48 lính dù.

Lãnh đạo cuộc đảo chánh này đã lập Hội đồng Cách mạng cấp tiến và tự do, sau khi thất bại đã chạy qua Cam bốt và xin tỵ nạn tại đây. Sau biến cố này, Diệm ít khi nào rời xa chỗ ở, và vào 6.2.61 Diệm tuyên bố thực hiện vài cải cách, nhưng chẳng ảnh hưởng bao nhiêu. Vào 9.4.61 một cuộc tổng tuyển cử được tổ chức, Diệm tái đắc cử thêm 1 nhiệm kỳ 5 năm, với tỷ lệ phiếu 88% số cử tri đi bầu. Tuy nhiên dân chúng cho rằng cuộc bầu cử đã được sắp đặt trước, mặc dù chế độ của Diệm không làm vừa lòng nhiều người, nhưng đa số lại nghĩ rằng ông ta là người có khả năng lãnh đạo chính phủ lúc đó.

Vào 27.2.1962, 2 phi cơ của không lực VNCH tấn công vào dinh Tổng thống, với hỏa tiễn và súng máy trong 25 phút. Đã làm sập 1 phần của dinh Tổng thống, nhưng Diệm thì thoát chết, chỉ có vợ Ngô Đình Nhu rơi tử lâu xuống bị thương. Một phi cơ bị bắn rơi và phi công bị bắt, trong khi 1 cái khác bay qua trốn ở Kampuchea sử dụng thả bom này liên hệ quan trọng đến một số tướng lãnh và nhiều sĩ quan cao cấp, những người đã chính Diệm bỏ nhiệm và tin cậy.

Trong 1962 và 1963 người Mỹ đã tăng gấp đôi cảm tình dành cho Diệm và coi ông ta là người tốt và có thể chiến thắng trong cuộc chiến tranh với Cộng sản, đã có nhiều khẩu hiệu đại để "chúng tôi có thể chiến thắng với Diệm" được nhắc nhở.

Trong khi đó đã có những sự khác biệt giữa các bản báo cáo của chính phủ Nam VN và cơ quan cố vấn Mỹ về sự lạc quan và tiến bộ của cuộc chiến tranh. Nhiều báo chí theo dõi chiến trường và đưa ra những tin tức bí quan.

Diệm và những người thân tín ở Sài Gòn hoàn toàn cách biệt với quần chúng, chẳng bao giờ ông ta thêm so sánh, theo dõi để muốn biết đâu là sự thật. Tướng Harkin thì ở trong tình trạng nghi ngờ, cùng báo chí về những sai biệt của các báo cáo và ngay giữa ông và các sĩ quan thuộc viên ở chiến trường cũng có những vấn đề.

Vào giữa 1963, sau 1 thời gian dài âm ỉ xung đột giữa chính quyền Diệm và Phật giáo đã bùng phát lớn, khi vào 11.6.63 một tu sĩ Phật giáo đã tự thiêu chết tại Sài Gòn và trở thành nguyên nhân cho các cuộc tranh đấu kế tiếp ở Sài Gòn. Trước đó vào 3.6.63, đã có những cuộc biểu tình của Phật giáo tại Huế. Tại cố đô của An Nam Phật giáo là một lực lượng mạnh, nguyên do các cuộc biểu tình là chính quyền đã không cho treo cờ vào ngày Phật Đản. Cuộc đàn áp của quân đội Diệm khiến 9 người chết. Trên hình thức 80% dân chúng Việt Nam theo đạo Phật, mặc dù không có nghĩa tất cả đều là Phật tử thuần thành. Những người Phật tử cảm thấy họ bị kỳ thị và xếp vào thành phần thứ 2 trong xã hội đối với gia đình họ Ngô, ngoài ra họ còn bị khó khăn trong quân đội, cũng như trong các hoạt động thương mại. Diệm cố gắng nâng đạo Thiên Chúa lên làm quốc giáo. Trong tất cả các tuyên bố của Diệm, thì luôn luôn cho những người Thiên Chúa giáo là những người có trình độ học vấn và tiến bộ nhiều lần hơn những người Phật tử và tất nhiên có khả năng tốt trong chức vụ và nghề nghiệp. Vào 17.7.63 các cuộc tranh đấu của Phật giáo tiến xa hơn nữa và mức độ căng thẳng ngày một tăng cao vì Diệm không thêm để ý tới những sự bất bình của Phật giáo. Mức độ căng thẳng đã kéo dài cả tháng 8, khi quân đội được lệnh kiểm soát Sài Gòn và các tỉnh hầu duy trì an ninh

Vào 2.8. tu sĩ Phật giáo thứ

2 tự thiêu, và tiếp theo là những cuộc biểu tình. Vào 20.8 lực lượng đặc biệt, lính của Nhu, dưới sự chỉ huy của Đại tá Lê Quang Trung tấn công chùa Xá Lợi tại Sài Gòn và bắt nhiều Tu sĩ Phật giáo. Tình trạng thiết quân luật được ban bố, và cảnh sát đã được lệnh thẳng tay đàn áp các vụ biểu tình. Trong khi đó quân đội được giao nhiệm vụ kiểm soát trên đường phố. Các toán cảnh sát đặc biệt được tung ra tấn công các chùa và bắt các Tu sĩ Phật giáo.

Các cố vấn Mỹ khuyên Diệm, nên bãi bỏ những hành động cứng rắn với Phật giáo, nhưng Diệm không đồng ý. Henry Cabot Lodge, tân Đại sứ Mỹ tới Sài Gòn và đề nghị Nhu và vợ nên rời khỏi Việt Nam, nhưng Diệm đã bỏ qua đề nghị này. Vào cuối tháng 10, Nhu tuyên bố rằng CIA đã hỗ trợ để Phật giáo lật đổ Diệm, và tăng cường các vụ bắt bớ Phật tử nhiều hơn. Vào 8.10 một phái đoàn điều tra của Liên Hiệp Quốc tới Sài Gòn, và 23.10 tu sĩ Phật giáo thứ 7 tự thiêu, nhưng Diệm vẫn không đổi ý, chính phủ Mỹ tạo áp lực nếu Diệm tiếp tục đàn áp Phật giáo thì chắc chắn viên trợ tài chánh sẽ bị rút bớt. Đó là phần viên trợ riêng cho lực lượng đặc biệt, Mỹ hy vọng rằng sẽ làm Diệm bớt cứng rắn với Phật giáo. Trong khi đó gia đình Diệm tiếp tục chống Phật giáo mạnh hơn, vợ Nhu đã tuyên bố những lời làm xúc phạm đến Phật giáo - gọi tu sĩ Phật giáo tự thiêu chết giống như 1 con heo quay. Các Phật tử đã tăng cao sự bất bình.

Vào 1.11.63, Ngô Đình Diệm bị lật đổ bởi 1 cuộc đảo chánh quân sự do 1 nhóm tướng lãnh hành động dưới quyền chỉ huy của tướng Dương văn Minh, thường được gọi là "big Minh" vì kích thước người to lớn của ông ta. Diệm và em là Nhu đã trốn chạy từ dinh Tổng thống qua đường hầm bí mật và

tới 1 nhà ở Cholon, ở đây Diệm còn liên lạc với các tướng nổi loạn. Diệm tin tưởng rằng có thể điều đình và không có chuyện gì xảy ra, nhưng qua ngày sau, cả Diệm và Nhu đã bị giết bởi 1 sĩ quan quân đội, khi đi chuyên bằng xe thiết giáp tới bộ Tổng tham mưu Quân Lực VNCH. Vào thời gian đầu tin tức được loan ra là Diệm Nhu đã tự tử chết, nhưng sau đó được biết Diệm Nhu đã bị bắn chết trong khi đang bị bắt giữ. Vợ Nhu thì đang ở Mỹ trong thời gian này, Tổng giám mục Thục thì ở La Mã, trong khi đó Ngô Đình Cần đã xin tỵ nạn tại tòa lãnh sự Mỹ ở Huế nhưng sau đó Cần bị giao cho chính quyền mới, sau đó bị đem ra tòa và xử bắn. Chế độ của gia đình họ Ngô coi như cáo chung ở Nam Việt Nam.

Chính quyền Diệm đã làm được những gì? trong giai đoạn đầu có những việc làm tốt, tạo sự ổn định cho tình thế lúc bấy giờ. Nhưng vào những năm sau chính quyền Diệm đã biến thành 1 chế độ độc tài, và ảnh hưởng nặng gia đình trong việc điều hành quốc gia, nên đã xa dân quần chúng. Chính quyền Mỹ đã không vừa ý với Diệm 1 vài lần, thực ra trong vấn đề tạo ảnh hưởng và kiểm soát chính quyền Diệm, để có thể xử dụng Diệm được trong vai trò lãnh đạo. Cuộc xung đột của Diệm với Phật giáo chỉ là một vấn đề nhỏ, nhưng

Diệm đã làm mất lòng quần chúng nên cuối cùng Diệm đã bị lật đổ. Nếu Diệm là một Phật tử, có thể sự việc cuối cùng sẽ diễn ra khác. Chỉ 3 tuần sau khi Diệm bị giết, vào 23.11.1963 Tổng thống Kennedy bị ám sát chết. Hai cái chết đã ảnh hưởng tới miền Nam Việt Nam sau này. (tiếp chương IV).



Vườn Thơ Viên Giác

Người Làm Vườn

CHỮ HIẾU TRONG VƯỜN THƠ VIÊN GIÁC

Dưới ngòi bút của các Thi hữu :

- Hàn Châu
- Thanh Nguyên
- Nhật Tâm
- Thích Chơn Điền
- Như Huỳnh
- Tôn Nữ Cố Đại
- Thanh Sơn
- Tùy Anh

Sau lễ Phật Đản, lễ Vu Lan cũng là một đại lễ của Phật Giáo. Lễ này bắt nguồn từ Kinh Vu Lan. "Vu Lan" dịch từ chữ Phạn "Ullambana" có nghĩa là Giải Thoát Nỗi Khó. Nói chung, ai cũng hiểu lễ Vu Lan là mùa báo ân, báo hiếu. Nhưng một cách cụ thể, còn nhiều người mới hiểu được một phần mà chưa hiểu được trọn vẹn ý nghĩa của ngày đại lễ này.

Có người cho rằng lễ Vu Lan giống như ngày "Muttertag" (Ngày Mẹ) của người Đức qua sự tích ngài Mục Kiền Liên, một trong những đệ tử đầu tiên hầu cận đức Phật, với lòng hiếu thảo vô biên, đã cúng dường và nhờ chư Tăng khắp mười phương cứu nguyện để chuyển nghiệp cho người Mẹ tội lỗi - Bà Thanh Đề - thoát khỏi sự đọa đày của loài ngạ quỷ trong địa ngục và được sinh lên cõi Trời. Trong lễ này có nghi thức "Đông Hồng Cài Áo", du nhập từ ngày Lễ Mẹ của Nhật Bản, bồng Trứng cho những ai đã mất Mẹ; bồng Hồng cho những ai còn Mẹ. Trong khi ngày Lễ Cha của người Nhật cũng có đầy đủ nghi thức như ngày Lễ Mẹ nhưng không có "Đông Hồng Cài Áo". Có người lại cho rằng ngày lễ Vu Lan chỉ là ngày lễ Xả Tội Vọng Nhân, cầu siêu cho những người đã chết trong đó có cha mẹ, ông bà, cậu huyền thất tổ và kể cả thập loại cô hồn, đồng bào tử nạn, chiến sĩ trận vong và liên tưởng đến các câu thơ của thi hào Nguyễn Du :

Tiết đầu thu đứng đèn giải thoát
Nước tịnh bình rưới hạt đường chi
Muôn nhớ Đức Phật từ bi
Giải oan cứu khổ hồn về Tây Phương

cũng như liên tưởng đến sức chú nguyện mạnh mẽ của mười phương chư Tăng khiến không những riêng bà Thanh Đề được giải thoát mà còn cứu vớt được hàng hà sa số vong linh ra khỏi địa ngục.

Thực ra, theo giáo lý của đạo Phật, ngày Vu Lan có một ý nghĩa rất rộng. Đó không phải là ngày dành riêng cho Mẹ mà là ngày báo hiếu cả Cha lẫn Mẹ; không phải chỉ là ngày Xả Tội Vọng Nhân dành cho người chết mà bỏ quên công ơn những người còn sống; không giới hạn tình thương cho cha mẹ, gia đình ruột thịt của mình mà mở rộng đến mọi người, muôn loài muôn vật, để cùng thoát khỏi Khổ Đau của địa ngục trần gian. Rộng hơn nữa, đạo Phật dạy rằng ân Cha Mẹ chỉ là một trong bốn trọng ân. Sau ân Cha Mẹ đến ân Quốc Gia, ân Chủng Sanh và ân Tam Bảo. Cả bốn ân ràng buộc chặt chẽ với nhau, không thể có cái này mà thiếu cái kia. Có cha mẹ ắt phải có tổ tiên dân tộc; có dân tộc ắt phải có quốc gia xã hội; có xã hội thì

phải có đồng bào đồng loại cùng chung sống dưới ánh sáng của đạo lý, đạo Pháp. Cả bốn ân này đều ràng buộc nhau, đó là Tứ Trọng Ân. Người toàn diện là người có hiếu với cha mẹ, hiếu với dân tộc và hiếu với tổ quốc. Một Trần Hưng Đạo sáng suốt biết gác thù nhà để trả nợ nước đã làm rạng danh dân tộc, về vang gia đình được nổi tiếng là "trung quân, hiếu tử". Một Ngô Đình Diệm có hiếu với Mẹ nhưng đặt gia đình trên dân tộc; tình riêng trên nghĩa lớn thành ra đã phải thất bại thảm. Một Hồ Chí Minh bất hiếu với gia đình (vô gia đình), bất hiếu với Tổ Quốc (vô tổ quốc), chủ trương duy vật (vô tôn giáo) thì chỉ được lãnh huân chương Lê Nin và bằng khen của Liên Xô; được tạm thời nằm trong má lớn nhưng trở thành kẻ phản dân hại nước, kẻ tội đồ trước lịch sử. Vì vậy phải học hỏi và biết kết hợp Tứ trọng ân của đạo Phật thì mới tránh được sai lầm và con đường tội lỗi.

Ý nghĩa của ngày Vu Lan như vậy là khởi thủy từ ân Cha Mẹ rồi mở rộng ra thành bốn ân thì mới đầy đủ. Có thể nói ngày Vu Lan không những là ngày lễ tôn giáo mà còn là ngày lễ của "Đạo Làm Người".

Văn hóa Việt Nam mang sức đẩy của Nho giáo và Phật giáo, xem chữ Hiếu như là thước đo giá trị con người. Trong Văn học, chữ Hiếu bao trùm mọi hành vi, ngôn ngữ, chỉ phối tâm lý nhân vật qua các tác phẩm điển hình như Nhi Thập Tử Hiếu, Gia Hián Ca, Thập Điều Diện Ca, Ai Tử Văn, Khuyển Hiếu Học, Tử Tình Khúc, Ưc Trai Thi Tập, Truyện Kiều, Lục Vân Tiên v.v ... Trong Kinh điển Phật giáo, những lời giáo hóa của đức Phật về lòng hiếu thảo chất chứa trong các bộ Kinh : Kinh Thiên Sanh, Phật Thuyết Đạo Lợi Thiên Phạm Kinh, Phật Thuyết Ân Nạn Báo Kinh, Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật Thuyết Hiếu Tử Kinh, Đại Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Phật Thuyết Thiên Đồng Tử Kinh, Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, Phật Thuyết Vu Lan Bồn Kinh ...

Nếu chữ Hiếu của đạo đức Khổng Mạnh khắt khe, cực đoan và trở thành lạc hậu vì sự tiến bộ của xã hội, "Quan xỉ thân tu, thân bất tu bất trung, Phụ xỉ tư vong, tư bất vong bất hiếu" thì chữ Hiếu của đạo Phật có tính trường tồn, bất diệt của trên căn bản giáo lý là tình thương rộng lớn. Có hiếu với cha mẹ và xem tha nhân trong tương quan nhân duyên và bình đẳng như cha mẹ của nhiều đời kiếp của chính mình để mở rộng thành lòng từ bi bác ái với tất cả mọi người. Con cái có bốn phần yêu kính cha mẹ nhưng cha mẹ cũng có lòng thương yêu con cái. Giáo lý đạo Phật đã chế ngự, hóa giải tính cách nghiệt ngã, chuyên đoan của đạo đức Khổng Mạnh "vua bạo bầy tôi phải chết, nếu không chết là bất trung, cha bạo con chết, nếu không chết là bất hiếu".

Trước khi Công Sản lên nắm chính quyền năm 1945, dân tộc ta sống trên nền tảng đạo lý dung hòa của Nho giáo và Phật giáo. Ngay cả thời Pháp thuộc, lần đầu tiên cấp sách đến trường, học lớp Đông Âu, không ai quên được cuốn sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư và nhập tâm những bài học thuộc lòng đầy ý nghĩa giáo dục :

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ Hiếu mới là đạo con

Dưới chế độ Công Sản, cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư bị lên án là phong kiến và bị thủ tiêu. Yêu cha mẹ được thay thế bằng yêu bác Hồ "Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng". Người ta có thể sống không cần luân thường đạo lý mà chỉ cần "Trung với Đảng, hiếu với Bác" là được sống an toàn và có quyền lợi. Con cái kêu cha mẹ bằng "dông chỉ" và có thể đứng trên lập trường giai cấp, đấu tố cha mẹ và xưng "mày, tao". Cán bộ, bộ đội trẻ tuổi kêu người già cả bằng các anh, các chị. Người công sản gọi đó là đạo đức cách mạng ! Năm 1984, người làm vườn nghe nói Việt Cộng dự tính phục hồi cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư vì sau gần nửa thế kỷ, xã hội nát bấy bởi đạo đức cách mạng, hiện tượng vô giáo dục lan tràn mạnh trong gia đình các đảng viên, cán bộ cao cấp; tội phạm gia tăng đến độ không còn kiểm soát được; trẻ xin tí huyết Thủy, lột quần Cô giáo ngay trong lớp học; con giết cha, vợ chồng phản bội lẫn nhau. Nhiều tội thường phạm được bỏ qua vì nhà tù hết chỗ chứa và dành ưu tiên cho tù chính trị ! Thực ra, chế độ Công Sản có muốn cũng không thể trở lại cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư vì hai thứ đối lập nhau như nước với lửa; như tưởng cướp khoác áo nhà tu hành.

Trong khu Vườn Thơ nhỏ bé này, nhân mùa Vu Lan, các Thi hữu phân đồng là hướng về Mẹ, còn sông hay đá khuất, như một biểu trưng để nói lên lòng hiếu thảo trong hoàn cảnh nào lòng của người ty nạn ngàn trùng xa cách.

Thi hữu HAN CHÂU muốn hướng hồn thân mẫu được chia vui với sự thành công của lần viết biên :

Con mơ được về nằm bên mộ Mẹ
Kể Mẹ nghe lại cuộc hai hành
Giấc mộng phiêu lưu giờ đã đạt thành
Sao nhiều đêm vẫn buồn lẽ mận
... (Mở Về Bên Mẹ)

và nhớ rõ giây phút ngập ngừng, bịn rịn trước lúc ra đi :

Mẹ chết đi! Con mang hận buồn rồi quê nhỏ
Tâm tư lữ hành ngập những đau thương
Nước mắt nào xóa được nhớ thương
Nước mắt nào tan được muộn phiền đau khổ
... (Mở Về Bên Mẹ)

cùng hình dung ra cái vẻ tiêu điều hoang phế của ngôi mộ trong cảnh tan nát của quê hương :

Lớp vôi tổ chác đã phơi pha
Màu thiên thanh đổi sang màu trắng !
... (Mở Về Bên Mẹ)

Thi hữu NHẬT TÂM, một tác giả tăng sĩ, bằng vài nét chấm phá điêu luyện đã cực tả cái vẻ đẹp tiên phong đạo cốt của bà mẹ già :

Tóc Mẹ bạc như tuyết phơi đều núi
Dáng Mẹ gầy như ve hạc trăm năm
... (Thơ Gởi Mẹ)

và hy sinh lận đận vì con :

Xin Mẹ hiếu con mỗi khi về thăm lăng
Vì mấy năm con chưa ven mộ cũ
Mẹ vẫn sớm hôm tảo tần lên đến
Chát máu gầy cho con uống cầm hơi
... (Thơ Gởi Mẹ)

chữ Hiếu của tác giả là chữ Hiếu toàn diện của đạo Phật :

Phụ mẫu tại tiên như Phật tại thế
Con xuất gia cũng hiếu lễ vương tròn
Muôn cung dưỡng không gì bằng phúc huệ
Không gì bằng ân đức của Từ Tôn
... (Thơ Gởi Mẹ)

Thi hữu NHƯ HUYNH ghi lại tâm trạng khi nhận được tin từ quê hương cho biết Mẹ đã ra người thiên cổ :

Đi làm về con nhận tin Mẹ mất
Phương trời này con bật khóc Mẹ ơi
Từ đây vĩnh biệt muôn đời
Ấm đường cách trở đời nơi chia lìa
... (Mẹ)

và những lời nhẹ nhàng sau đây cũng đủ sức mạnh mẽ lên án chế độ bạo cường trong nước :

Có những chim chim bay ngoài biển
Chim có đèn chim liệng giữa trời mây
Chim kia còn được sum vầy
Còn con sao sống những ngày lưu vong ?
... (Mẹ)

và hình ảnh bà Mẹ vẫn hàng ngày hiện diện ở tha nhân :

Có những ngày con lang thang ngoài phố
Nhìn cụ già bố ngỡ bước chân run
Nắm tay, con đến qua đường
Tưởng như tay Mẹ, lòng thương ngập tràn
... (Mẹ)

Hình ảnh người Cha kính yêu được Thi hữu BÀ THANH NGUYỄN miêu tả như vẫn còn in đậm trong tâm trí :

Giữa làn hương tỏa đấng cao
Mắt Cha như những vì sao sáng ngời
Dung nhan tuổi đẹp tuyệt vời
Trên môi rạng rỡ nụ cười thân yêu
... (Mở Gặp Cha Hiền)

Thi hữu THANH SƠN nhân chuyến đi qua hồ Bodensee thì lại nhớ về sông nước quê hương, nơi đó Cha mất Mẹ còn :

Nhìn hồ chợt nhớ quê cha
Vượt giòng sông Gùt cùng phà qua sông

...
Hồn thiêng Cha khuất nẻo trên
Mẹ sầu chiếc bóng một thân mình cò

...
Mẹ ta mong nhớ đã sầu
Thường bày con trẻ, mái đầu bạc phờ
Lulu vong mất nước bỏ vợ
Qua hồ trên bắc giữ mồ mit sườn
... (Qua hồ Bodensee)

Thi hữu Tăng sĩ THÍCH CHƠN DIỄN diễn tả rất sinh động thời thơ ấu với tâm lòng biên cã của Mẹ :

Còn đâu tiếng con đi của Mẹ
Tiếng êm êm khe khẽ ngọt ngào !
"Ao êm con hãy mặc vào
Mùa đông gió lạnh thấm vào kho' thân"

...
Cười tha thứ những lời con hỗn
"Lời rồi nghe, hư đồn thế' sao ?"
Mẹ ơi, con nhớ hôm nào
Còn đâu mà Mẹ tổn hao thân gầy !
... (Nhớ Mẹ)

và sự tiếc nuối khi mất Mẹ :

Lúc còn Mẹ con còn tất cả
Mẹ đi rồi tất cả cùng đi
Mẹ đi con chẳng còn gì
Bỏ vợ đến cả khi đi lúc về !
... (Nhớ Mẹ)

Thi hữu TÔN NỮ CỔ DAI nói lên sự hy sinh của bà Mẹ ngay cả sau khi đã chết, không muốn cho các con vì tiếc thương Mẹ mà phải đau khổ :

Các con hối mai này lúc ta chết
Đừng vì ta mà mãi nhớ thương
...
Hãy thương Mẹ bằng tình thương mấy khối
Mây trôi đi và khối cũng phai mờ
Đời con đó là tình con thương mẹ
Hãy vui lên và sống với lương tri
...
Đừng vo tròn tình thương cho riêng mẹ
Hãy buông ra và rải khắp bốn phương
... (Lời Mẹ)

Thi hữu TUYÊN ANH, một nhà thơ quen thuộc của độc giả Viên Giác, đưa ta về những lời ru êm ái, ngọt ngào của Mẹ như đã thấm vào da thịt ta từ thuở xa xưa còn bú mớm, sưởi bằng hơi ấm của Mẹ, lúc nằm trong nôi hay trên võng đong đưa nơi quê nghèo vắng lặng, một nét đặc thù của tình Mẹ Việt Nam :

Anh chẳng nhớ gì ngoài tiếng ru
Thuở ngây thơ còn khóc trong nôi
Tiếng Mẹ à đi
Đong đưa nhịp võng
Đông trống quê nghèo mà Mẹ truyền sức sống
Vun bồi tương lai bằng mật ngọt đầy nôi
... (Chẳng Còn Gì)

Cảm ơn các Thi hữu bằng những vần thơ đậm đà thi và đạo vị đã nuôi dưỡng tình cảm, vun trồng chữ Hiếu, tiếp lửa cho chúng ta trong cuộc sống lưu vong.

BÀI MỚI NHẬN ĐƯỢC : N.Huỳnh, NTB.Thuận, TC.Diễn, BB. Phương, LP.Mai, ALT.Nữ, T.Anh, NX.Hồng, T.Nga.

Bạn D.Hà : Cảm ơn bạn đã có lời khen VTVG. Rất tiếc bài của bạn đến khi báo đã lên khuôn nên bạn không kịp góp mặt trong "MXTQHTH". Xin hẹn dịp khác.

CHÚ Ý : Các bài đã gửi cho báo khác, xin miễn gửi cho Viên Giác. Các bài chỉ được hoàn lại nếu có lời yêu cầu và địa chỉ rõ ràng.

MẸ

Đi làm về con nhân tin mẹ mất
Phùng trời này, con bắt khóc mẹ đi,
Tủi tay vĩnh biệt muôn đời,
Ấm đường cách trở, đôi nơi chia lìa.

Con vẫn mơ ngày trở về quê cũ
Ai đâu ngờ mẹ đã ngủ nghìn thu
Quê hương thăm thẳm xa mù,
Con không về được lòng như nát lòng.

Hơn bảy năm con chưa nhìn gặp mẹ
Định mệnh nào đưa con trẻ ra đi ?
Chia tay chẳng nói câu gì,
Nhớ thương cha biết lời chi giải bày.

Có những chiều nhìn chim bay ngoài biển,
Chim có đàn, chim liêng giữa trời mây
Chim kia còn được sun vầy,
Còn con sao sống những ngày lưu vong ?

Có những đêm con sống bằng mộng tưởng
Mơ tao phùng vui hưởng cảnh đoàn viên
Nay còn đâu bóng mẹ hiền
Ngàn thu an giấc, lụy phiền thôi mang.

Có những ngày con lang thang ngoài phố,
Nhìn cụ già bỏ ngõ bước chân run,
Năm tay, con dân qua đường
Thương như tay mẹ, lòng thương ngập tràn.

Xin hồn mẹ chôn sỏi vàng linh hiển
Độ cho ba, cùng gia quyến an lành
Nợ trần một kiếp mong manh
Trà xong duyên số, mẹ dành biệt ly.

Nay con trẻ xin cúi quỳ van vái
Mẹ sớm về miền tiên giới tiêu diêu
Cù lao, đường đục sớm chiều
Con xin lay tạ, thương yêu đời đời.

● NHƯ HUYỀN

Kính dâng hương hồn mẹ
Tủi trần ngày 19.9.82 DL
Núi Ước, ngày 30.9.82 DL

LTS: - Trong chiều hướng phát huy văn hóa của Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo tại CHLB Đức, báo Viên Giác sẽ chọn đăng những sáng tác văn nghệ (truyện ngắn, tùy bút, hồi ký, tạp ghi...) của quý độc giả bốn phương có nội dung lành mạnh hướng về Quê Hương, Dân Tộc, Đạo Phật.

Bài gửi về báo Viên Giác- tối đa 2 trang đánh máy hoặc 4 trang viết tay- ngoài bút hiệu, xin quý vị ghi rõ họ tên, địa chỉ và đề mục "VAN NGHỆ SÁNG TÁC" để Tòa Soạn gửi tiền nhuận bút khuyến khích là 50,- Đức Mã khi bài được chọn đăng.



NUỐC CHẢY XUÔI

● **Linh Châu**

Bây giờ trời đã vào đông, khí lạnh không gặt gao như năm nào. Những bông tuyết êm dịu lướt thướt rồi rồi tan biến trong không gian trắng xóa vô tận. Tôi vẫn ngồi bên chiếc bàn con để lắng nghe sự yên tĩnh trong tâm hồn- sự yên tĩnh hiếm hoi trong xã hội quay cuồng này. Thân nò ti tách từ trong lò sưởi vẫn ròn rã vui tai. Ngon lửa không bập bùng như của người da đỏ chột nhóm lên bên chiếc lều du mục trong những chiều giá rét. Đã tư lâu hầu như tôi không tìm thấy lại sự yên tĩnh này, bởi những cuồng lưu náo nhiệt của cuộc đời đã cuốn hút, đã che lấp nên tôi đã lãng quên chăng!

Ngồi bần đốt ngón tay, đã mấy năm rồi mình hiện hữu nơi đây, lạc lõng giữa đám người da trắng này. May rủi nào, dính mệnh nào? Những suy tưởng viển vông về đi vàng, thời vàng son hay những phút kinh hoàng! Mỗi người có một thói quá khứ, họ có quyền nhớ hay quên. Nhớ để hồi tiếc để luyện lư hay nhớ để nguyên rửa để kính sợ! Hồi tiếc cái mà người ta không tìm lại được, muốn mang xa hàn tâm tay. Lửa luyện những gì đã đi sâu vào những kỷ niệm buồn vui. Giọng hát nước nở, lời ca ai oán năm xưa vẫn đều đặn vang lên những âm điệu chỉ mang thêm tang thương cho cuộc đời phiêu bạt- cuộc đời của người di tản.

Nghiệp dĩ nào đã đẩy đưa tôi trôi sinh ra làm người trong cuộc đời đầy khổ đau? Ngồi sao nào đã liên hệ đến đời tôi- sáng hay tối, xấu hay tốt- đến bây giờ tôi vẫn chưa xác định được. Những điều chắc chắn, ngôi sao cận kề và ảnh hưởng đến tôi nhiều là Mẹ tôi- ngôi sao được tạo bằng nước mắt- khi buồn nước mắt tuôn trào, khi vui nước mắt trào tuôn. Suốt cuộc đời của Mẹ chỉ úp bằng nước mắt và chúng tôi được nuôi dưỡng bằng nước mắt yêu thương đó.

Những ngày còn bé nằm trên chiếc võng đưa ru, Mẹ thường kể chuyện xa xưa của Mẹ- một đoạn đời tâm tôi khô nhọc như con trâu già. Mặc dù được sinh ra trong gia đình "ruộng ca, ao sâu" nhưng Mẹ tôi nào có biết gì ngoài nỗi cơm sơn cá, quanh năm suốt tháng làm bạn với ông

tao hoặc đem cơm nước cho những người bạn cây. Mẹ tôi vẫn vui vẻ quán xuyến trước sau trong những ngày gặt lúa. Các ông cậu, em me tôi, được lên tỉnh học; còn mẹ tôi phải đem thân hy sinh cho thành kiên ác nghiệt "nam trọng, nữ khinh". Có lần mẹ tôi đánh mất tiền chợ của bà tôi, oan ức không biết sao nói được vì thù phạm không ai khác hơn là mây ông cậu vô tâm kia; và trận đòn tá tởi phủ lên đầu mẹ tôi, nhưng người vẫn cắn răng chịu đựng- lúc nào cũng vậy, mẹ tôi là một đai đường chịu đựng. Mẹ tôi sống bằng một trái tim yêu thương, tôi không biết điều đó tốt hay xấu, nhưng ngay phần tình cảm của tôi cũng được nuôi dưỡng bằng thứ hương bột này.

Cuộc đời nghiệt ngã vẫn tiếp nối với mẹ tôi cho đến lúc có chồng, làm dâu. Một lần nữa mẹ tôi lại qua cầu đòan trường. Ngoài cha mẹ chồng, mẹ tôi còn làm dâu cho cả chị em chồng- trăm đầu trúc đầu tằm. Gia đình ông bà nói tôi góc Tau, bao nhiêu thành kiến gặt gao của Trung quốc đều được thể hiện nơi đây, mẹ tôi lại không nói được tiếng địa phương bên chồng, nên mọi khó khăn mẹ tôi đành ngậm cầm chịu đựng- chịu đựng và chịu đựng cho đến bao giờ? Mẹ tôi chỉ còn có nước mắt để an ủi, đêm đêm tâm sự với ngọn đèn leo lét. Nghe mẹ tôi khổ vì cảnh làm dâu, bà ngoại tôi buồn rầu đến sanh bệnh và trút hơi thở cuối cùng.

Cha mẹ tôi được ra ở riêng vừa đúng lúc tôi ra đời. Bom đạn chiến tranh tàn phá, nghèo đói bệnh tật cứ tiếp diễn. Gia đình tôi phải tan cư tứ vung này đến vung khác- trôi nổi trên chiếc ghe bồng bênh. Bệnh tật lan tràn, thuốc men lại khan hiếm đắt đỏ. Bao nhiêu tiền dành dụm, mẹ tôi đều trút vào những cơn bệnh ác nghiệt của chúng tôi. Rồi mẹ tôi phải tao tán buôn bán, hoặc làm thuê làm mướn. Ba tôi phải bôn ba xa người, xa cách bà con. Số phận mẹ tôi phải vậy, không được gần gũi anh chị em...

Rồi chiến tranh chấm dứt, gia đình tôi cũng ổn định cuộc sống. Thành kiến "nam trọng, nữ khinh" xa xưa mẹ tôi nhất quyết xóa hẳn- tôi là gái cũng được mẹ cho đi học.

Tôi bắt đầu tập tễnh bước khỏi tổ ấm, rồi vòng tay yêu thương của mẹ tôi. Mẹ tôi lo lắng cho tôi đủ điều, từng chiếc khăn, chiếc áo gói ghém từng u u từ ước mong cho tương lai tôi rạng rỡ. Lân tiến đùa tràn ngập nước mắt yêu thương khóc mừng cho đứa con bắt đầu bước vào ngưỡng cửa cuộc đời mới. Nhưng ngày rằm, mong một mẹ tôi thường đến chùa lễ Phật và cầu xin cho chúng tôi được mọi sự may mắn và khoẻ mạnh. Mẹ tôi không sống cho mình mà cho những người thân thương. Ngày xưa đi học tôi vẫn thường ê a:

*Con ho ngực mẹ tan lành,
Con khóc lòng mẹ như bình nước sôi...*

Hồi đó tôi chưa hiểu nỗi lòng thường yêu ngọt bùi kia, đến bây giờ nuôi con con bệnh, tôi chột nhỏ đến những câu thuốc long đó mới cảm thấy thâm thía...

Rồi đến mùa hè mỗi năm, hoa phượng rực rỡ giữa sân trường, cây cau bung bên cạnh lớp cu ng trở hoa lạc đặc tôi được dịp báo tin vui cho mẹ, tôi đầu Tú Tài. Buồn vui lẫn lộn, mẹ tôi chan hòa nước mắt: "Chỉ mỗi một đoạn đường con vượt qua, trước mắt con còn nhiều chông gai. Hãy cố gắng bước thêm!". Niềm vui chưa trọn, tôi lại báo tin cho mẹ, tôi thi rớt vào Đại học. Mẹ tôi vẫn bình tĩnh an ủi tôi: "Thôi cố gắng khoá sau!". Mẹ tôi lúc nào cũng êm đềm ngọt ngào "như chuối ba buồng, như xôi nếp một, như đường mía lau"...

*

Rồi tôi phải rời bỏ quê hương, đảo thoát chế độ vô nhân của Việt cộng. Mẹ tôi lần nữa lại tiễn đưa chan hòa nước mắt: "Hạnh phúc tự do của con là niềm ước mong của mẹ!". Nỗi đây, những giọt nước mắt suy tư hồi tưởng tôi đã làm gì để đền đáp công ơn dưỡng dục của mẹ, đã làm được những gì cho quê hương? Nhưng còn mò diên đảo, những khúc phim quay cuồng thỉnh thoảng vẫn trôi đây trong tâm trí tôi. Nhìn bức hình của mẹ tôi trên bàn thờ, cả cuộc đời sâu kho hầu như tích tụ trên đôi mắt mẹ. Mẹ tôi đã mất. Khi tư gia cõi đời mẹ tôi đã không mang theo gì trên đôi tay buông xuôi. Mẹ tôi hiện huỷ trong cuộc đời như người lữ khách dừng chân bên quán trọ một đời nhọc nhằn khổ ai để gầy dựng tương lai cho chúng tôi rồi ra đi mãi mãi. Nu cười heo hắt kia, đôi mắt hiền từ kia, tôi vùi mẹ trong tâm tay vùi thế sao lại xa cách ngàn trùng. Mẹ tôi bây giờ đã thực sự vĩnh viễn về với bà tôi. Bên kia thế giới người đã tưởng phùng... Người ta sinh ra là gửi, thác là trở về. Mẹ tôi đã gửi thân nói cõi đời ở trọ này vùi bao nghiệp chướng đa mang; nay mẹ đã trở về cõi hư vô nơi không sinh ly-tử biệt, nơi không sâu khổ đau thường, nơi tôi tìm thấy sự an bình mãi mãi...

Một vành khăn tang tóc, ba nén nhang nguyên câu; ôi lòng con chết lịm, làm sao đến đáp được công ơn sinh thành dưỡng dục:

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

và tiếng ru ca ngọt bùi vẫn luôn nhắc nhở tôi "lòng mẹ bao la như biển Thái Bình..." ♦

tiếp theo trang 39

KHAO KHÁT TIỀN THÂN

chạy theo ảo ảnh của tình yêu, giá tưởng của sắc đẹp chóng phai tàn.

Nếu biết câu chuyện sau đây, hẳn anh rút tỉa được một bài học quý:

Ngày xưa, khi Phật còn tại thế, ông Ma Nhon Đê ở nước Câu Diên Di đem con gái đến chỗ Phật thưa rằng:

Con tôi dung mạo tuyệt trần, thế gian hiếm có, các vị quốc vương, hào tộc đến cầu hôn đều bị tôi từ chối hết. Nhưng tôi nhận thấy Ngài là bậc Đại nhân nhan sắc rực rỡ, nguy nga chưa từng thấy trên đời nên tôi xin hiến nó lên Ngài.

Phật dạy: "Cái đẹp của gái này ở chỗ nào?"

Ma Nhon Đê đáp: "Từ đầu đến chân, không chỗ nào chẳng đẹp".

Phật nói: "Lắm thay, hỏi người trần mắt thịt! Ta xem thấy từ đầu đến chân, không một chỗ nào đẹp cả. Nay nhé, đầu cô gái có tóc, tóc chỉ là thứ lông, lông ấy cũng như lông ngựa lông voi. Dưới tóc là sọ, sọ chỉ là một thứ xương đầu tương tự đầu heo nơi của hàng thịt.

Trong đầu có não, não giống như đất bùn, tanh hôi nhũn mủ, giá sử nó vỡ và rơi xuống đất, chẳng ai dám đụng tới. Còn hai con mắt là hai ao nước, đưa tay dụi vào nước mắt tuôn tràn. Trong hai lỗ mũi, có dây mũi dãi. Trong miệng có đàm nhớt, trong ngực bụng có phổi gan, v.v .. toàn là những vật tanh hôi. Trường vị, bàng quan đứng toàn cút đái, hôi thối khó tả. Hai tay hai chân là xương nối xương kê nhau như trụ cột. Gan, da cơ dẫn nhờ hơi thở mà chuyển động, chẳng khác gì con người máy bằng gỗ. Nếu mở xe nó ra từng khối rời rã, đầu chân năm ngón ngang, tất cả loài người đều như vậy cả.

Vậy thứ có chi là đẹp, mà ông bảo là vô song. Ta không dùng làm vợ, thôi ông đem nó về đi".

Ma Nhon Đê nghe Phật nói thế, xấu hổ vội đặt con chạy về mà chẳng kịp bái tử. (Kinh Xuất Diệu).

Nhưng hỏi ôi, đây duyên ái quá buộc ràng nên anh trai trẻ Bishen vẫn không thôi thương nhớ bà già Padma, dù bị bà cự tuyệt, mắng nhiếc thậm tệ. Bishen đành tằm lẳng quên trong chén rượu, một trong ngũ giới cấm.

Vậy kinh thưa quý đạo hữu, đời Bishen kiếp này sẽ ra sao? Rồi kiếp sau như thế nào, có thoát được luân hồi sinh tử? Anh sẽ dọ dẫm từng bước đi lên hay lại càng lún sâu trong ác nghiệp? ●

PHONG HƯNG
Lưu
Nhơn
Nghĩa



Riêng tặng TRƯỜNG VĂN TÂN (Scheidegg) và cảm ơn Hiến cùng tiếng hát ru em xưa.

Trận mưa dầm dề mùa nằng hột trong cơn nắng oi nồng, đất bốc hơi hương hực. Ai cũng sợ ngã bình bát ngỡ vì thời tiết; chỉ có bấy cá lìm lìm, cá lòng tong nhờn nhờn lội tưng tưng trên mặt kính.

Dĩ Tử Thà bưng bả chạy dọc theo bên kính tìm kiếm, miệng làm nhảm như cuồng trí. Những chiếc ghe bầu chất đầy nổi dật chòng chành dậu chen chúc chung với đám xuống trâu. Dĩ Tử dậm tư chiếc xuống, chiếc ghe. Là quá, chiếc ghe bầu cho đoàn hát bội dậu rồi? Dĩ Tử Thà run rẩy đi một mạch về nhà, ngồi sầm xuống chông tre, kéo vạt áo chùi nước mắt, chùi rưng:

"Tổ cha bấy, quân du đồ!"

Dĩ dáo dác nhìn ra cửa, sợ có người nghe thấy, khóc rưng rức một mình, vừa dậm ngực thỉnh thỉnh.

It ai để ý biết chiếc ghe bầu cho gánh hát bội đi từ lúc nào, "mới hôm qua dào kép còn ăn cháo dậu với dưa mắm ngoài chợ mà!" Gần nửa tháng trước, ghe cặp bên dậu kính, che rạp đứng sân khấu giữa chợ trình diễn.

Chợ quê vui hẳn lên. Buổi trưa xe lô chạy vòng chợ vô trống, phát tờ quang cáo. Trước rạp treo những tấm ảnh lồng khuôn lớn của dào kép. Mấy ông xôn xôn nhìn ảnh các cô dào cũng thấy lòng hén hén, trách chỉ đám thanh niên trẻ. Nào dào Tử An tóc uốn sáu sóng, miệng lập lánh răng vàng; kép Năm Hội chải tóc bầy ba; hề Miski Chốt nhìn anh đã muốn cười ...

Trước rạp, nhóm thêm một buổi chợ đêm, thớm mùi nem nướng, cháo chè, bánh trái. Sự hiện diện của gánh hát gây phấn khởi phá tan cái yên lặng nhảm chán thường ngày. Già trẻ bé lớn đều mê hát đêm quên ngủ, ngày quên ăn.

Ông Cả Lâu nghiêm nghị uy tín được giới chức đề cử danh dự cầm châu(1). Ông phải từ chối nhiều lần nhưng đề'khỏi phụ lòng người, ông đành nhận; dù tuổi ông khá già, ra khỏi nhà chỉ đi xe lô, ít khi thấy ông đi bộ.

Trong rạp hát đông nghet, ồn ào hoặc mất trật tự. Thanh niên lo la hét cổ võ cô đào khả ái; ông Cả chỉ cần nghiêm nét mặt, giải quyết nhanh chóng. Ông nhíp ngón tay trỏ, chỉ mặt một cô gái sùng xi' vì thiếu ghế ngồi, ông gần giọng "Nói mà nghe, chợ hồng phải nói mà xon xon vậy à nghe!" Rồi ông liền tay tát cô gái chúi nhủi, đuổi ra khỏi rạp, dù thấy uy quyền ông đến độ nào rồi.

Ông cả lại là người khí khái, luôn luôn thực hành câu "kiến nghĩa bất vi vô đồng giá". Ông thương gánh hát bội nghèo nên bỏ tiền mua giàn gần 10 dêm, "lời lóm gì đó!

Ông thường lắc đầu, "Tôi nghiệp hết sức, dào kép ăn uống kham khổ, thân tâm trả nợ dậu, mang nguồn vui cho dân quê mình". Mỗi dêm, ông hy sinh thân già nghiêm chỉnh như vị tướng chỉ huy - trước cái trống châu - Ông biết thế là dai dột, nhưng trách nhiệm nặng nề đòi hỏi sự công bình; ngoài ông ra, khó tìm người đủ tài đức, ham gì cái nghề "làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu" (2) đó.

Thật vậy, tuy tay châu ông công bằng, mà vẫn có người xấu mồm xấu miệng chêm biếm, làm như chuyên "cầm châu" là chuyên chơi chác! Ông cả cảnh cáo nhiều lần nhưng kẻ say tung ta ra tung người phao tin nhảm Hồ dật diêu, nói ông bị cái liếc mắt của cô đào Tử An vai Tôn Phu Nhơn làm mê mẩn nên tay châu ông liên hồi, ông Biên ngồi bên ghi không kịp. "Ừ, thì dào Tử An diễn xuất hay, làm sao châu lời được? Còn kép Năm Lai vai Chu Du không

EM
TÔI
KHÁT
SỮA
BÚ
TAY



diễn tả được sự nóng nảy, lại trách ông cháu lời, vô lý".

Truy ra mới biết ông Hưng Quán Ai bán đám ruộng dưa bầu lầy tiền sấm quân lính Mỹ A cho đào Tú An. Bị vợ phát giác cảm hận coi hắt, Quán Ai ganh tỵ phao tin nhảm nhí. Oi! Miếng dãi, trâu cọt ghét trâu ăn!". Ông Cả giận nên thôi mua giàn, bỏ cầm châu cho hả giận, lại mặc tiếng oan là bị bà Cả mắng nhiếc ông "dở trâu giả dãi ăn cỏ non" (3). Từ đó đoàn hát vất vưởng, sông tùy số khán giả vô của và bà con tốt bụng, trong đó có di Tú Thà. Mỗi buổi trưa, dĩ thường sai con gái tên Đẹp bưng cháo mới đào kếp. Đẹp thường me nên vui vẻ và nhanh nhẩu, nhất là dành tô cháo nhiều thịt cho kếp độc Ba Nhu, vai Trưởng Phi, râu đen tua tủa hào hùng đứng trên cầu Đền đường trường bán hết như sấm nổ, đẩy lui quân Tào Tháo. Đôi mắt sáng rực hồng khí và tiếng dậm chân làm mềm lòng cổ khán giả tên Đẹp hằng đêm.

Càng say sưa coi hát, Đẹp càng chán ngấy công việc hàng ngày, nào cạo cho sạch đồng lòng ruột heo, rán gạo nấu cháo, thức khuya dây sớm. Đẹp kể về Ba Nhu nghe bất mệt. Di Tú Thà cảm thấy có điều gì bất thường sắp xảy ra, nhưng thoáng nghĩ đến, rồi quên đi ngay và đi không nghĩ xa hơn. Di Tú thường nhắc: "Trông trâu trông lợn giầy tiêu, Con theo hát bội, mẹ liêu con hủ! Đẹp lại nghĩ ngược lại, giống như Ba Nhu nói, nằng tập dượt vài năm có thể thay thế đào Tú An trong tuồng Phan Trang Lầu.

Tiếng bầm thít đều đều như nhạc ngựa từ các tiệm mọc dánh thức người buôn gánh bán bưng đẩy cho kịp buổi chợ mai; vừa lúc chiếc ghe bầu chơ gánh hát bội rời bến. Con nước đổ ngược vào nên việc chèo chống nặng nề chậm chạp. Thêm mấy người trạc phu đi bộ dọc theo để quàng dây kéo ghe qua khúc kinh cạn.

Ròng rã suốt ngày, gần chiều mới tập vào nghỉ tại bến Kinh Xáng Vịnh Tre.

Trong khoảng ghe, Đẹp ngồi im lìm suốt ngày, ngơ ngác nhìn chiếc Xáng chìm cao vọt vọt đứng chơ yó giữa đồng. Trong ghe chật hẹp, mỗi lần đi chuyển phải né tránh đồ đạc

ngón ngang, y trang của đào kếp treo la liệt, mặt nóng mũi mồ hôi ẩm. Đẹp tư hồi không hiểu sao trên sân khấu, cũng cái áo cái nón rực rỡ này mà bây giờ giống đồng giẻ rách, thua đồ thờ mà!

Đẹp càng lúc càng lo âu, dù khuya này tảo bao ôm gói áo quần âm thầm xuống ghe theo Ba Nhu thực hiện ước mơ làm đào hát. Nhìn bàn thờ Tô mền đỏ che, đóng khói nhang lắc lư theo mỗi bước đi lẹp xẹp của người trên mũi ghe, Đẹp cầu cho tổ dãi.

Sau lái, mấy người đàn bà đang sửa soạn bữa cơm chiều, lui cui thối lui. Đàn ông ngồi trước mũi và trên mũi ghe nói chuyện lảo xào. Đẹp ngó tới lui, hỏi thăm: "Đêm nay nằm ngủ chỗ nào?" Trong ghe hầu như chỉ có khoảng trống duy nhất nằm tam được trên tấm màn sân khấu xếp lại.

Đẹp rụt rè hỏi người đàn bà đang lật rau sau lái.

"Chị à, đêm nay tôi ngủ ở đâu chị? Người đàn bà niềm nở trả lời:

"Ở trước mũi, sau lái, trên mũi, dẫu mà không được. Gặp mưa gió, mình chum vô trong khoang ngồi đó, chớ làm sao bây giờ!"

Trong khoang, ông thầy đòn gậy guộc cuộn mình bên nệm dền, mắt lìm đim, kéo ro ro cái ống điếu dài; mũi thuốc phiện thoảng thoảng làm ngây ngất buồn nôn.

Ba Nhu bò trên mũi, thò đầu xuống gọi:

"Đẹp ơi, lên ăn cơm em!"

Đẹp đứng lên, tề cả chân, đi chập choạng như người say rượu, ghe chòng chành.

Trên mũi, mọi người quây quần bên mâm cơm chiều; mâm cơm là tấm cánh cửa gà sân khấu. Đẹp ngưỡng ngưỡng ngồi khép nép giữa đám đào kếp; ngoài Ba Nhu, không thấy ai sẵn đôn ngó ngang tới Đẹp (sao họ mau quên những buổi trưa Đẹp bưng cháo lòng mới họ lúc trước "mấy cái mặt ăn chịu, bây giờ quay đi, thấy phát ghét!")

Đẹp cầm chén cơm đỏ, lúng túng trước buổi cơm đầu tiên xa nhà. Trên mâm, mấy nồi cơm, mấy nồi mắm kho mặn, vài rổ rau dưa hỗn dộn. Vua, hoàng hậu, công chúa, quan, lính, tỷ mỉ lẫn lộn ngồi chen chúc, đĩa gắp không ngừng, tiếng nhai xào xạo Cổ đào Tú An vai Tôn Phu Như trên

sân khấu áo thêu hoa rực rỡ, mũ lấp lánh, mặt hoa da phấn nhờ tổ dãi, ngòi chòm hòm, híp muống canh xim xup, tóc khô xoa trên vai áo, mặt mày danh giá xác xơ.

Đẹp trộm nhìn người yêu, những vết máu đen trên cằm chưa rửa sạch, tóc chải bảy ba tém ra sau, chiếc áo thụng trắng bạc màu phở trường đám lang ben lổ chỗ trên ngực. Đẹp nuốt khó trôi chén cơm đầu tiên. Tiếng bà bầu léo nhéo hạch sách chông về số tiền bán giàn chợ Ông Cả, không ảnh hưởng đến bữa cơm chiều đạm bạc.

Cổ Tú An quay lại hỏi Đẹp, và nhai miếng dưa leo rạo rạo:

"Biết hát chưa mà mồm theo?"

Đẹp chưa kịp phản ứng, Ba Nhu đỡ lời:

"Đường tập chút đĩnh, chị Tú à!"

Cổ Tú An để dưa xuống, kéo khăn chùi miệng, nói dõm dõ:

"Chẳng nào thiếu vai tỷ nữa, cho đóng tam để coi coi!"

Đẹp bặt miệng: "Trời đất đi! Biết vậy tôi theo làm gì nè!"

Tiếng bà bầu gắt gỏng sau lái cắt đứt câu chuyện, chấm dứt bữa cơm chiều.

"Ăn mau đi rồi nghỉ, mai sáng ra sông cái đi củ lao Ông Chương nghe. Còn Ba Nhu, mấy liệu mà lo cho con vợ bé mấy đó nghe, chớ coi bà bán cháo tới cạo nhà mấy đó, tao nuôi cơm hồng nổi dẫu!"

Ba Nhu lắng thính, xuống nước "chuyện đi lối rồi chị Cả đi!"

Mặt trời lặn xuống đầu kinh xa tấp; đợt nắng cuối cùng nhuộm vàng vọt nước kinh. Đẹp lạnh người, rùn mình bụng đói, chén cơm chưa với một nửa, hậm hực nhìn Ba Nhu, cau có: "Tai anh hết, má hận củ thì hết à!"

Ba Nhu đáp lại bằng tiếng cười hèn hếch, tinh quái:

"Thôi em, duyên nợ mà,

Trông treo ai để đánh thùng, Bậu không, ai dám giờ mình chum vô?"

Đẹp nhìn đám lục bình trôi xuôi cảm thấy thân thể nằng nặng bỗng bênh như bọt bèo trên mặt kinh kia. Tiếng đàn gáo búng bực, ngao ngán theo tiếng hát áo nảo của lão dờn mù trong khoang ghe vọng ra.

"Chính giữa một cái má cao, á!

Hai bên, hai cái má thấp, á!

Chú ấy đem chôn lấp

Xác bướm với cánh lan, ... á!

Nồi cháo lòng bán hoài không hết, nhìn rõ giá luộc heo xèo, mất đi Tư Thà lần tránh người qua lại. Ai qua nổi cháo đi Tư đều ngưng nghu tò mò tuy họ cố giữ vẻ tự nhiên.

Mấy ngày qua, đi Tư như xác không hồn trước nồi cháo. Nhà lồng chợ thưa người hơn sau khi gánh hát đơn đi. Đi Tư vẫn chưa khỏi bệnh cảm gió mấy ngày qua. Đi ngồi bán mà đầu óc ngón ngang, chân tay bái oái, mắt thêm quầng nhưng đêm mất ngủ.

Gánh hát đến rồi đi, để buồn cho ông Quán Ai, để hận cho ông Cả Hân và mang theo đứa con gái mới lớn như cây dứa của đi. Đi cố tưởng tượng, Đẹp giân nhà bỏ đi ở nhà chú ruột nó ở Mỹ Đức, làm sao đứa con gái giới đang con nhà lành lại bỏ theo đoàn hát bội được!

Góc chợ đang kia, đối diện với gánh cháo lòng, cạnh chợ rau cải, những người vô công rồi việc bắt đầu sắp mấy tấm lô tô trên chông tre. Sáu Nhỏ trình trọng sóc túi lô tô lách cách. Hôm ấy người chơi lô tô nao nức chờ đợi và Sáu Nhỏ cũng biết điều đó. Sáu Nhỏ vừa tìm được đề tài xộp dỏ. Hai đề tài liên quan đến ông Cả Hân và Hương Quán Ai thì chú Sáu ngại ngại chưa dám khởi hứng, dù chỉ vài câu mào đầu vô thưởng vô phạt, bút giấy sợ động rưng. Sáu Nhỏ còn thiếu mấy bao cảm chưa trả tiền cho bà Cả, đại gì! Chú lại nghĩ, ở xứ này ai dám rờ tới ông Quán Ai, trừ vợ ông ta? Người gây hứng thú đồng thời là nạn nhân hôm ấy là Đẹp. Thoáng nhìn đi Tư Thà thiếu não ngồi sau nồi cháo lòng, Sáu Nhỏ thấy áy náy, tự nghĩ bỏ qua chuyện chàm chọc người khôn khổ kia.

Đi Tư Thà nhẹ nhõm khi thấy đôi mắt Sáu Nhỏ tỏ vẻ cảm thông, và Sáu Nhỏ tiếp tục những câu lô tô tưởng lệ, suốt mấy bàn đầu trôi chảy êm tai.

Sau ly rừu trắng thắm giọng, chừng nào tạt ấy, Sáu Nhỏ cầm số lô tô, hỏi lớn:

"Anh Hai à! tháng này là tháng mấy?
- "Tháng 2!" Có tiếng trả lời ồm ồm.

Sáu Nhỏ tiếp luôn:
"Tháng này là tháng 2
Bước qua tháng 3
Mùa sa lác dác
Cảm thương mấy cô chưa chồng
Lanh công xương sống

Lanh công xương sườn
Lanh nằm trên giường
Lanh lán xuống đất ...

Giọng chú Sáu Nhỏ say sưa đến đôi người đang chờ đợi không thấy sốt ruột, họ ngồi tham dự cuộc chơi xem nhẹ được thua; họ kiên nhẫn nghe Sáu Nhỏ.

Chú Sáu Nhỏ biết điều đó, lâu mau là quyền của chú, chú lên giọng xuống trầm, miã mai, trêu chọc, bông đùa, khuyến nui. Câu thơ ứng khẩu phát xuất từ tim người thi sĩ bình dân này hàm xúc đủ hỷ nộ ái ố, để tài uyển chuyển lúc ngập ngừng, lúc tương trào như mứt chảy.



"Hãy ngóng mà nghe
Hãy nghe mà ngóng!
Con gì ra đây
là con số mấy?
Chớ đây mà coi
Kéo bị thiệt thòi,
Nghèo lê nghèo lét
Nghèo rút mông tới ...

Nhưng cuối cùng bị bí vãi, câu chuyện đã lộ:

"Con Hai nó thương anh Ba
Thì ra con mấy?
Ya xi chap đi (3x4=12)
Ya cáo đẹp xit (3x9=27)

Đi Tư Thà bị căng thẳng tinh thần, phang cây đòn gánh túi bụi vào lưng Sáu Nhỏ, hét:

"Nó theo hát bội chớ theo cha mấy sao?"

Sáu Nhỏ vừa đưa tay đỡ vừa cưỡi giường, người lớn tuổi can gián mới yên.

Câu chuyện Hai Đẹp bỏ theo, kếp hát bội Ba Nhu thành dư luận tứ chợ rau cải, lan lên xóm lò rèn nhà ông

Cả, xuống xóm kinh nhà Quán Ai. Các cô gái bị cha mẹ mắng oan vì hậu quả của Đẹp, than thở: "Đền nhà ai này sáng, trời kêu ai này dạ!".

Chợ trưa vắng đi Tư Thà, tiếng kêu lô tô Sáu Nhỏ ít sôi nổi hơn vì chú chưa tìm được đề tài khác.

Gió thời gian cũng thổi khô nước mắt gia đình đi Tư, câu chuyện rồi cũng được lãng quên dần. Người không bao giờ quên là Hiến, em kế Đẹp.

Đi Tư Thà bị mù lạc đầu moco trên cổ, bị hành có mấy ngày rồi thỉnh lĩnh bỏ Hiến và đứa em 3 tuổi bỏ vợ. Ngày Hiến quần khăn tang công em theo dăm ma nghèo đứa mẹ tội chân núi, hai anh em khóc suốt một chia xốt nỗi buồn mất mẹ.

Mỗi buổi xế trưa, ai đi ngang qua con đường đất quanh co dọc theo bờ kinh, căn nhà lá thấp trước sân có hai cây trướng cá rợp bóng, đều đứng lại hỏi han an ủi Hiến. Sự oán trách Đẹp biến thành lòng thương yêu dành cho Hiến.

Hiến giăng chiếc võng bỏ dưới gốc cây trướng cá, tâng cây loang lổ chút nắng chiều. Từ ngày mẹ bỏ đi, Hiến nghỉ học, bỏ hết những thú vui rong chơi với bạn bè. Thế giới của Hiến giới hạn quanh căn nhà chật chội.

Hiến nhớ như in. Đêm cuối cùng gần sáng, mẹ Hiến nằm trên giường chiếu ấm, nước nóng mờ hôi, cổ sưng húp, mất lơ đờ ngừng trên mặt Hiến. Trước khi đi vĩnh viễn, mẹ dặn dò Hiến qua hơi thở thì thảo, dứt đoạn "Hiến à, chừng nào Đẹp về, biểu nó giữ em cho con đi học lại nghe con! Ngưng lâu lắm, giọng mẹ như van lơn Hiến:

"Hiến à, em con nó còn nhỏ, chưa biết, con giữ em đừng bỏ nó một mình té xuống kinh nghe con! Con đừng đánh đập nó tội nghiệp, để nó kêu má, má chết không yên nghe con! ... Hiến à, má thường con nhất nghe con ...!"

Mẹ Hiến cố điều khiển cánh tay gầy guộc rục rầy vượt mặt thẳng út, "Con cứng của má, má có đi, con rần nghe lời anh nghe con, đừng không néo nghe con".

Mấy tháng rồi không phụ lòng mẹ Hiến chu toàn bốn phần làm mẹ, làm anh đối với em. Hai anh em lúc nào cũng quần quít bên nhau. Mỗi sáng, Hiến nấu nước chàm trà cúng mẹ, rồi

công em ra chợ mua gói bắp hầm hay gói khoai mì luộc về ăn với em trên chõng tre trước bàn thờ. Bé Út nhỏ trời ngoan ngoan ít bình hoạn. Hàng ngày, Hiền ra giếng gánh vài đôi nước; Út lấm dầm theo anh. Buổi trưa dẫn nhau qua nhà người cô ăn cơm. Thỉnh thoảng, bé Út nóng dầu, bệnh hay khóc đêm; Hiền đốt nhang cầu mẹ cho em mau lành. Có đêm, Hiền nằm mơ thấy mẹ về, áo sô gai hiện hòa, nặn mụn nhọt trên đầu Út, đứa bé khóc thét, trên gối còn đọng ướt vết máu. Mẹ hiền về vuốt ve Hiền, bóng mẹ lóng lánh, lúc gần bên áp ú Hiền, lúc vẫy tay nhẹ nhàng trong vệt mây bạc xa mờ.

Ngày đầu tiên, Hiền lúng túng đổ cho em ngủ, nghe em khóc, Hiền nhìn lên bàn thờ mẹ cầu cứu "Má ơi! Dĩa em bú!".

Lời cầu cứu giao cảm thiêng liêng, chỉ xú dưng khi thấy mình đuối sức, xin mẹ về phù trợ, vậy mà em nó nín khóc, như vừa được bú no sữa mẹ. Có khi em phá phách lúc Hiền đang bận rộn, Hiền quay về phía bên thờ gọi mẹ "Má ơi! Em nó phá!".

Bức ảnh mẹ Hiền mờ khói có hồn, nghiêm nghị nhìn, chẳng cho lòng thảo ngay của con trẻ.

Buổi trưa, Hiền đưa vớng đồ em ngủ, lúc Hiền có thể thành thời nghi ngơi chân tay, cơ hội cho tâm hồn mộc mạc theo tiếng vớng kéo kết vân vớ bay bổng như mây trời bát ngát.

Vớng dong đưa, nhanh rồi chậm, lời ru em man mác, ngọt ngào, chua xót, oán trách theo cơn nắng sớm mả chiều, theo màu nước Kinh lên xuống với sự góp mặt của cá nước, chim trời. Bấy quạ đen tinh quái đậu trên cây me keo, gọi nhau rình rập nia (4) khô cá lóc phơi trên mái nhà. Hiền cao giọng:

"Àu ơi,
Con qua nó đừng đậu cầu
Nó kêu bỏ má, tằm trâu khách ăn!"
Con qua nó đâu kêu má nó, chính Hiền kêu mẹ mình, Hiền kéo dài tiếng "má" như muốn níu kéo trở về cái quả khỉ khi mẹ còn sống.

"Àu ơi!
Con qua nó đừng chuồng heo
Nó kêu bỏ má, bánh bèo chín chưa?"
Tiếng rao bánh bèo ngọt, như đậu xanh chan nước cốt dừa, thêm quá, má ơi! Phải má còn, má mua cho con và bé Út một gói ăn nghe má!

Nắng hanh vàng lấp lánh sóng mặt kinh; đàn vịt lội nhón nhở trong đầm lục bình xanh mát; bầy cá lìm kìm lơ đãng trôi trên mặt nước cũng làm Hiền thêm thía:
"Má ơi, con vịt nó chết chìm
Con thò tay vớt nó,
Con cá lìm kìm nó cắn tay con!"

Hiền chột nhỏ Đẹp, chị ruột mình, đáng lẽ giờ này ở nhà giữ em cho Hiền đi học.

"Àu ơ!
Chớ cho cây lúa có bông
Chị Hai có chông...Em gặm giò heo!"
Chị Đẹp đi, ngày xưa chị từng hát ru em, bây giờ chị quên hai em rồi. Chỉ mê cái bê ngoài của anh kếp Ba Nâu vai Trường Phi, chị tròn má đi coi hát đêm em không mệt má, chị nhớ không?

Còn anh Ba Nâu, tên hiền nhu, ăn nói ngọt ngào, ai ngờ dụ dỗ chị Đẹp để Hiền bỏ vợ.

Trắng bề lật mình, Hiền quạt cho em than thở:

"Àu ơ!
Họa hồ họa bì
Nạn họa cách".
Hiền gằn giọng từng tiếng, như chửi thề vào mặt Ba Nâu, oán trách người huỷ thủy vô chung.

"Tri nhân,
Tri diện,
Hất tri tâm" (5)

Ừ, Hiền hiểu rồi, dù mới 15 tuổi, Hiền đã trưởng thành. Từ nay sẽ không xem trọng bề ngoài mà quên tình nghĩa bên trong.

"Àu ơ!
Chớ, Tiên tài như phàn thỏ
Nhờn nghĩa tứ thiên kim
Chớ, Le le mây thỏ chết chìm
Đồ tham tiên phụ nghĩa, em tìm làm chi!"

Tiếng ru em bay vang vang trên khúc kính nhỏ sóng nước nhàn đưa theo gánh hát bội, "thôi, bỏ luôn cho rồi!"

"Àu ơ!
Trông trâu trông lợn đây tiêu
Con theo hát bội, mẹ liêu con hí!"

Nắng càng đỏ, Hiền càng say sưa với nắng gió; tâm tưởng bỗng bẽnh trên bầu trời xanh tím chị, tay Hiền như chỉ vào mắt chị, hần học, thách thức, đòi hỏi chị phải trả lời.

"Àu ơ!
Chớ! Ghe bầu trở lái đĩa đồng,
Con gái theo chông, ở...!"

Vậy chớ... bỏ mẹ ai nuôi?
Ừ, mà sao chị không lấy chồng ở gần đây để gần mẹ gần em, lại bỏ đi xa biệt tâm biệt tích vậy chị Đẹp?
Chị Đẹp đi!
"Chim đa đa, đầu nhánh đa đa
Chông gần sao không lấy
Lại đi lấy chông xa
Một mai

Cha yêu, mẹ già!
Hát côm ai đỡ,
Bộ kỷ trả ai nâng? ơ!!!

Và Hiền nhìn trời cao, oán trách bằng quở.

"Àu ơ!
Thùng thùng
Cát cát
Chim đâu sao không bắt
Lại bắt con chim bay?"

Tiếng ru em theo cánh chim bay-lượn trong bầu trời xanh, quyến luyến tình mẫu tử, ngao ngán tình chị em, tủi thân chính mình, nhìn như Cẩm, người bạn láng giếng sau hàng rào bông dâm bụt. Cẩm đẹp nhất trong xóm, da tười mát, bị mù từ nhỏ nên chị lẩn quẩn trong nhà. Cẩm thích Hiền qua tiếng hát ru em, Cẩm thêm hiểu lời ru kia kín đáo gói ghém lời nhắn nhủ. Cẩm chỉ đọc Sấm giảng, mệnh liệt, mở ước sáng mắt lại một ngày để xem Hội Long Hoa, để nhìn mặt Hiền. Tâm hồn Cẩm dần hòa, thuần nhất và nhân nhục, giọng đọc Cẩm như tiên tri. Năm dần nhiều chỗ bỏ vợ Bước sang năm mọ, như tờ rời cuộn Năm mèo tháng mọ chưa buồn Năm mèo tháng hội luy tương dâm để Vậy mà chưa mấy ừ ừ!...

Tâm sự Cẩm áp ú dần sỏ hơn Hiền. Buổi trưa, nếu vắng tiếng ru em của Hiền và tiếng đọc Sấm giảng Cẩm thì xóm nhỏ này thiêu thốn tẻ nhạt biết bao nhiêu! Ai qua xóm đều khen Hiền, "Nhà nghèo mới biết con thảo"

Bé Út ngủ yên; lớn dần nhờ tiếng hát ru của Hiền dưới tàng cây trướng cá chớ che. Hiền nhìn em ngủ, đưa tay vuốt mồ hôi dầm trên má em, hình như sau hàng rào dâm bụt bên kia có tiếng động.

"Àu ơ!
Cây đa trước miếu! ai biếu cây đa tàn?"

Bao nhiêu lá rụng,
Àu ơ! Chớ! bao nhiêu lá rụng, ơ!
Anh thương nắng bấy nhiêu, ơ!

Dù tình cảm phiêu lưu, nhưng chỉ quanh quẩn liên hệ thâm trầm với tình mẫu tử. Không gian, thời gian, âm thanh, ngoại cảnh được tổ điểm bằng tình mẫu tử thuận hóa cố đọng trong tim đứa trẻ mồ côi mẹ, thoát ra lời ru thanh thoát bay vút lên cao. Hiến ước mơ làm Tử Lộ đội gao nuôi mẹ như trong quyển "Quốc Văn Giáo Khoa Thư" học ở trường, để thấy hình bóng mẹ đứng chờ trước cửa.

Hiên miên man nhớ ngày nào bỏ học rong chơi bị mẹ đánh đòn. Phái chỉ má còn, dù có đánh con đau thế nào con cũng chịu.

"Àu ở!
Má đi, đừng đánh con đau!
Đề con hát bội, làm đào cho má coi!"
Ngủ đi cưng, Hiến nhắc chừng em

"Àu ở!
Má đi, đừng đánh con hoài,
Đề con câu cá nấu xoài cho má ăn!"

Hiên lo âu, sợ cha mình có vợ bé, hai anh em Hiến sẽ bỏ vợ. Hiến tưởng tưởng đến người đi ghê ác tâm như Tào Thị, bắt Hiến và bé út ra đồng chăn vịt, giải nắng đầm mưa. Nghi Xuân và Tân Lực còn có cha làm Trạng Nguyên; ông bà ngoại giàu sang, chú Hiến thì không còn ông bà lấy ai chơ che đây. Bất giác Hiến chảy nước mắt thương cảm từ lúc nào không biết, nhìn lên bàn thờ mẹ, Hiến thấy hình như mắt mẹ bị thiết, xót xa.

"Àu ở!
Mấy đời bánh đúc có xương
Mấy đời dĩ ghê nó thường con chồng?
Hiên nhìn ảnh mẹ, thấy mẹ gạt đầu nhẹ nhẹ.

Tiếng kêu lô tô chú Sáu Nhỏ ngoài chợ, gần đây hình như ám chỉ đi bán rau đã nói chuyện là lời với ba Hiến. Giọng chú Sáu Nhỏ trêu cợt, bông đùa thương bắt nguồn từ sự thật.

"Chú từng từng từng!
Gặp chi bán gừng!
Ni nà ni nời,
Ni nời ni nà,
là con số 43.

Phải rồi, cha Hiến đúng 43 tuổi gốc Tàu. Hiến chột da, không thể để mẹ buồn bên kia thế giới, Hiến ru nhắc khéo ba.

"Àu ở!
Gió đưa tuổi chuối sau hè
Ba mẹ vợ bé, bỏ bè con thơ!"
Hiên chột xót lòng, hối hận "Ba

có nghe không ba?". Bây giờ Hiến mới có dịp quan sát cha ruột mình. Da lưng nhẵn nhúm lồi những nốt xũng sũng như mai rùa; ông ngồi chồm hóm trước sân nhà dưới cơn nắng thiêu đốt. Ông lui cui, liền tay lột đồng mặng ở góc sân, xắt nhỏ mang rải đều trên tấm đệm; thỉnh thoảng ông dùng lại đưa tay lên miệng cắn lông mặng dăm ngón tay. Hết đồng mặng, đến những bao củ cải trắng; ông xẻ củ cải, muối cải phơi khô bán cho các tiệm tạp hóa. Từ tờ mờ sáng, ông đã quảy gánh vào Sóc mua thỏ sán; trưa về còng lưng dưới gánh nặng, ông lại bắt đầu làm việc tới nửa đêm, ít khi nói chuyện với anh em Hiến.

Nhìn đồng mặng, đồng củ cải bên những bao muối, đôi cần xé và chiếc đòn gánh bóng mịn một mồ hôi nhọc nhằn của tháng ngày đi sớm về trưa. Kia, mấy cà ròn mắc mưa để sẵn bên cối chớ ba già chiều nay; mấy bọ tro trâu cho ba vắt trứng vịt muối; hai con gà tre mọng đỏ, gáy te te trong chuồng ba mua từ trong Sóc mang về con chơi. Cái quần đen thừng thỉnh ba mặc, giấy lủng bằng bố, đầu buộc

mút đồng xu cổ lỗ quen thuộc; vậy mà ba to tiếng, suýt ầu ẩu với người thợ may thất hủ không kịp giao áo mới cho con trước Tết. Ba mua về cho con đôi guốc vông, dũa đi chân đất, gần nỗi ngoằn ngoèo như những con trùng đất, dẫm trên gai góc sỏi đá hai mùa mưa nắng. Sinh kế công việc bề bộn làm ba cảm lãng, không hề then thớ dù có hôm bình run lập cập thiếu đến nước trà nóng để uống thuốc. Hiến nhìn cha dăm dăm, người cha như vậy đâu nở dành bỏ con theo chị bán gừng "Ba không theo vợ bé, bỏ bè con thơ, phải không ba?"

Bé út lật mình khóc, hơi thở khò khè vì nổi ban đỏ tối qua. Tiếng khóc bình họa đứt khoắng của em làm Hiến nao núng. Hiến nhìn ba, rồi nhìn bàn thờ mẹ kêu cuội thiết tha.
"Má đi! Về em bú!"

Bên cạnh nhà, thằng Đức đang bị má nó mắng vì ăn cơm bỏ má; suốt ngày rong chơi bắt dế, đá gà. Hiến thấy tủ thân, không kịp ngăn nước mắt lưng tròng, cố bị lạc giọng nghẹn ngào. Hiến giả vợ họ, thoáng bên kia hàng rào dâm bụt, Cẩm đang lui cui dọn dẹp; Hiến sợ Cẩm đoán biết tâm sự đau đớn tội cùng của

mình. Hiến cắn môi, cố gắng giả vẻ bình thân, vừa quạt vừa vuốt má em, tay kéo giấy đưa vông kéo kẹt, ngược mắt nhìn trời cao xanh, đổ dành em.
"Ngủ đi cưng,
Àu ở! Em tôi khát sữa bú tay
Ai cho bú thép, tôi ngày mang ơn!"

● Phong Hùng LƯU NHƠN NGHĨA

CHÚ THÍCH :

(1) Cầm châu : Khoảng năm 1950 về trước, mỗi buổi trình diễn hát bội đều có lệ "cầm châu". Người có uy tín được cử cầm châu ngồi trước cái trống châu đặt trước sân khấu. Mỗi đoạn diễn xuất hay, người cầm châu đánh vào trống để tán thưởng, ông biện ngồi bên đệm tiếng trống để tinh tiến thưởng đào kép. Nếu diễn xuất kém, người cầm châu "châu lờ" nghĩa là thỉnh thoảng đánh 1 tiếng trống, dĩ nhiên tiến thưởng sẽ ít đi.

(2) Xửa có câu :
Ở đời có bốn chuyện ngu
Làm mai, lãnh nợ, gát cu, cầm châu.
Bốn việc trên xét ra không lợi lộc gì.

Làm mai : Nếu gia đình rêu dậu hạnh phúc thì không nói làm gì; khi cơn không lành canh không ngọt, cô dâu chú rể oán trách ông bà mai.

Lãnh nợ : Khi con nợ trả không nổi, người lãnh nợ phải trả cho chủ nợ.

Gát cu : Đây là thú vui rất mất thì giờ. Người gát cu huấn luyện cho cu mỗi trong lồng gáy, rồi đặt lồng cu trong rùng và ngồi rình. Chim cu rùng nghe cu mỗi gáy bay vào lồng đá cu mỗi; người gát cu kéo xập lồng để bắt cu rùng, có khi cả tuần lễ không được con nào, việc nhà bê trễ, vợ mắng con la.

Cầm châu : Khi châu dồn dập, người mua vé thưởng hạng, ngồi hàng đầu bụt mình; châu lờ, đào kép giận hờn.

(3) Trâu già đòi ăn cỏ non : Người già muốn có vợ trẻ.

(4) Cái nĩa : Loai rổ lớn bằng tre đan, bán kính chừng 1 thước tây.

(5) Họa hổ, họa bì nan họa cách (cốt)
Tri nhưn tri diện bất tri tâm

(Vẽ cọp, vẽ da, khó vẽ xương,
Biết người biết mặt, khó biết lòng)

(6) Trái mặc nưa : Hình dáng giống trái thị, nhưng chỉ to bằng đầu ngón tay trỏ, giả nát ra pha với nước làm màu nhuộm đen rất tốt.

(7) Bú thép : Bú như.

Khi Giang vừa lên sáu, má đưa Giang về Vĩnh Long gởi cho bà ngoại. Lúc xe chạy ngang bắc Mỹ Thuận, má mua cho Giang một xâu mía ghim rồi nói :

- Ở với bà ngoại nhớ ngoan ngoãn nghe con !

Giang đưa mắt nhìn má, dấy tay má cầm xâu mía qua một bên, mếu máo :

- Má không ở với con sao ?

Giang nhớ hình như má cũng khóc giọng má đứt quãng :

- Rồi má sẽ về con a! Chỉ vài tháng thôi...

- Mà má đi đâu ?

Má vuốt tóc Giang, cầm bàn tay nhỏ nhắn áp vào ngực :

- Má có chuyện phải đi xa..Thôi, ăn đi !

Giang chợt không thích ăn mía ghim nữa, nhìn băng quô ra của xe đồ. Chiếc bắc đang lênh đênh giữa dòng sông lớn. Nắng nhảy múa chan hòa trên sông nước đục ngầu phù sa. Xa xa có vài đám lục bình trôi bập bênh vào nhau, hoa nở tím ngắt. Có hai ba nhánh nhấp nhô cô lẻ giữa dòng, Giang cảm thấy tội nghiệp cho chúng. Những nhánh lá xanh rì, những chòm hoa tím đỏ làm sao chống cự với sóng to gió lớn. Có bên lau sậy nào cho chúng giạt vào? Có vũng nước lầy nào để chúng tấp vô trốn gió đêm này ?...

Qua bắc Mỹ Thuận, tới ngã ba xe queo trái, Giang hỏi :

- Queo phải đi đâu hả má ?

- Long Xuyên, Châu Đốc con a.

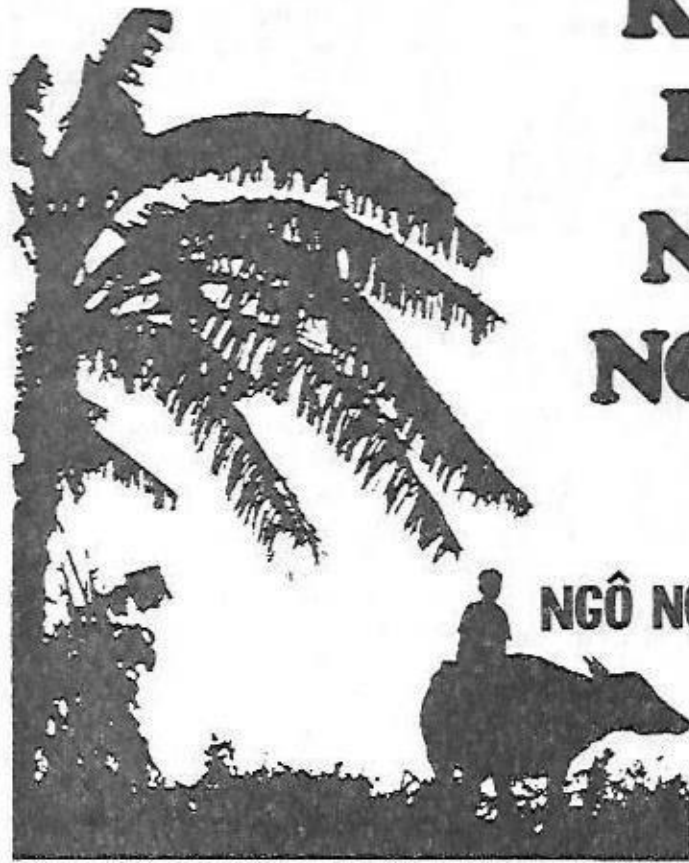
- Con chưa tới Long Xuyên bao giờ Má ôm Giang vào lòng :

- Bao giờ về lại, má sẽ dẫn con đi Long Xuyên...

... Lúc xe dò dẫm lại chỗ hai mẹ con bước xuống, bầu trời đang nắng chói âm u cả một góc. Má lấm bầm, mìa mìa bắt đầu rồi, trời đang cuối tháng tư.

Từ đường cái vào Công Kéo hai mẹ con đi bằng xe lỏi. Xe chạy được quãng ngắn thì mìa trút xuống, người phu xe phải dừng lại kéo mui lên. Giang ngồi nép vào má, nhìn mìa giăng ngoài trời, lòng nôn nao kỳ lạ.

Nhà ngoại xây bằng gạch, mái ngói đỏ dống rêu xanh non, nằm giữa một vườn cây trái lá tốt xanh thắm. Trước nhà, ngoại trồng hai cây bông trang màu cam vừa độ trở hoa hực hỡ Thấy má và Giang từ con đường đất



KHỎI BẾP NHÀ NGOẠI

NGÔ NGUYỄN DŨNG

trơn trượt dật dểu bước vào, ngoại vội vàng kêu di Ba mang dù ra đón. Con chó mìm thấy người lạ, chạy ào ra sủa băng quô rồi quấy đuôi quần quýt bên chân Giang. Ngoại ngồi trên bô ván gỗ, nhìn mẹ với ánh mắt nửa cảm thông, nửa nhĩ trách cứ :

- Đi sao không biên thư cho má biết trước, má cho người đem ghe ra đón ngoài chợ có phải dở cực không!

Má vuốt lại mái tóc rồi bung vĩ gió, ngồi xuống bên ngoại :

- Con có chuyện phải mang thùng Giang về đây cho nó ở vài tháng...

Ngoại tròn hai mắt lên :

- Ủa, sao kỳ vậy. Con đi đâu ?

Má rút khăn tay, chặm hai mắt đã bắt đầu ướt :

- Con có chuyện cần giải quyết, phải rời Sài Gòn một khoảng thời gian ngắn.

Hồi không chờ cho ngoại hỏi thêm, má nói tiếp :

- Con sẽ kể cho má nghe sau.

Di Ba từ này giờ đứng dựa một bên cột, lắng nghe câu chuyện trao đổi giữa má và ngoại, vội vàng nắm tay Giang dẫn ra sau bếp. Căn bếp tối âm, vắng lặng. Giang nghe tiếng mìa chạy ồ ạt trên máng xối, tuôn

xối xả xuống con mùng nhỏ dẫn ra ruộng. Di Ba mở chiếc hộp thiếc, móc một nhúm hạt điều dúi vào tay Giang giục :

- Ăn đi cháu !

Giang tỏ mò chỉ vào cái lu to đặt một góc bếp, được dây vải bố cần thân và hỏi :

- Cái lu dùng gì vậy di Ba ?

- Ngoại làm hạt vit muối để bán cho mấy ghe thương hồ đó má.

- Bô ngoại hết làm tương chao rồi sao ?

- Còn chờ, ngoại còn làm thêm nem, mằm thái bán cho bạn hàng ngoài bắc Mỹ Thuận nữa.

Giang chợt nhớ tới xâu mía ghim

- Cả mía ghim nữa phải không di!

Di Ba cười vang, vuốt đầu Giang

- Ôi, mía ghim bán có lời lắm gì mà làm cho cực thân hả cháu !

Giang tần mên ăn hạt điều, nghe mìa rơi ngoài trời buồn hiu. Ở đây thanh tịnh quá. Ngoại tiếng mìa thỉnh thoảng được dân thêm tiếng sấm nổ, Giang còn nghe tiếng ềnh ờng kêu quành quang ngoài ruộng nước. Sau mỗi cơn gió mạnh hình như có cả tiếng cành lá chạm vào nhau,

tiếng cây trái rớt vội vàng xuống đất.

Đi Ba ôm Giang vào lòng, ngồi thõm vào chiếc võng mắc giữa hai cột nhà, miệng ru âu ơ. Trong vòng ôm của đi Ba, Giang ngủ thấy mùi dầu Nhị thiên đường đi hay thoa hai bên thái dương, mùi khói ám nhà bếp bám vào mảnh áo bà ba, cả mùi dầu dừa đi xúc mịn màng láng lẩy lên tóc.

Lúc Giang thức giấc trời cũng vừa sẫm tối. Đi Ba ôm Giang vào buồng ngủ, đặt xuống giường lúc nào cậu nhỏ cũng không hay. Bên ngoài mưa đã tạnh. Có tiếng chim chiu chít gọi hoảng hốt. Giang mở mắt bước xuống giường đi lần ra cửa. Cậu định lên tiếng gọi đi Ba, chợt nghe giọng ai rì rì to nhỏ ở buồng bên. Giang rón rén bước tới, tò mò dán tai vào vách gỗ. Má và ngoại đang trò chuyện, cùng nhau. Giọng má ướt đầm nước mắt :

- Thì con cũng tưởng anh đi vài tháng rồi về... Ai dè hai năm, rồi ba năm cũng không thấy tăm hơi. Chờ hoài, rồi cuộc con mới nhận được thư anh hồi tháng trước. Anh cho hay hiện đang bị giam trong một trại cải tạo tận ngoài Bắc. Má nghĩ coi, có ai nói gian nói dối cho bằng họ không chớ...

Giang nghe giọng má quả quyết :
- Lần này con nhất định ra ngoài tìm chỗ giam giữ anh cho bằng được. Vì không biết bao lâu mới về, con gửi thằng Giang nhờ má nuôi dùm vài tháng...

Hồi má lại sụt sịt khóc. Có tiếng ngoại vỗ về :

- Con đừng lo, để thằng Giang đó má coi. Nhưng ra ngoài nhớ giữ gìn sức khỏe, coi chừng nơi sơn lâm chừng khi nghe con...Đừng để người mà mang bệnh !

Giang nghe má "da" nhỏ. Cậu bé không hiểu má và ngoại đang nhắc tới ai, nhưng chắc hẳn người đó phải thân thiết lắm với gia đình. Nhị ba chẳng hạn. Giang chợt nhớ tới ba. Từ lúc biết suy nghĩ cho đến giờ, Giang chưa hề thấy mặt cha. Thịnh thoảng cậu bé tò mò hỏi má, má trả lời rằng ba đi làm ăn xa, vài năm sẽ trở về. Nhưng tại sao má lại khóc khi nhắc tới cha? Phải có nguyên nhân nào ẩn giấu bên trong mà Giang chưa tới lúc được phép biết tới. Cậu nhỏ tần ngần rời buồng ngủ. Mới nhà bếp đi Ba đang lục đục làm cơm tối. Mùi tỏi

chiên thơm nức bay tán mát khắp nơi

Giang ngại ngần đứng ở cửa bếp nhìn vào, má hay rầy, con trai không được lần quần trong bếp. Đi Ba đang bỏ con cá trê vào chảo, tiếng mỡ kêu lèo xèo thật vui tai. Giang hỏi thận trọng :

- Con vô bếp được không đi Ba ?

Đi Ba quay lại, cười thật tươi :

- Vô ngồi đây với đi. Cháu bắc cái ghế con kia lại đây ngồi cạnh đi. Mà đừng ngồi gần nghe, mỡ văng phồng mặt đó !

- Không, con ngồi xa thôi, coi đi chiên cá.

- Con thích ăn cá không ?

- Cá trê chiên dầm nước mắm tỏi ớt ngon lắm.

Đi Ba cười hi hi :

- Đi Ba làm nước mắm dầm cá có bỏ thêm một chút đường, nặn vô một chút chanh, bỏ thêm gừng thái chỉ, ngon hết chỗ chê cháu ạ !

- Hôm nào đi câu cá đi Ba cho con đi theo với.

- Cá trê không ai câu, người ta bắt bẫy hoặc tát dầm bắt. Bữa nào trời đẹp đi dẫn cháu đi xúc cá lia thia về bỏ trong bồn kiếng nuôi chớ.

- Ở Sài Gòn con cũng có nuôi cá nữa, con mua lăng quăng về cho nó ăn, sinh lắm muối má rầy hoài.

Đi Ba vuốt tóc Giang, chắc lưỡi :

- Cháu thông minh quá, mới bây lớn mà biết hết.

Giang ngần ngại :

- Không đâu đi ạ, còn nhiều chuyện cháu không biết lắm.

Đi Ba tay trở mặt cá, miệng hỏi thờ ơ, không mấy quan tâm :

- Chuyện gì đâu, nói cho đi nghe coi !

Giang ngại ngần nói :

- Thì chuyện giữa má và...
Đi Ba quay phắt sang nhìn Giang

hỏi dồn :

- Và ai ?

- Và ba đó mà !

Giang nhìn thấy ánh mắt đi Ba sáng sủa một thoáng. Đi phắt tay qua lại trước mặt, nói lảng :

- Khỏi cay mắt quá.

Giang cũng cảm thấy khói và làm cay mắt mình... Hay cậu nhỏ và út mắt khi nhắc tới cha. Tại sao có những điều mà tuổi nhỏ không được

phép biết tới và người lớn cứ mãi giấu diếm quanh co. Tại sao họ không nói phật cho Giang biết là cha cậu hiện đang bị giam giữ ở một trại tù

nào đó ngoài Bắc. Tại sao người lớn cứ muốn giữ bí mật cho riêng họ, những điều mà trẻ con với trí tưởng tượng phong phú đã thấu hiểu từ lâu

Giang đưa tay dụi mắt, bất ngờ hỏi :

- Có phải ba bị ở tù không đi Ba?

Đi Ba vớt con cá chiên vàng óng ánh mỡ bỏ vào đĩa, đổ hấp tấp nắm ba khoanh hình tây vào làm món xào. Giọng đi thật nhẹ nhàng :

- Ừ, chính phải bỏ tù ba cháu đó.

Giang im lặng, không hỏi thêm lý do tại sao. Có lẽ cậu nhỏ sợ biết được sự thật, vì chỉ có những người bất lương mới phải ở tù. Nhưng không, trại tù giam giữ ba còn được gọi là trại cải tạo kia mà...

Giang nhìn bàn tay đi Ba thoăn thoắt đảo thịt bỏ qua lại trong chảo. Cậu nhỏ nói bằng giọng :

- Khỏi lại làm cay mắt con rồi !

Giang thức giấc bởi tiếng mõ đồng thanh thốt. Mùi nhang trầm tỏa hương thơm lừng. Nhìn qua tấm lưới mùng mùng te, Giang thấy ngoại mặc áo nâu, tay lần tràng hạt, đang thành kính lễ Phật. Trời bên ngoài chưa sáng hẳn. Luồng ánh sáng yếu ớt, mùng manh tới độ Giang có cảm tưởng như thể đang rùn rây lòn qua chân song sơn xanh, cường độ chưa đủ mạnh để vẽ lên vách những ô năng rực rỡ. Má vẫn còn ngủ say bên cạnh. Cậu nhỏ nép mình vào lưng má. Thân thể má tỏa hơi ấm dịu dàng. Mùi lá chanh ngậy ngất tỏa ra từ tóc má nồng nàn tinh khiết, trong suốt như gáo nước mưa tháng chín. Giang thầm nghĩ, mình còn gần gũi má bao lâu nữa? Hay mình phải xa cách má mấy tháng, mấy năm? Tự dưng Giang rùng mình, niềm cảm xúc dâng tới cùng lúc với tiếng mõ và gióng lên bên bàn thờ Phật.

Buổi sáng, đi Ba mở hộp cá mèi có sốt cà chua cho mẹ con Giang ăn điếm tâm với bánh mì và hành tây xào mỏng, rắc tiêu ngâm giấm. Ngoại và đi Ba ăn chay, hôm nay ngày rằm. Ngoại chấm bánh mì với nước sôi quấy sữa hộp vừa ngọt và đổ vào đây vài muỗng cà phê cho thơm. Giang được má cho uống cà phê nước đào với sữa. Nhìn cách chăm sóc của má, Giang đủ khôn để nhận biết, đó là cử chỉ thường yêu mà Giang phải dành chum nuôi dưỡng trong khoảng thời gian vắng má. Chú nghĩ bấy nhiêu đó thôi mà Giang ăn uống hết thấy ngon. Cậu nhỏ không nói không rằng, trên

trên nhin má nhĩ muốn thu tất cả hình ảnh đó vào võng mô đôi mắt. Có những sợi tóc bạc và nhũ trong tóc má dài và rậm mà má hay kêu Giang nhỏ. Cả những đường nhăn nhọc nhăn nơi chúi mắt, có lẽ tới từ những đêm dài khóc nhớ ba. Cả khúc miêng thanh cao, đôi khi phải thốt lời số sảng của những ngày bán chợ trời tìm manh sống ở Sài Gòn. Giang muốn giữ hết, gom lùa vào khối óc nhỏ nhoi; muốn mình trở thành chiếc máy ảnh kỹ diệu, không những chụp được hình ảnh và màu sắc mà còn bắt lấy mùi hương, thấu trọn cả tâm tính của má.

Ăn sáng xong, má dẫn Giang ra chơi mảnh vườn trồng cây trái phía sau nhà ngoại. Hai năm mô của ông có phết với trắng, bên cạnh có trồng hai cây điệp non lá xanh nõn. Vườn nhà ngoại trồng đủ loại cây trái. Mận hồng đào, cam, quýt, vú sữa, xoài, mít. Cây nào ngoại cũng cho kiến vàng làm tổ. Có kiến vàng, trái cây thêm ngon ngọt, má nói vậy.

Sáng hôm nay nắng trải thênh thang trên những nhánh lá xanh. Tiếng gió reo rì rào trong lành. Những cành cây kẻ lá quá rậm rạp, nắng không xuyên qua được, hơn nữa vì cơn mưa chiều qua nên đất vẫn còn ẩm ướt, Giang cứ phải nín chặt lấy tay má, sợ trượt té. Tới hàng vú sữa gần lạch nước, hai mẹ con đứng lại đưa mắt nhìn qua ruộng lúa bên kia bờ đang chao gợn vui tươi theo gió sớm. Chợt có tiếng chim kêu quang quác rồi tiếng đập cánh thảng thốt. Hai thân cò trắng muốt tung mình lên không, kéo theo bầy chim nhỏ cánh nâu chim chíp sợ hãi bay về muôn phía.

Má cất giọng dịu dàng :

- Quê ngoại hiền lành chất phát quá phải không con ?

Giang bầu chặt tay má, sợ má tan loãng nhòa nhạt vào không gian, như một sợi khói.

- Dạ... mà má đâu có muốn ở lại đây.

Không hiểu tại sao, cậu nhỏ khệ muốn nói thẳng ra, ngày mai má sẽ trở lại Sài Gòn rồi đáp xe lửa ra Bắc thăm ba. Giang bỗng sợ phải thốt ra hai tiếng "ôi xa". Tâm tính Giang xáo trộn như vệt nắng hoàng hôn còn muốn bám lại trên những giọt lá xanh chiều tia sáng giao động biệt ly trên dòng nước đục. Hay nhĩ con sẽ nhỏ chưa muốn rời khỏi tổ, còn

ngợ ngạc lộ đầu nhìn ra khoảng không gian mở mịt bao la. Những buổi sáng tờ mờ hơi sương trên bãi lau sậy, nhỏ rung rung ngàn giọt trong vắt lên từng nhánh mạ non. Những buổi tà đường thoang thoang tiếng hò ai đó từ bờ sông phía bên kia. Giọng hò ngọt ngào trong trẻo như tiếng chuông ngân, âm hưởng thiết tha với từng gợn sóng âm thanh buổi chiều tà.

"Hò... ơ... ơ... bởi đất lành nên chim oanh mới đậu, bởi thương mình em mới kết nghĩa như duyên.

Ngày mai hương lửa kết duyên, như đôi đũa đẹp hò... ơ... ơ... như đôi đũa đẹp, như thuyền đà đóng đĩnh".

Giang có cảm tưởng, có má cuộc đời sẽ rực rỡ vui tươi như ngàn bình minh kết lại. Vắng má, những chiều tẻ lạnh tẻ thiếp biết bao...

Bàn tay má vuốt nhẹ mái tóc Giang. Có tiếng cá đập môi quây đuôi, thả bong bóng nước dưới lạch.

- Má đi ra Bắc thăm ba con. Chuyến đi sẽ rất vất vả nên má không thể đem con theo được. Nhà mình lại không có bà con thân thuộc ở Sài Gòn nên má mới gửi con cho bà ngoại nuôi giùm một khoảng thời gian ngắn chớ có bà mẹ nào muốn xa con mình bao giờ.

Giang ngẩng nhìn lên. Má quay mặt về hướng khác. Một vệt nắng tím hồng soi long lanh hàng nước mắt má lan dài. Như một thôi thúc tự nhiên cậu nhỏ ngả người vào lòng má, nhắm mắt lại và tưởng mình vẫn còn bé thơ đang ngoan ngoãn nằm trong vòng tay triu mến của mẹ hiền.

Hai má con đứng ở tư thế đó thật lâu. Giang muốn thời gian ngưng đọng lại, như phù sa tới mùa nước rút, trái lóp đất mềm tròn lóng lên nên đất cũ đã mất dần sinh lực. Nơi đây là phút, là giây, là tháng giêng, là những ngày rằm trăng tròn trong vắt... Còn lại theo dòng nước kia là chiếc thuyền bào ảnh ngã nghiêng xuôi ra biển.

- Thôi, hai má con mình đi cắt bông trắng rồi sau đó cùng đi Ba bơi xuống ra hồ hái sen trắng về cúng Phật.

Những bước chân Giang ngắn và mềm nhũn dậm lên lớp lá mục trên nền đất ướt ướt nổi gót mẹ. Tư đĩnh Giang yêu những con kiến vàng bò trên cây sào tre bắc ngang tư cây

cam sành qua cây xoài cát. Chúng siêng năng và kiên nhẫn một cách thật tội nghiệp. Thế giới tự sinh của chúng chắc cũng chỉ gian dị thế thôi.

Suốt ngày hôm đó Giang lừ đừ buồn thảm như con cò non thiếu nắng. Giang chống cằm ngồi trên ngạch cửa, nhìn má gõ nhịp thánh thót ngoài trời. Mưa mưa bắt đầu rồi đó, tới vào tháng tư rồi lẳng lẽ đi vào khoảng tháng mười, ngoại nói vậy. Vào mùa mưa, chiều nào trời cũng giọt ngắn giọt dài. Giang ngồi dõi nhìn mưa lướt thướt thành hàng. Mưa tuôn xào xạc trên mái ngói, đổ nước ào ạt xuống máng xối, cuộn theo lá chết, rác rưởi của mùa nắng vùn qua. Rồi đợt nước sau, trong khe nhĩ trà xanh dưng trong chén ngọc, được đi Ba lấy ống tre nâng niu chuyển tư lu này tới lu khác đây ấy. Nước từ trời xối xả rơi xuống. Nước hân hoan nhảy múa trên sông dài. Dù mưa lớn nhưng mây chiếc xuống tam bản vẫn khoan thai nhịp chèo ngoài bên sông. Ở nơi này, mưa là ân huệ của trời. Mưa xuống để chừa mọng mọng, cho nước trên ruộng tây bắc mạ phải sa xuống bồi đắp bình nguyên, cho tôm cá mặc sức vẫy vùng dưới lòng nước đục.

Nhưng những ngày mưa buồn quá. Ở miệt ngoài tỉnh Vĩnh Long này càng buồn hơn. Đèn điện không có, mới bốn giờ chiều trời đã chạng vạng. Ghe thuyền trên sông đã thấy le lói ánh đèn dầu. Mấy chiếc ghe thường hồ chức chèo để thấp đèn mang sông sáng lóe. Ở trong nhà, đi ba cũng đã bận rộn coi lại mấy chiếc đèn dầu hôi. Đi tháo ống đèn, tỉ mỉ chùi lại lớp bồ hóng bám trong thành thủy tinh cho đèn thêm sáng; đi châm thêm dầu rồi loay hoay với bể cơm chiều.

Ngoại và đi Ba ăn chay có canh bí rợ hầm với nước cốt dừa xiêm, tàu hủ chiên chấm với tương hột. Đi Ba vừa ăn vừa kể ý định sẽ làm nem chay, chả giò chay, nem chay để ăn cho đỡ ngán. Ngoại rầy :

- Ăn chay niệm Phật là tu tâm, đâu ai bắt buộc. Những người tu hành hay người thường lúc chay tịnh, kiêng ăn thịt bởi họ không muốn sát sinh, bóp chết cái mầm sống của muôn loài, để gây cái quả tốt cho mai hậu. Ở mấy ngôi chùa lớn họ bày vẽ những món chay vào những ngày lễ Phật chỉ cốt để mới mọc, trả ơn khách thập

phương, những thiện nam tín nữ đã có lòng cúng dường Tam Bảo, cho dầu phải để cho những người có tâm lòng thành với Phật pháp ăn đồ nhâm miêng.

Đi Ba nghe ngoại nói, im lặng thành tâm lắng nghe. Ngoại và Đi Ba rất sùng đạo Phật. Riêng ngoại còn đọc và biết tụng kinh Phật. Má Giang tuy không am tường đạo pháp mấy, nhưng thỉnh thoảng vẫn đi chùa. Nhất là sau ngày ba Giang bị bắt đi tù cải tạo, tinh thần mất chỗ nương tựa, má tìm về thế giới của Phật giáo như một người con đi lạc chốt trong khoảnh khắc giấc ngộ, trở lại quỹ xoàng thành kính. Khoảng thời gian vắng ba, sau một ngày bốn ba mệt nhọc với miêng ăn, Giang nằm yên bên má, nghe má kể chuyện. Về đạo Phật má kể chuyện Quán Âm Thị Kính, Mục Liên Thanh Đề hay Đùng Về Thiên Trúc tức Tề Thiên Đại Thánh. Ngoài ra má còn kể những chuyện có tính cách giáo dục con người như Thoại Khanh Châu Tuấn, Lã Bình Dương Lễ hay Lâm Sanh Xuân Nường. Thành thử khi về quê ngoại, trực diện với những buổi tụng kinh Phật, với nhang đèn và trầm hương, Giang không cảm thấy bỡ ngỡ mà trái lại, cậu nhỏ có cảm tưởng như đang sống lại quãng đời ngang trái của người đàn bà tên Thị Kính hay đang đóng vai trò của một Mục Liên Thanh Đề u mê ám chướng mà để cầu xin Phật Trời phải hộ má gặp nhiều điều lành trên đoạn đường thiên lý ra Bắc thăm ba.

Giang xin ngoại gấp cho một miêng tàu hủ chiên, hỏi :

- Tại sao người ta phải tu tâm dưỡng tánh vậy ngoại ?

Ngoại cười, miêng chỉ còn vài cái rưng nên nụ cười của ngoại trông hiền từ và bao dung vô bờ.

- Ăn chay hay đọc kinh Phật khô cốt để mai này chết đi sẽ về cõi Niết Bàn hay ở kiếp sau đầu thai thành người sung sướng giàu có, mà chỉ để tâm hồn được thanh tịnh, gọi là tịnh tâm, và để kềm chế những dục vọng thường tình ở chốn ta bà.

Má cười nhẹ, nói với ngoại :

- Má giải thích như vậy làm sao thằng Giang nó hiểu được.

Quả thật, Giang ngỡ ngàng trước câu trả lời của ngoại, có quá nhiều

đanh từ câu nhỏ không hiểu được. Tinh tâm là gì? Cõi Niết Bàn là chốn nào? Và chốn ta bà ở nơi đâu? Nhưng Giang không hỏi tiếp. Cậu nhỏ như thắm, lớn lên mình sẽ tìm hiểu những điều này.

Ăn cơm xong, ngoại hỏi đi Ba mang chén đĩa ra rửa ngoài cây cầu ván bắc ở con kênh mà ông ngoại đã cho đào thuê còn sinh tiền, làm chỗ tập cho ghe máy. Từ dạo ông ngoại chùng tim đột ngột qua đời, gia thế sa sút dần, bà ngoại bán ghe máy, sống lây lất bằng mảnh vườn trái cây và phải làm ruộng chao, nem chua bán kiếm tiền thêm. Ruộng lúa mình mông cò bay thẳng cánh, sau cái chết của ông ngoại bà con gần xa bắt phải chia năm xẻ bảy. Bà ngoại không muốn tranh giành, ai đòi cũng chia cho vài mẫu đất, chỉ yêu cầu để lại cho ngoại một phần ruộng đủ để sống trọn năm qua hai mùa lúa. Đi Ba góa chồng từ trước còn xuân sắc, sinh được hai trai, một gái, người nào cũng có gia đình nên xin ra ở riêng. Thấy hoàn cảnh đáng thương của bà ngoại, đi Ba về ở chung, sớm hôm phụng dưỡng. Lúc gieo mạ, khi gặt lúa đi kêu con cái về phụ họ, sau đó họ được ngoại trả công tăng lúa nếu năm đó được mùa, bằng không ngoại tặng cho mỗi người chút dính tiền khi Tết đến.



Giang thường đi Ba như mẹ ruột, bởi lẽ đi nương chiều Giang mọi điều. Đi Ba cao lớn, mập mạp nhưng hay đau yếu bất thường. Hai gò má đi lúc nào cũng đỏ ửng như thoa phấn, lúc nấu nướng, khi làm mấy việc nặng như búa củi hay giã thịt, cả khuôn mặt đi đỏ bừng như người cảm nắng. Người mập mạp, thịt da thường mát rượi, Giang thích nằm ngủ trưa trong vòng tay của đi Ba cũng vì lẽ ấy. Nhưng

lúc đêm về Giang nhớ "mùi" má, phải ngủ chung giường với má Giang mới không mộng mị mê sảng.

Mai một má đi rồi, ai sẽ ru Giang vào giấc ngủ? Người nào đỡ dành Giang qua cơn mộng dĩ ?

Trong khối óc bé tí của Giang chộn rộn muôn ngàn câu hỏi. Cậu nhỏ bối rối quá, không biết làm gì, Giang đòi đi theo đi Ba ra bên xem nước lợ. Đầu mùa mưa nên bóng đêm xuống chậm. Bàn tay không lồ của tạo hóa từ từ, khoan thai chụp lấy mặt trời, nhốt khối ánh sáng rạng rỡ ấy ở nơi nào qua đêm, không một ai biết được. Nhưng Giang thích trời đêm nơi này. Tuy mùa tận từ lâu, những lá dừa sắc như dao vẫn nghiêng mình nhỏ lòng tòng xuống lòng sông những giọt nước trong vắt. Trong bức tranh tà dương mà tối mà sáng, Giang thấy một con rắn nước ló đầu ngoảnh ngoèo lợ qua sông rồi biến mất sau đám lục bình dày đặc. Ở gần bờ, mấp mé mặt nước có con cá thòi lòi hai mắt lồi trên tráo từ trong hang bò ra thật nhanh rồi háp tấp chui vào khi nghe tiếng vóc nước lách chách bên cây cầu ván đầy bùn đất sau cơn mưa trồn như thoa mỡ. Đường như đi Ba cũng rung động trước cảnh hoàng hôn tuyệt vời, đi cất giọng ngọt ngào xuống cầu vọng cổ, bắt chước tuồng "Đoạn Tuyệt".

"... Cô Loan, sự đời éo le lắm cô à! Có ai đạt được hết điều mình ước muốn bao giờ đâu. Tôi không phải mệnh những lời giả dối để khuyên nhau, nhưng biết nói làm sao trong khi tôi chỉ là một kẻ giang u.. u.. hồ... Đã hứng chịu hết bao cơn nắng oán đèn lò, rày đó mai đây khi xóm làng khi chưa xanh ơ.. ơ...".

Tâm tư Giang chợt chùng xuống như sợi dây đàn trái nhịp. Giọng hát của đi Ba rớt xuống lỗ làng như hoa nở trái mùa, muôn màng héo úa trong bóng tối. Từ nhà trong có tiếng má vọng ra :

- Giang ơi, vào nhà đi con. Trời tối rồi !

Cậu nhỏ quay lưng trở vào nhà. Giọng ca ảo não của đi Ba đuổi rần sau lưng. Đêm nay Giang còn có má bên cạnh, ngày mai má ở nơi nào ?

● NGÔ NGUYỄN DŨNG
(1.1967)



Trang Thiếu nhi

LÀ THƯ THIẾU NHI

Vu Lan, mùa báo hiếu về ! Sau những ngày tháng dài, chúng ta lại có dịp trở về với dâng sinh thành. Hình ảnh của song thân là biểu hiện của mùa Vu Lan sắp đến.

Đốt nén hương thơm thành tâm tưởng nhớ đến công đức của bậc sinh thành đã khuất. Hãy lặng yên để suy tư về với cha mẹ còn sống quanh ta, chúng ta không thể không lặng người đi vì cái công ơn biển trời của cha mẹ. Hình ảnh của cha như ngọn Thái Sơn hùng vĩ, dang tay ngăn bao chặn mưa, bao bọc chở che cho đàn con nhỏ dại, như cây cò lá hoa năm xếp dưới chân mình. Nghĩa mẹ sánh bằng như nước từ trong nguồn chảy ra : tưới mát, dịu hiền, tháng năm chiu chắt để lo cho bầy con, nuôi con, ước ao sao cho đàn con thông minh chóng lớn.

Bằng những hình ảnh hùng vĩ và cao cả : núi Thái Sơn, nước trong nguồn, cũng không sao sánh nổi với tâm lòng và sự hy sinh của cha mẹ đối với con. Nó bất tận, nó thiên thu, nó êm đềm thênh thang trong tình tự của dân tộc. Tưởng nhớ đến mùa Vu Lan Báo Hiếu, chúng ta cùng tưởng nhớ về công đức của dâng sinh thành. Cùng nhau nguyện cầu cho cha mẹ.

● NGUYỄN TỬ VĂN phụ trách

hiếu hoa sen dâng trong Trang Thiếu Nhi.

- Giải thưởng gồm có các hạng cho mỗi cấp tuổi dự thi :

Hạng nhất : xe đạp (trị giá khoảng 120 IM)

Hạng nhì : cặp sách đi học và sách vở (trị giá khoảng 80 IM)

Hạng ba : túi đựng viết, mực, ... và sách vở (trị giá khoảng 50 IM cùng nhiều giải khuyến khích đặc biệt khác.

- Kết quả sẽ được công bố trong Viên Giác số tháng 2 năm 1988 và giải thưởng sẽ được phát vào dịp lễ Phật Đản năm 1988 Phật lịch 2532 năm tại chùa Viên Giác Hannover.

Trang Thiếu Nhi mong các em đóng góp bài thơ, tranh họa, thơ, văn, ... để dự thi và chân thành nhắn cùng với các bậc phụ huynh khuyến khích con em mình. Những giải thưởng tự nó chỉ là sự nhắc nhở cho các em trau dồi tiếng Việt, chứ không bao hàm một ý nghĩa gì cao xa quá đáng. Như là đề khuyến khích các em trong việc học tiếng nói, văn

hóa của xứ mình. Vì không có gì buồn bằng là người Việt chúng ta lại dần xa dần tiếng Việt, văn hóa Việt, nguồn gốc Việt. Hãy trở về với mạch nguồn của dân tộc ! Vì chỉ trong nguồn mạch của quê hương sắc tính chúng ta mới sống động, vươn lên. Một câu nói đã bao hàm một ý nghĩa cao quý, một nhắc nhở hay một bài học từ một bà mẹ người Đức, trong một tổ chức từ thiện giúp đỡ chúng ta, khi nhắn nhủ với các em thiếu nhi Việt Nam : "là người Việt Nam chân chính, yêu nước VN, quê hương VN, nòi giống VN, các em hãy yêu tiếng Việt, học tiếng Việt thật chăm thật ngoan mặc dù đang ở trên đất nước người". Chúng ta suy nghĩ gì về lời khuyên đó, và sẽ làm gì sau khi nghe lời khuyên đó. Một câu trả lời được đặt ra, một cuộc hành trình không mới mẻ nhưng khó khăn chúng ta sẽ gặp và sẽ vượt qua. Trang Thiếu Nhi chúc các em hiếu thảo trong mùa Vu Lan và thành công trong việc trau dồi tiếng Việt.

Thân mến
TRANG THIẾU NHI

Các em thân mến !

Như các em đã biết, Viên Giác có mở "GIẢI THI SÁNG TÁC VĂN THƠ, HỘI VÀ HOẠT HOA" cho các độc giả của Trang Thiếu Nhi ở lứa tuổi từ 6 đến 17 tuổi; chia làm 3 cấp từ 6 đến 9 tuổi, từ 10 đến 13 tuổi và từ 14 đến 17 tuổi. Trang Thiếu Nhi nhắc lại lần nữa về thể lệ cùng những chi tiết khác của giải thi để các em tiện theo dõi.

- Các thể tài dự thi gồm có :

1/ Sáng tác văn thơ : Truyện ngắn thơ, tùy bút. Chủ đề "Niềm tin của Bê" 2 trang đánh máy, khổ A4.

2/ Hoạt họa : Chủ đề "Truyện thần thoại và cổ tích Việt Nam". (Những truyện thần thoại và cổ tích này đăng trong Trang Thiếu Nhi có dấu hiệu hoa sen trên tựa).

3/ Dịch ra tiếng Đức : Những truyện thần thoại và cổ tích có dấu

Bà TRIỆU (248)

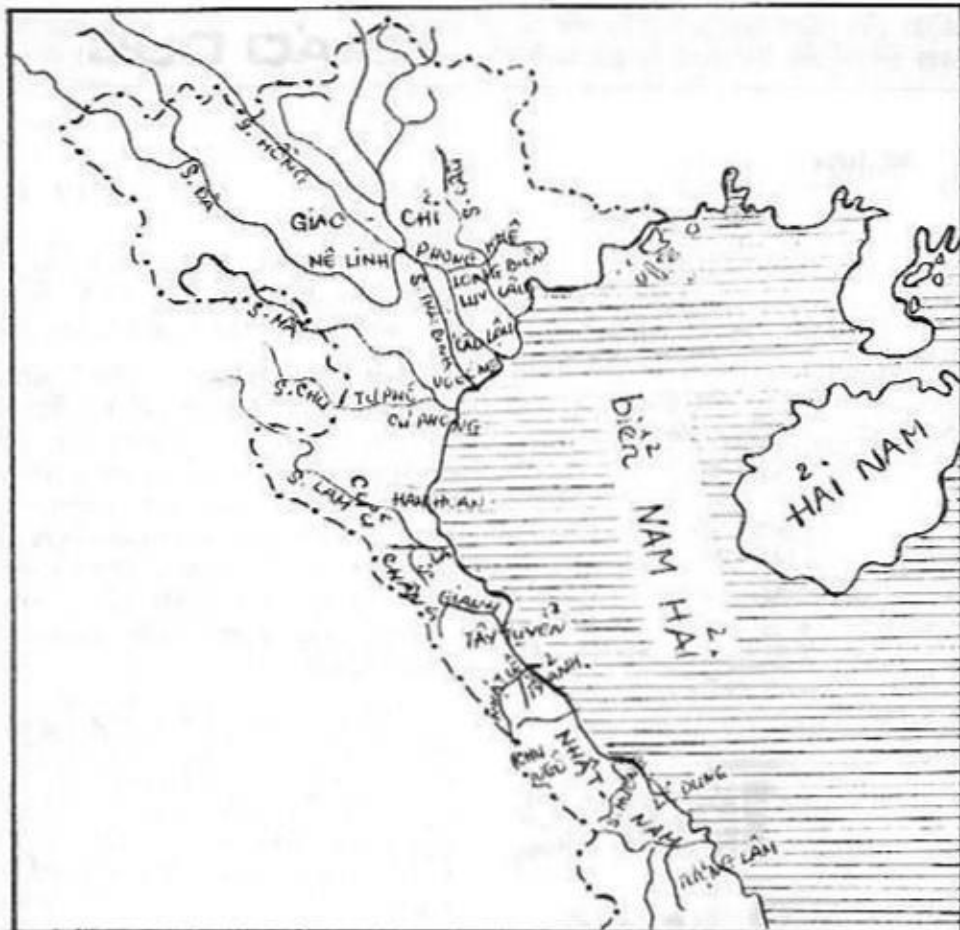
Nhà Đông Hán sau khi thống được Hai Bà Trưng thì cử sang Giao Chỉ những thái thú cai trị rất tàn ác nhằm bóc lột và đồng hóa dân tộc ta. Đến khi có Thái thú Sĩ Nhiếp (187-226) dân chúng mới được đổi xử tử tế hơn và nền văn học được mở mang - Đạo Phật cũng được du nhập vào Việt Nam từ ấy (198) - Năm 203, Giao Chỉ được cải tên là Giao Châu.

Trong thời gian này, nhà Đông Hán bên Tàu mất ngôi, diễn ra cục diện "Tam Quốc" gồm: Bắc Ngụy, Tây Thục và Đông Ngô. Năm 220, Giao Châu thuộc về Đông Ngô. Nhà Ngô tách Giao Châu ra làm hai: các quận Nam Hải, Uất Lâm, Thượng Ngô... (Quảng Đông, Quảng Tây) lập thành Quảng Châu; các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (Bắc và Trung bộ Việt Nam) lập thành Giao Châu. Nhà Ngô lại tiếp tục chính sách cai trị tàn ác "bóc lột và đồng hóa nhân dân ta!".

Năm 248, nhà Đông Ngô cử Lục Dân sang làm Thái sử Giao Châu, tên này cũng thuộc loại tham tàn, bóc lột nên dân chúng rất căm phẫn và chỉ chờ dịp nổi lên chống lại. Năm ấy, ở quận Cửu Chân có bà Triệu thị Trinh cùng anh là Triệu Quốc Đạt khởi binh đánh nhà Ngô.

Bà Triệu người huyện Nông Công, cha mẹ mất sớm; từ nhỏ, bà sống với người anh là Triệu Quốc Đạt, một thủ lĩnh có thể lực ở huyện Quỳnh An, quận Cửu Chân (miền núi Núi, huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa). Bà là người có sức khỏe, chí lớn và giàu mưu lược.

Có kẻ khuyên bà, "nên lấy chồng chứ không nên làm loạn", Bà khẳng khái đáp rằng: "Tôi muốn cưới cơn gió mạnh, đập luông sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô dành lại giang sơn, cởi ách nô lệ cho nước nhà, chứ tôi không thèm bắt chước người đời cúi đầu khom lưng làm tôi tớ người". Người chỉ dẫu gian ác của bà bèn đem chuyện này đi tố cáo bà với bọn quan lại Tàu. Bà Triệu hay được, giết người



Bản đồ Việt Nam vào thế kỷ thứ I - III

chị dẫu đi rồi vào trong núi ở chiêu mộ nghĩa quân (năm 243). Cả ngàn tráng sĩ đã qui tụ về làm thủ hạ của bà.

Năm 248, vì quan lại nhà Ngô tàn ác, dân gian khổ sở, Triệu Quốc Đạt khởi binh đánh quận Cửu Chân. Bà Triệu đem quân ra đánh giúp anh;

quân sĩ của Triệu Quốc Đạt thấy Bà mặc áo giáp vàng, cài trâm vàng, đi guốc gỗ, cưỡi đầu voi dữ, xông pha ngoài mặt trận rất là can đảm, nên rất kính phục và đồng lòng tôn bà là Nương Kiều tướng quân để chỉ huy mọi người.

Nghĩa quân thắng quân Ngô nhiều trận, sứ nhà Ngô phải thú nhận "năm 248, toàn thể Châu Giao đều rung động". Sau Lục Dân đem đại binh đến vây đánh, một mặt ra sức đàn áp nhân dân, mặt khác hấn dùng thủ đoạn xảo quyệt: đem của cải, vàng bạc lung lạc một vài thủ lĩnh địa phương. Quân ít, thế cô, bà chỉ cầm cự được năm, sáu tháng rồi đành rút chạy đến xã Bồ Điền (nay là xã Phú Điền, huyện Mỹ Hóa, tỉnh Thanh Hóa) thì tự tử. Lúc đó, bà mới 23 tuổi

và hiện nay ở xã Phú Điền vẫn còn đền thờ bà.

Bà Triệu đánh nhau với nhà Ngô trong sáu tháng thì bị thua. Tuy bà không dành được nên tự tử như Hai Bà Trưng, nhưng trang sử anh hùng của dân tộc Việt Nam được tiếp nối cũng là một bậc nữ lưu nêu cao lòng yêu nước của bà mà đời đời về sau vẫn còn nhớ tiếc và truyền tụng.

Trong dân gian vẫn còn lưu truyền câu ca dao nói lên lòng tôn kính và khâm phục bà:

"Tu con con ngu' cho lành,
Để mẹ gánh nước rửa bình con voi.
Muốn coi lên núi mà coi,
Có Bà Triệu Tướng cưỡi voi bành
vàng!"

Thiện Hạnh



ĐỊA LÝ

BỜ BIÊN VIỆT NAM

Bờ biển Việt Nam dài 2300 km, được chia làm 4 đoạn :

1. Từ Móng Cái đến Hải Phòng :

Bờ biển lồi chỏm đá, có nhiều đảo và thắng cảnh nổi tiếng như vịnh Hạ Long, đảo Cát Bà, Cát Hải, Cái Bàn.

2. Từ Hải Phòng đến Qui Nhơn :

Bờ biển phẳng và thấp, có cửa bể Đà Nẵng là một thành trì bảo vệ kinh đô Huế dưới triều nhà Nguyễn; tiếng súng đầu tiên của thực dân đã nổ ở cửa bể này (1.9.1858). Đoạn này có bãi biển Đồ Sơn (gần Hải Phòng) và bãi biển Sầm Sơn (ở Thanh Hóa) là nơi nghỉ mát rất nổi tiếng; có đèo Ngang gần sát bờ biển.

3. Từ Qui Nhơn đến Cam Ranh :

Bờ biển lồi chỏm đá, có đoạn núi nằm sát bờ biển với đèo Cả, đèo Rủi Rẻ... nổi tiếng thơ mộng; có hải đảo Đại Lãnh, có Nha Trang cát trắng là bãi biển đẹp nhất Việt Nam; có đảo Hòn Cầu, Hòn Nón, Hòn Yên v. v...; có vịnh Cam Ranh với địa thế yếu lược quân sự là một trong 3 cảng tốt nhất thế giới (Cam Ranh, San Francisco, Rio de Janeiro).

4. Từ Nha Trang đến Hà Tiên :

Bờ biển trở lại phẳng và thấp, nhiều nơi có sinh lũy do phù sa sông Cửu Long tạo ra. Bãi biển Vũng Tàu là nơi thu hút du khách, dân chúng miền Nam rất đông; đảo Côn Sơn với nhà tù thực dân, đảo Phú Quốc - đảo lớn nhất Việt Nam - xinh đẹp với tài nguyên phong phú, Hà Tiên với thắng cảnh nổi tiếng ...

Ngày xưa lúc đức Thế Tôn còn tại thế, đã lập xong đạo Phật, thì có một bà chẵn. Bà ta có ba đứa người con trai. Cả ba đều mạnh khỏe trai tráng và lanh lẹ. Bà chẵn ấy tên là Ha Ly Đế, bà này rất thương yêu đứa con trai út của bà, người con trai út tên là Tân Đà La.

Ha Ly Đế là người rất hung ác, thường bắt trẻ con mà ăn thịt. Thiên hạ quanh vùng lo rầu, sợ sệt lắm, bèn lại bạch với đức Phật, xin Phật trừ bà chẵn ấy. Đức Thế Tôn nghe vậy lấy làm thương xót, mới dùng phép bắt thặng con út của bà và nuốt nó trong cái bát của Ngài.

Bà chẵn vì mất con mới làm buồn bực, cứ kiếm con mới, rờn rã trong bảy ngày trời mà chẳng thấy đâu. Nghe nói đức Phật biết hết mọi việc bà chẵn lại viếng nơi đức Phật để hỏi thăm tin con út bị mất tích. Phật mới phán rằng : "Người có ba đứa con, trong số đó người mất có một đứa mà đã lo rầu như thế rồi. Người hãy nghĩ lại các bà mẹ khôn ngoan khác chỉ có một hay vài đứa con mà con của họ bị người ăn thịt nuốt sống rồi, thì người ta khổ đến mức nào ?"

Bà chẵn bạch rằng :- "Như đức Thế Tôn cho tôi kiếm được thặng con út Tân Đà La của tôi, tôi nguyện sẽ không ăn thịt trẻ nhỏ nữa !"

Phật phán với bà chẵn rằng thặng Tân Đà La đang ở trong cái bát của Ngài. Tức thì cả đám con của bà xúm lại mà lật bát ra, nhưng lật không nổi. Bà phải cầu khẩn Phật một lần nữa Phật mới phán rằng - "Nếu người tu trì và giữ ngũ giới nhất là nguyện sẽ không được giết hại trẻ nhỏ nữa thì ta trả con lại cho. Bà chẵn phải thế và nguyện y



Truyện Cổ Phật Giáo

BÀ CHẴN MẤT CON

theo lời đức Phật dạy. Phật bèn thả Tân Đà La ra và phán :

- "Kỳ này người phải giữ lời nguyện ấy, đừng như lúc trước nữa. Vì ngày xưa, người nguyện giữ theo Pháp Giới, mà người lại không làm theo. Bởi thế nên nay người phải mang lỗi yếu chẵn !"

Nhờ Phật độ, Ha Ly Đế qui y thọ pháp, trở nên một vị tín nữ dùng đến và tu đắc quả Thánh. Trong kinh có ghi tên của bà, kẻ thiện tín thường tụng niệm tên bà. Nhất là bà ủng hộ giới phụ nữ trong cơn lâm bồn hợn nạn.

● MINH HIẾU (Gießen)

CON VE VÀ CON KIẾN

Thơ ngụ ngôn của La Fontaine, Nguyễn Văn Vĩnh dịch

Ve sầu kêu ve ve,
Suốt mùa hè
Đến kỳ gió bắc thổi,
Nguồn cơn thất bối rồi.
Một miếng cứng chẳng còn,
Ruồi bọ không một con.
Vác miệng chịu khúm núm
Sang chị Kiến hàng xóm,
Xin cùng Chị cho vay.
Giảm ba hạt qua ngày.
Từ nay sang tháng ba,
Em lại xin đem trả
Trước thu, thế đất Trời !
Xin dù cả vốn lời.
Tỉnh Kiến ghét vay cây,
Thối ấy chẳng hề chi.
Nặng ráo Chú làm gì ?
Kiến hỏi Ve như vậy.
Ve rằng : luôn đêm ngày,
Tôi hát, thiết gì Hắc.
Kiến rằng : nhà Chú hát
Nay thu mùa coi đây.

Câu đố

1. Cái gì không nghe bằng tai, không nói bằng miệng nhưng có thể nói bằng mọi thứ tiếng ?
2. Cái gì đi qua nước mà không bị ướt ?

Giải đáp câu đố kỳ trước :

1. Khóa nhạc
2. Người tuyết

TẤM LÒNG VÀNG

Bühl, ngày 27 tháng 4 năm 1987

Thầy kính !

Trước hết cho kính thăm sức khỏe của Thầy và tất cả các Cô, Chú, Em.

Trong khi Thầy quyết góp tiền để xây chùa, con hay tin đó rất là trẻ. Con cố gắng dành dụm tiền Taschengeld để đóng góp nửa thước đất. Nhưng hôm Osten con về nhà thì nhận được báo chùa (là báo Viên Giác). Con được biết là 16.5 là chùa được xây cất con rất buồn vì con còn thiếu chút ít tiền. Hôm nay con trở lại trường học thì Taschengeld tháng 4 con đã đến rồi. Con mừng quá vội vàng gói đến Thầy ngay. Con không biết là Thầy có từ chối hay không vì con gói hơi muộn. Mong Thầy thông cảm cho con vì con còn đi học. Con có thể xin Ba má. Nhưng con muốn là tự mình có tiền đóng góp hay hơn. Vì thế cho tới hôm nay số tiền con dành dụm là bấy nhiêu. Con kính mong Thầy đừng từ chối. Vì con cũng muốn mình đóng góp chung với mọi người để người Việt Nam có 1 ngôi chùa ở xứ Đức này.

Nếu con có gì sơ sót mong Thầy thứ lỗi cho, con nghĩ sao viết vậy. Kính chúc Thầy gặp nhiều may mắn.

Kính,
Con HUÔNG

Chuyện vui

NGƯỜI MIỀN NÀO

Bé Tư

- Ba ơi! Vừa rồi con đi dự đại hội thể thao ở Kassel có một anh bạn hỏi con "Em người miền nào?".

Ba

- Rồi con trả lời như thế nào?

Bé Tư

- Con có biết, con người miền nào đâu Ba?

- Ba hỏi các con nè "Ba người miền Trung, mẹ người miền Nam, vậy các con miền nào?"

Bé Diễm

- Con theo mẹ con người miền Nam.

Bé Tư nói với Diễm

- Vậy thì em theo Ba, người miền Trung.

Ba

- Không được đâu các con, sao hai chị em cùng cha mẹ mà một đứa Trung một đứa Nam.

Bé Tư lẩm bẩm. "Trung, Nam ... giữa Trung và Nam ...".

- Con biết rồi Ba ơi. Chúng con người "Phan Thiết" phải không Ba? Ba !!! ...

Gia Chánh Chay



Gia chánh chay kỳ này sẽ do Cố Diêu Niên biên soạn: Chả lụa chay; vật liệu chính của món chả lụa là tàu hủ ky; nguồn gốc của tàu hủ ky cũng từ đậu nành ra (Sojabohnen) - một loại đậu có chứa nhiều chất đạm - đó là chất dầu nổi trên mặt sữa đậu nành.

*Thiện Hạnh

CHẢ LỤA CHAY

Vật liệu:

- 1 gói tàu hủ ky nặng 200g (có

bán tại các tiệm Á Đông)

- 1/2 muỗng cà phê muối
- 1/2 muỗng cà phê tiêu
- 1/2 muỗng cà phê bột ngọt
- 2 muỗng cà phê hành tây (Porrée) băm nhỏ
- 2 bao nylon loại nấu không cháy (Kochfest)
- 2 miếng vải trắng, mỗi miếng 35 x 35cm
- 2 sợi dây, mỗi sợi dài 2m
- một chút (bicarbonate de soude) thuốc tiêu mặn (xúc khoảng chừng một đầu đĩa ăn cơm, nếu bỏ nhiều quá tàu hủ sẽ mềm bầy)
- 2 lít nước

Cách làm:

Nấu 2 lít nước cho sôi, nhấc nồi ra khỏi lò điện, bỏ thuốc tiêu mặn vào khuấy cho đều. Bóp nhỏ tàu hủ ky xong bỏ vào nước ngâm khoảng 10-15 phút (lưu ý là nhớ thấm chừng chừng để miếng tàu hủ ky mềm lắm, vì có loại cũ thì ngâm lâu một chút còn loại mới thì ngâm mau một chút). Đổ ra cái rổ cho ráo nước. Lấy cái khăn lau chèn dìm tàu hủ ky lại và vắt cho thật hết nước, càng khô càng tốt. Xong bỏ vào thau, bỏ muối, tiêu, bột ngọt và porrée trộn cho thật đều.

Chia làm 2 phần, mỗi phần bỏ vào bao nylon, vừa ép vừa cuộn tròn tàu hủ ky cho chặt, xong để trên miếng vải gói chặt lại như đòn bánh tét. Cột giồng đầu như gói nem, xong cột giấy tròn cho chặt, càng cột chặt chừng nào, chả càng dai chừng nấy. Có 2 cách nấu:

1/ Hấp: hấp cách thủy khoảng 3 tiếng đồng hồ.

2/ Nấu bằng nồi nấu nhanh (Schnell-kochtopf): để lò điện ở số 3, nấu khoảng 20 phút, tắt điện, vặn để nồi trên lò, 15 phút sau vớt 2 đòn chả ra. Để khoảng 10 tiếng đồng hồ sau mới tháo giấy ra (nếu tháo giấy sớm chả sẽ không dai).

Tàu hủ và Chả là hai món ăn căn bản không thể thiếu lúc khi ăn chay. Rất dễ làm, xin quý vị thử thực hành. Bảo đảm chỉ một lần sẽ thành công.

HUY HIỆU GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

I. Ý NGHĨA HOA SEN :

Các Em có biết vì sao gia đình Phật Tử lấy Hoa Sen làm huy hiệu cho mình không ?

"Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng
Nhụy vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

Có lẽ các Em đã được nghe Cha Mẹ, Anh Chị hay bạn bè thường ngâm nga 4 câu thơ này rồi. Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, vì loài hoa này sinh trong nước bùn mà chẳng bị nước bùn làm ô uế. Hoa Sen còn có những đặc điểm nữa là :

- Hoa Sen không như những hoa khác. Ông bướm không bao giờ đến hút nhụy sen, nên hoa sen tinh khiết.
- Người ta dùng những loại hoa khác để trang hoàng chứ không bao giờ dùng hoa sen cả, nên hoa sen không là loài hoa dùng trang trí

II. Ý NGHĨA HUY HIỆU HOA SEN :

Ở trên là Chị kể cho các Em biết về ý nghĩa vì sao chúng ta lấy hoa sen làm huy hiệu của mình.

Huy hiệu của gia đình Phật tử là dấu hiệu hoa sen trắng có 8 cánh, nằm trên một nền màu xanh lá mạ và trong 1 vòng tròn trắng.

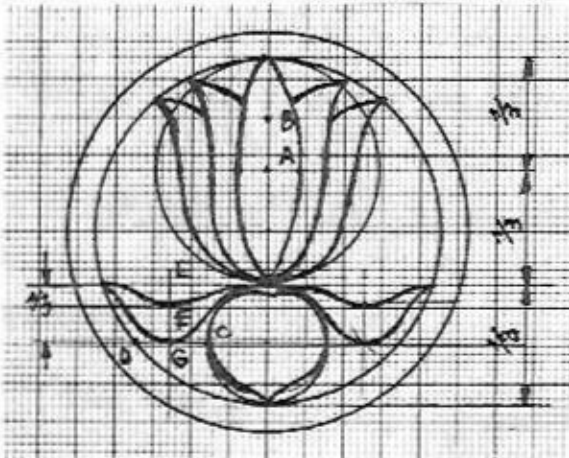
- 1/ Màu trắng tượng trưng cho sự thanh tịnh và ánh sáng của trí tuệ
- 2/ Màu xanh lá mạ là màu của hy vọng, tương lai.
- 3/ Vòng tròn tượng trưng cho tính viên dung, vô ngại, tròn đầy viên mãn của đạo Phật. Cũng còn gọi là viên giác.
- 4/ 8 cánh sen thể hiện rõ mục đích của gia đình Phật tử.

a) 5 cánh trên chỉ cho các Hạnh :

- 2 cánh bên trái, bên mặt cánh giữa, ở ngoài góc vào là tượng trưng cho HỖ XÁ và THANH TỊNH.
- cánh giữa là hạnh TỈNH TẦN
- năm bên trái cánh giữa, đối diện với cánh Thanh Tịnh là TỬ BÌ.
- cánh thứ 5 bên trái, đối diện cánh Hổ Xá là tượng trưng cho hạnh TRÍ HUỆ.

b) 3 cánh dưới chỉ cho 3 ngôi Tam Bảo :

- cánh giữa là PHẬT
- cánh phía trái ở ngoài góc vào là PHÁP
- cánh phía mặt là TĂNG.



III. CÁCH VẼ HUY HIỆU HOA SEN CỦA GIA ĐÌNH PHẬT TỬ :

1- Trước hết vẽ 1 vòng tròn lớn, xong vẽ một vòng tròn nhỏ ở trong làm chuẩn.

2- Chia đường kính dọc của vòng tròn chuẩn thành 3 phần. Quay 2 vòng tròn chuẩn nhỏ đường kính nhỏ hơn 2/3 và 1/3 (xem hình vẽ).

3- Chia bán kính ngang của vòng tròn đường kính 2/3 làm 4 phần để vẽ 2 cánh sen ngoài và một nửa cánh giữa như hình vẽ.

4- Vẽ 3 cánh sen. Chấm 2 điểm A và B như trên hình vẽ để vẽ đường cong phía trên 2 cánh sen.

5- 3 cánh đối diện cũng tương tự như trên.

Các Em lưu ý : 2 điểm nhọn của cánh bên trái và bên phải phải ngang hàng nhau.

6- Trong vòng tròn đường kính 1/3 ở dưới, các em vẽ cánh sen giữa theo hình.

7- Chia đoạn CD ra làm 2. Chiều cao của 2 cánh sen dưới là 1 nửa của đường kính vòng tròn nhỏ. Các Em vẽ cánh dưới của cánh sen dưới.

8- Chiều cao đoạn EF bằng 1/3 đoạn EC. Các Em vẽ cánh trên của cánh sen dưới.

Sau khi vẽ các cánh sen xong các em tô màu :

- nền màu xanh lá mạ.
- viên tròn và hoa sen màu trắng.
- các cánh của những cánh sen và viên tròn bên ngoài các Em có thể vẽ viên đen cho nổi.

● THUY DUNG

Người thợ lặn có vẽ như đang thám hiểm dưới biển tìm vật gì đó. Nhưng trong hình này có 10 điểm sai

Các Em thử tìm xem.



Kể từ khi CSVN phát động chiến dịch kinh tài để tiếp hối nuôi dưỡng và duy trì chế độ, qua chương trình "Du Lịch Việt Nam", thì họ đã gặp phải thế phản kháng của người Việt tỵ nạn chân chính.

Trên thực tế mọi dự án và chiến dịch kinh tài của Chính quyền Hà Nội chủ trương đều mang hậu ý chính trị: phá thế chính nghĩa và làm phân hóa xáo trộn cũng như tạo khủng hoảng tinh thần của Cộng đồng người Việt tỵ nạn mà hậu quả tất yếu của nó là khó khăn và làm tê liệt công cuộc Quang Phục Tổ Quốc của người Việt. Chương trình "Du lịch VN" chỉ là một cách tìm ngoại tệ như những cách kiếm tiền khác là việc gửi tiền, gửi hàng về Việt Nam qua các trung gian kinh tài của họ ở hải ngoại; trong nước họ ăn tiền từ trên xuống dưới ở mọi phương diện, nhất là việc cấp giấy xuất cảnh cho người Việt để được chấp thuận đoàn tụ với thân nhân của họ hiện đang sống ở hải ngoại v.v....

Có điều người viết xin xác định rõ ở đây là việc kinh tài tìm ngoại tệ để trả nợ đàn anh Nga Sô, nuôi dưỡng đạo quân xâm lược hầu bành trướng chủ nghĩa CS tại Đông Nam Á và duy trì chế độ CS tại Việt Nam của Chính quyền Hà Nội là chuyện của họ; còn những biện pháp kinh tài đó hàm chứa một ẩn ý chính trị gì có nguy hại đến công cuộc Quang Phục Tổ Quốc của người Việt Nam cũng như an ninh chung của các quốc gia tư do nơi chúng ta đang ở mới là vấn đề để cho chúng ta lưu tâm và cần mật đề phòng hậu quả hậu họa.

Ngoài chương trình "Du lịch VN" người viết xin báo động đến quý độc giả Viên Giác cùng toàn thể quý đồng hương khắp năm châu một chiến dịch đang âm ỉ bất ngờ không kém phần quan trọng, mà còn thâm hiểm hơn, đó là vấn đề "xuất cảnh cho người trong nước và thân nhân đi du lịch nước ngoài".

Để việc "xuất cảnh cho người trong nước đi du lịch rộng rãi" cũng như hầu thực hiện để dành những mục tiêu kinh tài khác mà không cần phải tránh né, lén lút như trước nữa, Chính quyền Hà Nội đã nghĩ đến giải pháp "mở cửa phi cảng Tân Sơn Nhất để đón tiếp những chuyến bay xuyên lục địa thẳng đến VN hoặc từ VN bay thẳng đến những quốc gia Âu Tây". Việc mở ngõ phi cảng Tân Sơn Nhất là một dự án rất qui mô của CS

diễn đàn độc giả

"Xuất cảnh":

MỘT AM MƯU THÂM HIỂM TRONG QUỸ ĐẠO KINH TÀI và CHÁNH TRỊ của C.Q. HÀ NỘI.

VN trong phương kế tìm ngoại tệ và thực hiện những mưu đồ chính trị.

Trong tháng qua, một phát ngôn viên của Sĩ quân CSVN tại Bonn đã lên tiếng với Báo chí Tây Đức là Chính quyền Hà Nội kêu gọi các hãng hàng không dân sự Âu Tây hãy thiết lập những chuyến bay thẳng đến Sài-gòn cũng như hãng hàng không Việt Nam sẽ mở những đường bay từ Sài-gòn đến Hồng-kông, Singapur, Tokyo và Pháp để du khách có thể đến viếng thăm những thắng cảnh của Việt Nam, Lào và Cam bốt. Ở đây người viết cũng cho độc giả biết thêm là trong mùa thu năm nay, Chính quyền Hà Nội sẽ thiết lập một "văn phòng du lịch" cho người Tây Âu tại Hamburg, sẽ do nhân viên của Chính quyền phục vụ - những nhân viên này chắc chắn phải là cán bộ trung kiên của CSVN.

Dự án mở cửa phi cảng Tân Sơn Nhất cùng thiết lập những "văn phòng du lịch" làm trung gian ở hải ngoại để yểm trợ cho dự án này, CSVN nhắm vào những mục tiêu sau:

- Thu hút khách du lịch quốc tế và Việt kiều trở về thăm nước.
- Thực hiện những dịch vụ tìm ngoại tệ tại phi cảng Tân Sơn Nhất.
- Trực tiếp nhận hàng và quà do người tỵ nạn ở hải ngoại gửi về cho thân nhân ở VN một cách nhanh chóng mà không phải qua trung gian tại các quốc gia láng giềng.
- Tạo điều kiện dễ dàng cho "thân nhân và người trong nước xuất cảnh đi du lịch nước ngoài".

Như chúng ta đều biết hàng hóa và quà của người Việt tỵ nạn ở hải ngoại gửi về cho thân nhân tại quê nhà đều phải lưu trữ ở các kho trung gian tại các quốc gia láng

Lời Tòa Soạn: Mục Diễn Đàn Độc Giả dành đăng những bài vở liên quan đến tình hình sinh hoạt cộng đồng hầu rộng đường dư luận.

Tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về bài viết của mình.

giềng như ở Bangkok, Singapur, Manila, rồi sau đó mới được chuyển đưa về Việt Nam. Nên hàng hóa và tăng phẩm bị lưu trữ ở các quốc gia lân bang họ để bị lộ qua việc chuyển hàng, ăn tiền bất hợp pháp. Hàng hóa có thể bị mở ra khám xét, v.v.... Cho nên trong thời gian qua quý đồng hương nào có gửi hàng qua đường dây của CS đều được các cơ sở kinh tài của họ thông báo cho biết là: vì hiện nay có những trở ngại về vấn đề vận chuyển hàng về VN, nên kể từ đầu tháng 4.87 họ tạm ngưng gửi các hàng hóa về VN. Khi có chương trình nhân gửi, họ sẽ kịp thời thông báo đến quý khách!

Ngoài ra quý đồng hương thường theo dõi báo chí Việt ngữ cũng biết là cơ quan an ninh của Canada và Mỹ đã phát giác chuyện làm ăn của CSVN tại 2 xứ này, và họ theo dõi rất kỹ cũng như mở khám những kiện hàng do CS gửi về Việt Nam. Cũng như người ở ngoài nước gửi 1 kiện hàng với một số nào đó cho người trong nước, tiền đã thanh toán xong khi người nhận ở bên nhà nhận kiện hàng mở ra thì thấy toàn những loại gì khác, không phải những thứ mà người thân ở hải ngoại biên thư về cho biết. Người viết xin tạm ngưng vấn đề này ở đây, vì chuyện này hầu hết chúng ta đều biết, và xin trở lại vấn đề xuất cảnh.

Về chương trình "Du lịch Việt Nam" cũng thế, những người tham gia chương trình này đều tạm nghỉ ở các phi cảng của quốc gia lân bang, sau đó họ được cấp một chiếu khán giả mạo để vào Việt Nam (xem Diễn Đàn Độc Giả - Viên Giác số 39).

Đối với quốc tế, CSVN mở ngõ phi cảng Tân Sơn Nhất và thiết lập các "văn phòng du lịch" chiêu dụ du

khách Âu Tây thăm VN, Lào, Cambốt, cốt là để đánh đòn hỏa mù gây cho ngoại quốc tưởng là Việt Nam đã cởi mở và đổi mới. Đối với Cộng đồng người Việt tỵ nạn, Chính quyền Hà Nội cho phép thân nhân Việt kiều đi du lịch nước ngoài thì cũng dùng làm tường rủng CSVN "nhân đạo". Được bắt đèn xanh, các cơ sở kinh tài của CSVN tại Tây Đức và khắp năm châu ráo riết vận động cho chiến dịch "xuất cảnh của thân nhân". Họ nhỏ to với người Việt tỵ nạn là "vấn đề du lịch VN, e gây khó khăn cho quý vị trong pháp chế tỵ nạn, vậy quý vị làm đơn xin cho thân nhân xuất cảnh sẽ không còn biphiền toái nữa, "mà cũng đâu có ai biết. Chúng tôi sẽ lo hết cho việc thân nhân của quý vị thủ tục xuất nhập!"

Ở Hannover có cơ sở SARA-TOURS, một cơ sở kinh tài và nằm vùng của Chính quyền Hà Nội tại đây. (Qua địa chỉ này, đây cũng là văn phòng thông dịch của CSVN, do cái gọi là Ủy Ban Tưởng Trợ của Hội Đoàn Kết điều hành, nhưng ai là hội viên Hội Đoàn Kết - tên là Hội Người Việt tại CH LB Đức - hoặc thân hữu sẽ được giảm 30%!). Cơ sở này vừa cho ra tờ quảng cáo chương trình đi du lịch VN và đơn xin "xuất cảnh cho thân nhân ở trong nước đi du lịch". Điều kỳ lạ là đơn gửi về Ủy Ban Nhân Dân ... mức CHXHCNVN mà lại phải chuyển qua "Công ty dịch vụ tư vấn và du lịch" (Sara Tours); ngoài ra còn có chữ ký xác nhận, con dấu và số đăng ký của cơ sở này trong đơn. (Điều này cho thấy rõ ràng các cơ sở kinh tài của Chính quyền Hà Nội ở hải ngoại là những văn phòng đại diện họ ngoài Sở quán CSVN, cũng như được Sở quán chỉ đạo và hướng dẫn).

Còn chuyện tiền bạc ra sao thì không thấy nói đến. Có điều chắc chắn rằng sau khi nộp đén, họ sẽ bắt liên lạc với đường sứ để bàn về vấn đề tiền bạc, đặt điều kiện móc nối để làm những việc có lợi cho họ. Sĩ kiện này cũng giống như chương trình "Du lịch Việt Nam".

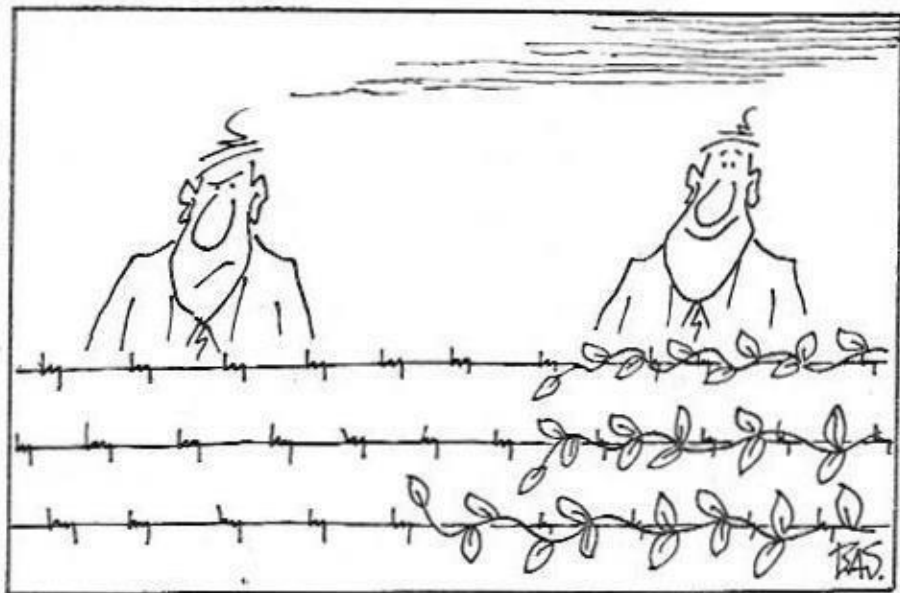
Nhưng việc cho "người trong nước hoặc thân nhân đi du lịch nước ngoài" để dùng cũng như việc "mở ngõ phi trường Tân Sơn Nhất đón nhận những chuyên bay liên lục địa" có ảnh hưởng chính trị gì đối với người Việt tỵ nạn ở hải ngoại và quốc gia họ hiện đang cư ngụ?

Như chúng ta đã biết, chương

trình "Du lịch Việt Nam" chỉ có hậu quả nghịch cho những người Việt tỵ nạn thiếu suy nghĩ, nhẹ dạ tham đi. Còn chiến dịch "xuất cảnh" và "dự án mở ngõ Tân Sơn Nhất" nhằm vào những mục tiêu sau:

1. Gây khó khăn xã hội cho quốc gia liên hệ.

Có lẽ quý đồng hương còn nhớ, năm ngoái có khoảng hàng ngàn người Pakistan, Tamil đã trả tiền cho các hãng hàng không dân sự Đông Âu để được chở du khách đến Đông Hà Linh, và từ đó họ tràn qua Tây Hà Linh xin tỵ nạn chính trị. Chính phủ Tây Đức đã điên đầu để giải quyết vấn đề này; họ đã phải thưởng lương điều đình với những hãng hàng không dân sự Đông Âu và chính quyền Đông Đức để ngăn chặn vụ này, chính quyền Tây Đức đã bị xáo trộn rất nhiều trong thời gian đó.



Cũng như vụ người Tamil trả tiền cho các tổ chức thường thuyền hoặc được tổ chức để cho họ đến Úc, Canada và thả xuống đó xin tỵ nạn. Các tổ chức này, từ các hãng hàng không dân sự đến các chủ thường thuyền đã ăn không biết bao nhiêu là bạc trong vụ này. Nhưng số phận của những người này hiện ra sao? Họ bị dân bản xứ khinh bỉ, xa lánh, bắt nạt và trả về nguyên quán.

Hiện nay trong thế "cởi mở và đổi mới" của Gorbatschow, các nước Đông Âu mở cửa cho những người gốc Đức hồi hương để trình diễn cái thế hóa mù của họ. Việc này trước đây chính phủ Đức đã kêu gọi mọi cá miệng để các quốc gia Đông Âu để dành cho những người gốc Đức hồi

hương nhưng ít được đáp lại. Nay dùng một cái, trại tạm cư "Tất Lành - Friedland" trong tháng qua đã tràn ngập người Ba Lan gốc Đức hồi hương. Họ mang qua cả xe hơi và tài sản. Chính quyền địa phương cũng đã điên đầu để giải quyết vấn đề này; họ đã phải trưng dụng tất cả những phòng thiếu thốn ở các trường học để kê giường ngủ cho số người này và kêu gọi quyên tiền cũng như quân áo cứu trợ; trường hợp những người này không phải là tỵ nạn mà là người gốc Đức hồi hương. Trong chuyến thăm Nga của Tổng thống Von Weizsäcker vừa qua, ông cũng đã yêu cầu Nga để dành trong việc hồi hương của gần 2 triệu người Nga gốc Đức. Nga hứa sẽ sẵn sàng. Tin tức cho biết cảnh sát biên phòng của Đức đã ghi nhận hơn nửa số người Tiếp Khắc và Hàng Gia Lợi "du lịch" qua Tây

Đức đã xin ở lại tỵ nạn. Câu hỏi đặt ra ở đây là tại sao cách đây 1 năm vấn đề hồi hương của những người gốc Đức lại bị các quốc gia Đông Âu giải quyết một cách nhỏ giọt, nay họ lại mở rộng cánh cửa "nhân đạo" ấy?

Trở về vấn đề của chúng ta, có một lúc nào đó gần đây, những chuyên bay của các hãng hàng không dân sự Âu Tây từ Sài Gòn qua thả hàng ngàn người "Việt đi du lịch" ở các phi trường quốc tế như Frankfurt, München, Hannover, ... rồi số người này sẽ kéo đến các sở ngoại kiều để xin tỵ nạn! thì chính quyền Tây Đức sẽ tính sao và số phận của họ sẽ ra sao?

2. Gây xáo trộn, lung đoạn, khủng hoảng tinh thần và phá vỡ chính nghĩa của người Việt tỵ nạn.

Ngày chúng ta ra đi tỵ nạn như cắt đứt khúc ruột để xa gia đình cha mẹ, chồng vợ, con cái, anh chị em, bạn bè, ... cũng chỉ vì chính nghĩa Tự Do và niềm mong Quang Phục Tổ Quốc. Nay mình đã phản kháng chương trình "Du lịch Việt Nam" thì lý đâu ta lại lao vào trông khác là xin "xuất cảnh cho thân nhân", mà chiến dịch "xuất cảnh" còn độc hại hơn chương trình "Du lịch VN" rất nhiều, mà hậu ý chính trị của nó còn thâm hiểm gấp bội. Không lẽ chúng ta bây giờ lại đặt tính riêng trên chính nghĩa chung ?

Có người bảo rằng cứ để cho thân nhân "xuất cảnh đi du lịch" đi ra được bên ngoài rồi mình tính sau. Giả dụ số thân nhân của người Việt tỵ nạn "đi du lịch" Tây Đức thật cao và số người này xin tỵ nạn chính trị tại đây, chính phủ Tây Đức sẽ đối xử với họ ra sao và giải quyết vấn đề của những thân nhân được cuối vết chấu vào Đức, vấn đề hồ sơ xin đoàn tụ còn ứ đọng chưa giải quyết xong, vấn đề giúp đỡ những người đang sống trong các trại tam cư ở đây, vấn đề đón nhận người Việt tỵ nạn từ đảo sang, ... như thế nào? Chắc chắn rằng vấn đề tỵ nạn của người Việt sẽ trở thành thứ yếu, hậu quả của nó ảnh hưởng cực kỳ tại hai đến công tác ngoại giao cho công cuộc vận động quốc tế yêu trợ người Việt tỵ nạn Quang Phục Tổ Quốc.

Trường hợp chính phủ Tây Đức không chấp thuận cho những thân nhân "đi du lịch" này tỵ nạn, thì họ tính sao? Chỉ có đường về nước. Ở đây có lẽ người viết xin miễn lam bàn thêm về những hậu quả mà những thân nhân trở về và người thân ở ngoài nước trong tương lai phải chịu, bởi vì CSVN đã nắm đủ hồ sơ lý lịch, nghề nghiệp, tài chính của đường sự hết rồi !

3. Để dâng tặng cán bộ, điệp viên ra ngoại quốc "trưng tư cách du lịch" để thực hiện những công tác đặc biệt.

Tưởng cũng nên ghi lại đây một dữ kiện đã xảy ra trước năm 1975 tại Tây Đức là việc nhân viên an ninh của chính quyền Đại Hàn thời Phác Chánh Hy đã lái máy bay dân sự của họ từ Seoul qua Tây Đức để bắt cóc những thành phần gọi là nguy hiểm chống đối chính phủ Phác thời bấy

giờ và bay thẳng về nước. Sau khi nội vụ xảy ra, Bộ Ngoại giao Đức đã khuyến cáo chính quyền Đại Hàn nhưng sự việc đã rồi, những người bị bắt cóc đã bị chính quyền Phác nhốt vào khám. Hoặc Đại Hàn cho nhân viên đặc biệt qua Tây Đức để khủng bố những tổ chức đối lập chống chính quyền Phác.

Cũng tương tự như thế, khi phi trường Tân Sơn Nhất mở ngõ, chính quyền Hà Nội sẽ không ngại ngừng gì để tung những cán bộ an ninh đi "du lịch" từ Sài Gòn thẳng đến Tây Đức để làm những chuyện như trên. Hoặc giả họ "công c" các Sư và Cha Quốc Doanh đi "du lịch" qua Đức làm "công tác trao đổi Văn Hóa" hoặc "lo lắng tinh thần của Việt kiều ngoài nước" và các Sư, Cha Quốc Doanh được chính quyền Hà Nội gia hạn dài dài để ở ngoài quốc làm "công tác" trên thì các tổ chức, hội đoàn của người Việt tỵ nạn cũng như những người Phát tử VN tỵ nạn và con chiến VN tỵ nạn của Chúa nghĩ sao ?

4. Để dâng khuếch trương những dịch vụ thương mại, kỹ nghệ. Yếm trợ các cơ sở kinh tài của họ và chiêu dụ những người nhe dạ ham lam tiền.

Như chúng ta biết, ngoài những cơ sở kinh tài của CSVN như du lịch gói hàng hóa, tiền v.v... họ còn có những quán ăn, tiệm bán thực phẩm, đồ thủ công nghệ v.v... Thông thì những quán ăn và tiệm bán hàng này nhân hàng qua trung gian từ Pháp, Thái hoặc qua các đại lý Hoa kiều địa phương, cũng như đồ thủ công nghệ qua những người tham gia chương trình "Du lịch VN" về mang sang.

Nay những dịch vụ này không cần phải tránh né và qua nhiều ngõ trung gian lắt léo như trước, họ chờ thẳng máy bay từ Sài Gòn qua đây để phân phối cho các cơ sở kinh tài của CSVN. Ngoài ra CSVN sẽ để chiêu dụ những người Việt tỵ nạn ham tiền muốn làm giàu trên xương máu của đồng bào ở quê nhà và trên xác người vượt biên tìm tự do.

5. Móc nối ngoại giao với quốc tế để mong được tiếp sức hỗ trợ trợ trợ chế độ.

Những kế hoạch kinh tài này CSVN muốn trình diễn cho thế giới thấy họ rất "cởi mở, đổi mới" và có "thực tâm" muốn xây dựng xứ sở; đây là đòn hỏa mù, giống như lối của

đàn anh Nga Sô. Cũng như qua đó muốn Sài Gòn trở về như trước 75, là "địa bàn kinh tế" của thế giới theo như lời tuyên truyền của phát ngôn viên sứ quán CSVN tại Tây Đức mới đây. (sic)

Có người bảo rằng đâu cần phải đặt vấn đề mở ngõ phi cảng Tân Sơn Nhất và phát động chiến dịch "xuất cảnh" thì CSVN vẫn thực hiện được những thủ đoạn như người viết vừa thuật ở trên. Xin thưa rằng, vẫn biết là có thể được, nhưng nó không có "danh chính ngôn thuận" mà phải đi nhiều đường "lắt léo" hơn, ít có hiệu quả. Trong khi đó thực hiện được dự án và chiến dịch trên thì kế hoạch kinh tài và chính trị sẽ có kết quả nhiều hơn, mà lại còn có "pháp lý" nữa.

Ngày nay, thế giới đang bị Nga Sô làm mờ mắt trước những thế "cởi mở đổi mới" cũng như những đề nghị "triệt tiêu hóa tiến toàn cầu" hoặc những bộ thỏa đáng những ước điều của Tây Âu để vượt ve họ, v.v..., vì thế người Việt tỵ nạn chúng ta lại cần phải sáng suốt, cần trọng nhiều hơn nữa trong vấn đề vận động ngoại giao quốc tế yêu trợ công cuộc Quang Phục Tổ Quốc cũng như luôn luôn đề cao cảnh giác trước mọi chiến dịch do CSVN chủ mưu. Vì mọi quốc gia, cũng như đảng cầm quyền và những tổ chức ngoại quốc đều đặt quyền lợi riêng của Quốc gia, đảng, và tổ chức mình lên trên hết nên họ sẵn sàng bán đứng cả lương tâm, người bạn đồng minh hoặc chính nghĩa mà có lần họ đã hết lòng yểm trợ.

Những điều ghi ở trên, người viết chỉ có một ước mong muốn trình bày cùng độc giả Viên Giác và quý đồng hương xa gần những dữ kiện mà chúng ta không thể nào không lưu tâm đến được, cũng như muốn báo đồng cùng công đồng Việt Nam tỵ nạn khắp nơi cũng như thân nhân ở quê nhà 1 chiêu bài mà chính quyền Hà Nội và tay sai của họ ở hải ngoại đang ngấm ngấm vận động thực hiện, mà hiện nay có một số người Việt tỵ nạn rất "sốt sắng" tìm hỏi và đã làm đơn xin "cho thân nhân xuất cảnh đi du lịch sang Tây Đức". Cho đến nay

chương trình "du lịch VN" do chính quyền Hànôì chủ mưu đã gặp phản kháng của Công đồng người Việt tỵ nạn, còn chiến dịch xuất cảnh này thì vẫn còn ngấm ngấm, chưa được phát hiện toàn bộ.

Lam bàn vấn đề này cùng quý vị đó là phần vụ của người viết, chắc hẳn rằng vẫn còn nhiều điều cần bổ túc thêm, nhưng thiên nghĩ đây chỉ là việc gióng tiếng chuông mà thôi. Còn việc suy và hành như thế nào đối với vấn đề "xuất cảnh" này người viết xin nhường lại cho quý vị - những người Việt tỵ nạn chân chính còn có lương tâm, tự trọng và ý thức.

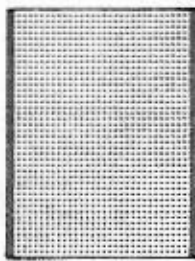
● LỄ CHÁNH TRỊ

Tiếp theo trang 45

TÔI ĐI HỌC TẬP...

nuôi dưỡng cây và trái sau này. Khi dây bầu leo lên đến giàn lần thứ hai, lần này nó tăng trưởng rất nhanh vì nhờ nhiều rễ cung cấp nhiều dinh dưỡng cho thân. Lúc ngọn bầu bò lên giàn dài khoảng 3cm thì cắt cái ngọn giữa 2 cái lá bỏ, vài ngày sau từ chỗ cắt nó đâm ra 2 cái ngọn khác. Khi hai cái ngọn này dài độ 3cm thì cũng lại cắt luôn 2 cái ngọn và cũng từ 2 chỗ cắt này nó lại đâm ra 2 cái ngọn khác nữa. Như thế dây bầu hiện giờ đã có 4 dây. Tới đây thôi không cắt nữa, nếu cắt nữa nó sẽ mọc ra nhiều ngọn. Gốc bầu cung cấp không đủ dinh dưỡng trái bầu sẽ bị nhỏ. Hơn nữa 4 dây này sẽ mọc ra rất nhiều dây phụ. Lúc đó tùy theo trái nhiều hay ít mà cắt bỏ bớt. Dây bầu bắt đầu ra nụ, đơm bông và kết trái. Bầu cần rất nhiều nước, mỗi ngày tưới 2 lần sáng sớm và chiều, càng nhiều trái phải tưới nước càng nhiều. Hai dây bầu của tôi đợt 1 tôi cắt gần 50 trái cân trên 100kg. Lưu ý là sau khi cắt trái lần thứ I, phải xới đất và vô phân ở gốc. Lần thứ hai trái nhiều quá làm sập hết 1/2 cái giàn, cắt trái cân trên 150kg nữa, thế là tôi vượt chỉ tiêu. Số còn lại tôi cho các anh bạn nào còn thiếu. Trong thời gian bầu có trái, mỗi ngày chúng tôi lên cắt bầu đem nướng nguyên trái ăn với muối sống lấy lất qua ngày và cũng để thối mần phân nào cái bao tử luôn luôn lép xẹp.

(còn tiếp)



CUỘC MẠN ĐÀM NỬA BUỔI VỚI GIÁO SƯ NGUYỄN NGỌC HUY

● Vũ Ngọc Long

Có lẽ chưa lúc nào cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức lại sôi động như trong một vài tháng trở lại đây.

Nhiều chính khách đại diện các đảng phái, tổ chức, mặt trận và các ca sĩ tên tuổi ùn ùn tiếp nhau từ các nơi tới Tây Đức. Tuy nhiên mỗi người mỗi về. Nhiều vị chính khách âm thầm tới, rồi lại lặng lẽ đi. Hoặc có những ca sĩ tới, được đón tiếp nồng ấm hay thua lỗ trở về. Với trên 35 ngàn người Việt mang danh tỵ nạn sống trải khắp 11 tiểu bang của Tây Đức, có hàng trăm tổ chức, hội đoàn văn hóa, xã hội, tôn giáo, chính trị v.v... và có cũng gần chục tờ báo, bản tin. Tuy nhiên một điểm son cho giới báo chí ở Tây Đức là không có cảnh "hàng tôm, hàng cá" như ở Mỹ và Canada.

Đặc biệt sau hơn một tuần lễ mùa gió sục sùi của những ngày tàn Xuân, mùa hè đã tới, những ngày nắng ấm hiếm hoi của xứ Đức lạnh lẽo đã về, khí trời ấm áp, làm lòng người cũng từng bừng mơ hội. Tuy nhiên niềm vui đã chẳng bao giờ được trọn vẹn, hoàn toàn trong thân phận của một kiếp tha hương, tâm gửi xứ người. Trong niềm băng khoăn đó, một số những đồng bào tỵ nạn tại Tây Đức, mỗi lần hay tin một cá nhân, hay đại diện đoàn thể tổ chức nào tới Đức để nói vấn đề giải phóng quê hương là đồng bào đáp ứng mạnh mẽ. Trong niềm khao khát đó đồng bào Việt tỵ nạn tại tỉnh Memmingen gần cực Nam Tây Đức, đã được đón tiếp giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, Chủ tịch Liên minh Dân chủ và cũng là Ủy viên Trung ương trong Ủy ban Quốc tế Yểm trợ Việt Nam tự do.

Đặc biệt trong chuyến Âu du lần này của giáo sư Huy, ông đã dành cho đồng bào Việt tỵ nạn tại Tây Đức ba buổi nói chuyện ở 3 địa điểm khác nhau. Riêng trong lần nói chuyện ở tỉnh Memmingen, ngoài phần thuyết trình đề tài "những biên chuyện của tình hình thế giới liên

quan tới công cuộc giải phóng Việt Nam", chúng tôi đã được giáo sư Huy dành cho một cuộc phỏng vấn riêng. Tuy nhiên vào giờ phút chót, trọng không khí cởi mở và nồng ấm thay vì một cuộc phỏng vấn ghi âm, đã trở thành cuộc mạn đàm, trao đổi giữa giáo sư Huy cùng chúng tôi và một số bạn trẻ khác.

Có lẽ đã số dân chúng miền Nam, nhất là giới thanh niên sinh viên trước năm 1975, đều đã nghe tên hoặc gặp gỡ giáo sư Nguyễn Ngọc Huy. Ông là một chính khách tên tuổi ở miền Nam trước ngày sụp đổ, và cho tới nay tại hải ngoại, ông là một trong những chính khách ít oi của Việt Nam Cộng Hòa còn được sự kính nể của đồng bào. Giáo sư Huy gia nhập đảng Đại Việt từ 1945 để tranh đấu cho sự tự do và độc lập của dân Việt. Năm 1955 vì bất đồng chính kiến với chế độ Ngô Đình Diệm, ông và gia đình đã qua Pháp sinh sống, và tại đây ông đã đậu bằng tiến sĩ chính trị học tại đại học đường Paris. Năm 1963 ông trở lại Việt Nam sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Năm 1964 ông thành lập đảng Tân Đại Việt, rồi tiếp đó là phong trào Quốc Gia Cấp Tiến. Năm 1967 qua sự ra đời của hiến pháp khai sinh nền đệ nhị Cộng Hòa ở Nam Việt Nam, ông và đảng của ông đã trở thành phe đối lập ôn hòa với chính quyền Nguyễn văn Thiệu. Từ năm 1968 tới 1973 ông là thành viên trong phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa tại hòa đàm Paris và hội nghị La Celle Saint Cloud. Ngoài ra ông còn là giáo sư chính trị học của nhiều viện đại học ở Nam Việt Nam. Năm 1975 miền Nam sụp đổ, ông đã sống lưu vong tại Mỹ. Tới 1981 ông cho ra đời một tổ chức chính trị mới lấy tên "Liên Minh Dân Chủ, bao gồm nhiều tổ chức tranh đấu cho tự do đang còn ở Việt Nam và hải ngoại. Mới đây ông đã trở thành một trong những sáng lập viên của một tổ chức mang tên "Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự

Do". Được biết trong chuyến du thuyết Tây Âu lần này giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, đi vận động lấy chữ ký để yểm trợ cho Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do, như chúng ta biết U.B.Q.T.Y.T.V.N.T.D. với chủ tịch là ông Paul Vankerkhoven, nguyên Dân biểu nghị hội Âu Châu, cũng kêu gọi được rất nhiều chính khách cũng như văn nghệ sĩ tên tuổi của nhiều xứ Tây Âu, Hoa Kỳ, Canada, Úc tham dự. Với ước vọng là một nơi gặp gỡ và trao đổi giữa những người còn lưu tâm đến số phận Việt Nam và vùng Đông Nam Á, UBQTYTWNID tin rằng sẽ đóng góp ích lợi vào việc huy động những sinh lực cho một cuộc đổi mới, tạo dựng một tương lai cho Tự Do.

Trong nhiều giờ mạn đàm, giáo sư Huy đã cho chúng tôi biết tất cả những vấn đề liên quan tới các biến chuyển chính trị thế giới và Việt Nam trong mấy tháng trở lại đây. Đồng thời ông cũng tin tưởng rằng nếu UBQTYTWNID được sự ủng hộ tích cực của đồng bào Việt tỵ nạn cũng như các dân chúng địa phương thì chắc chắn U.B. sẽ làm được nhiều việc cụ thể. Ông cũng cho biết rồi đây nếu các đảng phái chính trị nào đích thực tranh đấu giải phóng quê hương, Ủy Ban QTYTWNID sẽ sẵn sàng tiếp tay trên cả hai lãnh vực yểm trợ: tinh thần và vật chất. Trong vấn đề này chúng tôi cũng đặt câu hỏi về tình trạng phân hóa của các đảng phái quốc gia ở hải ngoại như hiện nay, một phương thức nào có thể thông hợp các tổ chức tranh đấu lại một mối không? Đáp câu hỏi này giáo sư Huy cho biết trước đây ít tháng, nhiều đại diện các tổ chức tranh đấu đã gặp gỡ nhau và đã đồng ý với nhau một điểm: nếu tổ chức nào có đủ thực lực tạo được một chiến thắng quân sự với bạo quyền CSVN, qua việc làm cụ thể như chiếm cứ được một vùng đất nào trong nội địa Việt Nam thì tổ chức đó được trao trọng trách lãnh đạo cuộc kháng chiến của toàn dân, và các tổ chức khác có nhiệm vụ yểm trợ và bốn phân tuân hành các chỉ thị do tổ chức lãnh đạo kháng chiến giao phó.

Ở đây chúng tôi cũng nêu vấn đề gần đây một số đảng phái tuyên bố đã thành lập được một số chiến khu, tuy không nói rõ là ở đâu như ở

Thái Lan, Miên hay nội địa Việt Nam nhưng chúng ta có thể hiểu ngầm rằng các mặt khu này nằm dọc biên giới Thái Miên. Để trả lời câu hỏi này giáo sư Huy đã cho biết ông cũng biết tin đó, tuy nhiên hãy còn quá sớm để đưa ra những nhận xét cụ thể. Nhưng dù sao những bài học lịch sử với sự trục xuất kỳ ngoại hầu Cường Để, cụ Phan Bội Châu và một số du học sinh Việt Nam của Nhật. Sau khi Nhật được một vài lợi lộc từ Pháp trao cho cũng làm cho chúng ta nên suy gẫm. Vậy ngày nay các tổ chức tranh đấu đang chọn một quốc gia thứ ba làm đầu cầu cho công cuộc giải phóng phải luôn luôn cảnh giác hầu ngăn chặn kịp thời một cuộc đổi chất giữa bạn và thù. Một khác giáo sư Huy cũng cho biết bây giờ đang là thời điểm thuận tiện cho các tổ chức tranh đấu giải phóng Việt Nam, nếu chúng ta không tiến được những bước khả quan như kháng chiến Kmer hoặc kháng chiến A Phú Hãn, thì e rằng trong 3, 5 năm tới nếu vấn đề Kampuchea được các phe phái giải quyết thì chúng ta khó hy vọng giải phóng được quê hương, việc làm của chúng ta sẽ khó khăn gấp rất nhiều lần và sợ rằng chúng ta không chịu đựng nổi. Để giải thích cho lời nhận định này giáo sư Huy đã cho biết, sau hơn 12 năm Mỹ rút chân ra khỏi Đông Dương, ngày nay thấy sự bành trướng của Số Việt ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương cũng như thị trường tiêu thụ hàng hóa của Mỹ bây giờ đã di chuyển từ Âu Châu qua vùng Á Châu. Nên Hoa Kỳ thấy rằng sự trở lại Đông Dương là điều rất cần thiết. Đó là lý do chúng ta tin rằng, Hoa Kỳ sẵn sàng yểm trợ cho các lực lượng kháng chiến chống lại chế độ tay sai cho Đế quốc Số Việt là Cộng Sản Việt Nam.

Mặt khác đáp một câu hỏi tình trạng nếu các lực lượng kháng chiến chúng ta chỉ mong đợi vào sự giúp đỡ của các cường quốc, rồi đây giả thử nếu cuộc kháng chiến thành công bài học lịch sử cũ lệ thuộc ngoại bang lại được lập lại, e rằng nền độc lập của Việt Nam sẽ không còn? Đáp câu hỏi này, giáo sư Huy cho biết, đó là lý do ông hoạt động tích cực cho UBQTYTWNID vì Ủy Ban gồm nhiều quốc gia, nên nếu khi giúp đỡ chúng ta, không có quốc gia nào nắm ưu thế để áp lực chúng ta

được, nhờ đó chúng ta duy trì được thể độc lập. Chúng tôi cũng nêu vấn đề các tổ chức kháng chiến thân Trung Quốc của Trương Như Tảng, Đoàn Văn Toại, Thái Quang Trung... trong thời gian qua họ tuyên bố này nọ, liệu họ có thể làm được gì không? Giáo sư Huy cho biết giải pháp nghiêng hẳn về Trung Quốc để tìm một sự yểm trợ trong công cuộc chống chế độ CSVN, cho tới nay xét thấy không thực tế và như chúng ta biết đã không được đồng bào Việt hải ngoại tán trợ. Mặt khác chúng tôi cũng nêu lên vị thế của cựu Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu, sẽ còn



Giáo Sư NGUYỄN NGỌC HUY trong lần viếng thăm và nói chuyện tại Chùa VIÊN GIÁC ngày 30 tháng 6 năm 1987.

ảnh hưởng gì trong các giải pháp chính trị trong tương lai? Giáo sư Huy cho biết theo ông nghĩ ông Thiệu chắc sẽ chẳng còn ảnh hưởng gì trong bất cứ một giải pháp chính trị nào cho Việt Nam trong tương lai cả. Ông Huy cũng cho biết vấn đề 16 tấn vàng ông Thiệu mang đi ngoại quốc là tin đồn sai sự thật,

Xem tiếp trang 90



VIỆT NAM

- LINH - HÙNG - CÔNG . Những con ngựa già bên bờ sông rộng.
- Hàng trăm giáo dân Thiên Chúa giáo bị bắt tại đại hội đồng công Thủ Đức.

"Tình hình hiện tại ở Việt Nam rất phức tạp, còn phải cần đến 10, 15 năm nữa nền kinh tế của chúng tôi mới ổn định" ... Ông Nguyễn văn Linh trong thời chiến đã từng hoạt động ở Miền Nam và đã học được tại chỗ thế nào để kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội và hệ thống tư bản. Nhưng ở cương vị bí thư thành ủy, ông đã hành động những gì ... ông Linh là người thiếu hiểu biết lý thuyết sâu xa và thiếu văn hóa ... "nhóm vệ binh già của Việt Nam có rất nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh giải phóng dân tộc ... nhưng xây dựng chủ nghĩa xã hội là một vấn đề khác hẳn ...". Trên đây là những lời tuyên bố của Vũ Cần phó

chủ nhiệm tờ Việt Nam Courier ấn bản bằng tiếng Anh, Pháp và Nga với phóng viên tờ Christian Science Monitor.

Vào tháng 6.87 quốc hội CSVN đã chọn Phạm Hùng 75 tuổi người đứng hàng thứ 2 trong bộ chính trị làm Thủ tướng và Võ Chí Công 74 tuổi chọn làm chủ tịch nhà nước thay thế Trường Chinh. Với chức vụ Thủ tướng Phạm Hùng đã làm nhiều người thất vọng, nhất là giới chính trị Âu Mỹ, một năm nay văn tin tướng Nguyễn văn Linh sẽ quyết tâm thực hiện cuộc cải cách về nhân sự cho những cán bộ trẻ nắm quyền và đẩy mạnh cuộc cách mạng kinh tế. Phạm Hùng với số tuổi 75 ngày gần đất xa trời cũng chẳng còn xa, lại là người chủ trương cứng rắn. Sau 1975 Hùng được coi như đại diện chính phủ Hà Nội trông coi các tỉnh ở phía Nam. Hùng đã đề nghị cho thực hiện những chương trình kinh tế mới, đánh tư sản, đổi tiền, kiểm kê. Là 1 người lâu năm hoạt động ở miền Nam, nhưng Hùng lại nặng đầu óc giáo điều và

cực đoan. Mỗi Cúc Nguyễn văn Linh cũng ở số tuổi 74 có một thời gian dài hoạt động ở miền Nam trong thời chiến và sau 30.4.75 Linh nắm chức bí thư thành ủy Sài Gòn nhiều năm. Nhìn lại quá khứ ta thấy Mỗi Cúc đã có khả năng làm cho dân chúng Sài Gòn bần hàn, túng quẫn, "nhà nhà đói khổ, người người lầm than". Cho tới nay sau hơn 12 năm toàn chiếm 2 miền Nam Bắc, chỉ riêng thành phố Sài Gòn đã có hơn 70.000 gia đình sống vất vưởng nơi đầu đường, góc phố và những khu nghĩa địa..., đó là một trong những "thành tích" sáng chói của đảng CSVN mà Nguyễn văn Linh đóng góp một phần không nhỏ vào "thành tích" bần cùng hóa nhân dân đó.

Nay trong chức vụ Tổng bí thư Đảng, với quyền sinh sát trong tay toàn 60 triệu dân 2 miền Nam Bắc, những gì trong những ngày tháng tới Linh và nhóm vệ binh già sẽ làm gì? cởi mở ư? cách mạng kinh tế? Tất cả chỉ là những chiếc bánh vẽ, mà những vệ binh già trong đảng CSVN là những tên thợ vẽ lão luyện. Trên 50 năm có mặt những người CS ở Việt Nam, nhân dân VN đã bao lần ngắm đảng ruốt cay vì lầm lỡ nghe những lời đường mật của Cộng Sản. Tuy nhiên ngày nay có nhiều người lại suy luận rằng CSVN ngày nay khác những năm trước! Sự ngây thơ tin rằng một vài lời tuyên bố cởi mở, nói lỏng một vài quyền tự do cho báo chí và những cán bộ viết lách và tuyên bố "vung vít" đã kích giới lãnh đạo, như thế là CSVN đã thay hình đổi dạng! Nhưng họ có biết đầu đây là mìn "khó nhọc kê" của tập đoàn vệ binh già Hà Nội hầu che mắt thế giới và những con bò sữa ty nạn ở hải ngoại.

Là những người bảo thủ, sắt máu nặng đầu óc giáo điều, với phương châm là giết.

... giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ

cho ruộng màu đồng lúa tốt, thuế mau xong

cho Đảng bền lâu, cùng rập bước chung lòng

Thờ Mao Chủ tịch, thờ Stalin bất diệt ...

(Thơ TỐ HỮU)

Với những người khát máu như

vậy, chắc chắn tình thần cởi mở, sẽ không có. Chúng ta những ai đã sống ở miền Nam những năm sau 1975 thì đều rõ, có những lúc chính quyền Cộng Sản nổi lòng cho buôn bán lâm sản, để du đẩy dân chúng có bao nhiêu vốn liếng bỏ ra kinh doanh. Một thời gian thấy dân khá giả chút, chính quyền bèn dờ dờ trở ăn cướp giữa ban ngày qua việc kiểm kê, đổi tiền. Nay trò bịp này không những dành cho dân chúng VN mà còn đang giảng dạy cho các tay lái buôn tư bản ham hố. Có nhiều kẻ tin rằng với quốc tế CSVN không dám qua mặt, họ nói cải cách mở cửa là họ phải làm. Nhìn lại hiệp định Paris 1973 với 12 nước đứng ra triệu tập, sau khi ký kết CSVN coi như tờ giấy lộn, xua quân xâm chiếm miền Nam. Còn trong lãnh vực kinh tế, tài chánh, sau năm 1975 chính quyền CSVN đã tịch thu biết bao nhiêu tiền của dân chúng gửi trong các nhà bank ngoại quốc như Pháp, Mỹ, Hồng Kông ... Rồi trong vấn đề xã hội trò lừa bịp không kém phần tinh vi, bao nhiêu viên trợ nhân đạo, thuốc men, sữa, bột cho nhân dân VN của các tổ chức tôn giáo, xã hội quốc tế trở thành những đồ tiếp liệu nuôi đạo quân trên 160.000 người xâm lăng Kampuchea. Dù vậy cho tới nay có nhiều kẻ chưa nếm mùi CS sống trong thập kỷ, nhất là đám trí thức trưởng giả Âu Mỹ tin rằng họ có thể kiểm soát tới đồng Mark cuối cùng được trao tới tận tay người dân đói khổ VN. Sự ngây thơ và nông cạn này ta vẫn thấy được lặp đi lặp lại trên cửa miệng của những người mệnh danh là những chính khách, hoặc những nhà xã hội, tôn giáo tự cho là mình khôn ngoan. Chưa biết tới lúc nào họ thức tỉnh và ngừng cái trò chơi mang danh nhân đạo, nhưng thực ra là bắt nạt, "mang súng đạn giao cho kẻ cướp có máu sát nhân để bảo vệ dân chúng".

Trở lại vấn đề nhóm vệ binh gia tiếp tục nắm quyền ở VN. Báo chí thế giới vẫn không khỏi thắc mắc và đặt vấn đề Thông tin viên Murray Hiebert của tờ Far Eastern Economic Review ở Hà Nội đã đặt câu hỏi với một số dân biểu quốc hội nhân dân mỗi nước bầu vào ngày 20.4 vừa qua. "Có phải chăng sự lựa chọn 2 nhân vật Phạm Hùng và Võ Chí Công vào 2 chức vụ Thủ tướng và Chủ tịch nhà nước đều là những người già. Điều

này có nghĩa là chủ trương cải cách của Tổng bí thư Đảng Nguyễn Văn Linh chậm lại hay ngưng hẳn". Đáp câu hỏi này một dân biểu CS ví von "gió đã đổi chiều, ở VN, bất cứ ai không顺着 theo chiều gió sẽ bị gió cuốn phăng đi". Một tên dân biểu khác trả lời "chúng tôi cần một vài người "lót đường" như Andropov và Chernenko ở Xô Viết trước khi Gorbachov xuất hiện".

Phạm Hùng 75 tuổi hiện đang mang bệnh đau thân nặng và cả bệnh tim; trong thời gian trước đây Hùng đã phải đi Nga điều trị nhiều lần, có lẽ ngày gần đất xa trời cũng chẳng còn bao xa. Hơn nữa Phạm Hùng được xếp vào loại một trong những con quỉ "đám đục" của đám vệ binh già ở Bắc bộ phủ Hà Nội, không thua gì "anh Ba Duẩn". Thời gian sau 30.4.75 khi Hùng "công tác" ở miền Nam ai cũng nghe danh.

Võ Chí Công 74 tuổi gia nhập đảng Cộng Sản vào những năm cuối thập niên 30 ở miền Trung, từng nắm chức tổng trưởng nông nghiệp trong những năm cuối thập niên 70. Từ hàng thứ 7 được đôn lên hàng thứ 3 trong bộ chính trị trong kỳ đại hội đảng tháng 12/86 vừa qua. Công thay thế Trường Chinh 81 tuổi, nhân lãnh chức vị chủ tịch nhà nước, một chức vị mang tính cách "ngồi chơi xơi nước" Mặt khác ngay trong hàng ngũ cán bộ cao cấp CS cũng có những lời chán nản, khi đám vệ binh già cố bám víu lấy quyền hành để "gỡ gạc". Hàng một giọng điệu về chán chường một đảng viên cao cấp nói với một kỹ gia ngoại quốc "Tân lãnh tụ của chúng tôi không đủ sức lực để cán đảng công việc. Chúng tôi phải có một sự thay đổi lớn ngay từ bây giờ, không thể chờ đợi được nữa".

Mặt khác về vai trò của Nguyễn Văn Linh trong cuộc cải cách do lãnh để xuống để làm vừa lòng quan thầy Liên Xô, đã gặp những khó khăn ngay trong nội bộ đảng CSVN. Các đảng viên cấp trung và thấp đã tỏ ra bất mãn với chính sách cải cách của chính phủ Trung Ương vì làm họ mất đi những quyền lợi mà họ nắm giữ lâu nay. Như chúng ta biết trong chế độ CS, những tên bí thư đảng và tỉnh ủy ở những địa phương là những ông vua con, có toàn quyền sinh sát trong tay. Tình trạng thừa tới là luật lệ mỗi địa phương mỗi khác, như trong thời gian gần đây với chính

sách cởi mở cho dân chúng buôn bán tại Sài Gòn, những tỉnh kế cận là Long An thì vẫn cấm cản, hay giữa Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam cũng có luật lệ khác nhau. Mỗi đây trong buổi khai mạc quốc hội nhân dân Nguyễn Văn Linh đã lên tiếng vạch trần trạng ý quyền thế hống hách và tham nhũng của cán bộ đảng viên cần phải được phá bỏ.

Cho tới nay hầu hết các quan sát viên quốc tế nhân định về VN đều đưa ra những lời nhận xét rất bi quan. Rằng nếu các tân lãnh tụ công đảng VN có thực tâm thực hiện một cuộc cải cách cũng rất khó khăn vì VN sau hơn 30 năm chiến tranh và sau 12 năm thống nhất hai miền, giới lãnh đạo CS đã làm tan vỡ tất cả tiềm năng quốc gia. Hàng trăm ngàn chuyên viên kỹ thuật gia tay nghề cao đã bỏ nước ra đi, mọi cơ sở kỹ nghệ đã hư hỏng vì thiếu đồ thay thế, cũng như các tay thợ thiếu khả năng hiểu biết làm hư hai các máy móc. Nhưng một điều quan trọng là chính sách kinh tế tập trung, nhà nước bao thầu cả, làm mất đi sự hứng thú trong công việc. Vì người dân luôn luôn nghĩ rằng dù có làm nhiều họ cũng chẳng được hưởng. Nay dù chính quyền có hứa hẹn và cho một vài sự nổi lòng, chắc chắn dân chúng cũng chẳng tin tưởng. Các trò buôn bán, làm ăn chụp giựt vẫn còn xảy ra. Điều rõ ràng mới đây nghe tin chính sách nhà nước thay đổi cho buôn bán, chỉ một đêm ngủ dậy, tại Saigon, và ngay cả Hà Nội, khắp nơi các quán cà phê, hàng ăn mọc lên như nấm. Một sự vội vàng, hấp tấp, lý do họ chẳng tin tưởng vào những lời hứa hẹn của nhà nước CS. Như chúng ta biết sau 1975 phương châm của người dân miền Nam là "Đánh mau rút lui". Một quốc gia muốn theo đuổi một cuộc cải cách mà giữa chính quyền và dân chúng có sự nghi kỵ và không tin tưởng nhau chắc chắn sẽ chẳng đi tới đâu. Một khó khăn thêm nữa là tình trạng dân số tăng nhanh người ta ước tính với mức độ sinh đẻ hiện nay ở VN thì vào năm 2000 dân số VN sẽ đạt con số 90 hoặc 100 triệu.

Về vấn đề tôn giáo hiện nay ở VN, cũng đang là vấn đề gai góc cho giới lãnh đạo Hà Nội. Nhiều tổ chức tranh đấu cho nhân quyền trên thế giới đã lên án hành động đàn áp tôn giáo ở VN. Danh sách hàng trăm tu

sĩ Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo hiện đang bị cầm giữ. Trong tháng 5/87 vừa qua Nguyễn Văn Linh đã thú nhận rằng chính quyền Cộng Sản trong quá khứ đã có những lỗi lầm đối với người Thiên Chúa giáo. Lời tuyên bố này nhằm vượt ve các tổ chức xã hội của Thiên Chúa giáo ở Âu Mỹ, vì các tổ chức này đang vận động viện trợ cho CSVN. Nhưng ! những điều Linh nói là khác và làm lại khác nữa. Trong bản tin ngắn được tạp chí FEER số ra ngày 30.7.87 đăng tải ... Chính quyền CSVN tiếp tục lũng bắt một số giáo dân Thiên Chúa giáo đã tham dự đại hội Đồng Công được tổ chức tại Thủ Đức vùng phụ cận Sài Gòn. Đã có 60 ngàn người bị bắt vào cuối tháng 5 mang tội phản động. Chính quyền Hà Nội thì tuyên bố rằng nhóm người này đã ẩn hành những tài liệu chống chính phủ, và còn giữ súng trong các hầm ở nhà của họ. Về phía giới lãnh đạo Thiên Chúa giáo ở thành phố Sài Gòn lại có một lập luận đồng ý với chính quyền và cho rằng đại hội Đồng Công ở Thủ Đức đã có những việc làm chính trị, và nói đó là nhóm Thiên Chúa giáo di cư 1954 từ Bắc vào vì những người này không tin tưởng Thiên Chúa giáo có thể sống chung với Cộng Sản được. Như chúng ta biết giới lãnh đạo Thiên Chúa giáo của giáo phận Sài Gòn, trước đây cũng đã từng tuyên bố tại VN có tự do Tôn Giáo, mọi lời loan tin là đàn áp là láo khoét, nay thì ông lại đổ cho nhóm Thiên Chúa giáo di cư làm chính trị.

SÔ VIỆT

● Chính sách cởi mở, đôn hòa mù của Gorbachow.

Hai mươi bốn năm trước Tổng bí thư đảng CS Sô Viết Khrushchev đã tuyên bố "sự tái giám binh bị giữa các siêu cường không có nghĩa là chấm dứt cuộc chiến giữa chủ nghĩa CS và tư bản". Khrushchev nhấn mạnh hơn "chúng tôi sẽ chôn các anh (tư bản)".

Sau 28 tháng nắm quyền. Gorbachow Tổng bí thư Công đảng Sô Viết đã tung ra hàng loạt đề nghị, tưởng thao về tái giám binh bị với Mỹ và khối Tây Âu. Cũng như thực hiện một chính sách nói lỏng đối với dân

chúng Nga. Một chủ trương ôn hòa được Gorbachow áp dụng, trên cả 2 lãnh vực quốc nội và quốc ngoại. Tuy nhiên trong chính sách đối ngoại mới của Sô Viết đã có những dấu hiệu đầy "đòn thép, thủ thuật". Trên lãnh vực tuyên truyền quốc tế Gorbachow kêu gọi triệt thoái toàn bộ các hệ thống hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử ở Đông và Tây Âu, cũng như mới đây thêm đề nghị là ở cả Á Châu Các đề nghị "hiếu hòa" này làm lung lay tận gốc rễ chính sách đối ngoại của Mỹ và khối Tây Âu. Trong thế tuyên truyền quốc tế, Sô Viết đã nắm thế "thượng phong". Hầu hết dân chúng Âu Mỹ tin rằng Gorbachow thực tâm muốn hòa bình và tái giám binh bị. Tuy nhiên nếu nhìn lại tình hình thế giới trong hơn 2 năm qua kể từ ngày Gorbachow lên nắm quyền, chúng ta thấy chính sách "nói lỏng" của Sô Viết thật nguy hiểm. Chủ trương xâm lăng của Sô Viết đã được áp dụng bằng một phương thức khác, thay vì bằng xe tăng đại pháo và Hồng quân. Sô Viết đã áp dụng 1 chính sách ngoại giao thông mại, từ từ lôi kéo các quốc gia trong thế giới thứ 3 về vòng ảnh hưởng của Sô Viết. Đồng thời tạo những "điểm nóng" trên thế giới để cầm chân Mỹ và khối Tây Âu. Từ vụ sắc dân Tamil nổi lên đòi tự trị ở vùng Bắc Tích Lan, do Sô Viết yểm trợ qua tay của Ấn Độ. Những vụ xáo trộn biểu tình chống chính phủ và Mỹ ở Panama, rồi đến vụ phi cơ Irak bắn tàu chiến Mỹ ở Vịnh Persian, cũng hàng loạt các hiệp ước mang danh thương mại được ký kết với các đảo quốc ở Nam Thái Bình Dương như Vanuatu, giúp đỡ các tổ chức phiến loạn chống chính phủ ở Papua New Guinea, ở đảo quốc Tonga qua tay Lybia. Sô Viết đang ve vãn chính phủ ở đây và nhất là tại Tân Tây Lan. Sau khi làm tan vỡ Liên Minh quân sự 3 nước Mỹ, Úc, Tân Tây Lan, cầm không cho tàu chiến Mỹ mang vũ khí nguyên tử vào các hải cảng Tân Tây Lan. Tháng 10/86 chính quyền lao động ở Tân Tây Lan đã gọi phái đoàn đến tham dự đại hội Liên Hiệp Công Đoàn Sô Viết Thế Giới (W. F.T.V) tại Đông Âu. Tại đảo quốc New Caledonia, phong trào bãi Tây phương đang được Sô Viết yểm trợ qua tay Lybia. Nhưng có lẽ chính sách "gặm nhấm êm dịu" của tân lãnh tụ Sô Viết đã làm giới chính khách Âu Mỹ e sợ và sáng mắt là cho tới nay, Sô Viết đã tạo được một ảnh

hưởng lớn mạnh lại trên hầu hết các xứ Bắc Phi và Trung Đông, vai trò của Mỹ đã yếu dần sau vụ Mỹ bán vũ khí cho Iran bị phanh phui.

Trở lại chủ trương "nói lỏng" của Gorbachow, cũng chính sách ngoại giao mới đối với thế giới tư bản. Tôi nay đã gây chú ý và lo ngại nhiều trong chính giới Âu Mỹ. James Schlesinger cựu tổng trưởng quốc phòng và cựu giám đốc C.I.A. Mỹ mới đây tuyên bố "chủ trương mới của Gorbachow mục đích để nghi ngờ trong cuộc chạy đua vũ trang để phục hưng kinh tế, rồi 10 hoặc 15 năm sau Sô Viết sẽ lại tiếp tục thực hiện mộng nhuộm đỏ toàn cầu".

Hoặc chúng ta còn nhớ vào những năm của thập niên 30, Staline đã ký kết với các quốc gia đồng minh chống Hitler, nhưng mặt khác Staline lại ký mật ước liên minh với Hitler. Nhưng rõ ràng hơn hết là trong thời Khrushchev và Brezhnev đã kêu gọi Mỹ ký kết hiệp ước tái giám binh bị, nhưng một mặt đem xe tăng tràn vào đàn áp dân chúng Hung Gia Lợi, xây bức tường Bá Linh và dặt hỏa tiễn ở Cu Ba - đồng thời Sô Viết tối đa yểm trợ các phong trào cách mạng nhân dân ở các quốc gia trong thế giới thứ 3 chống Mỹ. Qua những kinh nghiệm lịch sử, sự hòa hoãn của Cộng Sản có lẽ được diễn tả trung thực qua lời nói của Mao Trạch Đông "lui một bước để tiến 2, 3 bước" Gorbachow đang áp dụng chiêu thức này.

Ngược lại với sự thành công trong chính sách cởi mở về phía đối ngoại nhưng với chính sách cởi mở trong lãnh vực kinh tế ngay tại xứ Nga đã gặp chông chướng những khó khăn. Vào tháng tuần tháng 7 với 1500 thành viên của Sô Viết tối cao đã họp trong 2 ngày tại Mạc Tư Khoa để thảo luận vấn đề sửa sai kinh tế; nay nó trở thành vấn đề học búa cho chương trình cải cách. Vì như chúng ta biết kinh tế CS là kinh tế chỉ huy, mọi lãnh vực sản xuất do nhà nước bao thầu, vấn đề cung, cầu và ấn định giá cả các mặt hàng đều do đảng, nhà nước làm cả. Vấn đề này khác biệt với kinh tế tư bản, giá cả các loại hàng do phẩm chất và số lượng sản xuất. Tại Liên Sô và các xứ Cộng Sản ... tất cả các món hàng có những giá thật vô lý. Thí dụ tại Sô Viết 1 phòng thuê cho 4 người ở

giá 1 tháng là 18\$US, hoặc 1kg thịt bò tăng giá 1 ổ bánh mì, nhưng người mua chỉ giới hạn số lượng được mua và phải xếp hàng cả mấy tiếng đồng hồ. Cho nên luôn luôn có giá chợ đen gấp 5, 7 lần hơn. Cho tới nay chính phủ Nga hàng năm phải xuất ra 115 tỷ \$US để bù đắp vào các món hàng đó, để nó có thể tiếp tục cung ứng cho dân chúng với giá ấn định đó. Thí dụ tại Balan 1 tấn than đốt sưởi giá 3,16\$US bán ra, nhưng giá thành là 4,21\$US.

Tại Balan, chính phủ hàng năm phải phụ cấp vào 1,1 tỷ \$US, tức hơn 35% ngân sách quốc gia để duy trì giá cả do nhà nước ấn định. Các chính quyền CS luôn nghĩ rằng kiểm soát giá cả là nắm được quyền lực chính trị. Với chính sách nói lỏng chắc chắn Sô Viết phải duyệt xét lại vấn đề ấn định giá cả các mặt hàng. Nếu bắt buộc phải tăng giá để món hàng trở lại giá trị thực của nó, vấn đề này sẽ ảnh hưởng lớn tới sinh hoạt quần chúng. Năm 1980 chính phủ Cộng Sản Balan tăng giá thịt, phong trào đoàn kết tranh đấu ra đời và các cuộc đình công của công nhân bắt đầu, cho tới nay giá phải trả cho chính sách sửa sai kinh tế của Liên Sô ắt phải cao. Cuộc xuống đường của sinh viên Trung Quốc trong tháng 12 năm ngoái đòi dân chủ, và mới đây thanh niên Đông Đức xô xát với cảnh sát khi tụ họp nghe nhạc Rock từ bên Tây Bá Linh vọng qua, họ hô to những khẩu hiệu "hoan hô Gorbachow" và đòi tự do... Theo giới quan sát Tây phương về vấn đề kinh tế Sô Viết tất cả sự thành công hay thất bại của Sô Viết do Gorbachow lãnh đạo đều cầu sự may mắn, nếu các vụ mùa đều trúng, giá dầu trên thị trường thế giới tăng, thời tiết ở Nga không quá khắc nghiệt v.v...

TÂY ĐỨC

- Chuyến Nga du của Tổng Thống Tây Đức và Hoa du của Thủ Tướng Kohl.
- Vấn đề thống nhất nước Đức được đặt ra.

Trong 6 ngày lưu lại Sô Viết Tổng thống Tây Đức Richard Von Weizsäcker đã thực hiện một sứ mạng làm ấm lại mối quan hệ Tây Đức - Sô Viết mà lâu nay đã trở nên lạnh



Tổng Thống Tây Đức được Gromyko đón tại phi trường

nhạt sau khi Thủ tướng Helmut Kohl của Tây Đức tuyên bố Gorbachow cũng giống như Joseph Goebbel, xếp về tuyên truyền của Hitler, khi Gorbachow kêu gọi triệt thoái các hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử ở Đông và Tây Âu.

Một sự kiện quan trọng được ghi nhận trong chuyến Nga du lần này của Von Weizsäcker là trong buổi tiệc khoản đãi phái đoàn Tây Đức ở điện Cẩm Linh, Tổng thống Tây Đức đã đặt vấn đề thống nhất nước Đức với giới lãnh đạo Mac Tư Khoa. Đây là vấn đề từ lâu vẫn là mối lo ngại của Sô Viết, vấn đề được đặt ra sau 43 năm nước Đức bị chia rẽ và chia hai. Weizsäcker trong tư cách Tổng thống Cộng Hòa Liên Bang Đức đã mang vấn đề thống nhất xứ Đức đã đặt thẳng với giới lãnh đạo Nga là một trong những nước đã chủ trương chia cắt và chiếm đóng lãnh thổ Đức: "Người Đức ngày nay sống ở 2 vùng Đông, Tây riêng biệt nhưng không lúc nào ngừng nghĩ, nghĩ rằng họ đang sống trong một quốc gia".

Qua ngày kế tiếp gặp lại Tổng bí thư Cộng đảng Sô Viết Gorbachow Von Weizsäcker lại lặp lại vấn đề này và đặt câu hỏi "tại sao câu hỏi của người Đức vẫn bị đóng kín". Trong cuộc Nga du lần thứ 4 này, vấn đề 2 triệu người Nga gốc Đức cũng được thảo luận. Kết thúc cuộc viếng thăm Tổng thống Tây Đức đã tuyên bố "một giai đoạn mới được mở ra cho mối quan hệ Tây Đức - Sô Viết, bắt đầu từ nay và sẽ còn tiến xa hơn nữa, nếu tinh thần của cuộc cách mạng mới ở Sô Viết được tiếp tục

thực hiện qua chính sách mở cửa". Tháp tùng chuyến Nga du này của Weizsäcker có ngoại trưởng Genscher Hai ngoại trưởng Sô Viết - Tây Đức đã thảo luận vấn đề triệt hạ các hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử ở Đông và Tây Âu. Cùng một số vấn đề Nga Mỹ sẽ trở lại bàn hội nghị ở Genève.

Một khác theo tin tức của báo chí thế giới, với những lời bình luận úp mở, chuyến Nga du của Tổng thống Tây Đức lần này được sự đón tiếp nồng ấm của giới lãnh đạo Sô Viết là để đáp lại "món quà" Tây Đức đã giúp Gorbachow qua vụ thanh niên Tây Đức 19 tuổi lái chiếc Cessna 172 vào ngày 29.5.87 đáp xuống công trường điện Cẩm Linh. Sự việc này giúp Gorbachow có lý do loại một loạt đám tướng lãnh nặng đầu óc bảo thủ, âm mưu chống phá chính sách cởi mở của Gorbachow.

Song song chuyến Nga du của Weizsäcker, Thủ tướng Tây Đức Helmut Kohl cũng mở cuộc viếng thăm Trung Quốc. Nhiều cuộc thảo luận giữa Kohl và giới lãnh đạo đảng CS Trung Quốc đã diễn ra. Như chúng ta biết trong mấy năm qua Tây Đức đã nhảy vào thị trường màu mỡ với 1 tỷ 2 dân của Trung Quốc. Rất nhiều chuyên viên kỹ thuật đã được Trung Quốc thuê mướn từ Tây Đức để làm cố vấn cho các chương trình phát triển kỹ nghệ của Trung Quốc, cũng như Tây Đức đã bán lại cho Trung Quốc các máy móc cũ, với giá rẻ, để Trung Quốc có thể sản xuất và thích ứng với trình độ khởi đầu của một cuộc cách mạng kỹ nghệ ở Trung Hoa.

Với dân số 60 triệu, kinh tế đang trong thời kỳ sung mãn, năm qua nền ngoại thương Tây Đức tăng dư 63 tỷ \$US. Sau 43 năm đất nước Đức bị chia 2, người dân Đức đã vươn lên trong niềm tự hào dân tộc và đã bắt đầu đặt vấn đề với những trách nhiệm trong vấn đề chia cắt quê hương họ. Có lẽ vào một ngày không xa với sự lớn mạnh về kinh tế tiếng nói khát khao thống nhất đất nước của dân chúng 2 miền Tây Đông Đức bắt buộc các thế lực siêu cường Nga Mỹ phải xét lại toàn bộ vấn đề. Dù rằng việc thống nhất xứ Đức là một mối lo ngại cho cả Mỹ lẫn Nga.

HỒNG KÔNG

● Những tháng năm thoi thóp chờ Tàu cộng tiếp thu.

Theo như sự ký kết giữa Anh Quốc và Trung Cộng, vào 1997 Anh phải trao hoàn Hồng Kông cho Trung Quốc. Sau đó xứ này được hưởng một quyền đặc biệt về hành chính 50 năm kế tiếp. Một số quyền tự do vẫn được duy trì trên quốc gia nhỏ bé này. Tuy nhiên người dân Hồng Kông vẫn cảm thấy lo sợ về những lời hứa hẹn của giới Lãnh Đạo Cộng Sản Trung Quốc. Cho tới nay sự giao động đã thực sự trở thành vấn đề, khi nhiều dấu hiệu cho thấy chính sách mở cửa của Trung Quốc đang bấp bênh. Liệu khi Đặng Tiểu Bình chết đám lãnh tụ còn lại của Trung Quốc có thực thi những điều đã hứa hẹn rồi không?

Mới đây Viện Đại Học Hồng Kông có làm một bản thăm dò trong giới công chức chính quyền Hồng Kông thì 33% nói sẽ ra đi khi hạn kỳ 1997 Hồng Kông trao về chính quốc. Còn trong thành phần dân chúng thì hầu hết giới có máu mặt đã chuẩn bị rời khỏi Hồng Kông. Con số ra đi ngày một gia tăng rõ rệt. Họ là những chuyên viên kinh tế, tài chính, thương mại, kỹ nghệ đầy kinh nghiệm cho nên 3 quốc gia Úc, Canada và Mỹ đã sẵn sàng tiếp đón họ. Chỉ trong năm qua có 10.000 dân Hồng Kông đã di dân qua lập nghiệp ở Canada. Ngay từ giữa 1983 khi Anh và Trung Quốc chuẩn bị ký kết hiệp ước trao trả Hồng Kông về cho Trung Quốc đã có 30.000 người nhanh chân qua Canada, và 18.000 người qua Úc. Tại Mỹ chính sách thu nhận người tỵ nạn Đông Nam Á giới hạn tuy nhiên cũng đã tăng từ 600 lên 5000 trong năm 1987 này. Cho tới nay có trên 20.000 dân Hồng Kông đã chạy qua Mỹ, và hiện tại còn 35.000 dân đang chờ đợi được chấp thuận di dân qua Mỹ sinh sống. Mới đây chính quyền Hồng Kông loan báo vào ngày 15.5.87 con số người rời khỏi Hồng Kông được ghi nhận như sau: từ 1980 đến 1984 có 100.000 người ra đi; trong 2 năm 1985-1986 trên 25.000 người và có 183.868 người đã ra đi trong 10 năm qua. Một khác cũng có khoảng 8000 người Hồng Kông đã có quốc tịch khác rồi quay trở lại Hồng Kông sinh sống. Cho tới

nay người ta lo ngại rằng Hồng Kông rồi đây chỉ còn lại những thành phần nghèo, ít học và kém chuyên viên hàng trung vì không đủ khả năng để ra đi. Một khác chính sách chiêu dụ các chuyên viên có trình độ cao của Hồng Kông đã được Úc, Canada đón tiếp ân cần. Tại Úc 60% đến 70% di dân Hồng Kông được đón nhận với diện đoàn tụ gia đình, trong đó có trên 580 nhà thương mại hàng quốc tế, họ đang mang theo một số tài sản lớn lao tới Úc. Trong khi đó chính phủ Trung Quốc đã cảm thấy lo sợ về tình trạng "xuất nao" này của Hồng Kông, tuy nhiên họ không có cách nào ngăn chặn được.

Hàng ngàn dân Hồng Kông đã chuẩn bị phát mãi tài sản của họ bằng cách cho vợ con họ qua Canada, Úc, Mỹ trước. Trong 3 năm qua tại các thành phố lớn của Canada, Úc như Vancouver và Sydney có những "khu phố giá phụ". Vì một số dân Hồng Kông sau khi có quốc tịch các xứ Úc, Canada, Mỹ, họ lại quay lại Hồng Kông làm ăn vớt vát. Theo các chuyên viên ngoại giao ở các sứ quán Úc và Canada ở Hồng Kông thì chỉ trong 12 tháng qua có 100 chuyên viên ngân hàng cấp cao đã từ chức ra đi. Riêng 2 ngân hàng lớn của Hồng Kông là Hồng Kông Bank và Shanghai Banking Corp, 40 trong số 300 chuyên viên của các ngân hàng chi nhánh đã từ chức trong 3 tháng qua để ra đi ngoại quốc.

Có lẽ tới hạn kỳ 1997 khi Hồng Kông trở về chính quốc, thì xứ Hồng Kông chỉ còn lại cái vỏ với tiếng tăm của một thời vang bóng là một trung tâm tài chính, thương mại thứ 3 thế giới sau London, New York,...

AI CẬP

● Trở lại thân Nga.

Nhiều năm trước đây giới lãnh đạo các xứ Hồi giáo Bắc Phi và Trung Đông đã đưa ra một lập luận: "Nếu anh muốn chiến tranh thì anh hãy bắt tay với Sô Viết, còn nếu anh muốn hòa bình thì hãy kết giao với Mỹ". Ngày nay vấn đề đã có những thay đổi trong hơn năm qua với chính sách mới hòa mĩ của Sô Viết. Từ Bắc Phi tới các xứ vùng Trung Đông, Sô Viết đã theo đuổi một chính sách thường mại mới. Vấn đề buôn bán

trao đổi hàng hóa với các xứ Bắc Phi được đưa lên hàng đầu. Sau khi Mỹ thất bại ở Lebanon, rồi vụ Scandal bán vũ khí cho Iran bại lộ. Sô Viết đã nhanh chân nhảy vào vùng Bắc Phi và Trung Đông, thay vì bằng xe tăng phi pháo như trước đây. Nay Sô Viết đã nhẹ nhàng bước vào vùng đất máu lửa những chiến lược này một cách êm thấm và từ từ bắt đầu ra khỏi đây. Sự việc trên đã được ghi nhận qua lời tuyên bố mới đây của Tổng thống Hosni Mubarak của Ai Cập quốc gia đã nhận 20 tỷ \$US viện trợ của Mỹ từ 1975 tới nay, nói với ký giả một tạp chí của Saudi. "Liên hệ Ai Cập - Mỹ thì như thế nào?" Mubarak trả lời "bình thường", còn đối với Sô Viết, Mubarak nói "họ rất tốt". Lý do của vấn đề này khi mới đây Hoa Kỳ thúc dục Ai Cập trả số nợ 4,6 tỷ \$US tiền mua vũ khí thiếu, mà lãi suất 14%. Sô Viết đã nhanh tay cho Ai Cập miễn 3 tỷ \$US, hạn kỳ trả trong 25 năm. Tháo ra Sô Viết chẳng là thứ "hiệp sĩ" cầu khó phò nguy gì, mà muốn từ từ trở lại Ai Cập và vùng Bắc Phi.

Năm ngoài Sô Viết đã có cuộc gặp gỡ các phe nhóm trong lực lượng giải phóng Palestine, gồm lãnh tụ Arafat và 2 lãnh tụ của nhóm khác hoạt động ở Damascus. Trong khi đó chính quyền Syrian thân Nga, được lệnh gia tăng quan hệ với các xứ láng giềng. Tháng 4/87 sau khi đi Mac Tư Khoa, Assad Tổng thống Syrian đã bí mật gặp Tổng thống Irak, Saddam Hussein, kể thù lâu năm của Assad.

Như chúng ta biết 1972 Sô Viết đã thất bại ở chế ở vùng Bắc Phi và Trung Đông khi Tổng thống Sadat của Ai Cập lúc bấy giờ đã bỗng nhiên tuyên bố đòi Sô Viết phải nhanh chóng rút 20.000 cố vấn ra khỏi Ai Cập trong một hạn kỳ khẩn cấp. Bắt đầu 1984 Ai Cập với Tổng thống Mubarak, người kế vị Sadat sau khi Sadat bị tử nạn trong một vụ ám sát đã bắt đầu tái lập quan hệ dần dần với Sô Viết. Vào 3.87 Ai Cập và Sô Viết đã ký kết một thường ước giá trị trong 5 năm, trị giá 600 triệu \$US, trao đổi buôn bán giữa 2 nước. Tới nay Ai Cập là xứ Bắc Phi có buôn bán đứng hàng thứ 2 sau Lybia với Nga.

Một biến cố khác ở vùng này là một phái đoàn Sô Viết đã được giới tới Do Thái để thảo luận vấn đề Sô

Viết cho ra đi những người Nga gốc Do Thái theo giáo phái Orthodox hiện sống ở Nga. Đây là lần đầu tiên một phái đoàn Nga thăm Do Thái từ 1967. Còn vùng vịnh Persian, thì ảnh hưởng Sô Viết ngày một rõ ràng hơn. Sô Viết đã dẫn đầu các xứ yểm trợ vũ khí cho Irak; Sô Viết cũng ký một thoả ước với Irak tháng 12 /86 vừa qua.

Trong khi đó vào đầu 7/87 vừa qua Đại sứ Mỹ ở Liên Hiệp Quốc, Vernon Walters, đã qua Mạc Tư Khoa để thảo luận về vấn đề giải quyết trận chiến ở Trung Đông. Nga đã đồng ý mở một cuộc hội nghị quốc tế bao gồm các xứ liên hệ những Iran đã bác bỏ. Cho tới nay thế lực của Sô Viết đã trở nên mạnh mẽ ở Trung Đông. Chính sách ngoại giao tiên hậu bất nhất của Mỹ, cũng như sự thiếu đồng lòng của các xứ đồng Minh Mỹ, Nga đã nghiêm nhiên trở lại vùng Bắc Phi và Trung Đông trong thế thống phong.

PANAMA

● Lebanon thứ 2 ở Trung Mỹ ?

Sau Haiti, Phi luật Tân và Đại Hàn - Panama, một xứ nhỏ nằm ở Trung Mỹ Châu, đang có vị thế chiến lược quan trọng với con kinh đào Panama nối liền Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Trong những tháng qua đã bắt đầu được hâm nóng trong sinh hoạt chính trị, khi Mỹ muốn thực hiện một chính sách thanh lọc hàng ngũ các giới lãnh đạo trong các xứ đồng minh của Mỹ. Các chính phủ độc tài, tham nhũng kiểu Marcos của Phi luật Tân được khuyến cáo hay áp lực phải sửa sai, hoặc từ chức. Tướng Manuel Antonio Noriega của xứ Panama đã có trong danh sách những lãnh tụ độc tài tham nhũng và ít thiện cảm với Mỹ. Đó là lý do để khởi đầu những cuộc xuống đường đòi dân chủ ở Panama trong mấy tuần qua.

Lẽ ra không khí thủ đô Panama City tràn ngập một niềm hân hoan của dân chúng để chuẩn bị một đám cưới vương giả là con gái thứ 3 của tướng Noriega lấy chồng. Nhưng khói cay, gạch đá, tiếng hò hét đã vang dội trên các đường phố chính của thủ đô, khi hàng ngàn người biểu

tình hô to những khẩu hiệu đòi Noriega từ chức, thề thốt nên dân chủ. Khởi đi từ tháng 6/87 khi nhân vật đứng hàng thứ 2 trong chính phủ của Noriega lên tiếng chống chính sách độc tài của Noriega. Sau đó chính quyền đã ban bố tình trạng khẩn cấp trên toàn cõi, và cấm các vụ tập họp biểu tình chống chính phủ. Nhưng chỉ 3 ngày sau khi tình trạng khẩn cấp được ban hành, biến loạn đã xảy ra, hàng ngàn dân chúng Panama đã lũ lượt kéo nhau xuống đường chống chính phủ. Đáp lại, tướng Noriega đã dùng cảnh sát đàn áp thẳng tay.

Manuel Antonio Noriega 49 tuổi, ra đời trong một gia đình nghèo, nhưng vì có chí nên đã cố theo học ngành y khoa ở Đại học Panama. Sau



Quân đội và cảnh sát đã dùng lựu đạn cay để giải tán một đoàn biểu tình trong thành phố

đó được học bổng của tướng Võ bị Peru. Năm 1962 tốt nghiệp và mang cấp bậc Trung úy trong lực lượng về binh quốc gia Panama. Năm 1968 Noriega ủng hộ tướng Omar Torrijos lên nắm quyền, qua năm 1970 ủng hộ phe đảo chánh lật Torrijos. Noriega được giao nắm chức vụ xếp cơ quan tình báo Panama. Hơn 13 năm trong chức vụ này, và tới năm 1985 Noriega đã trở thành Tổng tư lệnh quân đội và trước đó 1984 vì tổng thống dân cử của Panama là Eric Arturo Delvalle đã bị ám sát chết, Noriega đã trở thành người quyền thế nhất ở Panama. Dưới tay một lực lượng quân đội 12.000 người so với dân số 2 triệu 2, Noriega đã chủ trương một chế độ độc tài quân phiệt, khuyến khích mọi quyền hành của chính phủ dân cử và có kình hăng chống Mỹ.

Điều này làm Mỹ lo ngại cho tương lai thế lực của Mỹ ở kinh đào Panama sẽ bị mất, nơi Mỹ đã bỏ ra nhiều tiền bạc và công sức. Cho tới nay Mỹ đã thực sự lo ngại Panama sẽ trở thành một Lebanon thứ 2 ở Trung Mỹ Châu.

Mới đây một nhà cựu ngoại giao Panama hiện ở Mỹ tuyên bố "Panama sẽ không có yên ổn khi Noriega còn nắm quyền". Một khó khăn cho Mỹ là hiện nay tại Panama không có một lãnh tụ đối lập nào khả dĩ cuốn hút được quần chúng như các lãnh tụ đối lập ở Đại Hàn và Phi. Cho tới nay Đại tá Roberto Diaz Herrera 49 tuổi người đang được Mỹ đánh bóng, để trở thành đối thủ của Noriega vẫn chưa tạo được hấp dẫn nơi quần chúng.

PHI LUẬT TÂN

● Marcos mà tính chuyên trở về, hay trở chơi áp lực của Mỹ với Tân chính phủ.

Tháng 2/1986 bầu đoàn thể tử của Ferdinand Marcos, sau gần 20 năm nắm quyền ở Phi, đã phải khấn gó ra đi trong tức tưởi. Sau hơn một năm lưu lạc xứ người, Marcos vẫn mãi tham vọng trở lại nắm quyền tại xứ Phi. Vào tháng 6/87 vừa qua Marcos đã toan tính làm một cuộc đảo bô lên Phi sau khi có kế hoạch mua 16 triệu \$US chiến cụ gồm hỏa tiễn Stinger, súng M.16, xe tăng và lựu đạn để trang bị cho một lực lượng gồm 10.000 quân. Tất cả sự kiện trên đã bị một "lái súng" người Mỹ tên Robert Gastain ghi âm trong một hãng nhả và đem trình trước ủy ban đặc trách Thái Bình Dương ở Á Châu của Quốc Hội Mỹ cùng một bản sao cho chính phủ của Tổng thống Aquino. Sự việc được tiết lộ, chính phủ Reagan đã lên tiếng cấm cựu Tổng thống Phi Marcos không được dùng lãnh thổ Mỹ làm căn cứ để mưu tính việc khôi phục quyền lực. Hai nhân viên cao cấp của bộ ngoại giao và tư pháp Mỹ đã bay tới Honolulu nơi Marcos đang sống để lên tiếng cảnh cáo. Một khác chính phủ Mỹ cũng tuyên bố nếu Marcos muốn rời khỏi Honolulu tới sinh sống ở bất cứ quốc gia nào tùy ý, nếu được xứ đó đón nhận và không có sự phản đối

của chính phủ đương thời ở Phi. Theo một số báo chí thế giới tiết lộ kế hoạch đổ bộ của Marcos được dự trữ như sau : Marcos sẽ di chuyển tới đảo Tonga, một đảo độc lập ở Nam Thái Bình Dương, tại nơi đây Marcos gặp gỡ các lực lượng đồng minh của ông. Rồi từ đây lực lượng của ông sẽ đổ bộ bằng thuyền lên tỉnh Ilocos Norte, là nơi sinh trưởng của Marcos, và từ đó sẽ tấn công các đảo khác, cũng như kế hoạch bắt nữ Tổng thống Aquino làm con tin, nhưng không giết bà ta.

Như chúng ta biết Phi Luật Tân gồm 7100 đảo với dân số 54 triệu. Sau gần 20 năm dưới sự lãnh đạo của Marcos đất nước Phi đã rơi vào tình trạng bi thảm, nạn tham nhũng, hối lộ và xã hội đầy dẫy những bất công. Hơn 70% dân Phi sống trong tình trạng nghèo đói; trong khi đó gia đình và vây cánh của Marcos nắm giữ trong tay tất cả những ruộng đất và cơ xưởng kỹ nghệ. Sự bất công của xã hội là môi trường tốt cho sự lớn mạnh của các tổ chức du kích công sản. Cho tới đầu 1986 lực lượng du kích CS chống chính phủ đã lên con số gần 20.000 tay súng, chiếm cứ rất nhiều vùng thôn quê và kiểm soát một số dân khá lớn trong số 54 triệu dân Phi. Tháng 2/1986 sau gần 3 năm kể từ khi cái chết của Aquino, một lãnh tụ đối lập sau nhiều năm lưu vong ở Mỹ trở về nước, nhưng đã bị Marcos cho đàn em hạ sát ngay tại trên phi cơ bước xuống tại phi trường Manila. Cái chết của Aquino đã tạo sôi động cho sinh hoạt chính trị ở Phi. Hàng ngày tại thủ đô Manila, hàng trăm ngàn dân Phi biểu tình chống chính phủ. Sự công phẫn của dân chúng ngày một gia tăng, trong khi đó du kích quân CS cũng tăng cường các cuộc tấn công vào các cơ sở của chính phủ. Mặt khác các phong trào nhân dân đã có sự xâm nhập của cán bộ CS và khuyến khích biểu tình chống chính phủ lúc ban đầu đã chuyển qua chống Mỹ và đặt vấn đề 2 căn cứ Mỹ trên đất Phi. Thấy thế nhân dân ngày một lớn mạnh Mỹ bắt đầu lo ngại, cũng như giới lãnh đạo tinh thần của dân chúng Phi là các giám mục giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã cũng đứng về phía nhân dân. Chính phủ Mỹ đã phải thay đổi lập trường về sự ủng hộ chính phủ Marcos. Tháng 2/86 cuộc bầu cử tổng thống đã diễn ra trên toàn

lãnh thổ Phi; tuy dùng tất cả các thủ thuật mua phiếu, hăm dọa, ám sát v.v... Marcos chỉ đạt được số phiếu hơn góa phụ Aquino chút chao. Nhưng ngay khi tuyên bố thắng cử, hàng triệu dân Phi đã ào ạt xuống đường phản đối Marcos, đòi Marcos rút lui. Trước áp lực của nhân dân và Mỹ, Marcos đã phải từ chức và ra đi khỏi Phi.

Góa phụ Aquino được tin nhiệm làm Tổng thống, tính cho tới nay sau hơn một năm nắm quyền, Aquino đã ban hành một tân hiến pháp sau cuộc trưng cầu dân ý, thực hiện nhiều cải cách xã hội, mở những cuộc trưng bày thuyết với du kích CS, bầu cử tân quốc hội, cùng các hội đồng tỉnh xã, và mới đây ban hành chính sách san định ruộng đất "người cày có ruộng". Có những dấu hiệu khá quan trọng công cuộc cách mạng xã hội của tân chính phủ. Tuy nhiên nữ Tổng thống Aquino cũng còn rất nhiều khó khăn ...

NHẬT

. Vô đầu cho đám "lái buôn" Nhật.

Chỉ trong năm 1986 nền ngoại thương Nhật đã thặng dư 101 tỷ \$US giữa số xuất và nhập. Trong khi đó mức độ mua bán của nền ngoại thương Mỹ thâm thủng 200 tỷ \$US. Hàng hóa Nhật đã tràn ngập trên thị trường Mỹ, bất cứ người dân Mỹ nào trong gia đình cũng sử dụng ít nhất 2, 3 món hàng mang nhãn hiệu sản xuất của Nhật. Trong khi đó nhiều mặt hàng của Mỹ đã bị hàng hóa Nhật cạnh tranh kịch liệt. Ngay xe hơi là một trong những kỹ nghệ đứng hàng đầu ở Mỹ, nay đã bị các hàng xe Nhật đánh mất mối hàng. Hàng trăm ngàn xe Nhật đã được khách mộ điệu Mỹ mua mỗi năm. Ngoài ra chưa kể các thứ hàng gia dụng khác như Tivi tủ lạnh, máy móc điện tử, ... đã tràn ngập trên các đường phố Mỹ. Đó là nguyên do khiến nhiều xí nghiệp Mỹ thua lỗ, phải đóng cửa, hay kêu gọi sự hợp tác của tư bản Nhật để chịu đứng ra làm đại lý cho các cơ xưởng kỹ nghệ của Nhật. Dù đi nay Nhật đã trở thành quốc gia kỹ nghệ đứng hàng đầu thế giới, qua mặt Mỹ. Nhưng giới tư bản Nhật vẫn quyết tâm tiến

xa hơn nữa, bằng cách mở rộng thị trường buôn bán, không kể tư bản hay công sản, miễn là bán được hàng hóa và thu lợi là được. Trong tình thần "lái buôn" này, công ty Toshiba, một trong những đại xí nghiệp của Nhật mới đây đã bán cho Sở Việt hệ thống điện tử hàm thanh giúp cho tàu ngầm của Sở Việt có thể thoát khỏi hệ thống radar kiểm soát vì do tiếng động của máy gây ra. Được biết hãng Toshiba đã qua trung gian của hãng Kongsberg của Na Uy để bán hệ thống điện tử trên cho Sở Việt. Khi tin tức này được loan ra, Thượng Viện Mỹ đã nhóm họp, một cuộc biểu quyết đã diễn ra với 92 phiếu thuận 5 phiếu chống : đã cấm 2 hãng Toshiba của Nhật và Kongsberg của Na Uy từ 2 tới 5 năm không được bán bất cứ mặt hàng nào trên đất Mỹ. Tuy nhiên dù luật này còn phải chuyển qua hành pháp, nếu chính quyền Reagan phê chuẩn thì nó trở thành luật, còn nếu không thì sẽ chuyển lại quốc hội. Tuy nhiên với đa số tuyệt đối trong lần biểu quyết đầu người ta nghĩ rằng nó sẽ trở thành đạo luật. Và đây là đòn trừng phạt nặng của Mỹ dành cho Nhật và cũng là lời cảnh cáo đầu tiên của Mỹ đối với các xí đồng minh của Mỹ, khi nhiều quốc gia đồng minh Mỹ trong những năm qua đã không cùng quan điểm với Mỹ trên nhiều lãnh vực chính trị, kinh tế, quân sự... trong việc chống Sở Việt.

Quyết định của Mỹ khiến giám đốc và chủ tịch công ty Toshiba trung ương đã tuyên bố từ chức chỉ một giờ sau khi công ty làm lễ kỷ niệm 112 năm ngày thành lập công ty tại Tokyo.

Trong khi đó sau khi quốc hội bỏ phiếu, Tổng trưởng quốc phòng Mỹ Weinberger đi Nhật đã hội kiến với thủ tướng Nhật Nakasone. Trong cuộc đàm đạo này Thủ tướng Nhật hứa sẽ giúp Mỹ chế tạo các máy móc chống tàu ngầm.

Như chúng ta biết hồi đầu năm nay, tại Mỹ đã có một phong trào tẩy chay hàng Nhật được phát động. Nhiều cuộc biểu tình, đốt xe, và các thứ hàng Nhật đã diễn ra. Tuy nhiên đã không gây được ảnh hưởng lớn, vì dân Mỹ hiện nay rất yêu thích hàng Nhật với lý do rẻ, đẹp..

• Quân luật tại b' sau 38 năm.

Năm 1949 sau khi lục địa Trung Hoa bị hồng quân của Mao Trạch Đông tràn ngập. Thống chế Tưởng Giới Thạch cùng bầu đoàn thể từ đảo chạy ra đảo Đài Loan. Tại hòn đảo nhỏ nhoi này, Tưởng môi thùm vong một ngày tái trở lại chính quốc; nhưng niềm mơ ước của Tưởng đã theo Tưởng về bên kia thế giới vào 5.4.1975, lúc Tưởng 88 tuổi. Con trai Tưởng là Tưởng Kinh Quốc kế vị cha.

Ngày từ 19.5.1949 khi ra chiếm cứ đảo Đài Loan làm chỗ nương thân, Tưởng đã cho ban hành chế độ quân luật tại đây. Lúc đó dân số của đảo là gần 7 triệu và hơn 1 triệu từ chính quốc chạy ra. Với chế độ quân luật nhiều quyền tự do đã bị giới hạn; nhưng đã giúp cho đảo Đài Loan ngày một trở nên thịnh vượng. Cho tới nay với dân số 16 triệu 6 trong diện tích toàn đảo là 35.981km², Đài Loan đã trở thành trung tâm thương mại đứng hàng thứ 15 trên thế giới. Mức sống của người dân Đài Loan không thua kém Nhật và Đại Hàn bao nhiêu.

38 năm sống trong chế độ quân luật, ngày nay trước phong trào đòi hỏi dân chủ ngày một lan rộng, từ Phi Luật Tân qua Đại Hàn, chính phủ của Tổng thống Tưởng Kinh Quốc đã đánh hơi thấy niềm mong đợi của dân chúng Đài Loan; cũng như ý muốn của Mỹ muốn các xứ Đông Minh phải thực thi dân chủ, cải tạo xã hội để đứng đầu với chế độ độc tài của CS. Thay vì đề' làn sóng chống đối bùng nổ lên như ở Phi và Đại Hàn, Tưởng Kinh Quốc đã khôn khéo tuyên bố hủy bỏ tình trạng quân luật vào ngày 15.7 vừa qua, và mở đầu một kỷ nguyên mới thực thi dân chủ. Mới đây phát ngôn viên chính phủ Đài Loan tuyên bố vào năm 2000 dân chúng Đài Loan sẽ hoàn toàn hưởng quyền tự do. 23 tù nhân chính trị đã được phóng thích sau nhiều năm bị cầm tù. Tuy nhiên các quyền tự do cũng còn bị giới hạn. 319 ghế trong quốc hội trong đó 255 ghế là những người được bầu trong quốc hội ở lục địa trước 1949 khi chính phủ Tưởng Giới Thạch kéo nhau chạy ra đảo Đài Loan chỉ có 64 ghế là mới được bầu. Mới

đây lãnh tụ Đảng Dân Chủ cấp tiến lên tiếng chống đối và cho rằng chính sách cởi mở của chính phủ Tưởng quá chậm chạp. Tưởng Kinh Quốc năm nay 77 tuổi thay cha làm Tổng thống tới chết từ 1975. Ngoài ra mẹ Tưởng Kinh Quốc là bà Tổng Mỹ Linh hiện đang an hưởng tuổi già ở Long Island (Mỹ) nơi dành cho những giới thượng đẳng giàu sang của thế giới cư ngụ. Năm ngoái bà Tổng Mỹ Linh đã trở về Đài Loan và báo chí thế giới đã tiên đoán chuyển về nước của bà sẽ ảnh hưởng tới việc thực thi nền dân chủ ở Đài Loan. Như chúng ta biết bà Tổng Mỹ Linh là 1 trong những người đàn bà nổi tiếng của thế kỷ 20 ở Đông phương. Sự thất bại của chính phủ Tưởng Giới Thạch trước Mao Trạch Đông một phần cũng do sự khuyến loát quyền hành và tham nhũng của bà, làm một số tướng lãnh đã bỏ Tưởng theo Mao, khiến toàn lục địa Trung Hoa đã nhanh chóng lọt vào tay Mao.

Với trường hợp của Marcos ở Phi và Gam Doo Hwan ở Đại Hàn hiện nay ... chắc chắn Tưởng Kinh Quốc rút ra bài học : thế nào là sức mạnh của khối nhân dân. Người ta hy vọng rằng trong một tương lai gần, hơn 16 triệu dân Đài Loan sẽ được hưởng những quyền tự do căn bản mà lâu nay bị giới hạn.

PHÁP

• Chiến tranh sứ quán Pháp - Iran.

Wahid Gordji, 34 tuổi người Iran, thuộc phía sứ quán Iran cho là nhân viên thông dịch. Nhưng phía an ninh Pháp cho là khủng bố quân, người có dính dáng tới các vụ nổ ở Paris vào tháng 9 năm ngoái, giết 11 người và làm bị thương 161 người Cảnh sát Pháp muốn bắt giữ Gordji để đưa ra tòa hầu lần ra manh mối các nhóm khủng bố. Nhưng Gordji đã chạy vào ẩn nấp trong sứ quán Iran ở Paris. Quốc bạo vây sứ quán Iran bắt đầu, tất cả những người ra vào sứ quán đều bị xét hỏi cẩn thận. Đáp lại Iran cũng cho lực lượng an ninh bao vây sứ quán Pháp ở Tehran. Trên chiến tranh giữa 2 sứ quán mỗi lúc một gia tăng cường độ: 45 nhân viên sứ quán Iran ở Paris không được

xuất nhập khỏi sứ quán. Tại Tehran 15 nhân viên thuộc sứ quán Pháp cũng bị tình trạng tương tự.

Trong khi đó tại Paris, 1 luật sư Pháp Christian Bourget đại diện cho chính phủ Iran tại Paris đã tuyên bố "nếu chính phủ Pháp không giải quyết vấn đề, dân chúng Iran có thể sẽ tấn công vào sứ quán Pháp ở Tehran và bắt nhân viên sứ quán làm con tin, như Iran đã làm với sứ quán Mỹ 1979". Trong khi đó phía chính phủ Pháp mỗi lúc trở nên cứng rắn hơn. Thủ tướng Chirac sau khi hội kiến với Tổng thống Pháp Mitterrand, ngoại trưởng Raimond và tổng trưởng nội vụ Pasqua, Chirac tuyên bố sẽ cắt đứt ngoại giao với Iran nếu Gordji không chịu ra trước tòa khai sự thật về hành động của y "Chúng tôi sẽ không chờ đợi lâu, chúng tôi sẽ làm tất cả những gì cần thiết để duy trì công lý". Vào ngày 14/7, ngày phá ngục Bastille, Tổng thống Pháp Mitterrand đã trả lời một cuộc phỏng vấn trên hệ thống truyền hình Pháp, ông nói Gordji phải ra trước tòa án bởi luật là luật, và một người Iran cũng như những người khác, ai cũng phải tuân hành luật pháp".

Trong khi đó tại biên giới Thụy Sĩ - Pháp, Mohsen Aminzadeh, 28 tuổi người Iran, đã bị an ninh biên phòng Pháp đánh b' đầu phải vào nầm nhà thương. Khi Aminzadeh đã tử chối không cho nhân viên cảnh sát Pháp xét 1 túi, mà cảnh sát Pháp nói túi đựng các hồ sơ mật. Nội vụ xảy ra khi phía an ninh Pháp cho biết Aminzadeh từ Thụy Sĩ qua Pháp và qua khu vực an ninh Thụy Sĩ vào khu vực an ninh Pháp, và cảnh sát Pháp muốn xét túi đựng đồ của Aminzadeh, nhưng Aminzadeh đã giằng co và tự ném xuống đất; kế đó hắn từ đập đầu xuống sàn và đổ cho cảnh sát Pháp đã hành hung y một cách man rợ.

Tiếp theo vụ Aminzadeh, tại vùng vịnh Persian một tàu chiến Pháp mang tên Ville d'Anvers bị 2 tàu Iran nả hỏa tiễn và súng máy vào, nhưng không ai bị thương. Trong khi chính phủ Iran và Pháp căng thẳng trong quan hệ và đe dọa an ninh cho vùng vịnh Persian, phía Hoa Kỳ đã cho tàu chiến tới vịnh Golf hộ tống những tàu chở dầu của Kuwait, để ngăn ngừa một cuộc tấn công của Iran. Trong khi đó phía Iran, thủ

lãnh lực lượng mang tên vệ binh cách mạng tuyên bố sẽ mở cuộc hành quân mang tên "Martyrium" trên trời và trên biển, và sẽ xử dụng những cảm tử quân "thần phong" tấn công tất cả những tàu chiến của hạm đội Mỹ. Tại Hoa Thịnh Đốn, quốc hội Mỹ đã nhanh chóng đem vấn đề Mỹ gọi chiến hạm tới vịnh ra thảo luận và biểu quyết. Phía quốc hội đã chỉ phiếu để buộc phía hành pháp phải ngưng trong 7 tuần. Trong lúc phía chính phủ Reagan nói việc gọi hạm đội tới vịnh Persian chỉ mang tính cách phòng vệ chứ không tấn công.

Mức độ căng thẳng giữa Pháp và Iran vẫn tiếp diễn chưa biết số phận các nhân viên sứ quán 2 nước sẽ ra sao...

tin văn

● **GIẢI QUÂN VỢT DAVIS CUP 87** đang diễn ra sôi nổi trên các vận động trường ở Mỹ. Và hàng trăm triệu khán giả theo dõi qua các hệ thống truyền hình. Được biết từ năm 1978 các quốc gia đã đoạt giải này được ghi nhận như sau: 1978-USA, 1979-USA, 1980-Tiệp Khắc, 1981-USA, 1982-USA, 1983-Úc Đại Lợi, 1984-Thụy Điển, 1985-Thụy Điển, 1986-Úc Đại Lợi. Khác với các giải, giải Davis Cup mang tính cách quốc gia. Năm 1987 này có 16 quốc gia ghi tên tham dự.

● **SAID AOUITA NGƯỜI MAROC** đã trở thành người chạy nhanh nhất thế giới khi mới đây anh ta đã phá kỷ lục thế giới về môn chạy 5000 mét với 12 phút 58,39 giây được tổ chức tại La Mã. Kỷ lục thế giới trước là 13 phút cũng do Aouita đạt được.

● **HÃNG XE HỖI NISSAN CỦA NHẬT** bắt đầu tung ra thị trường các loại xe "De luxe" và giá cao như các loại xe B.M.W., và Mercedes Benz của Tây Đức, Volvo của Thụy Điển. Vào mùa thu 1989 một kiểu xe thể thao mới trên, 4 cửa giá 40.000\$US, sẽ được hãng Nissan bày bán. Trong năm qua thị trường tiêu thụ các loại xe "De luxe" của Nhật gia tăng mạnh mẽ. Năm 1986 Nhật bán được 1,3 triệu chiếc và tới 1990 sẽ tăng 1,6 triệu chiếc.

● **CHRISTOPHER LEE MARSHALL 10 TUỔI** người trẻ nhất đã bay dọc nước Mỹ và đáp xuống an toàn, dù phi trình gặp trận bão lớn.

● **MỘT SỐ PHỤ NỮ MỸ** đã tới biểu tình trước tòa đại sứ Vatican ở Hoa Thịnh Đốn thủ đô Mỹ bắt đầu từ tháng tới cho tới ngày Đức Giáo Hoàng John Paul 2 chấm dứt chuyến viếng thăm các thành phố ở Mỹ vào trung tuần tháng 9 tới đây. Các tổ chức phụ nữ này chống đối việc cấm phá thai của giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã, cũng như đòi gia tăng quyền hạn cho phụ nữ trong giáo hội.

● **NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐẦU TIÊN** của Mỹ bay trong vũ trụ là bà Sally Ride đã nói với một số dân biểu nghị sĩ Mỹ là Hoa Kỳ phải xây các căn cứ ở trên mặt trăng, gửi phi hành gia tới Hỏa tinh và đẩy xa các cuộc nghiên cứu về trái đất và hệ thống thái dương hệ, nếu không sẽ bị Sô Viết qua mặt ...

● **SAU HƠN 17 THÁNG** nắm quyền nữ Tổng thống Phi Corazon Aquino đã quyết định chương trình "người cày có ruộng". Chính phủ sẽ phân phát đất cho nông dân; mua lại các đất của các đại điền chủ. Phi là xứ đang phát triển, nông nghiệp là chính tuy nhiên đất đai nằm trong tay các đại điền chủ.

● **CẢNH SÁT TÂY ĐỨC** đã bắt được 1 tên trong nhóm khủng bố khuynh tả hoạt động ở Pháp, tổ chức Direct Action. Được biết tổ chức này đã gây ra nhiều vụ phá hoại trong những năm qua. Mới đây một số các tên cầm đầu đã bị cảnh sát Pháp tóm cổ trong một căn nhà ở ngoại ô Paris.

● **THEO BÁO CÁO** của tổ chức thống kê dân số Liên Hiệp Quốc tính tới đầu tháng 7/87 dân số thế giới đạt con số 5 tỷ người. Được biết 1811 thế giới có 1 tỷ, 1927 có 2 tỷ, 1960 có 3 tỷ tới 1974 tăng 4 tỷ và tới 7/1987 là 5 tỷ người.

● **SAU GẦN 7 NĂM** do dự, với sự chống đối của nhiều phe phái trong chính phủ Do Thái về chương trình sản xuất một loại chiến đấu cơ mang tên La Vi nay đã vượt qua. Theo dự tính 1990 Do Thái sản xuất 150 chiến đấu cơ loại này. Đặc tính của La Vi, là có thể vừa chống đỡ các hỏa tiễn phòng không và tấn công các mục tiêu dưới đất. Phi cơ

La Vi, nhỏ, nhẹ nhàng, tiên dụng cho các vụ không tập đột xuất.

● **TRÊN 40 TRIỆU KHÁN GIẢ** các hệ thống truyền hình trên thế giới đã chú ý theo dõi hai tay cao thủ đánh "bi da" của Mỹ và Anh tranh tài tại Badrutt Place Hotel ở St. Moritz Thụy Sĩ. Sau 2 giờ đọ sức, Steve Mizerak, 42 tuổi người Mỹ đã thắng Steve Davis, 29 tuổi người Anh, và lãnh giải 50.000 \$US với 1 cúp bạc.

Được biết trò chơi "bi da" (Billiards) do một sĩ quan Anh ở Ấn Độ nghĩ ra vào 1875. Khi ông ta nằm trong căn cứ chịu đựng những ngày mưa buồn bã không có gì giải trí. Cho tới nay môn chơi này đã có hàng trăm triệu người hâm mộ, và có lẽ một ngày không xa sẽ trở thành một môn thể thao trong các cuộc tranh tài ở thế vận hội.

● **ALEXANDER YAKOVLEV, 63 tuổi,** người được coi như kế hoạch gia hàng đầu trong chính sách "nới lỏng" của Gorbachow. Đã chính thức được đề cử vào Bộ Chính Trị và là người có thể một ngày rất gần được đồn lên hàng thứ 2 thay thế Ligachev. Được biết Yakovlev đã sống nhiều năm ở Canada và tốt nghiệp đại học Columbia ở Mỹ 1959 qua chương trình trao đổi sinh viên giữa 2 nước Nga Mỹ.

● **TÒA ĐẠI SỨ PHÁP Ở TEHRAN** và tòa Đại sứ Iran ở Paris đều bị cảnh sát 2 nước bao quanh và khám xét rất kỹ càng tất cả những người ra vào: nguyên do cảnh sát Pháp muốn bắt giữ Wadid Gordji người Iran và nghi ngờ y nhúng tay trong các vụ khủng bố ở Paris hồi năm ngoái. Một khác 6 con tin Pháp bị bắt ở Lebanon do nhóm khủng bố Shiite thân Iran cầm giữ, đến nay vẫn chưa được thả (xem phần tin chi tiết Pháp).

● **TỪ THÁNG 3.87** thủ tướng thuộc Đảng Xã Hội Ý Bettino Craxi từ chức. Kế đó cuộc tổng tuyển cử Đảng Dân Chủ Thiên Chúa giáo chiếm nhiều phiếu nhất nhưng không đạt mức đa số. Vấn đề dấy ra lập chính phủ gặp khó khăn, cựu Thủ tướng Craxi thì muốn lãnh tụ đảng Dân Chủ Thiên Chúa giáo, Ciriaco De Mita làm thủ tướng, nhưng Mita lại muốn Craxi tiếp tục nắm chức lại. Trong khi đó Tổng thống Francesco Cossiga lại muốn Giovanni Goria, 43 tuổi, cũng thuộc đảng Dân Chủ Thiên Chúa làm thủ tướng. Cuộc chọn lựa đang tiếp

tục, một số đảng viên Dân Chủ Thiên Chúa giáo và Xã Hội thì mong muốn một bộ mặt mới cho liên minh của 2 đảng. Câu hỏi được đặt ra, liệu Gorla có đủ sự ủng hộ để đứng ra lập chính phủ không? Kể từ 1945 đến nay, Ý đã có 47 chính phủ lên xuống thay nhau nắm quyền.

● **VÀO TRUNG TUẦN THÁNG 7**, Mỹ và Hànội đã thảo luận tiếp vấn đề giải quyết các hồ sơ của chương trình ra đi chính thức (ODP) mà hơn 18 tháng qua, chính phủ Hànội đã ngừng lại không cứu xét để cấp giấy xuất cảnh. Nay Hànội đồng ý cho Mỹ thành lập một văn phòng ở Sài Gòn để phỏng vấn các người xin xuất cảnh qua Mỹ. Mặt khác Mỹ và Hànội đã không đồng ý vấn đề giải quyết các trẻ lai.

● **ỦY BAN THẾ VẤN QUỐC TẾ** đã nhóm họp vào trung tuần tháng 7 tại Lausanne (Thụy Sĩ) để quyết định cho Bắc Hàn được đứng ra tổ chức 5 môn thể thao trong kỳ Thế Vận Hội vào 1988 được Nam Hàn đứng ra tổ chức.

● **MỸ VÀ CHÍNH PHỦ MIỀN DIỆN** đã phối hợp trong cuộc hành quân tiêu trừ ma túy tại vùng Tam giác vàng, nơi giáp ranh 3 nước Thái, Miên và Lào. Mỹ đã yểm trợ phi cơ và thuốc xịt làm chết các loài diên trùng cây thuốc, do các tổ chức buôn lậu nha phiện quốc tế trông. Ngoài ra nhóm du kích CS chống chính phủ Miên cũng lấy người lợi do thuốc phiện mang lại để mua chiến cụ chống chính phủ trung ương.

● **MỸ VÀ NHẬT** đã ký kết một hiệp ước để các công ty Nhật cùng đóng góp trong việc nghiên cứu về chương trình phòng vệ không gian (SDI).

● **TỔNG TRƯỞNG QUỐC PHÒNG PHIL RAFAEL ILETO**, đã sẽ trình Tổng thống Aquino, một kế hoạch thành lập lực lượng "nhân dân tự vệ" để chống phá các tổ chức cộng sản năm vùng.

● **SAU KHI THẤT CỬ** trong cuộc tranh cử 11.7 vừa qua, lãnh tụ đảng Tự Do đối lập ở Úc John Howard vẫn được tin nhiệm trong chức vụ chủ tịch đảng. Andrew Peacock nguyên lãnh tụ đảng và là người đối lập với Howard ở trong đảng Tự Do được chọn làm phó chủ tịch.

● **THEO TIN TỨC GIỚI TÌNH BÁO** ở Thái Lan thì trong 1986 sẽ viết

viện trợ quân sự cho CSVN là 1 tỷ 5 \$US, ít hơn năm 1985 là 9%. Ông thời Mac Lu Khoa cũng viện trợ cho Kampuchea 200 triệu \$US, và Lào 50 triệu \$US, tất cả bao gồm chiến cụ.

● **CHỈ 2 TUẦN SAU KHI** tuyên bố mức kỷ lục về số lượng thu được trong 1986 với 35 tỷ 5 \$US, do Hãng Daimler Benz thu được qua các dịch vụ sản xuất xe Mercedes Benz bán ra thì trưởng với số lợi trên 1 tỷ 08 \$US Chủ tịch Werner Breitschwerdt 59 tuổi người cầm đầu công ty này từ 1983 đã tuyên bố từ chức. Edzard Reuter 59 tuổi đã được thay thế, Reuter là nhân vật thứ 2 của công ty Reuter là con trai của nguyên thị trưởng Berlin thời trước 1945, có khuynh hướng cấp tiến trong chính trị và xã hội. Nguyên do sự từ chức của Breitschwerdt có lẽ do sự bất đồng với Alfred Herrhausen, xếp điều hành của Deutsche Bank; Ngân hàng này có 28% vốn hùn trong công ty Daimler Benz.

● **ĐÃ TRÁI QUA 5 NĂM** với tổn phí trên 10 triệu \$US, cảnh sát Mỹ vẫn không tìm ra tung tích nhóm giết người mang tên "giòng sông xanh". Tất cả máy móc tinh vi, cũng như các chuyên viên săn người thường thắng của F.B.I. đã bỏ tay. Số nạn nhân bị giết ngày một gia tăng. Chỉ trong vòng 20 tháng có 46 người bị giết, và 9 phụ nữ bị ghi nhận mất tích.

● **SYLVESTER STALLONE**, 41 tuổi và cô vợ cao giê gốc Đan Mạch Brigitte Nielsen (24 tuổi) đã chuẩn bị ly dị sau 19 tháng lấy nhau. Stallone đã trở thành tài tử thượng hạng của điện ảnh thế giới qua loạt film Rambo và Rocky; số thu trên 1 tỷ \$US

● **LE CLIP**, một loại đồng hồ thời trang của Thụy Sĩ đã được tung ra thị trường từ năm qua, đã khiến cho nghề sản xuất đồng hồ của Thụy Sĩ chiếm lại vị thế hàng đầu, sau 1 thập kỷ đã bị đồng hồ Nhật đánh mất. Chỉ trong 11 tháng, trên 1 triệu đồng hồ Le Clip đã bán hết và người ta ước tính trong năm nay 2,5 triệu cái sẽ bán hết trong các cửa tiệm ở khắp nơi trên thế giới.

● **PAT CASH**, 22 tuổi, người Úc Đại Lợi đã đánh bại tay quần vợt số 1 thế giới của Tiệp Khắc Ivan Lendl với các bàn thắng 7-6, 6-2 và 7-5. Cash đã lãnh cúp Wimbledon của 1987

Được biết năm ngoài Boris Becker của Tây Đức đã đoạt giải Tennis cao quý này.

● **23 NGƯỜI CHẾT VÀ 8 NGƯỜI MẤT TÍCH** khi khoảng 330 người gồm Pháp, Hòa Lan, Bỉ đang cắm trại nghỉ hè tại vùng Le Grand Bornand của Pháp năm sát biên giới Thụy Sĩ thuộc làng Alpine. Khi số người trên đang an hưởng những ngày hè ấm áp, thì bỗng nhiên mưa gió đổ xuống, thác nước ùn ùn tuôn xuống hòa lẫn bùn, nhầy nhụa, và cây cối gãy đổ ngay khu vực cắm trại, khiến mọi người trở tay không kịp. Nguyên do vì vấn đề phá rừng để làm khu vực trượt tuyết trước đây khiến mưa lũ đã tràn ngập, không có gì ngăn giữ được nên thảm kịch trên đã xảy ra.

● **BOB HAWKE**, 57 tuổi, cầm đầu đảng Lao Động tại Úc đã tái đắc cử nhiệm kỳ 3. Sau khi thực hiện 1 số cải cách xã hội như giảm ngân sách quốc phòng xuống dưới 1% tổng sản lượng quốc gia, - tức cắt bớt chừng 2 tỷ \$US - để đáp qua các dịch vụ xã hội an sinh. Đảng Lao Động của Hawke thăm dò thấy chắc chắn đánh bại đảng Tự Do đối lập của John Howard, nên Hawke đã quyết định cho bầu cử sớm hơn hạn kỳ. Sau 19 ngày vận động Hawke và đảng Lao Động đã thắng lớn và tiếp tục nắm quyền qua nhiệm kỳ 3.



Bob Hawke và Vợ tuổi cưới sau khi thắng cử.

● **TRÊN 42 NĂM** sau khi thế chiến thứ 2 chấm dứt với khoảng đường dài 280 dặm từ Đông Bá Linh tới nơi

sinh đẻ của Honecker, Tổng bí thư Đảng CS Đông Đức, nhưng Honecker đã không trở về thăm được nơi chôn nhau cắt rốn. Nay sau khi chính sách mở cửa của Gorbachow, Tổng bí thư cộng đảng Sô Viết, được tung ra Honecker đã được phép đến anh cho trở về thăm quê cũ. Theo chương trình vào 9/87, Honecker sẽ viếng thăm Tây Đức, ghé Bonn 2 ngày sau đó về thăm quê ở Saarland, và cũng ghé nơi sinh của Karl Marx ở Trier.

● **TÌNH HÌNH TRUNG ĐÔNG CĂNG THẲNG** với các vụ tấn công các tàu dầu không kể quốc tịch của quân đội Iran làm giá dầu trên thị trường thế giới đã tăng cao kể từ cuối tháng 7/87 và còn có triển vọng tăng nữa.

● **TRONG 40 NĂM QUA DÂN SỐ VIỆT NAM** tăng gấp 3. Nếu theo mức độ này vào 2000 thì dân VN ở con số 90 tới 100 triệu. Mới đây một cơ quan quốc tế do Liên Hiệp Quốc bảo trợ sẽ có dự án xây một nhà máy chế tạo "áo mưa" tại Sài Gòn: mỗi năm sản xuất 70 triệu cái, và phát không cho bà con cô bác - để chống dế.

● **HƠN 1 TRIỆU NGƯỜI** đã tham dự đám táng 1 sinh viên bị đánh chết trong cuộc xô xát với cảnh sát ở Hán Thành, thủ đô Đại Hàn. Tổng thống Chun Doo Hwan đã cho cải tổ nội các với sự ra đi của Thủ tướng và 7 Tổng trưởng để chuẩn bị cho cuộc tổng tuyển vào năm tới.

● **MỚI ĐÂY NGUYỄN CỬ THẠCH**, ngoại trưởng của chính phủ CSVN tuyên bố, Chính quyền Hànội sẽ không gặp gỡ Sihanouk, lý do vấn đề Miên do người Miên giải quyết.

● **CHÍNH PHỦ ĐÀI LOAN** đang chuẩn bị cho phép dân chúng được liên hệ với họ hàng ở lục địa và có thể xin đoàn tụ.

● **LÃNH TU ĐỐI LẬP CỦA ĐẠI HÀN KIM DAE JUNG** đang làm cuộc thăm dò trước khi có quyết định ra tranh cử Tổng thống trong năm tới.

● **HÀNG NGÀN BÁC SĨ Ở TÂN ĐỀ LY** và các thành phố khác trong xứ ấn đã đình công đòi tăng lương và phụ cấp, mặc cho các bệnh nhân trong các bệnh viện thoi thóp nằm chờ bác sĩ.

● **CHỈ TRONG NỬA NĂM 1987**, số xuất nhập của Đại Hàn tăng dự 4 tỷ 15 \$US. Cho tới nay Đại Hàn đã xuất cảng xe hơi, đồ điện, thép và đồ

đet ra khắp thị trường thế giới. Kỹ nghệ Đại Hàn chỉ trong mấy năm qua đã phát triển tốt bậc.

● **NỮ DÂN BIỂU COLORADO PAT SCHROEDER**, 42 tuổi, đảng Dân Chủ Mỹ đang vận động ráo riết để được đảng đề cử ra tranh cử Tổng thống vào 1988. Năm 1984, Geraldine Ferraro, nữ dân biểu New York, đã được đảng dân chủ đề cử làm Phó Tổng thống; nhưng đã thất bại.

● **VÀI CON SỐ** về kinh tế của Tây Âu và Mỹ năm 1988 :

Thất nghiệp	Lạm phát	Mức tăng kinh tế.
US 6tr.4	4,6%	2,2%
T.Đức 8tr.5	2,5%	2%
Anh 9tr.7	4,0%	2,8%

● **HƠN 50 TRIỆU DÂN MỸ** đã theo dõi cuộc điều trần trước quốc hội Mỹ của Trung tá Oliver North về vụ Scandal Mỹ bán vũ khí cho Iran. Sau đó có cuộc thăm dò thì 67% do North thật sự ái quốc, 29% cho là anh hùng quốc gia và 26% muốn gã con gái cho.

● **MỚI ĐÂY TRONG PHIÊN TÒA Ở CHERNOBYL** đã đem ra xét xử các nhân viên có trách nhiệm trong coi lò điện nguyên tử ở Chernobyl. Như ta biết vào 26.4.86 lò nguyên tử đó phát nổ làm 31 người chết, 135.000 bị thương và hàng tỷ dollars vật chất hư hại. Các bí thư nhà máy, giám đốc điều hành án tử 10 năm tới 2 năm.

● **THỦ TƯỚNG ANIBAL CAVACO SILVA** của Bồ Đào Nha đã tái đắc cử với 1 số phiếu kỷ lục. Đảng Dân Chủ Xã Hội của ông đã chiếm 50,1% và chiếm 146 ghế trong số 250 ghế của quốc hội, kể đến đảng Xã Hội 20% 59 ghế, đảng Cộng Sản một trong những đảng lớn ở Bồ chỉ còn chiếm 12% tức 30 ghế. Sự chiến thắng của Silva là thành quả đạt được do những cải tiến xã hội sau khi Bồ được gia nhập khối thị trường chung Âu Châu. Bồ diện tích 91.531 km2 dân số 9 triệu 73 từng là một đế quốc với các thuộc địa ở Á, Phi và Mỹ Latin trong những thế kỷ trước đây.

● **XAVIER BEAULIEU**, 28 tuổi, người Pháp gốc Congo, đã bị tên không tặc Hussein Ali Mohammed Hariri 21 người Lebanon bắn chết trên chuyến bay của hãng hàng không Africa DC-10, phi trình từ Brazzaville (thủ đô

Congo) đi Paris, phi cơ đã hạ cánh ở phi trường Cointrin ở Genève Thụy Sĩ, để điều đình với tên không tặc và lấy nhiên liệu trước khi bay tới Beirut như ý của tên không tặc. Những cảnh sát Thụy Sĩ đã không chế được tên không tặc, chuyển bay lại tiếp tục...

● **THỦ TƯỚNG ẤN RAJIS GANDHI** đã thoát chết trong một vụ mưu sát khi đang duyệt qua đoàn quân danh dự để lên phi cơ chấm dứt chuyến viếng thăm Tích Lan. Một vệ binh danh dự Tích Lan đã dùng cán súng đập lên đầu Gandhi nhưng chỉ trúng vai không gây thương tích gì. Hung thủ bị bắt tại chỗ. Hơn 2 năm qua Ấn đã yểm trợ cho du kích quân sắc tộc Tamil nổi lên chống chính phủ Tích Lan đòi tự trị. Mới đây chính phủ Tích Lan đã phải chấp thuận một số đặc quyền cho sắc dân này, để mong cuộc nội chiến chấm dứt.

● **TÌNH HÌNH QUÂN SỰ** đã trở nên căng thẳng ở vùng vịnh Persian Trung Đông khi Mỹ quyết định gửi tàu chiến tới để hộ tống các tàu dầu của Kuwait, chống lại các vụ tấn công của Iran. Tàu Pháp cũng đã có mặt ở vùng biển này. Nguy cơ một trận chiến có thể xảy ra bất cứ lúc nào giữa tàu chiến Mỹ, Pháp và Iran.

● **VŨ NGỌC LONG**
30.07.1987





TIN TỨC

TIN PHẬT SỰ tại TÂY ĐỨC

TIN PHẬT SỰ THẾ - GIỚI

NHẬT BẢN

Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản được thành lập từ năm 1970 tính đến nay đã 17 năm tròn. Trong thời gian ấy, quý Thầy đến Nhật học rồi ra đi; về Việt Nam làm việc hay đi đến các nước Âu Mỹ để hành đạo; hiện tại ở Nhật chỉ còn 2 thầy. Đó là Thượng Tọa Thích Minh Tuyên và Đại Đức Thích An Thiên. Trong thời gian qua Thượng Tọa Thích Minh Tuyên đã cùng cố lại vấn đề tổ chức và thành lập một Công Đồng Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản, với thành phần như sau. Viên Giác xin giới thiệu đến các Phật Tử xa gần để tiện bề liên lạc.

Giáo Hội PGVNTN, Chi Bộ tại Nhật Bản vừa bầu lại thành phần lãnh đạo như sau :

Cố vấn chỉ đạo là Giáo hội (Chi Bộ) Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản Hội đồng cố vấn điều hành gồm có : Cụ Nguyễn Ngọc Diêu, ĐH.Võ Văn Tâm, ĐH.Nguyễn Văn Bé, ĐH.Nguyễn Xê

Hội đồng điều hành gồm có :
Thượng Tọa Thích Minh Tuyên (Chủ tịch), ĐH.Minh Hoàng (Phó Chủ tịch Nội vụ), ĐH.Bùi Văn Dũng (Phó Chủ tịch Ngoại vụ), ĐH.Minh Hoàng (Tổng thư ký), ĐH.Trần Thị Diệp (Tổng tài trợ).

Các Ủy viên trung ương gồm các ĐH.Nguyễn Sinh (Nghiên cứu), ĐH.Huyền Công Sinh (Giáo dục), ĐH.Minh Triết (Thanh Niên), ĐH.Phạm Hồng (Văn Mỹ Nghệ), ĐH.Nguyễn Thị Như Ngọc (Tài chính), ĐH.Võ Văn Thảo (Nghị lễ), ĐH. - (Tư thiên Xã hội) cùng các Ủy viên đặc trách vùng như sau : ĐH. - (Tokyo), ĐH.Nguyễn Văn Hòa (Saitama), ĐH.Thiện Khánh (Chi Ba), ĐH.Nguyễn Văn Bé (Kanagawa), ĐH.

Nguyễn Văn Xê (Gama), ĐH.Từ Quang Hầu (Ibaragi), ĐH.Minh Hưng (Tochi-gi), ĐH.Huyền Đức Trí (Kansai). Các Ủy viên đặc trách thị xã có : ĐH.Minh Hiến (Fujisa), ĐH. Trương Hoài Sơn (Kawasaki), ĐH. - (Omiya), ĐH.Phạm Hồng (Akishima), ĐH.Thiện Khánh (Chi Ba), ĐH.Võ Xuân Anh (Hamamatsu) và ĐH. Trần Thanh Liêm (Trưởng đoàn Thanh niên Phật tử), ĐH.Nguyễn Sơn Vũ (Trưởng đoàn Văn nghệ), ĐH.Trần Văn Sơn (Phó Trưởng đoàn).

Địa chỉ liên lạc tạm thời qua hộp thư của Đệ San Khương Việt Central Post Office Box, 1467, Tokyo JAPAN Tel.(03) 768-3989

BỈ QUỐC

Một phái đoàn hành hương gồm có 39 người do Đạo hữu Nguyễn Văn Văn hướng dẫn đến từ Bỉ quốc và đã lưu lại chùa Viên Giác từ 11 đến 13 tháng 7 năm 87, sau đó đi Bá Linh và Hamburg. Phái Đoàn đã về lại Bỉ ngày 17.7.87.

Mặc dầu không phải do chùa hay Niệm Phật Đường tại Bỉ tổ chức; nhưng đa số là những Phật Tử. Trong phái đoàn này có cả nhà báo Nguyễn Ang Ca và nhà thơ Phùng Hà cũng tham dự.

Phái Đoàn đã viếng thăm các thắng cảnh của 3 thành phố nói trên và rất hoan hỷ trên đường trở lại Bỉ quốc.

Hòa Thượng
THÍCH PHƯỚC HUỆ,
Viện chủ Viện Hoảng
Đạo GHPGVNTN tại Úc
Châu đang thuyết
pháp tại chánh điện
Chùa VIÊN GIÁC ở
Hannover, Tây Đức.
Người ngồi phía sau
là Đại Đức
THÍCH NHƯ ĐIỂN,
trụ trì VIÊN GIÁC Tự.

● Mùa hạ năm nay chùa Viên Giác đã có duyên lành đón được 3 vị khách Tăng đến từ Úc Châu và Mỹ Châu. Đó là Hòa Thượng Thích Phước Huệ, viện chủ Viện Hoảng Đạo GHPGVNTN tại Úc Châu, Đại Đức Thích Thông Hải, viện chủ Tu Viện Chơn Không tại Hawaii và Đại Đức Thích Quảng Chơn đến từ chùa Từ Quang San Francisco Hoa Kỳ.

Hòa Thượng đã ban bố nhiều thời pháp quý báu, chứng minh lễ phát nguyện quy y của quý Phật Tử trong các khóa học giáo lý tại chùa. Đại Đức Thích Thông Hải cũng đã mang năng âm từ Hạ Uy Di đi suốt âm tình người khắp Âu Châu và Đại Đức cũng đã thuyết giảng cho Phật Tử tham dự khóa giáo lý I, tối 29.7.87 tại chùa Viên Giác. Ai nấy đều hoan hỷ, tín nguyện, phụng trì.

Đại Đức Thích Quảng Chơn, một vị Tăng sĩ trẻ có rất nhiều biệt tài đã làm cho các học viên tham dự khóa giáo lý I từ 26 đến 31.7.87 rất khâm phục. Một người tu trẻ mang Đạo vào đời có 2 văn bằng cử nhân tốt nghiệp cùng một lúc tại Mỹ đó là cư nhân Tôn giáo tự giáo học và cư nhân tiếng Quang Thoại.

Đây là duyên lành mà chùa Viên Giác đã được đón tiếp chư tôn Hòa Thượng, chư Đại Đức trong thời gian qua.

● Ngày 24 và 25 tháng 7 vừa qua Niệm Phật Đường Phật Báo, dưới sự chủ trì của Ni Cô Thích Nữ Diệu Hạnh tại Emil Zeißstr. 8, 4924 Barntrup, Tel.05263-3601, đã làm lễ



khánh thành. Một cuộc lễ rước Phật tử Niệm Phật Đường cũ về Niệm Phật Đường mới đã được cử hành một cách trang nghiêm vào sáng ngày 25.7.87 với phường, với long, với lân cùng đoàn xe 30 chiếc diễu hành rước Phật qua thành phố Bamtrup và sau đó cung nghinh tôn tượng Đức Bốn Sĩ vào an trí tại Niệm Phật Đường mới. Buổi lễ khánh thành an vị Phật đặt dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Thiện Định, viên chủ chùa Pháp Hoa Marseille (Pháp) và Thượng Toạ Thích Minh Lê, viên chủ chùa Tịnh Tâm Paris cùng toàn thể chi Đại Đức Tăng Ni trong Chi Bộ GHPGVN TN tại Đức tham dự Đại lễ này. Buổi lễ có đông đủ Phật tử các nơi về tham dự.

● Chiều 25.7.87 Đại Đức Thích Như Điện đã có mặt tại Frankfurt để chủ lễ cũng như thuyết giảng giáo lý cho các sinh chỉ em hướng đạo Phật tử nhân kỳ cắm trại sinh hoạt tại đây. Buổi lễ đã quy tụ khoảng 50 đoàn sinh Phật tử của Hướng Đạo Việt Nam tại Tây Đức.

● Từ 26 đến 30 tháng 7 năm 87 khóa giáo lý Phật Pháp căn bản đã được khai giảng. Có 17 học viên chính thức và 10 học viên dự thính. Khóa II khai giảng từ 31.7 đến 4.8. 87 có 16 học viên chính thức và 15 học viên dự thính. Khóa III khai giảng từ 5 đến 9 tháng 8 năm 87 gồm có 30 học viên chính thức và 10 học viên dự thính. Các học viên đã học hỏi giáo lý, tụng kinh, tham thiền, trao đổi kinh nghiệm v.v... làm cho các buổi học trở nên sinh động và đặc biệt các khóa sinh tham dự các khóa giáo lý này giới trẻ chiếm 2/3 tỷ số tham dự. Vậy ai bảo "người lớn tuổi mới biết tu, còn trẻ tuổi thì chưa nghĩ đến Đạo".

Quý vị Giảng sư hướng dẫn gồm có : Đại Đức Thích Như Điện, Đại Đức Thích Quảng Chơn, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, Ni Cô Thích Nữ Diệu Ân và quý vị khách tăng cúng đã trợ giảng trong các khóa giáo lý này có sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Phước Huệ, Đại Đức Thích Thông Hải và Sư Cô Thích Nữ Như Hân.

Đây là một đại nhân duyên của Phật tử Việt Nam tại Tây Đức. Hy vọng rằng Hoa Sen chùa Viên Giác - hoặc cây Bồ Đề sẽ mọc lên và tỏa hương thơm ngát khắp trời Tây do



Đại Đức THÍCH QUẢNG CHƠN và Đại Đức TRÚ TRÌ VIÊN GIÁC TỰ.

các khóa sinh sau khi học các khóa giáo lý về lại địa phương mình truyền đạt đến mọi người.

● Chiều ngày 8.8.87 các vị kiến trúc sư, quý vị kỹ sư, những vị chuyên nghiệp về việc xây cất đã họp tại chùa Viên Giác để thảo luận và phân chia trách nhiệm trong việc xây dựng ngôi chùa Viên Giác trong ngày gần đây, sau khi đã có giấy phép chính thức của chính quyền cấp. Có nhiều vị Phật tử quan tâm về vấn đề này, nên đã hỏi thăm, đóng góp ý kiến v.v... xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của quý Đạo Hữu và kính mong quý Đạo Hữu xa gần hỗ trợ cho chương trình vận động xây cất của chùa theo như thư kêu gọi đăng trong số này cũng như đã gửi đến quý vị nhân kỷ lễ Vu Lan này.

Về việc xây cất có thể tiến hành trong năm nay. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị Phật tử, Đạo hữu xa gần trong những ngành chuyên môn xin ghi tên làm công quả tại chùa và thời gian có thể giúp tại chùa được, để ban hưng công có thể chia các ngành chuyên môn khi các công tác được bắt đầu.

Thư gửi về chùa xin quý vị ghi rõ cho những điểm sau đây : Tên họ, địa chỉ hiện tại, số điện thoại, ngành chuyên môn, có thể làm công quả giúp chùa được trong thời gian từ khi nào và kéo dài được bao lâu.

Chùa và ban hưng công sẽ có thư đến từng vị một sau khi đã phân công phân nhiệm, sau đó quý vị mới về chùa. Để tránh trường hợp 1 lúc về nhiều vị, nhưng lúc thì không có

vị nào và tùy theo từng chuyên môn một. Nên kính mong quý vị thông cảm cộng tác cho. Ngoài ra chùa Viên Giác không phải chỉ xây dựng trong 1 vài năm, mà kéo dài nhiều năm tháng. Do đó quý vị có thể ghi tên công quả kể từ sau tháng 12 trở đi (trừ mùa đông từ tháng 1 đến tháng 4) và có thể cho biết trước từ 2 đến 3 năm.

● Vào lúc 2 giờ chiều ngày 16.8.87 Ban Tổ chức Đại lễ Vu Lan đã nhóm họp tại chùa Viên Giác. Có nhiều bà con Phật tử tại Hannover và vùng phụ cận về tham dự cuộc họp này.

TIN SINH HOẠT HỘI PHẬT TỬ

● FRANKFURT và thành lập một Chi Hội Phật Tử VN Ty Nạn

Vào ngày 21.6.87 đồng bào Phật tử tại Frankfurt và vùng phụ cận đã ngồi lại với nhau để thành lập Chi Hội Phật Tử VN Ty Nạn tại Frankfurt và vùng phụ cận, kết quả như sau :
Chi Hội Trưởng : H.Hà Văn Thành,
Chi Hội Phó : H.Trần Hữu Lương,
Thủ quỹ : H.Trương Thanh Hà, Thủ ký : H.Nguyễn Minh Văn, Văn hóa : H.Trương Văn Phước, Xế hội : gồm quý H.Chi Thái Gia Tiên, Chi Trần Hữu Lương, Chi Nguyễn Minh Văn, Chi Phạm Thị Cho.

Địa chỉ liên lạc : Chi Hội Phật Tử VN Ty Nạn tại Frankfurt và Vùng phụ cận, C/o Hà Văn Thành, Ben Gurion Ring 122, 6000 Frankfurt 56.

● MÜNCHEN sinh hoạt trại từ 17 đến 19.7.87 cho thanh thiếu niên và gia đình Phật Tử

Nhằm tạo cơ hội gặp gỡ cho thanh thiếu niên và gia đình Phật tử tại München và vùng phụ cận, một số thành viên của Chi Hội Phật Tử München đã tổ chức một buổi sinh hoạt cuối tuần tại địa điểm cắm trại ở Oberschleissheim. Nội dung gồm những buổi nói chuyện và thảo luận, sinh hoạt thể thao, trò chơi, văn nghệ và đốt lửa trại. Hai đề tài thảo luận là : "Nguồn gốc và huyền thoại trong lịch sử dân tộc Việt Nam" do ông Nguyễn Thanh Liêm thuyết trình và "Những vấn đề chung của Thanh Thiếu Niên Việt Nam trong đời sống thường nhật tại CHLB Đức" do ông Nguyễn Khắc Tiến Tùng phụ trách.

TIN SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

VOVINAM - VIỆT VÕ ĐẠO
ĐẠI PHONG TRÀO ÂU CHÂU
Hamburg, ngày 17.7.87, Đại Phong trào Âu Châu VOVINAM - VVD đã khai mạc tại Haus der Jugend Jenfeld Ham-burg với sự tham dự khoảng 100 môn sinh (đặc biệt có 5 môn sinh ngoại quốc) đến từ Hòa Lan, Thụy Sĩ, Bỉ, Pháp, ... và Đức. Nhằm mục đích tạo sinh khí tinh thần đoàn kết hướng về Quê cha - Đất tổ trong chiều hướng tạo niềm tin và phát huy Văn hóa cổ truyền Dân Tộc. Đại gia đình VOVINAM VIỆT VÕ ĐẠO đã sinh hoạt và phát triển trong nhiều năm qua tại Âu Châu và tạo được niềm tin ở lớp tuổi thanh thiếu niên và đông bào tỵ nạn tại hải ngoại.

Theo thông lệ hằng năm vẫn có những cuộc sinh hoạt trại vào mùa Đông. Ngày giỗ Tổ Hùng Vương và giỗ Tổ Môn Phái. Đặc biệt năm này Trại Hè Quyết Tiến 87 được tổ chức tại Hamburg (đáo hạn 3 năm 1 kỳ).

Chương trình sinh hoạt được thực hiện qua cuộc cắm trại ngoài trời, thi đua văn nghệ, thể thao, võ thuật và các trò chơi trẻ em dân tộc.

● **KHOA V. KHAI NGUYỄN** : Khảo sát đạo đức của môn sinh trong quá trình ôn văn luyện võ, thi thăng cấp lên đai cho các môn sinh ưu tú.

● **ĐÊM VĂN NGHỆ HƯỚNG VỀ QUÊ HƯƠNG**
được tổ chức vào lúc 18 giờ ngày 25.7.87 tại Hội trường Audi Max trung tâm Hamburg với sự tham dự của đông đảo đồng hương và quan khách Đức. Trong đêm văn nghệ này ngoài sự trình diễn của các nghệ sĩ chuyên nghiệp như Quốc Anh, Tài Lương, Lê Hà đến từ Pháp và Phương Mai từ miền Trung Đức, còn có các màn Ca Vũ dân tộc và trình diễn võ thuật. Lịch sử Việt Nam được sống lại qua màn hoạt cảnh cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng trong Đêm Mê Linh.

Trại Hè Quyết Tiến 87 của Đại Phong Trào Âu Châu VOVINAM - VIỆT VÕ ĐẠO đã thành công rực rỡ và kết thúc bằng buổi lễ giảng khóa huấn luyện viên đầu tiên hết sức trang nghiêm vào lúc 20 giờ ngày 29.7.87.

Trong buổi lễ này, các môn sinh ưu tú được nhận bằng tốt nghiệp khóa V Khai Nguyễn và được Võ sĩ trưởng thất đai mới, trong đó có cả môn sinh ngoại quốc. Ngoài ra các môn sinh còn được nhận những giải thưởng sinh hoạt đồng đội hoặc cá nhân xuất sắc về thành tích văn nghệ, báo chí, thể thao, v.v...

Mặt khác các phụ huynh và thân hầu tham dự lễ bế mạc còn được thưởng thức một chương trình văn nghệ bổ túc tại Trại không kém phần đặc sắc do các môn sinh ưu, thiếu tự biên tự diễn. (Chu Bảo vt)

ĐOÀN THANH NIÊN THIÊN CHÍ TÂY ĐỨC

Giữa lúc tình hình thế giới và Việt Nam có rất nhiều biến chuyển thuận lợi cho khối người Việt quốc gia. Mặt khác cũng nhiều vấn đề mà cộng đồng người Việt hải ngoại phải đối đầu. Để cứu vớt nền kinh tế thui chột của chế độ CSVN hàng loạt cán bộ văn hóa, tuyên truyền, kinh tài đã được Hà Nội tống ra hải ngoại. Để tuyên truyền, quấy phá và vắt những "con bò sữa" tỵ nạn. Riêng tại Tây Đức sau đại hội tháng 9/86 của lũ Cộng con ở hải ngoại. Cộng Sản đã tung ra kế hoạch kinh tài, du lịch về Việt Nam một cách mạnh mẽ.

Để đáp lại những trở phỉnh lừa này và làm sáng danh bốn chữ "tỵ nạn chính trị" của khối người Việt tỵ nạn tại Đức nói riêng và thế giới nói chung. Một số thanh niên Việt tỵ nạn tại Tây Đức gồm nhiều khuyh hướng chính trị, tôn giáo, đoàn thể khác nhau đã quyết định ngồi lại với nhau và một đoàn thể mới đã ra đời mang tên Đoàn thanh niên thiên chí Tây Đức, nằm trong hệ thống Tổng đoàn thanh niên thiên chí Hoa Kỳ.

Vào ngày 4.7.87 tại một hội trường thuộc thành phố Frankfurt với sự hiện diện của trên 100 người đa số là thành phần trẻ, cũng như đại diện của nhiều tổ chức, hội đoàn tại Tây Đức. Hơn 20 thanh niên đồng phục áo xám nhạt, quần đen lên sân khấu trình diễn trước đông đảo. Cùng thành phần Ban Chấp hành của Đoàn. Sau phần trình diễn anh Nguyễn Văn Tân, Đoàn trưởng đọc một bài diễn văn ngắn nói về lý do và mục đích ra mắt của đoàn. Kế tiếp đó là anh Ngô Quốc Sĩ đại diện Tổng đoàn TNIC

từ Hoa Kỳ sang, đã trình bày trước cử tọa vấn đề Tuổi trẻ Việt Nam hiện nay ở trong nước và hải ngoại. Sau bài thuyết trình là phần thảo luận đã gây rất nhiều sôi nổi với sự đóng góp ý kiến rất nhiều cử tọa về tuổi trẻ và vấn đề đấu tranh chống Cộng Sản.

Sau đây là thành phần Ban Chấp hành của Đoàn Thanh niên thiên chí Tây Đức :

Đoàn Trưởng : Nguyễn Văn Tân, Phó Đoàn Nội Vụ : Nguyễn Văn Chung, Phó Đoàn Ngoại Vụ : Nguyễn Đức Huy, Tổng Thư Ký : Nguyễn Phước, Thủ Quỹ : Trần Khắc Bút.

Ngoài ra còn một số khối chuyên môn như xã hội, liên lạc, báo chí v.v..

Buổi lễ ra mắt đã kết thúc vào lúc 18 giờ cùng ngày sau khi toàn thể đồng bào dự phần tiệc trà và văn nghệ đấu tranh do anh em trong đoàn phụ trách. (Chính Phương ghi)

ỦY BAN QUỐC TẾ YÊM TRỢ VIỆT NAM TỰ DO - Comité International Pour Un Vietnam Libre (CIVL)

Ngày 30 tháng 6 năm 1987 Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đã đến chùa Viên Giác, gặp gỡ Thầy Trụ Trì cúng nài quý Phật Tử tại đây nói chuyện thân mật trong vòng 4 tiếng đồng hồ về các hoạt động của Liên Minh Dân Chủ do Giáo sư là Chủ tịch.

Công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam khởi ách độc tài của Cộng Sản Hà Nội phải thực hiện 3 việc song song nhau : một là tổ chức đấu tranh trong nước, hai là tư tổ chức ngoài nước để yêm trợ cuộc đấu tranh trong nước và ba là vận động quốc tế giúp đỡ cho công cuộc quang phục Tổ Quốc.

Ở điểm ba, một tổ chức mang tên là Comité International Pour Un Vietnam Libre (CIVL), tiếng Việt là Ủy Ban Quốc Tế Yêm Trợ Việt Nam Tự Do đã được vận động từ năm 1982, nhưng mãi đến năm 1986 mới thành tựu. Buổi họp đầu tiên được tổ chức long trọng vào ngày 4.12.1986 tại Bruxelles. Quốc kỳ VN - cơ vàng ba sọc đỏ - và quốc kỳ Bỉ đã được treo ở chỗ danh dự. Đến ngày 2.12.1986 đã có hơn 40 nhân vật Tây phương tên tuổi và có kinh nghiệm chính trị đứng tên trong Ủy Ban Danh Dự của CIVL. Chủ tịch của Ủy Ban là một người Bỉ, ông Paul Vankerkhoven nguyên Dân biểu Nghị hội Âu Châu. Có 3 điểm đáng ghi nhận của Ủy Ban này là :

1/ Chủ tịch là một người Bỉ, mà không là một người Mỹ, Pháp, Nhật hay Anh, và thế Công Sản không thể chấp mĩ cho Ủy Ban là một công cụ của đế quốc hay tân thực dân muốn trở lại Việt Nam.

2/ Sự tham dự của những chính khách Tây phương có tên tuổi nói lên sự chấp nhận tham dự của họ trong cuộc đấu tranh cho Việt Nam vì lý tưởng Tự Do.

3/ Khi có những tiện đấu tranh, Ủy Ban sẽ không dành riêng cho một cá nhân hay đoàn thể, mà sẽ phân phối cho tất cả đoàn thể có hoạt động bên trong Việt Nam trong tinh thần Dân Chủ để đương đầu với Công Sản Hà Nội và khi thành công thì phải chấp nhận chế độ Dân Chủ Tự Do.

Việc làm cụ thể của Ủy Ban hiện nay là :

* mỗi thật đồng người Việt Nam gia nhập làm hội viên hay ủng hộ viên của Ủy Ban.

* mỗi người Việt Nam tham dự Ủy Ban nên cố mời thêm người ngoại quốc mình quen biết gia nhập với tư cách hội viên hay ủng hộ viên.

Địa chỉ liên lạc : C.I.V.L.

C/o Yves - Léo Van Onsem, Rue P. Lancswoert 2, 1150 Bruxelles.

(xin đọc thêm bài "Quốc man đêm mùa buổi với G.s. Nguyễn Ngọc Huy của Vũ Ngọc Long trong số này) (TTH)

ỦY BAN PHAN NHẬT NAM

Nhài nhiều văn nghệ sĩ khác, nhà văn Phan Nhật Nam hiện đang bị bao quyền tước đoạt tự do và mất quyền sáng tác. Nhằm tranh đấu cho nhà văn Phan Nhật Nam và toàn thể các văn nghệ sĩ Việt Nam đang mất tự do dưới chế độ Công Sản, một Ủy Ban Phan Nhật Nam đã được thành lập ngày 11.4.1987, theo văn thư của Ủy Ban Phan Nhật Nam đề ngày 16.6.1987 Trong văn thư này có ghi rõ mục tiêu của Ủy Ban Phan Nhật Nam là một tổ chức do người Việt Nam xây dựng, hoạt động hoàn toàn vô vụ lợi và mục tiêu là việc vận động người Việt Nam tỵ nạn, người ngoại quốc, các tổ chức văn học hay nhân quyền Việt Nam và quốc tế cùng tranh đấu trên mọi diễn đàn để buộc bao quyền Việt Công phải chấm dứt chính sách đàn áp văn nghệ sĩ và đòi chúng phải trả tự do cho các văn nghệ sĩ Việt Nam.

Giải thưởng đầu tiên trong năm 1987 đã được trao cho tác phẩm "Tù Bình và Hòa Bình" của nhà văn Phan

Nhật Nam. Đây là giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Quốc Khánh Việt Nam do MIQTINGHVN thiết lập kể từ 1987 trong mục tiêu đề cao và phát huy giá trị của Văn Học Nghệ Thuật và tranh đấu chống bao quyền Việt Công trên địa hạt Văn Hóa.

Địa chỉ liên lạc : Ủy Ban Phan Nhật Nam, Văn Phòng sáng lập
C/O Hoàng Đức, Vennfelderstr.27,
4150 Krefeld, West Germany. (tt)

ỦY BAN QUỐC TẾ TRẦN VĂN HÁ TỔ CHỨC HỘI THẢO VỀ VIỆT NAM

Một cuộc Hội thảo Quốc tế quy mô về Việt Nam sẽ được tổ chức vào cuối thu năm 1987 tại Paris. Cuộc hội thảo này do Ủy Ban Quốc Tế Trần Văn Há đề xướng và thực hiện, Chủ tịch là ông Trần Văn Tông. Ủy Ban mang tên TRẦN VĂN HÁ, một anh hùng Quốc gia kháng chiến, bởi lẽ gương hy sinh của liệt sĩ Trần Văn Há và hai mươi anh hùng kháng chiến qua vụ án tháng 12 năm 1984 là 1 thông điệp đánh dấu một khúc quanh quan trọng trong công cuộc quang phục Tổ Quốc Việt Nam.

Mục tiêu của cuộc Hội thảo Quốc tế về Việt Nam là tạo diễn đàn đầu tiên trong quy mô có tầm mức Quốc Tế để vận động công luận về vấn đề Việt Nam; để chính giới các nước dân chủ có dịp cùng nhau say ngẫm bài học Việt Nam hầu thiết lập một chiến tuyến chặt chẽ ngăn chặn sự bành trướng của Công Sản độc tài. Rất nhiều chúng nhân Việt Nam và quốc tế uy tín từng đảm nhận trong trách trọng cuộc chiến ở Việt Nam vừa qua đã nhận lời tham dự. Địa điểm tổ chức Hội thảo sẽ là Trung Tâm Hội Đàm Quốc Tế ở Paris, nơi đã ký Hiệp Định Paris 1973.

Ngoài ra để yểm trợ cho Ủy Ban "Hội Người Việt hỗ trợ UBQTIVB", Chủ tịch là Luật sư Nguyễn Đức Khê, Cựu Tổng Trưởng Ngoại Giao hiện cư ngụ tại Pháp, đã ra văn thư và phiếu kêu gọi hưởng ứng góp nhân và tài lực cho UBQTIVB để tổ chức cuộc Hội thảo nói trên.

Địa chỉ liên lạc : LIVINA
5A, rue Camille Des Moulins, 94230 Cachan - France. DT. (16-1)46649185 (16)21624735

(LIVINA là chữ Pháp viết tắt của HTVN của UBQTIVB : Ligne des Vietnamiens Nationalistes pour le Soutien du Comité International TRAN VAN HA) (NAC)

NGÀY BIỂU DƯƠNG CHỐNG CÔNG SẢN VÌ PHẠM NHÂN QUYỀN VÀ GÂY CHIẾN

2.9.1987 tại thành phố Québec.
Theo tin của Liên Hội Người Việt Canada, văn thư ngày 20.7.87 từ Montréal cho biết một cuộc hội nghị thường định của các nước thuộc khối nói tiếng Pháp sẽ được tổ chức tại thành phố Québec vào 3 ngày 2, 3, 4.9.1987. Vào dịp này, phái đoàn công sản Việt Nam do Nguyễn Cơ Thạch cầm đầu sẽ tham dự cuộc hội nghị nói trên.

Nhân dịp này, Liên Hội Người Việt tại Canada sẽ phối hợp cùng các Hội Đoàn người Việt quốc gia tại Québec tổ chức ngày biểu dương 2.9.87 tại thành phố Québec, nhằm tố cáo tội ác và vạch trần âm mưu lường gạt của Công Sản Việt Nam.

Mọi yểm trợ tài chánh cho chiến dịch này xin gửi qua địa chỉ sau : Công đồng Người Việt tại Canada/ Vùng Montréal (Quý Biểu Dương) 6338 Avenue Victoria, Phòng 16, lầu 2 Montréal (Québec), H3W 2S5. DT. (514) 340-9630.

Địa chỉ liên lạc : Liên Hội Người Việt Canada, C.P.501, Succursale Brossard, Québec, Canada J4Z 3P9.

TIN CAP ANAMUR

THÔNG TƯ THÁNG 6/1987 CỦA ỦY BAN CAP ANAMUR

Trong thời gian qua Ủy Ban Cap Anamur đã phổ biến thông tư tháng 6 /1987 đến mọi người hỗ trợ Ủy Ban. Ngoài việc tường trình diễn tiến hoạt động chuyên Cap Anamur III vượt thuyên nhân tỵ nạn tại biên Đông cho đến thời gian trên, tờ thông tin do Tiên Sĩ Rupert Neulock ký tên cũng đã tường trình những chiến dịch của Ủy Ban đang thực hiện tại A Phú Hấn, Nam Phi, Mosambik, Uganda Nam Sudan, Tachad, Somalia. Trong thông tư này Ủy Ban Cap Anamur cũng muốn trình bày những nguyện vọng và ước mong của Ủy ban cho những chiến dịch khác. Đối với vấn đề Việt Nam, Ủy ban đã ngỏ ý muốn thành lập một bệnh viện tại Việt Nam, và dự án này Ủy ban đã trình cho chính quyền Hà Nội gần đây nay, nhưng chính quyền Hà Nội vẫn còn do dự. (Trích dịch mục II, trang 2 của Thông tư).

II. Ủy ban đã ngỏ ý muốn xây 1 bệnh viện tại Việt Nam
"Hành động nhân đạo thì không bị

trởi buộc bởi ý thức hệ, đảng phái, khuynh hướng. Quan trọng nhất là : khi người ta đang lâm vào khốn khó tận cùng, thì đừng hỏi tại sao họ đang lâm vào tình trạng ấy. Nền kinh tế của Việt Nam hiện bị kiệt quệ tận cùng. Chúng tôi sống còn tệ hơn trong thời chiến" câu nói mà những người đến thăm Việt Nam cũng như những du khách ở Việt Nam thường nghe đến. Sự gượng gạo toàn diện đã làm cho chết chóc và sợ hãi tràn lan; đã khiến nghị sĩ Quốc Hội giáo sư Winfried Pinger đến Việt Nam thăm dò để chúng ta có thể giúp đỡ nhân đạo đến người Việt Nam hữu hiệu và nhiều hơn - dù rằng Việt Nam với 200.000 binh sĩ vẫn chưa rút ra khỏi Cam bốt.

Gần một năm Ủy ban đã đưa dự án muốn thành lập 1 bệnh viện cho chính quyền Hà Nội; - người ta nên biết rằng, dân chúng không nhận được thêm nhiều sự giúp đỡ nhân đạo và y tế, vì chính quyền này do dự ..."

Ngoài ra trong Thông tư, Tiên si Neudeck cảm ơn sự hỗ trợ của mọi người qua mọi hình thức. Đồng thời Ủy ban cảm thấy có trách nhiệm đặc biệt cho hơn 6000 thuyền nhân Việt Nam, Ủy ban đã vượt đũa sang Đức, nên Ủy ban chuẩn bị thành lập một Trung tâm Việt Nam tại Bonn.

Địa chỉ liên lạc : Komitee CAP ANAMUR, Kupferstr. 7, 5210 Troisdorf.

TIN TỔNG HỢP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CAP ANAMUR QUA BÁO CHÍ

• Frankfurte Allgemeine Zeitung Thứ tư ngày 8.7.1987
Tàu "Cap Anamur III" đã vượt được 905 thuyền nhân Việt Nam tỵ nạn ở biên Đông và đã đến Oschituti với 214 thuyền nhân trên tàu. Cuối tháng 7 tàu này mang cơ Pháp sẽ cập bến Le Havre. Pháp nhận 786 người, Tây Đức 31 người - 25 đến tiểu bang Niedersachsen và 6 người đến tiểu bang Saarland. Thụy sĩ nhận 25 người Áo dành 28 chỗ. Ông Neudeck đã phê bình các tiểu bang cũng như chính quyền Tây Đức về sự thu nhận ít ỏi thuyền nhân Việt Nam tỵ nạn ...

Theo ông trong năm tới dự tính cho "Cap Anamur IV" hoạt động có thể thực hiện. Nhưng ông vui mừng "khi chiến dịch vượt người chết đuối trên biển trong năm tới sẽ không là trách vụ của chúng tôi nữa". Ông hy vọng rằng, Việt Nam sẽ tạo cơ hội để Ủy ban có thể tự xây dựng dự án cứu trợ ngay trong nước. Về vấn đề

này Việt Nam đã đặt điều kiện là Ủy ban hãy ngừng những chuyến vớt người ngoài biển.

• Süddeutsche Zeitung

Thứ bảy và Chủ nhật 25,26.7.87
Tàu Rose Schiaffino đã cập bến Rouen ở Pháp với 228 người Việt tỵ nạn. Trong số này có 110 phụ nữ và trẻ em. Theo nguồn tin của Ủy ban Cap Anamur số người này sẽ được 5 nước Tây Đức, Pháp, Áo, Thụy Sĩ và Ý nhận tỵ nạn.

TIN VỀ CHIẾN DỊCH CHỐNG NHỮNG ÂM MƯU CỦA CHÍNH QUYỀN HÀ NỘI

MÜNCHEN THƯ NGỎ CỦA NGƯỜI VIỆT TỴ NẠN TẠI BAYERN GỢI CQ TIỂU BANG

Trước chiến dịch dụ dỗ người Việt tỵ nạn về thăm nhà của CSVN, vào ngày 5.6.87 tại München, người Việt tại München đã thành lập một "Ban liên lạc tạm thời chống chiến dịch VC dụ dỗ người Việt tỵ nạn về thăm nhà". Được biết thành viên của Ban liên lạc tạm thời này gồm đại diện các tổ chức, hội đoàn, tôn giáo của cộng đồng người Việt Nam tỵ nạn Cộng Sản tại Bayern. Mục đích của Ban nhằm chống lại âm mưu của Cộng Sản đang đánh động tình yêu gia đình, quê hương nơi người Việt tỵ nạn cũng như dụ dỗ với giục những người thiếu suy xét, về tin về thăm nhà qua chiến dịch gọi là "Du lịch Việt Nam" mà những tổ chức tay sai CSVN hiện đang phát động.

Phương thức hoạt động của Ban gồm những điểm :

- * Thu thập tài liệu, tin tức, dữ kiện cũng như nhân chứng có liên quan đến nội vụ.
- * Phổ biến, quảng bá sâu rộng những tin tức đã thu lượm được (sau khi đã gạt lọc và kiểm chứng) đến người đồng hương để vạch rõ âm mưu và hậu quả nguy hại của chiến dịch "Du lịch Việt Nam" do CSVN chỉ mưu.
- * Làm thư ngỏ, xin chữ ký của người đồng hương gửi lên Bộ Nội Vụ tiểu bang Bayern, đồng thông báo Bộ Nội Vụ Liên Bang để xin điều tra và có biện pháp thích nghi đối với những tổ chức xúi giục người tỵ nạn du lịch bất hợp pháp.

* Có những buổi nói chuyện ngắn có tính cách đột xuất, hoặc tổ chức những cuộc tiếp xúc "bỏ túi" với đồng bào trong những sinh hoạt của các hội đoàn.

Đến nay thư ngỏ gửi đi ngày 12.6.87 đã được Dr. Zitzelsberger trong hội đồng tư vấn Bộ Nội Vụ tiểu bang Bayern, thừa lệnh ông Bộ Trưởng tiểu bang LANG phúc đáp ngày 30.6.87. Nội dung cho biết Chính quyền rất hoan hỷ ghi nhận những vấn đề nêu trong thư ngỏ. Vì vấn đề này không chỉ ở Bayern mà còn có liên hệ đến những tiểu bang khác và Chính quyền liên bang, nên sự cuối xét những yêu cầu trong thư ngỏ đòi hỏi nhiều thời gian. Sau khi cuối xét xong họ sẽ phúc đáp. Cho đến thời gian ấy họ mong người Việt tỵ nạn hãy kiên nhẫn chờ đợi.

Ngoài ra tin từ phía người Việt tỵ nạn tại Bayern cho biết, nhân viên an ninh Đức đã mời 2 người Việt tỵ nạn đến thăm vấn vì bị tình nghi là tham gia chiến dịch "Du lịch Việt Nam" do CSVN tổ chức cũng như đã về thăm Việt Nam trong thời gian qua.

Hai sự kiện trên chứng tỏ rằng Chính quyền Đức đã quan tâm đến nội vụ một cách sốt sắng.

Riêng về phía người Việt tỵ nạn tại Bayern thì tư khi có những cuộc vận động cũng như tiếp xúc của Ban, quý Cô Bác Anh Chi Em rất là phấn khởi, đồng loạt tích cực đóng góp ý kiến và đều ngỏ ý quyết tâm tẩy chay vạch trần âm mưu "Du lịch Việt Nam" do CSVN chỉ mưu muốn phá thế tỵ nạn chân chính và bòn tiền của người Việt tỵ nạn ở hải ngoại để duy trì Chế độ Cộng sản. (HD)

ANH QUỐC 21 NGƯỜI VIỆT NAM TỴ NẠN VỀ NƯỚC BỊ BẮT GIAM

Vào lúc 4 giờ sáng ngày 26.6.87, 21 người Việt tỵ nạn tại Anh Quốc về thăm Việt Nam đã bị bắt giữ khi vừa xuống phi trường quốc tế Heathrow, 20 km Tây Nam thủ đô Luân Đôn. Những người này đã tham dự chiến dịch "Du lịch Việt Nam" do các tổ chức tay sai của Cộng Sản Việt Nam ở Anh tổ chức; họ đã rời Anh ngày 19.5.87 và khi trở lại Anh số người này được chia làm 3 nhóm, nhóm 1 đi từ Osaka (Nhật), nhóm 2 đi từ Kuala Lumpur (Mã Lai) và nhóm 3 đi từ Vọng Các (Thái). Lâu nay cảnh sát Anh đã

theo dõi hệ thống đưa người về Việt Nam qua chiến dịch "Du lịch Việt Nam" của Việt Cộng nên lần này 21 người Việt nói trên bị bắt giữ ngay khi bước chân xuống máy bay.

Đây không phải là lần đầu, mà cách đây một tháng, có 2 người Việt Nam khác trên đường rời Anh Quốc về Việt Nam cũng đã bị cảnh sát Anh bắt giữ, câu hỏi thêm vấn đề cho đến ngày nay. (TTH-Anh).

PARIS NGƯỜI VIỆT TẠI PARIS XUỐNG ĐƯỜNG TÂY CHẠY CƠ SỞ KINH TÀI CỦA VIỆT CỘNG

Ngày 6.6.87. Để chống lại những âm mưu kinh tài của GSN do tay sai ở hải ngoại làm trung gian; các hội đoàn và đồng bào tại Paris đã thức hiện một số công tác lên án và tẩy chay 2 cửa hàng của Cộng Sản Hà Nội tại Paris là VINA và VIETNAM DIFFUSION. Những người có ý định vào 2 cơ sở này để gửi tiền, gửi hàng... sau khi được giải thích không những bỏ ý định mà còn tham gia vào việc phát truyền đơn và giải thích cho những người đến sau. Việt Cộng yêu cầu cảnh sát đến giải tán, nhưng trước thái độ bất bạo động và tinh thần hòa nhã của đồng bào xuống đường, nhân viên cảnh sát đã biểu đồng tình và cho phép đồng bào tiếp tục phổ biến truyền đơn kêu gọi.

Ngày 13.6.1987, công tác này lại được tiếp tục; khí thế sôi nổi và đồng bào hưởng ứng nhiều hơn. Thấy thế, nhân viên của cơ sở Vietnam Diffusion tức lên, cho người dùng gậy sắt và bình hơi cay đánh tạt vào đồng bào. Cảnh sát đã bắt tạm giữ 4 người hành hung của tiệm để điều tra với đầy đủ tang chứng.

Ngày 20.6.87, lúc 16 giờ có hơn 300 đồng bào đã tụ họp trước 2 cơ sở kinh tài của Việt Cộng là VINA Paris và Vietnam Diffusion để tổ cáo và lên án hành động đánh người của chúng, đồng thời xác định thái độ cương quyết đấu tranh tẩy chay các cơ sở kinh tài của Việt Cộng và đòi hỏi nhà cầm quyền phải đóng cửa tức khắc 2 cơ sở sào huyệt này của Việt Cộng.

Sau đó các đoàn thể tại Paris đã quyết định thành lập một Ủy Ban Vận Động Chống Âm Mưu Kinh Tài của VC, đại diện cho Ủy Ban là anh Trịnh Long Hải và dự định sẽ tổ chức một phiên họp với các hội đoàn

tại Pháp ngày 27.6.87 để tăng cường những dữ kiện đã xảy ra cũng như phối hợp hành động chung trong công tác này.

Ngày 27.6.87, một buổi họp các hội đoàn đã diễn ra tại quận 13 Paris. Sau khi phân tích những âm mưu kinh tài của VC cùng hoạch định một số việc làm cụ thể, 33 hội đoàn tại Pháp đã ra tuyên cáo chung chống âm mưu kinh tài của VC cũng như quyết định chọn ngày thứ bảy 5.9.87 là Ngày Vận Động Chống Âm Mưu Kinh Tài VC. Trong ngày này, đồng bào và các hội đoàn khắp nơi đồng loạt tổ chức những hình thức vận động nhằm tố cáo lên án, tẩy chay những âm mưu kinh tài của VC.

Trước sự kiện này, VC tại Paris đã lúng túng tung ra một số truyền đơn tiếng Việt lẫn Pháp để bôi nhọ chiến dịch chống họ, hầu gây hoang mang đồng bào cũng như lừa bịp người bản xứ. Điển hình là trong Đoàn Kết (báo Cộng ở Tây) số tháng 7 năm 1987, trang 5 có đăng thư ngỏ của Việt Nam Diffusion và VINA Paris gửi khách hàng tựa là "Không nên tiếp tục không khí chiến tranh" để chiêu dụ khách hàng. Tựa thì thế nhưng trong nội dung lại có câu "Chúng tôi không gây sự với ai. Nhưng chúng tôi cũng không để cho ai dọa mình". Lời nói này là một cách khùng bô tinh thần những ai không làm ăn với họ và đe dọa những người chống họ. (TTH-Paris).

THÔNG BÁO

"BÌNH MINH, - VẤN ĐỀ HỘI NHẬP QUA LĂNG KINH CỦA NGƯỜI TỶ NẠN".

Đây là chủ đề của giải thi nhiếp ảnh do tổ chức "Deutsche Flüchtlingshilfe Bonn e.V." dự định tổ chức. Đức ngữ là "Morgendammerung-Flüchtlinge sehen ihre Integration" Điều kiện:

Tất cả người tỵ nạn hiện đang cư ngụ tại Tây Đức đều có quyền tham dự.

Thể lệ:
Mỗi dự thi viên gửi về 3 tấm hình chụp trắng đen hoặc màu. Kích thước nhỏ nhất là 13 x 18cm và lớn nhất là 30 x 40cm. Mặt sau mỗi bức hình chụp xin ghi rõ tên, họ, địa chỉ của nhiếp ảnh gia; trường hợp cần thiết cũng có thể ghi vài dòng giải

thích ý nghĩa bức ảnh minh chụp.

Hạn chót: gửi hình chụp dự thi là 31 tháng 8 năm 1987

Giải thưởng gồm có: Nhất, nhì, ba; cũng như nhiều giải khuyến khích khác cho những hình chụp có ý nghĩa đặc biệt riêng.

Những hình chụp trúng giải sẽ được triển lãm tại Bonn trong mùa thu 1987 và rồi sẽ được luân chuyển triển lãm ở nhiều thành phố khác trong khuôn khổ cuộc triển lãm lưu động. Đồng thời một tạp chí lớn ở Đức sẽ đăng những hình chụp trúng giải này.

Địa chỉ liên lạc:
Hình chụp xin gửi qua địa chỉ sau: Deutsche Flüchtlingshilfe Bonn e.V. Colmarstr. 5 - 5300 BONN

Trên bì thư xin ghi rõ "Fotowettbewerb Morgendammerung". Mọi chi tiết về điều kiện tham dự cũng như liên quan đến cuộc thi xin liên lạc qua địa chỉ trên.

GIỚI THIỆU

● 5 NĂM SAU : ĐỒNG HOÀ, HỘI NHẬP, CỎ LẬP

Quyển sách này ghi lại kết quả tham cứu khoa học của Đại học Konstanz liên quan đến việc hội nhập của người tỵ nạn Đông Dương tại Tây Đức. Việc tham cứu này do G.s. Kantowsky hướng dẫn 15 trường hợp khảo cứu về tiến trình hội nhập của người tỵ nạn Đông Dương trong bối cảnh nước Đức để được thực hiện và in trong tác phẩm này, 1 bộ 2 quyển. Trong việc tham cứu, ngoài sự đóng góp của các giảng sư và sinh viên còn có sự tham dự của người tỵ nạn cùng nhân viên các phòng công tác xã hội giúp họ. Qua việc tham cứu này một số đề nghị cho những công tác hội nhập của nhóm người tỵ nạn Đông Dương đã được thực hiện, và những đề nghị này cũng có thể có giá trị đề ứng dụng cho những nhóm người tỵ nạn khác. Ngoài ra công trình này giúp cho sự cải thiện cũng như tiếp phát triển những mô thức hội nhập hiện đã có đồng thời là tài liệu cho các cơ quan công quyền, những văn phòng chánh phủ cũng như cho các tổ chức bảo trợ các phòng công tác xã hội tương ứng và cộng sự viên của họ.

Việc nghiên cứu này do Hội Từ Thiên "Deutscher Caritasverband Freiburg" bảo trợ và đỡ đầu.

Địa chỉ liên lạc : Deutscher Caritasverband e.V., Abteilung Eingliederungshilfe, Referat Flüchtlings- und Aussiedlerhilfe, Postfach 420, 7800 Freiburg i. Br.

● QUYỀN DAN VIỆT Y KHOA TỰ ĐIỂN do Đạo Hữu Đảng Văn Nhân biên soạn.

Viên Giác vừa hân hạnh nhận được quyển DAN VIỆT Y KHOA TỰ ĐIỂN do Đạo Hữu Đảng Văn Nhân biên soạn, gửi tặng. Xin trân trọng giới thiệu quyển sách này đến với quý đồng hương xa gần. Địa chỉ liên lạc : Đảng Văn Nhân, Hallandsparken 150, 2630 H. Tastrup-Danmark. Tel. 02992174

● NHẠC HỘI THU 87 tại Stuttgart.

Ngày thứ bảy 3.10.1987, tại Stadthalle Herrenberg, 7033 Herrenberg, cạnh Stuttgart từ 16 đến 24 giờ. Với sự góp mặt của các nữ danh ca Khánh Ly, Thanh Thủy và Nữ hoàng Disco tại Mỹ Thu Thủy và ban nhạc trẻ V.V.N. Dortmund.

Liên lạc và đặt vé trước tại Vũ Nguyễn, Reichenbergerstr. 77, 7032 Sindelfingen 1. Tel. 07031/34896 (chiều tối và cuối tuần). Vé vào cửa : 20EM.

● HỘI QUÁN DA VÀNG tại HỒNG THÁP TỰ, Ursulinenstr. 22, 6600 Saarbrücken

. Hội Quán Da Vàng là nơi gặp gỡ của quý đồng hương từ bốn phương.

. Hội Quán Da Vàng là môi trường thích hợp cho các ban trẻ yêu thích văn nghệ có dịp biểu diễn và phát triển tài năng.

. Đến Hội Quán Da Vàng để chia sẻ nỗi lòng viễn xứ qua khung cảnh âm cúng diệu tình quê hương.

Mở cửa từ 16 giờ đến 2 giờ sáng vào các ngày thứ bảy sau : 1.8., 22.8., 5.9., 3.10., 17.10., 31.10., 7.11., 28.11.87.

Có các món ăn và giải khát thuần túy Việt Nam. Vào cửa tự do.

Đặc biệt ngày khai trường 1.8.87 rã mặt BAN NHẠC TRẺ DA VÀNG miền SAARLAND.

Địa chỉ liên lạc : Nguyễn Văn Thanh, Hauptstr. 46, 6635 Schwalbach. Tel. 06834/52986.

Tiếp theo trang 72

CUỘC MẠN ĐÀM...

Vì thực ra như ông biết kho vàng ở ngân hàng quốc gia có 6 chìa khóa do 6 người giữ, thiếu một trong 6 chìa thì không thể nào mở được, mà lúc đó ông Nguyễn Văn Hào nhất định không trao chìa khóa, nên số vàng rớt cuộc đã về tay Cộng Sản. Ngoài ra giáo sư Huy cũng phải nhận tin tức do báo chí loan đi hồi năm ngoái là ông nhận lãnh làm Thủ tướng trong chính phủ lưu vong do ông Thiệu và phe nhóm ông đứng ra thành lập. Giáo sư Huy cho rằng một chính phủ lưu vong xét ra trong lúc này không hợp thời, vì một chính phủ lưu vong phải có được sự công nhận của nhiều quốc gia trên thế giới và phải có một thực lực, chứ không chỉ làm một trò cưỡi mà thôi. Chúng tôi cũng nêu vấn đề kinh tài của Cộng Sản đối với Cộng đồng người Việt tỵ nạn và nhất là những trình du lịch về Việt Nam mà cán bộ Cộng Sản ở hải ngoại đang phát động hiện nay. Giáo sư Huy cũng đồng quan điểm với chúng tôi về sự nguy hại cho uy tín người tỵ nạn vì chúng ta luôn luôn tự nhận mình là tỵ nạn chính trị - không thể sống chung với Cộng Sản được phải bỏ xứ ra đi - nay chúng ta lại tiếp tay cho Cộng Sản bòn mót ngoại tệ, và lại còn công khai về Việt Nam nữa, thì những việc làm này, là tự chúng ta phải nhận tư cách tỵ nạn chính trị của mình vậy. Qua phần cuối của cuộc mạn đàm, chúng tôi có một vấn đề đưa ra về chiêu bài chống CSVN của các đoàn thể quốc gia ở hải ngoại trong 12 năm qua : là vấn đề tự do và nhân quyền ở Việt Nam xét thấy không tạo hấp lực nhiều với thế giới và ngay với cả khối người tỵ nạn Việt Nam ở hải ngoại nữa. Tại sao chúng ta không thay đổi chiêu bài như "chống Liên Xô củi mốc" vì thực tế hiện nay Việt Nam là một tỉnh huyện của Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết. Thảo luận về vấn đề này giáo sư Huy cho rằng theo ông chiêu bài tranh đấu cho tự do của chúng ta vẫn có giá trị và vẫn được dân chúng tán trợ.

Trước khi từ giả chúng tôi để lên đường tiếp tục một buổi nói chuyện thứ 3 ở vùng Trung Đức, giáo sư Huy có tâm sự rằng : cuộc tranh

đấu của chúng ta còn rất nhiều cam go và đòi hỏi tinh thần hy sinh của mọi người chúng ta, không vì những khó khăn mà chúng ta buông tay nắm cho thời cơ đưa đây ... và nhất là bao nhiêu người yêu chuộng tự do trên thế giới đang sẵn sàng tiếp tay cùng chúng ta. Một sự kiện cụ thể là Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do đã được ra đời ... không lẽ chúng ta nắm chờ sung rụng.

● VŨ NGỌC LONG
Mannheim 27.6.87

NHẮN TIN

● Ai biết địa chỉ Ông Bà LA QUANG KỶ, trước ở đường Thành Thái (Chợ Lớn) tỵ nạn sang Tây Đức vào năm 1980, hiện ở đâu, xin vui lòng liên lạc với :

Ông Bà ĐẶNG VĂN ĐÌNH (trước ở Barmethnat) nay ở : 26 rue de la Cuve, Bruxelles 1050, Belgique.
Đa tạ

● Cháu TRẦN VĂN YẾN
Mẹ ruột Lê thị Nhuận ở Việt Nam. Năm 1983 Cháu ở trại Rappertshofen 23, 7410 Reutlingen. Nay Cháu ở đâu liên lạc với Cậu Nguyễn Hiệp, Am Steingarten 5/6, 6800 Mannheim 1. Tel.: 0621-303525

Vì số trang của VIÊN GIÁC có giới hạn, trong khi đó bài vó của quý văn, thì hữu gửi về quá dồi dào, nên VIÊN GIÁC rất tiếc phải gác lại một số bài. Kính mong quý Văn, Thi hữu thông cảm và niệm tình hy thứ cho.

Chủ đề VIÊN GIÁC số 41 sẽ là:
* Hoài niệm VUA LAN,
* Người Phát Tử VN tỵ nạn đối với Dân Tộc và Đạo Pháp,
* Những bài dự thi của trang Thiếu Nhi.

Tòa Soạn VIÊN GIÁC

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong phân Hộp Thư Viên Giác số trước chúng tôi có đề nghị quý độc giả muốn nhận báo Viên Giác tiếp tục, xin cắt "Phiếu Nhận Báo" gửi lại chùa để chúng tôi tiện việc kiểm kê số độc giả. Đã có một số vị lưu tâm; nhưng con số ấy quá ít, so với 2.500 độc giả hiện gửi báo. Vậy kể từ số này trở đi. Nếu vị nào vì lý do gì đó không gửi lại chùa "Phiếu Nhận Báo" tức nhiên chúng tôi được phép xem như quý vị không có ý nhận báo Viên Giác nữa. Quý vị nào đã gửi "Phiếu Nhận Báo" lại chùa rồi. Xin khỏi gửi nữa.

Ngoài ra những chùa, Hội Phật Giáo, Hội Đoàn, Tổ Chức v.v... chúng tôi sẽ tiếp tục gửi báo biểu đến quý vị. Quý vị khỏi gửi "Phiếu Nhận Báo" trở lại chùa.

Xin chân thành cảm ơn quý vị và kính mong quý vị cộng tác cho.

Trong thời gian qua, Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của quý vị và tổ chức, hội đoàn dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những sáng tác của Văn, Thi Hủu gửi về, chúng tôi đã chuyển đến ban đọc và chọn đăng. Xin cảm ơn và mong đón nhận thêm những sáng tác mới.

T.T.NGA (Pforzheim), B.B.PHƯƠNG (Santa Ana), U.B. PHAN NHẬT NAM (Krefeld), T.C.S.H., T.T.T.C. DIỄN (Houston Mỹ), L.T.THANH TRANG (Nordhorn), Tổ Chức NHÂN QUYỀN (Hannover), H.T.DŨNG (München), V.V.MAI (Norden), H.V.THANH (Frankfurt), P.C.HOÀNG (Bremen), Dr.R.NEUBECK (Cap Anamur), VOVINAM-VIETVODAO (Hamburg), N.P.D.PHAT BẢO (Barntrop), L.Đ.CHÂU (Hannover), N.V.THUẬT (Schwäbisch Hall), Hướng Đạo VN tại TÂY ĐỨC (BCH), Đ.V.HÙNG (Hamburg), BỬU THỌ (Bỉ), MINH HIẾU (Gießen), P.H.SAU HỒNG NHIÊN (Lingen/Ems), Deutscher Caritasverband Freiburg, M.T.Q.G.T.N.G.P.V.N. Xứ Bộ Tây Đức (Poing), T.N.PHONG (Hamburg), APPLE Computer GmbH (Hamburg), C.B.NGUYỄN (Hamburg), N.HÒA (Hamburg), G.H.P.G.V.N. T.N. Chi Bộ Nhật Bản, T.P.LIỀU (Saarburg), U.B.YÊM TRỢ V.N.TỰ DO (Bỉ), QUANG KÍNH (Hannover), NHƯ HUYỀN (Núi Ước), PHONG HÙNG L.N.NGHĨA (Pforzheim), Liên Hội Người Việt CANADA (Canada), PHƯƠNG HÀ (Bỉ), L.T.B.NGA (Canada), P.T.NGÂN HÀ (Mỹ), POLITIK-Information (Bonn), Ủy Ban Chống Âm Mưu Kinh Tài V.C. (Paris), VNQD Đang/HN/PKYB (Dorsten), H.T.DŨNG (München), N.ANG CA (Bỉ), N.D.TRU (Oberhausen), CHINH PHƯƠNG (Lichtenstein), CHU BẢO (Hamburg), Prof-Dr.Detlef Kantowsky (Konstanz), Trend DATA (Hannover), N.T.LE (Saarbrücken), N.V.CHUÔNG (Karlsruhe), Arbeiterwohlfahrt Bundesverband e.V. (Bonn), V.B.CỤ (Sindelfingen), Đ.Đ.T.QUANG BA (Úc), Đ.V.HÙNG (Hamburg), Bà N.DAN (Bonn), Bà THANH NGUYỄN (Genève), Komitee Cap Anamur (Köln), V.Q.DUNG (Lilienthal), Đ.T.HIẾU (Karlsruhe), NGUYỄN K. (Đan Mạch).

Ngoài ra trong thời gian qua chùa Viên Giác đã nhận được những kinh, sách, báo chí của các chùa, các tổ chức, các hội đoàn khắp nơi gửi về biểu. Viên Giác xin thành thật cảm tạ và xin trân trọng

Phiếu nhận báo

Tôi tên là

Pháp danh (nếu có).....

Địa chỉ:

Tel. (.....)

Xin tiếp tục nhận báo VIÊN GIÁC do quý vị chú trưởng. Và kèm theo đây số tịnh tài ủng hộ báo VIÊN GIÁC là:.....

XIN CẮT PHIẾU NÀY VÀ GỬI VỀ CHÙA VIÊN GIÁC

gửi thiệu đến các độc giả xa gần.

TÂY ĐỨC : Vidi Informationsdienst Nr.4+5/87; Liên Đăng Cách Mạng Việt Nam - VNQDD; Entwicklung und Zusammenarbeit số 6/87; Viethamb số 21; Về Nguồn - Thơ Hà Phước Thảo; Làm thế nào để kiên toàn định hướng cho nền Văn Hóa Việt Nam Hải Ngoại; Das Beste Nr.7+8/87; Độc Lập số 6+7/87; Woche im Bundestag Nr. 8+9/87; Viễn Đông số 15; Politik-Information aus Bonn số 2+3/87; Dân Chúa số 62+63; Développement et Coopération Nr.3/87; Tây Đức Kiều Báo số 168+169; Aufnahme und Eingliederung von Vietnamesen in Baden-Württemberg; Đức Việt số 2; Măng Non số 27; Vietnam Diêm Báo số 3/87; Nguồn Thật số 6+7; Cao Đài Giáo Lý số 3; Cẩm Thông số 26; Development and Cooperation Nr.4/87. **PHÁP** : Lời Chúa số 80+81; Kháng Chiến số 64+65+66; Ái Hữu số 62; Khánh Anh số 34; Quê Mẹ số 82+83. **BỈ** : Tuệ Giác số 7; Vượt Sóng số 55+56+57. **ANH** : Giác Quang số 4. **HOA KỲ** : Phật Giáo Việt Nam số 60/87; Phật Đản 2531 Chùa Hoa Nghiêm; Ch'an Newsletter số 60; Giao Chỉ số 4+5; Tự Do Dân Bản số 19+20; Ch'an Magazine; Nguồn Sống 9+10; Nguồn Đạo số 14; Bản Tin Phật Giáo số 2. **CANADA** : Pháp Âm số 13; Lửa Việt số 74 và số 1+2 Bộ Mới; Liên Hội số 19; Bulletin Nr.3/87; Tập San Tử Ân số 16; Dân Quyền số 106; Lá Thư Bồ Lão số 34; Liên Hoa số 55. **ÚC** : Phật Giáo Việt Nam bộ mới số 1; Bản tin Vạn Hạnh số 2/87. **ĐÀI LOAN** : Hiện Đại Phật Giáo số 73+74; Trung Ngoại số 373+374. **SÁCH** : Betonamu Kara Kita Seishoyo - Tác giả Hồ Thy Kiều - Xuất bản tại Nhật. The Nature of Reality (Hoa Kỳ); Die politische Entwicklung in Gesamtvietnam 1975 bis 1982 - Tác giả Dr. Âu Dương Thê (Tây Đức). Manual of Zen Buddhism - Tác giả D.T. Suzuki. Der Buddhismus. Cẩm Nang Trai Hè Hùng Vương 87 (Hòa Lan). Vietnam Heute - Độc Lập Zentrum (Đức). Xuất gia công đức (Hoa Kỳ); Tự Diên Y Khoa Đan Mạch-Việt Nam - Tác giả Đặng Văn Nhâm (Đan Mạch); Tập san Thi Ca tập 5 (Đức). Luận Đại Trưởng Phu (Hoa Kỳ); Con Đường Tu Tắt (Hoa Kỳ).

BẢO VIÊN GIÁC

ĐH Can(Speyer)200M.ĐH Nguyễn Đào(Wuppertal)300M.ĐH Bùi Liên(Bi)500FB.ĐH Trần Thọ Tuấn(Berlin)200M.ĐH Phạm Đăng Anh Tuấn(Kassel)200M.ĐH Nguyễn Quế Hồng Thị Giồng(Hannover)200M.ĐH Nguyễn Hoài Can(Köln)200M.ĐH Hữu Nguyễn Thị Tuyết Hồng(Frankfurt)500M.ĐH Ngô Hữu Mừng Chi(Oberhausen)200M.ĐH Đặng Thị Nga(Hòa Lan)200M.ĐH Ngô Đình Quốc(Düsseldorf)200M.ĐH Đức Nhân Võ Thị Hồng Hoa(Bad Soden)200M.ĐH Huỳnh Hiền(Wilhelmsaven)200M.ĐH Bùi Hạnh Nghi(Frankfurt)1000M.ĐH Hồ Chí Hòa(Pháp)1000FB.ĐH Huỳnh Trọng Hiếu(Würzburg)300M.ĐH Thâm Say Vả(Ahaus)200M.ĐH Huỳnh Văn Dân(Emmendingen)300M.ĐH Lâm Hồng Phúc(Gifhorn)200M.ĐH Huỳnh Bá Thuận(Ratingen)100M.ĐH Nguyễn Duy Ang(Essen)200M.ĐH La Hùng Linh(Neu Rum)200M.ĐH Nguyễn Thị Thu Hương(Einden)200M.ĐH Ân danh(Hannover)400M.ĐH Hữu Thiện Luân Nguyễn Phước Hí(Göttingen)140M.ĐH Nguyễn Trí+ĐH Nguyễn Tú(Usingen)200M.ĐH Lâm Thị Kiều Thanh(Rengsdorf)200M.ĐH Mã Thị Kim Hồng(Nettetal)200M.ĐH Phan Văn Tú(Bremen)100M.ĐH Lê Ngọc(München)100M.ĐH Nguyễn Thanh Phong(Kamen)200M.ĐH Trần Thế Hùng(Hamburg)100M.ĐH Nguyễn Ái(Bochum)100M.ĐH Kim Uyên(Essen)200M.ĐH Hoàng Thị Sen(Ludwigshafen)200M.ĐH Đinh Thị Hồng Thu(Ravensburg)100M.ĐH Trần Văn Nam(Pforzheim)100M.ĐH Nguyễn Văn Quan(Wuppertal)200M.ĐH Nguyễn Thị Kim Cúc(Immenhausen)200M.ĐH Bùi Hữu Chưởng(Edewecht)200M.ĐH Hồ Thị Ngọc Hát(Hamburg)200M.ĐH Trần Thiện Thảo(Paderborn)300M.ĐH Trần Hồ(Thụy Điển)100Kr.ĐH Phạm Hữu Minh(Lampertheim)500M.ĐH Hồ Tự Đức(Recklinghausen)200M.ĐH Trùng Hồng Hiếu(Wahlstedt)200M.ĐH Thị Minh Văn Công Trâm+Thị Vân Hồ Thị Kiều(Borken)500M.ĐH Đặng Anh Dũng(Aachen)200M.ĐH Huỳnh Nam Hải(Pforzheim)200M.ĐH Vũ Văn Cú(Stuttgart)100M.ĐH Huỳnh Vĩnh Phát(*)300M.ĐH Nguyễn Quốc Đình(Herten)200M.ĐH Phương Thế Ngọc(Đan Mạch)100Kr.ĐH Hạnh Ngọc Lê Thị Meo(Essen)200M.ĐH Vương(München)200M.ĐH Ngô Văn Sang(Hamburg)200M.ĐH Trần Thị Mẫu Đón(Đan Mạch)100M.ĐH Bùi Xuân Thao(Bühlenthal)200M.ĐH Trần Khánh Liên(Dingolfing)100M.ĐH Tô Mạch Tô Trinh(*)100M.ĐH Thị Nhân Đoàn Thị Thu Hạnh(Gifhorn)200M.ĐH Từ Hùng Trần Phong Lưu(Saarburg)200M.ĐH Trương Phát(München)500M.ĐH Cao Văn Hòa(Regensburg)200M.ĐH Trương Phước Đức(Pháp)200M.ĐH Nguyễn Thị Cúc(Freiburg)200M.ĐH Lê Thị Nhung(Hòa Lan)250Gulden.ĐH Hà Thị Tú(Fürth)200M.ĐH Huỳnh Minh Tân(SaarLouis)200M.ĐH Trần Đăng Thanh(Karlsruhe)500M.ĐH Phạm Doãn Đường(Mannheim)500M.ĐH Nguyễn Văn Dật(München)200M.ĐH Mach Trước Khung(Friedrichshafen)100M.ĐH Hữu Trinh Trong Hiếu(Emden)200M.ĐH Huỳnh V. Văn(Bi)500FB.ĐH Diệu Hương Phạm Thị Vân(*)FB 1.000.ĐH Huỳnh Thị Công Dung(*)1.000FB.ĐH Bảo Hữu Đức(*)700FB.ĐH Trần Kim Ngọc (Bad Homburg)200M.ĐH Trần Tiên Siêu(Hamburg)200M.ĐH Nguyễn Hiền(Aachen)200M.ĐH Nguyễn Ang Ca(Bi)100M.ĐH Tăng Phát Dâu(*)100M.ĐH Nguyễn Kiệt(Aachen)100M.ĐH Trương Cảnh(Friesoythe)200M.ĐH Phạm Minh Phương(St. Augustin)100M.ĐH Phạm Thị Diệu Anh(Wiesbaden)100M.ĐH Duy Uy Nguyễn(Brüll)100M.ĐH Diệu Bửu(Canada)200Can.ĐH Bùi Trần Thị Lai(Thụy Sĩ)20FS.ĐH Đỗ Thị Dung(Frankfurt)300M.ĐH Huỳnh Thế Mỹ(Hamburg)100M.ĐH Nguyễn Kiệt(Đan Mạch)300M.ĐH Võ Đức Tiên(Hòa Lan)250Gulden.ĐH Hữu Phan Văn Hồng(*)10 Guld.ĐH Ông Thái Thanh(Loffenau)500M.ĐH Trang Văn Tấn(Scheidegg)200M.ĐH Lan Glover(İdar Oberstein)200M.ĐH Trương Văn Mãn(Lahr)200M.ĐH Đào Văn Dũng(Waldkirch)200M.ĐH Lê Văn Tú(Pháp)1000FB.ĐH Lý Nguyệt Thuởng(Bonn)100M.ĐH Chúc(Canada)100Can.ĐH Lê Thị Bạch Nga(*)200Can.ĐH Châu Thanh Quang(Regensburg)100M.ĐH Diệu Hoà(Bi)500FB.ĐH Diệu Đào(*)500FB.ĐH Trịnh Văn Thìn(Essen)300M.ĐH Trần Văn Quang(Pforzheim)400M.ĐH Võ Thị Nhân(Y)10.000 Lire.ĐH Trần Nguyễn Khôi(Rheini)200M.ĐH Lê Đức Viêm(Đan Mạch)

200Kr.ĐH Nguyễn Thị Doãn(Düsseldorf)200M.ĐH Trần Chí Lý(Emmingen)200M.ĐH Cao Văn Hòa(Regensburg)200M.ĐH Huỳnh Minh Tân(SaarLouis)200M.ĐH Võ Hữu Trí(München)500M.ĐH Ngô Xuân Lang(Pháp)1000FB.ĐH Phạm Hữu Huy(Regensburg)200M.ĐH Lý Thanh(Thụy Điển)200M.ĐH Huỳnh Hoàng Xuân Diệu(Aschaffenburg)1000M.ĐH Ngô Văn Khải(Bi)500FB.ĐH Huỳnh Thanh(Nettetal)200M.ĐH Huỳnh Trong(Mannheim)200M.ĐH Trịnh Bay(Münster)100M.ĐH Nguyễn Đức Trú(Oberhausen)200M.ĐH Bùi Thanh Thu(Neuss)200M.ĐH Hữu Dương Chánh Quân(Cloppenburg)300M.ĐH Lê Goff(Pháp)1000FB.ĐH Nguyễn Thanh Quang(Berlin)200M.ĐH Mai Hồng Nhung(Erlangen)100M.ĐH Nguyễn Kim Chi(Löningen)100M.ĐH Ngô Hoàng Phúc Nguyễn(Krefeld)100M.ĐH Trương Văn Sơn(Bi)500FB.ĐH Trần Văn Thắng(Hòa Lan)300M.ĐH Diệu Phụng Nguyễn Thị Lan(Thụy Điển)200Kr.ĐH Huỳnh Mỹ Hiền(WeiBeuthurn)50M.ĐH Trần Vũ Sáu(Uelzen)200M.ĐH La Văn Thống(Nordhorn)500M.ĐH Nguyễn Văn Hiếu(Üc)30.850M.ĐH Ngô Thị Tài Nguyễn(Wiesbaden)100M.ĐH Dương Tấn Thanh(Nordenstadt)200M.ĐH Lai Văn Phôi(Wuppertal)200M.ĐH Nguyễn Chí Quang(Berlin)300M.ĐH Lâm Văn Nam(*)300M.ĐH Phạm Văn Hùng(Bi)200M.ĐH Diệu Quang(Hoa Kỳ)20US.ĐH Diệu Quê(*)20US.ĐH Trần Thị Liên+ĐH Thái Phi Long(Đan Mạch)100Kr.ĐH Diệu Thiện Nguyễn Khắc Cảnh(München)200M.ĐH Trần Văn Minh(Hòa Lan)250Gulden.ĐH Lê Thị Minh Nguyệt(Saarbrücken)200M.ĐH Trịnh Thị Huỳnh(München)160M.ĐH Hoàng Văn Huy(Recklinghausen)250M.ĐH Phúc Úc)20 Oc kim.ĐH Lê Huy(*)20 Oc kim.ĐH Lê I. Hà(*)10 Oc kim.ĐH Trần Thị Huỳnh Mai(Pforzheim)200M.ĐH Huỳnh Ngọc Mạnh(Y)10.000Lire.ĐH Đặng Ngọc Trăn(Reutlingen)200M.ĐH Hồ Văn Tý(Bi)1.000FB.ĐH Lannes Nguyễn Thị Hiền(Pháp)500M.ĐH Dương Thị Gấm(Stuttgart)250M.ĐH Hữu Lê Bảo Đức(Pforzheim)200M.ĐH Phạm Trọng Nguyễn(Hamburg)200M.

Minh và cô Tu Nữ Tư Ngọc(Metta)hiện trú tại chùa này.T.T.và cô Tư Ngọc có giới thiệu về việc làm chùa Viên Giác tại Tây Đức,nên TT Phó Trụ Trì chùa Wat Paknam đã phát tâm cúng với các thí chủ người Thái cùng chùa Viên Giác Tây Đức một pho tượng Đức Bồ Đề Sư cao 2 thước 20 và 2 vị tượng Đại Đệ Tử của Đức Phật.Đó là Ngài Xá Lợi Phất và Ngài Mục Kiên Liên.2 tượng này cao 1thước 30.Tất cả các tôn tượng đều bằng đồng thếp vàng. Trị giá 150.000,00Bath chưa kể tiền chuyển chở tượng đã về cảng Hamburg ngày 22 tháng 8 / năm 1987.Hy vọng tượng sẽ về đến chùa Viên Giác trước ngày lễ Vu Lan năm nay.Công đức này xin hồi hướng lên ba ngôi Tam Bảo và nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho T.T.Thích G. Minh cũng như cô Tu Nữ Tư Ngọc(Metta) được vạn sự thắng ý.

Nam Hồ A Di Đà Phật.

AN CƯ KIẾT HẠ

ĐH Bửu Thọ(Bi)1.000FB.ĐH Thực Giác Trần M. Tân(Bremen)2000M.ĐH Diệu Hải+Diệu Minh(Gießen)500M.ĐH Quách Hạnh(Berlin)200M.ĐH Ân danh(Hannover)500M.

LỄ TRAI TẶNG

ĐH Nguyễn Đình(Aachen)500M.

CAP ANAMUR

ĐH Lê Thị Mùi(Hannover)300M.ĐH Lê Gia Tuyền(Hannover)200M.Sở tiền này chúng tôi đã chuyển về Konto của Cap Anamur số 222-222 2 Stadtparkasse Köln ngày 17 tháng 8 năm 1987.Quý vị ủng hộ Cap Anamur cũng có thể gửi về chùa để chúng tôi chuyển hộ quý vị.

ẤN TÔNG KINH SÁCH

ĐH Thiện Trí Trần Đình Thống(Heidelberg)300M.ĐH Võ Phước Nguyên(Una)200M.ĐH Lý Mỹ Quyền(Rotenburg)500M.ĐH Diệu Nhà Trần Thị Bạch(München)200M.

TÔN TƯỢNG ĐỨC BỒN SƯ

ĐH Simin Schäfer(Frankfurt)5000M.GĐĐH Müller(*)2000M.GĐĐH Võ Xuân Khôi và DH Võ Thị Tuyết cùng một bộ lư đồng trị giá 1.0000M.

TÔN TƯỢNG QUAN ÂM LỘ THIÊN

ĐH Bửu Thọ(Bi)2.000FB.ĐH Vĩnh Toại(*)2.000FB.ĐH Nghĩa Đỗ Huy(Neuss)2000M.ĐH Nguyễn Việt Hoa+ĐH Phạm Thị Hà(Bi)1.000FB.ĐH Đức Huệ(Aachen)500M.ĐH Nguyễn Đình(*)500M.ĐH Hữu Liễu Thái Hoa(Ravensburg)1000M.ĐH Đức Tiên Lannes Jacques+ĐH Minh Dung Trần Thị Thục (Bordeaux-Pháp)1.000FB.ĐH Quảng Hương+ĐH Hữu Quảng Đình(Ravensburg)5000M.ĐH Diệu Hiền Nguyễn Thị Kiêm(Laatzten)500M.

TƯỢNG PHẬT VÀ BỒ TÁT

Tôn Tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát Lộ Thiên, mẫu trắng,cao 2 thước rưỡi do quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần hùn phước thỉnh, nay đã về tại chùa Viên Giác, trông rất uy nghi và đầy lòng từ mẫn.Trong tương lai tượng này sẽ được an trí nơi hồ sen trong khuôn viên chùa Viên Giác mới.

Ngoài ra nhân chuyển viếng thăm các trại nạn tại A Châu,Đai Đức Thích Như Điện có ghé ở lại chùa Wat Paknam(Thái Lan)1 tuần lễ.Nói đây để gặp Thượng Toạ Thích Giác



Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử gửi tịnh tài về cúng dường chùa có thể gửi trong bao thư bằng lối thường hoặc bảo đảm.Ngoài ra quý vị cũng có thể chuyển qua ngân hàng với một trong 2 số Konto sau đây:

1) Congregation der Vereinigten Vietnamese - sischen Buddhistischen Kirche e.V. Konto Nr.865 74 70.BLZ 250 700 70 Deutsche Bank Hannover.

2) Pagode Viên Giác:Konto Nr.865 0228. BLZ 250 700 70.Deutsche Bank Hannover.

Nếu quý vị nào cúng dường riêng cho việc đình kỳ xây chùa xin chuyển vào số Konto thứ 1) Nhưng thêm phía sau 865 74 70 bằng số 01.Viết đủ sẽ thành:865 74 70 01.

Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử cúng dường cho chùa mỗi cuối năm muốn xin lại thuế tư chính phủ,xin cho chùa biết bằng thư hoặc bằng điện thoại để chùa sẽ gửi giấy khai thuế bằng tiếng Đức đến quý vị.Xin thành kính tri ân quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần đã nhiệt tâm hỗ trợ cho chùa Viên Giác lâu nay.Nguyễn cầu chư Phật gia hộ cho bửu quyến của quý vị được vạn sự kiết tường như ý.

Nam Hồ Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

PHÂN ƯU

Được tin Cụ thân sinh của Đại Đức Thích Quảng Ba, thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Đại Lợi là

Cụ NGUYỄN ĐẠI
Pháp danh TRÍ THIÊN
Sanh năm Giáp Dần (1914) đã xả
báo thân ngày 18 tháng 6 năm 1987
tức ngày 23 tháng 5 năm Đinh Mão
tại tỉnh Bình Định - Việt Nam
Hương thọ 74 tuổi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng Đại Đức cùng toàn thể gia quyến và nguyện cầu hương linh của Cụ Ông sớm cao đăng Phật Quốc.

- Chi Bộ GHPGVN Thống Nhất tại Tây Đức.
- Hội PTVN ty nạn tại Tây Đức và các Chi Hội trực thuộc.
- Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức, Chùa Viên Giác Hannover.
- Ban Biên Tập báo Viên Giác Tây Đức.

PHƯƠNG MAI

CỬA HÀNG THỰC PHẨM Á CHÂU

- Phân phối Sĩ và Lễ đủ các mặt hàng thực phẩm Á Châu
- Bán các loại trái cây, rau cải tươi, cá tôm đông lạnh v.v...
- Có đủ nước trái cây giải khát trong hộp

Ngoài ra :

- Cửa hàng chúng tôi có bán tranh sơn mài, phim Video và băng nhạc Cassette đủ loại
- Có nồi cơm điện, lòu điện đủ cỡ
- Có đủ loại cà phê, thuốc lá hảo hạng và nhiều mặt hàng của Âu Châu v.v...

Mở cửa từ thứ hai đến thứ sáu 10giờ - 18giờ
thứ bảy 9giờ - 17giờ
Đặc biệt mỗi tuần vào ngày
thứ năm mở cửa từ 9giờ - 21giờ

PARADE 27
5911 CA VENLO HOLLAND
Tel.: 077 - 15624

Giá cả phải chăng
KÍNH MỜI

CHIA BUỒN

Hay tin thân phụ của Anh MAI NGỌC SÁNG thất lộc ngày 30.7.1987 tại Việt Nam. Chúng tôi đồng thành thật chia buồn cùng Anh Chị Mai Ngọc Sáng, nguyện cầu hương linh của Cụ sớm tiêu điều nơi Phật Cảnh.

- Gia đình Nguyễn thành Nam (Stuttgart)
- Gia đình Ngô Văn Phát (Laatzen)
- Gia đình Bùi Văn Đức (Hameln)

CẢM TẠ

Chúng con xin thành thật tri ân Đại Đức Chi Bộ Trưởng Thích Như Điển

Chúng tôi xin thành thật cảm tạ

- Hội PTVNIN tại Tây Đức
- Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Viên Giác
- Hội Người Việt ty nạn CS tại Hannover
- Cùng tất cả thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần đã giúp đỡ, chia buồn và đã đến tiễn đưa, phúng điếu cũng như cầu nguyện hương linh của Chồng, Cha, Ông chúng tôi là :

Ông TĂNG NGŨ SƠN
từ trần ngày 21.06.1987
tại Hannover - Laatzen
hương dương 59 tuổi

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ xuất xin quý vị niệm tình tha thứ. (Số tiền phúng điếu của quý thân hữu xa gần chúng tôi đã dâng đến chùa Viên Giác để hồi hướng cho hương linh người quá vãng sớm cao đăng Phật Quốc).

Thay mặt tang gia đồng cảm tạ
Vợ Tử Thi Mối và các con, các cháu

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của anh chị Hoài Khê TỬ NGỌC PHONG báo tin lễ thành hôn của trưởng nam :

TỬ NGUYỄN TUẤN
đẹp duyên cùng cô
NGUYỄN KIM LAN

Hôn lễ cử hành ngày 15.8.87 tại Toronto Ontario - Canada.

Thành thật góp vui cùng anh chị Phong và cầu chúc cô dâu chú rể trọn đời hạnh phúc.

- Ban Biên tập báo Viên Giác
- Phù Vân, Hạ Long Vũ Ngọc Long, Vũ Nam, Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ VU LAN 2531 - 1987

tại Hannover từ ngày 4 đến 6 tháng 9 năm 1987

Thứ sáu ngày 4 tháng 9 năm 1987:

- 15:00 Lễ mãn hạ, tự tứ của chú Tăng Ni tại chùa
- 16:00 Ban Trai Soạn và Ban Tổ chức tập trung tại Jugendzentrum Hannover (Badenstedterstr. 41. Tel. 0511-445 835) và tại chùa Viên Giác Hannover; Eichelkampstr. 35A Tel. 0511-864638.
- 17:00 Các Gia Đình Phật Tử tập trung tại miêng đất mới của chùa để chuẩn bị cắm trại.
- 19:00 Cóm tối
- 20:00 - Chuẩn bị cho những ngày Đại Lễ tại Jugendzentrum
- Họp Ban Tổ Chức
- Thuyết pháp tại chùa.
- 24:00 Chi tịnh

Thứ bảy ngày 5 tháng 9 năm 1987:

- 06:00 Công phu khuya tại chùa, tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Các phái đoàn và cá nhân về chùa và về Bundesleitungszentrum Nord. Ferd-Wilhelm-Fricke Weg 2A, 3000 Hannover. Tel. 0511-18751. Lưu ý: (Xin đừng về thẳng Jugendzentrum như mọi khi).
- 10:00 - Lễ cầu siêu cứu huyền thất tổ - Dâng sớ cầu siêu (đọc trước một phần)
- Lễ Quy Y Tam Bảo tại chùa (Quý vị nào muốn quy y xin gửi danh sách, ngày, tháng, năm sanh và nơi sanh cũng như địa chỉ hiện tại về chùa trước ngày quy y để tiện việc viết phái).
- 11:30 Lễ tiến bạt chú hương linh quá vãng và cứu huyền thất tổ (Quý vị nào có thân nhân quá vãng thờ tại chùa, xin có mặt vào giờ này).
- 12:30 Ngọ trai
- 14:00 - Buổi thuyết pháp của Đại Đức Thích Như Điện tại Jugendzentrum
- Buổi họp của Hội Phật Tử VNTN tại Tây Đức, tường trình những thành quả trong thời gian qua và những hoạt động Phật sự trong năm đến.
- 15:30 Văn Nghệ cúng đường Đại Lễ Vu Lan Báo ân phụ mẫu tại Jugendzentrum - Badenstedterstr. 41, 3000 Hannover. Chương trình gồm có tụng cái lương Ni Cô (Quan Âm) Diệu Thiện do Chi Hội PTVNTN tại Hamburg thực hiện cùng với sự phụ diễn văn nghệ của các Chi Hội PTVNTN tại Tây Đức. (Vào cửa tự do)
- 18:00 Nghỉ giải lao và cơm tối
- 19:30 Bắt đầu phần 2 của chương trình văn nghệ
- 21:00 Chấm dứt chương trình văn nghệ và sau đó giải tán về lại chùa cũng như tại Bundesleitungszentrum để nghỉ.

Chủ nhật ngày 6 tháng 9 năm 1987:

- 06:00 Công phu khuya tại chùa, tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Di chuyển từ Bundesleitungszentrum về chùa để tham dự Đại Lễ
- 10:00 - Cử hành Đại Lễ Vu Lan chính thức
- Dâng sớ cầu siêu (đọc phần còn lại của ngày thứ bảy)
- Tụng kinh Vu Lan, báo ân phụ mẫu
- Lễ cài hoa hồng lên áo
- Lễ ra mắt Gia Đình Phật Tử Minh Hải (địa phương Norddeich)
- Phát phần thưởng cho những cuộc thi đua của trại và cho những vị tham dự các khóa Giáo Lý I, II, III được tổ chức tại chùa từ 26 tháng 7 đến 09 tháng 8 năm 1987 cũng như các vị Thọ Bát Quan Trai.
- 11:30 Lễ tiến bạt Cứu Huyền Thất Tổ và chú hương linh quá vãng thờ tại chùa. (Quý vị nào có hương linh thờ tại chùa xin có mặt vào giờ này)
- 12:00 Lễ cúng đường trai tăng, dâng tứ vật dụng
- 12:30 Ngọ trai của chư Phật Tử
- 15:00 Họp Ban Tổ Chức để kiểm điểm thành quả trong 3 ngày Đại Lễ
- 17:00 Thỉ thực cô hồn
- 18:00 Hoàn mãn



MỤC KIẾN LIÊN

CHÂN KINH BẢNG

Đều hiu gió bóng chiều rơi theo lá thu . Có
 đàn chim bay vẩn vơ chuông chùa xa đưa thuyền mẹ .
 Mục Kiến Liên đứng nhìn cảnh đêm dần tàn , nhớ
 mẹ xót xa tâm hồn. Bóng mẹ biết bay giờ đâu?
 Đây nói âm cung gió đưa tiếng sầu tê lòng. Đây nói đi
 nói mẹ ta đã đến tội thế . Diêm Vương , Diêm Vương hãy
 cho thân này phúc môn. Con đây con đây mẹ
 đi hãy thôi đi mẹ ! Nhưng thân ôi! con hòa thân .
 Lạy Phật ngài ban ơn lành . Mục Kiến Liên! Gió mang ánh
 vàng trời xói âm cung . Mục Kiến Liên! Cảnh sen trắng
 trong đìu thoa bao lòng . Mục Kiến Liên cúi đôi ơn
 ngài cầu đồ vong nhân . Mục Kiến Liên chúng con cớ
 nguyện noi từng bước vàng Mục Kiến Liên !

Trích từ tuyển tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử của Hàn Lệ Nhân
 sáng tác và sưu tập; chùa Khánh Anh Paris xuất bản năm 2.526 - 1982 .